

MẠC NGÔN
GIẢ BÌNH A
CAO HÀNH KIỆN

TẬP TRUYỆN

vh

HÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TẬP TRUYỆN

Dịch từ nguyên bản tiếng Hoa

TIỂU THUYẾT

do Bắc Kinh nh dân Xuất bản xã tuyển chọn, 1999

MẠC NGÔN - GIẢ BÌNH AO - CAO HÀNH KIỆN

TẬP TRUYỆN

LÊ BẦU dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

MỤC LỤC

MẠC NGÔN

	Trang
--	-------

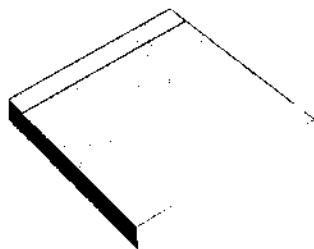
- | | |
|-------------------------|----|
| 1. Trồng cây chuối | 7 |
| 2. Củ cải đỏ trong suốt | 39 |

GIẢ BÌNH AO

- | | |
|-------------|-----|
| 1. Ông Thọ | 128 |
| 2. Đất cát | 138 |
| 3. Gió xoáy | 182 |

CAO HÀNH KIỆN

- | | |
|----------------------------|-----|
| 1. Ông thợ giấy và con gái | 261 |
| 2. Bạn | 270 |
| 3. Tai nạn | 285 |



TRỒNG CÂY CHUỐI

Trước khi ra khỏi nhà bà vợ buộc tôi phải thắt ca vát và mặc một bộ quần áo tây. Đạp xe trên đường vào lúc hoàng hôn, tôi cảm thấy như mọi người đều nhìn mình bằng cặp mắt kì dị, người ngựa ngáy như bị rắc lông trâu. Bước vào khuôn viên nhà khách thành uỷ, lẫn vào bóng tối của đám cây tuyết tùng, tôi vội vã tháo ca vát nhét vào túi, cởi bộ quần áo tây đem vò cho nhàu nhĩ, còn định bóc đất xoa vào dầy cho nó cũ đi, nhưng lại sợ khi về nhà bà vợ sẽ phát điên lên mất, nên đành cứ thế mặc vào, vẫn thấy ngượng nghịu làm sao ấy, song chẳng còn cách nào khác nữa.

Theo vệt ánh sáng âm u, bóng cây la đà của con đường nhỏ lát đá xanh củ đậu, tôi lần vào gian phòng sang trọng nhất ở tận trong cùng của tầng một khu nhà khách. Hôm nay phó ban tổ chức tỉnh uỷ Tôn Đại Thịnh thuê hẳn cả phòng số 5 khu nhà ăn phía tây ở tầng một của nhà khách này mở tiệc chiêu đãi chúng tôi - bọn bạn học từ thời trung học.

Khi nhận tin mình cũng được mời, tôi đang ở bãi chõa xe bên cạnh quảng trường rạp chiếu bóng đánh cờ chí chát với anh chàng Tần béo, chõa giày. Vợ tôi, cái con mụ khốn khổ đã bị giãn thợ ở xưởng *Péclông* từ mười năm về trước, hớn hà hớn hển chạy tới...

Tôi lôi con pháo lựu ở cánh trái vào và quát lên một tiếng:

- Tướng!

Sau đó mới ngẩng đầu lên, nhìn cái bị thít gọi là vợ tôi đang chạy tới, hỏi:

- Sao mà tắt tả thế? Nhà cháy hay bà bị cưỡng dâm?

Bà vợ cho tôi một cú đá, mắng:

- Đồ súc sinh! Làm sao mà không bao giờ nói được một câu tử tế?

Tần béo trợn mắt hỏi:

- Này cái ngòi pháo của cậu đứng đây từ bao giờ thế?

- Từ bao giờ? Thế anh bảo nó đứng đó từ bao giờ? Con pháo này của tôi nó vẫn nguyên đây, chỉ đợi con mã của anh nhảy đi nhường đường cho nó.

- Đâu nào, có hề thấy đâu nào?

- Thấy đâu nào là sao? Thế thì phải gọi là mắt gà mờ ngáp phải nặng xanh rồi! Đánh cờ mà không nhìn vào bàn còn nhìn đi đâu?

- Tôi nhìn vợ anh đấy!

- Vợ tôi có gì hay mà nhìn?

- Vợ anh xinh đẹp quá đi chứ lại, mông to dẹt, người béo ú, tay bằng bắp vế, vế bằng eo lưng.

Vợ tôi đá một phát văng tuốt cả bàn cờ đi, nhểch tiếp:

- Lũ các anh, hai cái thằng thối thây, chó không thềm ăn, mèo không thềm tha, để tôi cho lũ các anh biết thế nào là cờ với chả quạt.

Vợ tôi đá tiếp, bàn cờ, quân cờ bay bắn tứ tung, miệng vẫn tru lên như chó sủa:

- Này thì cờ với quạt.

Tôi thấy vợ giận to rồi, liền vội vã vùng dậy, vỗ vỗ vào mông vợ nói:

- Bà vợ hiền của tôi, chỉ đùa với em một tý cho vui thôi, đừng có nổi cáu...

Vợ tôi hát mạnh đôi tay đẩy dầu mỡ của tôi ra, quát:

- Đẹp sang bên!

Tôi vội vàng rút từ trong túi ra tờ giấy bạc năm mươi đồng mới tinh, nhét vào tay mẹ:

- Hôm nay gặp may, chữa một cái ô tô Sơn Địa. "quát" năm chục đồng, cái thằng cha chẳng thêm mặc cả, quảng luôn cho rồi nhảy lên xe phóng đi.

Tần béo lom khom đi nhặt những quân cờ, nói:

- Cậu có biết, thằng cha ấy là ai không?

- Ai?

Tần béo hạ thấp giọng nói.

- Nó là trùm băng Búa Rìu đấy!

Tôi nói với Tần béo: anh đừng có hù dọa, tôi từ bé vốn là một thằng nhát gan. Tần béo bảo: Nếu muốn hù dọa cậu, thì tôi bảo rằng vợ cậu có con riêng. Vợ tôi quát, cút mẹ nó cái mặt anh đi, thà nuôi con riêng chứ không thêm nuôi cái mặt nhà anh. Tôi nói: Anh ta có là trùm băng Búa Rìu thì đã làm sao đến tôi. Tôi chỉ là một thằng chữa xe òng ềng, kiếm cơm bằng hai bàn tay mình, hấn động đến tôi làm gì? Hơn nữa tôi đã mất bao công sức vào chiếc xe tã của hấn, bơm dầu nấn lại ghi đông, ngay cả những chiếc nan hoa gỉ mềm cũng phải lau đến sáng bóng lên, lấy của hấn năm chục đồng bạc cũng là đáng.

Tần béo nói:

- Nhiều thì chẳng phải là nhiều, anh đòi năm trăm nó cũng trả luôn...

Tôi thấy đây ẩn ý trong nụ cười xuất hiện trên mặt Tần béo liền hỏi:

- Anh nói thế là có nghĩa gì?

Tần béo đáp, chẳng có ẩn ý gì hết. Tôi bảo anh nói theo cách đó mà chẳng có ẩn ý gì là điều vô lý? Tần béo liền lăm lét nhìn ra bốn phía xung quanh, hạ giọng xuống thật thấp, bảo tôi: "Cậu đã xem kỹ tờ giấy bạc ấy chưa?"

Tôi giật lại nó từ tay vợ tôi, soi lên trời, nhìn khuôn mặt mờ mịt của ông già công nhân in chìm trên đó, quanh miệng hình như có thêm một vành râu, tôi mượn của Tần béo một tờ bạc thật để so sánh, thì đó đúng là một tờ bạc giả...

- Cái mả mẹ nhà nó!

Tôi lớn tiếng chửi bới, những người đi dạo trên quảng trường ngoảnh lại nhìn tôi.

Vợ tôi liền giật lại tờ năm mươi đồng, rồi lật đi lật lại, sờ sờ soi soi, cuối cùng thì cũng nhận ra đó là giả.

Mụ gào lên:

- Hứ! Thế mà còn dám nói người ta là mắt gà mờ ngáp phải nặng xanh, có chính anh mới là thế, đã dám ăn nặng xanh thì đến cút anh cũng dám ăn!

Tôi biết vợ tôi đang nổi cơn ba máu sáu cơn, nên không dám cãi bèn quay ra mắng thằng Tần béo:

- Anh là cái đồ tồi, biết rõ là nó đem tiền giả trả cho tôi, mà lại không nhắc cho tôi một câu?

Tần béo vẫn bé giọng, nói:

- Tôi cũng muốn nhắc anh thật đấy, nhưng đâu có

được cái lá gan to như thế, hẳn là ai? Thì tôi vừa mới nói với anh rồi, là trùm băng Búa Rìu, nó chuyên đi bóp hầu cổ người khác, hôm nay mà tôi nhắc anh, thì ngày mai một cánh tay tôi hoặc một cẳng chân tôi đi tiêu ngay với nó.

- ... cái con mẹ nó...

Tôi vẫn chửi, nhưng giọng cũng đã hạ thấp xuống.

Tần béo nói:

- Thôi thì coi như mất công không, phí một tý dầu mỡ, toi một tý phụ tùng, chấp nhận vận đen thôi. Hơn nữa, đây chưa chắc đã là sự thiệt thòi, biết bao nhiêu người đã định kết thúc cái băng này, nhưng đâu làm nổi.

Tôi vẫn lèm bèm nhỏ nhỏ:

- Bớ mày đây, lao động kiếm ăn, chẳng muốn kết thúc thằng chó nào hết.

Nói được thế, tôi cũng thấy lòng lắng lại, bảo vợ tôi:

- Vậy mà tôi vẫn chưa hỏi cô, cô chạy thốc chạy tháo ra đây là có việc gì vậy?

Tần béo nói xen ngang vào:

- Còn có việc gì nữa? "Nóng máy" chứ gì?

- Cầm mẹ nó cái mồm béo của anh đi, miệng chó mà cứ đòi mọc ra ngà!

Vợ tôi vặc Tần béo, rồi hốt hải nói với tôi:

- Em định ra chợ mua ít trứng gà, vì nghe đâu sắp tăng giá, nhưng vừa ngẩng đầu lên là đã nhìn thấy người bạn học cũ, anh ta tên là gì ấy nhỉ... ấyy ấyy, cái trí nhớ tồi tệ thế đấy... à à là Tiêu Mậu Phương, biệt hiệu Nhà tiêu nhỏ (Tiểu Mao Phòng), là phó giám đốc hiệu sách Tân Hoa đúng rồi, đúng rồi, đúng là "cái nhà

tiêu nhỏ" ấy, lái một chiếc xe jep long hết cả khung, nhìn thấy em, không xuống xe, mà chỉ thò một nửa người ra bên ngoài cửa gọi làm em cứ hết cả hồn. Em bảo, thì ra là ông anh, đi, đi, đi, vào nhà uống nước. Anh ta hỏi, cái thằng Ngụy Móng to ấy đâu rồi? Em bảo cái thằng Ngụy Móng to ấy, đang ở chỗ quảng trường rạp chiếu bóng chùa xe...

À thì ra cái con mụ này dám cùng với thằng ấy réo hồn danh của mình ra! Ấy là quen miệng gọi thế thôi, vợ tôi nói tiếp, em nói với cái anh bạn học ấy, này người anh em, nếu có việc gấp, để tôi ra lôi lão ta về. Anh ta vén cổ tay áo, xem đồng hồ nói, không cần, cô đi bảo cái thằng Móng to ấy nhé, thằng Tôn Đại Thịnh, bạn học cũ của cánh ta ấy, đã từ trên tỉnh về, đã bao riêng cả phòng ăn số 5 tầng một ở phía tây của khu nhà khách của thành uỷ để mở tiệc chiêu đãi bạn học cũ, bảo thằng Móng to dọn hàng sớm một chút, đừng lỡ hẹn. Em mời anh ta vào nhà uống nước, anh ta bảo còn nhiều người nữa chưa biết tin, nên phải đi báo ngay cho kịp, thế rồi phóng chiếc xe jep ấy đi luôn. Em cho rằng, việc này đúng là không nên lỡ hẹn, nên em phải chạy vội ra đây báo cho anh biết. Anh có biết người bạn cũ của anh làm đến chức gì rồi không?

- Chức gì?

- Cái anh "Nhà tiêu" ấy bảo rằng, anh ta vừa được lên chức phó phòng phòng, ban ban gì ấy, cán bộ trong toàn tỉnh thì có một nửa là do anh ta quản.

- Đó là con khỉ lông dầy Tôn Đại Thịnh! - Tôi giấu niềm vui thầm trong dạ, mạnh bạo nói vậy. - Đừng có nói hấn làm phó phòng phó ban, hấn có làm đến chức

quan to hơn nữa. thì tôi khinh hấn vẫn cứ là khinh hấn. Hấn có thể quản được cán bộ toàn tỉnh chứ làm sao quản được tôi?

Vợ tôi nói:

- Anh hung đồ cái gì vậy. anh đừng có cái kiêu cóc cần cái gì như thế. người ta được làm quan to, mà vẫn không quên cái thằng chữa xe, khố rách áo ôm như anh, mà anh lại ngọt ngào nhỉ.

Tôi quả là đã nổi cáu lên thật, nói với vợ:

- Làm quan. ai mà chẳng làm được, đừng nói đến trưởng phòng trưởng ban, ngay cả đến chủ tịch tỉnh tôi làm cũng xong. Nhưng cô thử gọi bọn nó đến chữa xe đạp xem sao, thử gọi bọn nó đến chữa giấy xem sao, đúng không anh Tân béo? Bọn nó có xoay xở nổi không? Bảo đảm là bọn họ hỏng.

Tân béo nói:

- Này cái thằng Móng to, đừng có mạnh miệng thế. tớ chỉ sợ rằng khi gặp cái anh bạn học cũ trưởng ban đó. thì ngay đến xương cậu cũng nhũn nhão ra cả thôi.

- Phi! Ngay cả đến cán bộ cấp tôi có gặp tôi cũng cóc sợ, cho nên cái thằng Tôn Đại Thịnh này, nó có làm đến chủ tịch hành tinh địa cầu tôi cũng xá gì hấn. Cái thằng ôn con này ấy mà, đái dầm mãi đến tận năm mười sáu tuổi, đã từng trèo tường đi ăn trộm anh đào. chẳng may rơi tôm xuống chuồng lợn nhà tôi, bố tôi phải đưa cái cù nghèo hai chạnh móc nó lên đấy. Nó chỉ vênh vang lên mặt với người khác thôi chứ trước mặt tôi ấy à. có cho ăn kẹo cũng chẳng dám, hấn vẫn còn ngượng với tôi.

Tân béo nói:

- Thôi đừng có ở đây mà ăn nói lôm côm, cổ nhân đã có câu, "Thời này thế này, thời khác thế khác" (*thứ nhất thời già, bỉ nhất thời già*), cậu đừng có nói sự bản thủ lúc bé, người ta bây giờ là cán bộ cấp rồi, mà vẫn không quên cậu. một thằng chữa xe, thế là may lắm rồi.

- Thằng này không thêm dẫu nhá!

- Ủ thì ngoài mồm nói vậy đấy, còn trong bụng nghĩ sao? - Tần béo nói với giọng đả kích tôi. - Thôi mau mau mà thu dọn đồ nghề về đi, rồi cạo râu rửa mặt cho sạch mà đi dự tiệc! Này Móng to này, nếu tớ mà có người bạn học cao quý như thế, thì có giết chết tớ cũng chẳng ngồi ở đây cọt cạch chữa xe.

- Chữa xe thì cóa làm sao nào? Cả cái thành phố này, không có ông chủ tịch thành phố, thì dân chúng vẫn cứ như thế, chứ không có tớ. kể cả cậu nữa, thì ai ai cũng sẽ cảm thấy thiếu thiếu đấy...

Vợ tôi nói:

- Hay chưa kìa, nghe hay chưa kìa! Càng nói càng tỏ vẻ mặt dầy, cứ cái bộ dạng anh ấy à, có khác gì con mèo chết, có muốn leo lên cây cũng chẳng sao mà leo lên được, cái con này ấy mà, lấy anh thật uống phí cả một đời người.

Vợ tôi giận dỗi dùng dùng bỏ đi.

Tôi nói với theo mụ:

- Cái bộ cô cũng chỉ lấy được đến tôi thôi, có muốn cưới tổng thống Mỹ người ta cũng chẳng chịu đâu.

Tần béo nói một cách nghiêm túc:

- Thôi đừng có bẻm mép, nói trơn tuột đi như thế, đây là một cơ hội tốt đấy, một khi người bạn học đã nhớ tới mình mà có lời mời, chứng tỏ cậu vẫn còn có một vị

trí nào đó trong lòng anh ta, phải nhân cơ hội này mà tạo lấy một mối quan hệ, sau này sẽ có ích cho anh, chắc chắn rằng ông anh ấy sẽ mang lại vinh dự cho anh, anh cứ nghĩ xem, quyền lực trong tay ông ta, to biết chừng nào hả?...

Nơi tầng một đèn nền sáng choang, ở nơi đất trống trước toà nhà có tới hơn chục chiếc xe con đỗ tại đó, chiếc nào chiếc nấy đều bóng loáng, giống như một dàn rùa, mai sáng long lanh. Một chàng trai trẻ mặc quần áo tây, ra ra vào vào, lúc ẩn lúc hiện trước toà nhà đầy vẻ nhàn tản, nhìn cái dáng vẻ ấy là biết ngay người đó từ trên tỉnh về. Tôi nấp vào trong bóng cây quan sát anh ta, nhìn từ cái giơ tay nhấc chân, nhất nhất đều rất phong độ, bộ quần áo tây vừa khít như mọc từ người ra, anh ta vén tay áo, nhìn đồng hồ. Tôi cũng nhìn đồng hồ, nhưng trời tối quá, chẳng rõ được mấy giờ. Xem chừng còn một chút thời gian nữa, tôi không muốn bước vào phòng sớm, mới bảy giờ thì đúng bảy giờ mới tới, để tránh sự xem thường nhau. Tôi nhìn lên tầng hai, ở đó có một gian phòng lớn, che toàn rèm màu trắng, đèn nền cũng sáng choang, có một bóng người lay động, in lên trên bức rèm cửa sổ. Từ phòng đó vang lên những chuỗi cười ngọt ngào tưởng như đến ngọt thở, tôi biết rằng tiếng cười đó là của Tôn Đại Thịnh mà hồi nhỏ là đứa trẻ láo lếu, còn bây giờ là phó ban tổ chức của tỉnh uỷ. Đã hơn hai chục năm nay tôi chưa gặp lại anh ta, giờ này trong đầu óc tôi sống lại toàn những chuyện tình nghịch bố láo vào thời niên thiếu của anh ta. Hồi

ấy, thật chẳng có ai dám nghĩ anh ta sẽ trở thành một nhân vật quan trọng, thật đúng là:

*"Người không thể đo bằng tướng mạo
Nước biển không thể dùng gáo mà ao".*

Trong lòng tôi chợt thấy cảm khoái đa đoan, tôi ra khỏi bóng tối của hàng cây, bước vào đại sảnh sáng loà. Anh chàng thanh niên đầy vẻ phong độ kia, quét tia mắt về phía tôi, tôi chợt thấy hơi hân hốt, dưới chân như giẫm phải đám dầu kéo dính dí xuống. May mà đã có Tiêu Mậu Phương lái chiếc xe jép lọc xọc tới, tôi như gặp được cứu tinh chạy đến. Từ trong ô tô chui ra là cục trưởng cục lương thực Đồng Lương Khánh, cục trưởng cục giao thông Trương Phát Triển, phó bí thư uỷ ban pháp chính Tang Tử Lan, đương nhiên là có cả (Nhà tiêu nhỏ) phó giám đốc hiệu sách Tân Hoa nữa. Bốn người này đều là quan cả, họ đều lộn sòng rất giỏi, tôi cảm thấy mình có chút đáng cay, nhưng tôi đã lập tức tự an ủi mình:

Bọn họ, trước mặt mình là quan, nhưng trước mặt Tôn Đại Thịnh lại là cháu. Còn tôi đứng trước kẻ nào, đều chẳng phải là con cháu gì hết. Làm quan là làm đây đó cho nhân dân, mà tôi là dân đây, nên tất cả những thằng cha ấy đều là đây đó của tôi hết.

"Nhà tiêu nhỏ" nói với tôi:

- Ô! Thằng Móng to, thằng nhóc, một mình đã đến sớm thế, tao định lái xe đi đón mày đây!

Nói vậy với tôi xong, anh ta liền chuyển người sang phía bên kia xe, mở cửa và cung kính nói:

- Xin mời phu nhân xuống xe!

Tôi kinh ngạc, trở mắt nhìn thấy "Nhà xí nhỏ" bắt chước động tác của những người hầu, một tay đặt vào bên khung kính xe, cho một người đàn bà mặt to như cái mâm lách mình, xuống xe.

Người đàn bà vừa lách mình xuống xe đó, là bạn học cũ của chúng tôi: Tạ Lan Anh. Nghĩ lại ngày xưa, trong trường tôi, cô ta thuộc loại cao quý nhất trường, là một đoá hoa tươi xinh đẹp nhất và tài hoa nhất, bây giờ cô ta lại là vợ của "Nhà tiêu nhỏ", và là nhân viên bán sách của quần sách thiếu niên nhi đồng trong hiệu sách Tân Hoa. Cô ta mặc một chiếc váy dài màu đỏ tía, trên cổ đeo một sợi dây chuyền xuyên đầy những hạt chân châu, trên vành tai đeo những kêu leng keng. Eo lưng cô ta tuy so với ngày xưa nó đã phì nộn ra nhiều, nhưng được cái dáng người cao cao, nên xem ra vẫn đầy vẻ yêu kiều đằm đằm.

"Nhà tiêu nhỏ" đã lùn, lại đứng khúm núm trước mặt cô ta, trông chẳng khác gì một cây non còm cõi bên một cây cổ thụ, giống như một con dế cò to lớn đứng bên cạnh chú dế mèn.

Tôi cất cao giọng, cố ý không gọi theo quan chức mà gọi thẳng tên tục cùng những hỗn danh của họ ra:

- A! Đồng Lương Khánh con cháu cụ rùa, Trương Phát Triển con thỏ đế, Tang Tử Lan ba ba con.

Tang Tử Lan cười nói:

- Đúng là chó không bao giờ chê cứt, cái thằng cha này, mồm mép lúc nào cũng bẩn như thế.

Khi gọi tới Tạ Lan Anh, tôi hạ thấp giọng nói:

- Tạ Lan Anh, chào em! Lâu lắm không gặp. Còn nhận ra mặt thằng bạn học cũ này không?

Tạ Lan Anh mỉm cười:

- Chẳng nhận ra được, nhưng em lại nhận được con anh, nó hay ra mua sách truyện thiếu nhi ở chỗ em.

- Ô! Thì ra là thế đấy! Cái thằng nhóc con này, mình ngồi chờ xe đạp được mấy đồng tiền còm, nó lại đem đi nộp cho cô Lan Anh của nó hết, trong nhà chỉ riêng truyện thiếu nhi đã lên tới hơn một ngàn quyển.

Lúc đó anh thanh niên đầy phong độ gác cửa kia mới chạy tới, hỏi:

- Xin hỏi, quý vị có phải khách của trưởng ban tổ chức Tôn Đại Thịnh đó không ạ?

"Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Đúng vậy! Đều là bạn học cũ của trưởng ban tổ chức...

- Thưa, trưởng ban đang có cuộc gặp với bí thư Trần và thị trưởng Thầm, xin mời quý vị vào phòng ăn chờ một lát.

Anh thanh niên đó, vừa nói vừa đưa chúng tôi vào một đại sảnh sàn nhà bóng loáng, có thể soi gương được. Ở chỗ quầy phục vụ có mấy tiểu thư xinh đẹp đang tươi cười hớn hở khoe những hàm răng trắng bóng sáng lấp lánh. Chúng tôi quanh theo khúc ngoặt, bước vào một hành lang trải thảm rất dày. Mặt ngoài hành lang là một lớp kính trong suốt, ánh đèn màu sắc sỡ giống như những cánh hoa trăm màu ngàn sắc in hình xuống bề nước trồng hoa. Hành lang phía bên này, cứ cách độ vài mét lại có bức tượng thạch cao đàn bà to gần bằng người thật sừng sững đứng đó, mỗi người một tư thế khác nhau, nhưng có một điểm chung, là những

người đàn bà này chẳng ai mặc quần áo gì cả. Còn có điểm giống nhau nữa, là những người đàn bà này đều thuộc loại có da có thịt, vú khá to.

Đội ngũ chúng tôi, đi thành hàng như thế này: Người thanh niên đi trước dẫn đường, đi sát ngay phía sau anh ta là "Nhà tiêu nhỏ", sau đó là Đồng Lương Khánh, rồi là Trương Phát Triển, rồi Tang Tử Lan, sau Tang Tử Lan là Tạ Lan Anh, và cuối cùng là tôi, sau tôi chẳng còn bất kỳ một người nào khác, ấy vậy mà tôi vẫn cứ cảm thấy rằng, có một người đang theo sát ở phía sau tôi, nên thỉnh thoảng tôi lại phải quay đầu, đưa mắt nhìn bốn xung quanh, rõ ràng là chẳng có một người nào, nếu như muốn nói còn một người nữa cũng được, đó là người đã bị chúng tôi cho tụt lại đằng sau, nhưng đó là người đàn bà thạch cao, để móng trần, đứng gác ở bên hành lang. Lúc ấy tôi cứ tưởng người đàn bà này được tạc bằng đá Đại Lý (đá xanh vùng Vân Nam - ND), nhưng đến gần mới biết, nó đúc bằng thạch cao. Nếu được tạc bằng đá, màu da của tượng nhất định phải có những chỗ khác nhau, nhưng ở đây chỉ toàn một màu trắng tuyết. Tôi đi sau Tạ Lan Anh, cách chừng độ một mét, đi sát quá e không tiện, còn nếu cách xa quá, tôi lại giống như một tên mật thám theo dõi. Đi sau cô ta chừng một mét, hơn một mét, đó chính là cự ly thích hợp...

Từ bé tôi đã có cái mũi đánh hơi rất tinh, mẹ tôi thường bảo "Con mèo tham ăn thì mũi tinh". Khi lớn hơn, thôi thì rượu, chè, thuốc lá, đã làm khứu giác của tôi thoái hoá nghiêm trọng, vậy mà tôi vẫn còn ngửi thấy mùi nước hoa thoang thoang, nhàn nhạt, nếu là

cái mũi của một người khoẻ mạnh, có độ nhạy tốt, thì mùi nước hoa ấy phải nồng nặc, hắc như dầu. Mới đầu tôi cứ tưởng thứ nước hoa làm thơm không khí do mấy tiểu thư tiếp viên vẩy trên thảm ở lối đi, nhưng cái mùi thơm ấy nó nhạt nhẽo lắm. Còn đây nó cứ quẩn quanh trước mũi tôi một mùi hương nồng hơn, mùi hương ấy chắc từ trên người Tạ Lan Anh toả ra. Tối bất chợt nghĩ rằng, nếu như Tạ Lan Anh trên người không quàng một thứ gì, đứng ở trên hành lang này, thì cái dáng đó sẽ ra làm sao nhỉ? Da cô ta chắc chắn là đen hơn những tượng thạch cao này, nhưng thân thể cô ta còn một sức sống, sức sống thật, cho nên dù có đen một tý vẫn hay hơn. Thế rồi trước mắt tôi như phảng phất xuất hiện một Tạ Lan Anh khoả thân. Tôi biết cách suy nghĩ như vậy là phạm pháp luật, loạn kỷ cương, nên lập tức chôn vùi ngay những ý nghĩ đen tối, bậy bạ đó đi. Nhìn về phía trước, tôi nhìn thấy Tạ Lan Anh đang uốn ẹo bước đi, cặp mông của cô ta đánh sang hai bên rất rộng, đôi chân hơi toè ra bên ngoài, dáng chữ bát, khi bước đi cứ như cố tình doãng chân ra phía ngoài.

Ngày xưa khi đóng vai hiệp nữ trên sân khấu, cô ta có thể biểu diễn xoạc cẳng ngồi (thành chữ nhất), có thể nhào lộn trên không, có thể lộn đầu trồng cây chuối ngược mà đi, mấy chục năm sau, cô ta áp dụng lối đi con vịt ấy vào những bước chân của mình. Cô bước đi kiêu đó phía trước tôi, khiến tôi cảm thấy thất vọng, nhưng cũng lại khiến tôi cảm thấy thân thiết...

Đi hết hàng lang đó, lại rẽ, rồi bước vào một hàng lang khác. Thảm trải trên hàng lang này mỏng hơn và sự sang trọng đã kém đi nhiều so với hàng lang vừa rồi,

thậm chí trên mặt thảm còn loang những vết ố bẩn, dọc hàng lang không còn những người đàn bà đứng gác nữa. Một cô tiểu thư tiếp viên mặt hình hạt dưa, mặc một chiếc sườn xám bằng gấm thêu hoa, trên vạt áo có gài chiếc bút bi, tươi cười đi tới.

Cô ta hỏi một cách thân thiết:

- Quý vị có phải là khách trưởng ban Tôn không ạ?

Người thanh niên dẫn đường khẽ gật đầu, nụ cười trên mặt tiểu thư tiếp viên càng thêm rạng rỡ. Cô ta kéo cách cửa căn phòng dành sẵn. Người dẫn đường liền né người đứng sang một bên, còn cô tiểu thư xinh đẹp đứng ở cánh cửa bên kia, trông cứ như một đôi kim đồng ngọc nữ. Anh ta và cô ta không nói năng gì, nhưng làm điệu bộ của những người mời khách bước vào...

Với sự dẫn đầu của "Nhà tiêu nhỏ", chúng tôi từng người, từng người theo vào trong phòng. Tôi nhìn thấy Tạ Lan Anh đang hít hít mũi, chứng tỏ gian phòng này có một thứ mùi rất khó chịu. Nhưng chỉ một lát sau đã trở lại bình thường, còn tôi, tôi chẳng nghĩ thấy một chút "tà khí" nào cả.

Người thanh niên rất khách khí nói với chúng tôi:

- Xin mời quý vị ngồi tạm, để tôi đi báo cáo với trưởng ban Tôn.

Chẳng có ai ngồi cả, mà đều quay đầu nhìn ngắm những vật trang trí cùng những thứ bày biện trong phòng, tôi vốn cứ tưởng Đồng Lương Khánh, Trương Phát Triển, những vị cục trưởng cục phó, đáng lý ra phải rất quen thuộc nơi này, hoá ra, cứ nhìn ánh mắt của họ, mới biết họ cũng chỉ là lần đầu được đặt chân

tới nơi đây. Gian phòng thật rộng, thật lớn, chiếc bàn đặt ở giữa phòng cũng to dùng có thể đủ chỗ để bày biện cả bộ đồ nghề chữa xe đạp xe máy của tôi, và cũng đủ chỗ cho hai người vừa ca hát vừa nhảy múa. Sát với cửa sổ còn có một sân khấu nhỏ trải thảm màu hồng, cạnh sân khấu là một máy hát karaokê hoàn chỉnh, trên sân khấu còn có hai chiếc micrô đứng, bày sẵn ở đó. Quanh bàn là một vòng ghế, sau ghế là một vòng phô tô nữa. Những chiếc phô tô màu trắng, chỉ thoáng nhìn cũng biết được bọc bằng da cừu loại cao cấp, căng phòng nằm đó trông giống như một đàn cóc cụ để ngồi lên thì thật phí quá, nhưng người thanh niên đã mời chúng tôi rồi, hà tất lại không? Cứ ngồi xuống, nhún nhún cặp mông, cho cặp mông thưởng thức, đợi khi Tôn Đại Thịnh tới, đứng dậy ngay cũng còn kịp. Nghĩ như vậy, tôi liền ngồi phịch ngay xuống chiếc phô tô, cái cảm giác ấy nó thế nào, chẳng cần phải nói, mà có nói cũng biết nói thế nào cho đủ. Trên chiếc bàn tròn ở giữa trải khăn bàn trắng muốt, dưới mép khăn còn có thêm một lớp vải nhung màu huyết dụ, tôi biết loại này gọi là vải nhung Thiên Nga, và nó cùng loại với chiếc rèm che cửa sổ được buông từ trên cao xuống sát đất. Ở giữa bàn tròn, còn có một tấm kính tròn màu nước trà, có máy làm cho nó quay tròn, điều này thì tôi hiểu, bởi nó không quay thì làm sao gấp được thức ăn? Tôi ngồi xuống mà như không ai biết tôi ngồi, họ vẫn đứng, chân tay có vẻ gò bó, cặp mắt cứ đảo ngang đảo dọc, nét mặt đầy vẻ lúng túng, chứng tỏ họ đang có những băn khoăn trong dạ. Mặc dù đều là quan lớn quan bé cả đây, nhưng thực ra họ vẫn là những anh nhà quê, chưa

từng gặp "đại cảnh" như thế này, vẫn là mả mẹ chúng nó, chúng nó chẳng như tôi. Người ra dáng nhất là Tạ Lan Anh, thì trông kìa, đôi tay đặt lên thành ghế tựa, văn minh, lịch lãm, đang ngắm một bức tranh lớn. Bức tranh vẽ một đám con gái, lưng để trần, có những cái cổ nhỏ đến vô lý; cô vén tóc, cô che vú, cô vươn lưng, xem chừng như đang tắm, nhưng lại xem ra không phải tắm. Đàn bà tắm tấp ở ngoài sông đâu dám hở hên như thế. Bộ đèn chùm có bốn mươi chín chiếc bóng đèn treo trên cao chính giữa chiếc bàn tròn, bên cạnh những bóng đèn còn có từng dây từng chuỗi những hạt thuỷ tinh giả pha lê, bị hơi gió trong những bộ điều hoà không khí thổi, va chạm vào nhau, vang lên những tiếng lanh canh, rất tinh tế, rất vui tai...

Họ đã bung ra, đặt lên bàn tròn chiếc đĩa to, có một con công đang quỳ làm bằng những miếng củ cải, đương nhiên là con công xoè cánh như đang múa. Tôi biết rằng đĩa này chỉ để mà nhìn chứ chẳng phải để ăn, nên công phu làm ra đó quả thật là không đáng. Đó là sự không đúng lẽ của tôi, bởi vì mắt con người cũng là một khí quan thêm ăn, miệng có thể nhai đủ, nhưng đủ cho con mắt quả là điều chẳng dễ dàng gì. Xung quanh đĩa con chim công, đã bắt đầu được bày tất cả mười hai món khác, thịt bò ngâm tương, nhộng rán, món này ăn cũng được đấy, nhưng tôi lại biết rằng, những thứ ấy chỉ nên nếm nấp, nếu không, những của ấy đã ních đầy bụng, thì sẽ không nhồi nhét được những món sơn hào hải vị tiếp sau đó nữa. Xem ra ông đầu bếp chúa trùm của nhà khách thành uỷ này đã trở hết tài ba thao lược ra rồi đây. Có thể sai khiến ông đầu bếp dốc lòng khuyến

mã như vậy, hẳn phải có lời trao đổi của ông bí thư và ông chủ tịch thành phố với ông lãnh đạo nhà khách rồi đây. .

Người Tôn Đại Thịnh chưa tới, nhưng tiếng cười đã tới trước. Nghe tiếng cười cứ như bị nghẹt thở ấy, chúng tôi vội vàng đứng hết cả dậy, - nói vậy nhưng không phải vậy, bởi vì trừ tôi ra, bọn họ vẫn đứng đó cả. Nghe tiếng cười của Tôn Đại Thịnh chừng như sự thanh thản của họ biến mất hết, và đều trở nên căng thẳng, cho nên tôi mới có cảm giác rằng họ từ phôi tôi đứng bật dậy tất cả. Đến ngay con người bình lặng như Tạ Lan Anh, cả bộ lưng hình như cũng nghên nghén lên một tý, hai tay đặt trên thành ghế cũng thu về, quàng vào nhau trước bụng. Người vội vàng đứng bật dậy khỏi ghế chính thức chỉ có mình tôi, mà thực tình là vốn không muốn đứng dậy, nhưng tự cái xác của tôi nó bật dậy mà thôi.

Chàng thanh niên tuấn tú đó đẩy cửa, rồi nhanh chóng đứng nép sang một bên, cúi mình xuống, dàn trên mặt một nụ cười, đã được học tập kỹ lưỡng, đúng sách. Giống như một ngôi sao trên sân khấu, Tôn Đại Thịnh huy hoàng rực rỡ xuất hiện trước mặt chúng tôi, anh ta mặc chiếc áo phong cộc tay màu vàng kim, chiếc quần đen, bụng hơi bự, nhưng không to lắm, đầu hơi hói, chải lật mở tóc dài bên cạnh sang che đi. Những sợi tóc trên đầu anh ta, từng sợi, từng sợi, sợi nào cũng rất đáng quý.

Tôn Đại Thịnh, một con khỉ quái đản, gàn bướng từ hơn hai mươi năm trước, bỗng nhiên từ trong kí ức tôi nhảy ra, tôi so sánh với vị cán bộ cấp Tôn Đại Thịnh trước mặt mình bây giờ. Tôi cứ thấy rằng đó không phải là cái người vốn là một thằng bé ăn trộm anh đào rơi

xuống chuồng lợn nhà tôi mà thành, cũng giống như một con lừa già không bao giờ có thể lớn lên từ một con nghé vậy. Anh ta có một điều đặc sắc là, một giọng cười không ai có thể học được, bất chước nổi, nó đã chứng minh được vị cán bộ cấp đang đứng trước mặt đây, là từ thằng bé Tôn Đại Thịnh, mà thành vốn là một thằng mất dạy, chuyên vỗ gà trộm chó của thiên hạ.

- Khá khá... khục khục... khá khá...

Tôn Đại Thịnh vừa cười vừa đi về phía chúng tôi. Tám cánh cửa bọc da dây dện, nặng nề khép lại không một tiếng vang, và anh thanh niên tuấn tú kia cũng biến mất như một làn khói thoảng.

Tôn Đại Thịnh bắt tay Đồng Lương Khánh, cười nói:

- Khá khá... khục khục... khá khá...

*Chuột kho nhà quan, to bằng vò,
Gặp người mở kho, không thèm chạy...*

- Khá khá...

Tôn Đại Thịnh bắt tay Trương Phát Triển, vẫn vừa cười vừa nói:

- Khá khá... khục khục... Trương Phát Triển:

*Muốn làm ăn giàu có,
Hãy chịu khó làm đường...*

- Khá khá... khục khục... khá khá...

Tôn Đại Thịnh bắt tay Tang Tử Lan vẫn cười nói:

*Người loại ba đội mũ lưỡi trai,
Ăn nguyên cáo, ăn bị cáo... ăn cả hai...*

Khá khá... khục khục... khá khá...

Tôn Đại Thịnh bắt tay "Nhà tiêu nhỏ" cười nói:

- Khá khá... khục khục... khá khá...

Trong sách có nếp nhà vàng,

Trong sách cũng có một nàng tiên sa...

Tôn Đại Thịnh cười tít mắt trước Tạ Lan Anh, ngấm nhìn từ đầu xuống chân, rồi lại từ chân lên đầu đến mấy lượt, cuối cùng dừng lại ở khuôn mặt bự phấn sáp của cô ta, cười nói:

- Từ cô chuyển sang bà rồi!

Tạ Lan Anh mặt đỏ lựng lên.

Tôn Đại Thịnh chìa bàn tay ra nói:

- Bao nhiêu năm không gặp rồi, nào, bắt tay một cái!

Tạ Lan Anh trù trù đưa bàn tay ra cho Tôn Đại Thịnh nắm lấy, nhưng mặt cô ta lại nghiêng chéo về một bên, cái vẻ ngượng ngùng bẽn lẽn đó chẳng khác gì một cô thiếu nữ.

Tôn Đại Thịnh bắt tay Tạ Lan Anh, nhưng lại nghiêng đầu sang hỏi "Nhà tiêu nhỏ":

- "Nhà tiêu nhỏ", cậu quản Tạ Lan Anh chặt lắm phải không?

"Nhà tiêu nhỏ" bốc lên nói:

- Oan uống cho tôi quá trường ban Tôn ơi! Ngài xem cái bộ dạng tôi thế này, đâu có quản được cô ta?

Tôn Đại Thịnh nhìn thẳng vào mặt Tạ Lan Anh, nói:

- Có điều gì oan khuất cứ nói hết với ta, bản quan đây sẽ giúp nhà người!

Tôn Đại Thịnh buông bàn tay Tạ Lan Anh, cười tít mắt, đi về phía tôi. Tôi vốn định gọi cái tên "Bật Mă

Ôn", cái hỗn danh mà hồi nhỏ học tiểu học tôi đã đặt cho hấn, nhưng lời mới lên đến cửa miệng đã bị nuốt ngay vào bụng. Bàn tay mồm mồm của hấn đã đưa ra từ xa, tôi sợ với không tới nên đã tiến lên. Có cảm giác về bàn tay mồm mồm ấy giống như là một con gà con mới nở, vừa mềm mềm; vừa âm ẩm.

Tôn Đại Thịnh lấy tay vờ vờ ống áo của tôi:

- Nguy Móng to, tối nay đã đổi cũ thay mới hoàn toàn rồi, sao không đem giấu bùn, giấu đất trước đi đã?

Tôi nói toạc:

- Cái nhà khách chó chết này ấy mà, tất cả đều là xi măng vôi vữa, kiếm được tý đất tý bùn đâu có dễ!

"Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Lúc bọn tôi đến, đã thấy cậu ta cởi sạch quần áo, đem bộ quần áo tây day day, giẫm giẫm xuống đất.

Tất cả mọi người phá lên cười.

Tôn Đại Thịnh kêu gọi quần chúng:

- Hay lắm! Hay lắm! Nhưng đừng có bắt nạt con người chân thực! Thôi thôi, ngồi xuống nào!

Tôn Đại Thịnh vỗ vỗ vào chiếc ghế bên cạnh mình nói:

- Tạ Lan Anh! Em ngồi bên cạnh anh đây.

Tạ Lan Anh bẽn lẽn thẹn thùng nói:

- Thôi! Em ngồi đây cũng được...

Tôn Đại Thịnh nói:

- Đâu có được! Hiện nay ta đã đi vào quỹ đạo của Tây phương, ưu tiên các nữ sĩ.

"Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Trưởng ban Tôn đã bảo em ngồi, thì em cứ ngồi!

- Đến đây, đến đây!

Đồng Lương Khánh kéo Tạ Lan Anh đứng dậy, kéo cô ta tới chiếc ghế bên cạnh Tôn Đại Thịnh, rồi ấn cho cô ta ngồi xuống.

Chiếc bàn tròn quá lớn, sáu người ngồi cứ lọt thỏm đi.

Tôn Đại Thịnh nói:

- Xích lại gần đây một tý nào.

Mọi người không ai động cựa gì.

Một tiểu thư phục vụ xinh đẹp đi đến sau lưng Tôn Đại Thịnh hỏi nhỏ:

- Thưa trưởng ban Tôn, uống rượu gì ạ?

Tôn Đại Thịnh đưa mắt nhìn mọi người một lượt, rồi nói:

- Bạn học cũ gặp nhau, đương nhiên là phải uống rượu trắng rồi!

Tạ Lan Anh nói:

- Em không uống rượu trắng!

"Nhà tiêu nhỏ" liếc mắt cho Tạ Lan Anh:

- Sao lại thế?⁽¹⁾

Tiểu thư phục vụ hỏi:

- Rượu trắng có Mao Đài, có Ngũ Lương Dịch, có Quỷ Tửu, có rượu Phần, xin hỏi dùng thứ nào ạ?

Tôn Đại Thịnh nói:

- Quỷ Tửu đi!

Tiểu thư phục vụ mở nút chai, rót vào từng chiếc

⁽¹⁾ Nguyên văn: *Em cụt hứng rồi ư?*

cốc trước mặt mọi người. Tạ Lan Anh bịt miệng cốc của mình lại:

- Em không uống được thật mà!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Không uống được cũng cứ phải rót cho đủ, nhìn chơi!

Trương Phát Triển giằng lấy chiếc cốc từ tay Tạ Lan Anh, nói:

- Hãy nghe lời trưởng ban Tôn!

Trong khi cô này rót rượu phục vụ, thì mấy tiểu thư khác liên tục bưng lên những chiếc đĩa lớn đầy những tôm hùm, cua bể, hải sản, bào ngư...

Tôn Đại Thịnh nâng cốc rượu nói:

- Các vị đồng môn cũ, nhiều năm chưa gặp lại nhau, cốc rượu này kính mời quý vị, xin cạn hết!

Chúng tôi tất cả đều nâng cốc, cùng đứng dậy, cúi người chạm cốc với Tôn Đại Thịnh. Hắn ta gõ gõ đáy cốc xuống bàn, nói:

- Tự nhiên, tự nhiên! Miễn đứng, miễn đứng!

Hắn một hơi uống cạn, sau đó dốc ngược cốc cho mọi người nhìn thấy.

Mấy giọt rượu này xá gì, tôi ngửa cổ cạn liền, Trương Phát Triển, "Nhà tiêu nhỏ", bọn họ cũng vậy. Duy nhất có Tạ Lan Anh là không. Tôn Đại Thịnh cúi đầu nhìn vào cốc rượu của mình nói:

- Đến nhấp môi em cũng chẳng chịu, như thế đâu có được!

Rồi hắn nhắc cốc rượu của cô ta lên, đưa tới sát mặt nói:

- Thế là em khinh thằng này đấy phải không?

- Em không biết uống thật mà!

Tôn Đại Thịnh hỏi:

- Nước, em có biết uống không?

Tạ Lan Anh đáp:

- Nước, thì tất nhiên là biết uống rồi!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Biết uống nước, tất phải biết uống rượu!

Tang Tử Lan xen vào:

- Thôi thì thế này: Cho Tiêu Mậu Phương uống giùm cô ấy!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Không được! Trên bàn rượu là không có cái lễ vợ chồng!

"Nhà tiêu nhỏ" buồn phiền nói:

- Dù là một cốc thuốc chuột, em cũng phải uống!

Tôn Đại Thịnh quắc mắt:

- Cậu ăn nói cái kiểu gì thế?

"Nhà tiêu nhỏ" chợt giật mình, vội vàng thườn mặt ra nói:

- Nói lỗ miệng, đáng phạt ba cốc rượu!

Nói xong, anh ta giơ tay túm lấy chai rượu.

Tôn Đại Thịnh nói:

- Này! Cậu đừng có làm chuyển hướng mục tiêu đấu tranh! Tạ Lan Anh em có uống hay không nào? Em không uống bọn anh cũng sẽ thôi không uống nữa!

Tạ Lan Anh nói:

- Anh thật là... Em uống, say lung tung, các anh đừng có đem ra mà làm trò cười đấy!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Đâu dám! Có mặt anh ở đây, ai dám cười em nào? Hơn nữa, anh cũng chẳng dễ cho em uống say đâu.

- Thế thì được! Em đành bằng mọi giá thôi...

Tạ Lan Anh nâng cốc rượu lên, uống một hớp nhỏ, chép chép miệng:

- Cay quá!

Sau đó, ngửa đầu, uống cạn hết cốc rượu. Cô ta lật chiếc cốc, úp trên mặt bàn nói:

- Em đã hoàn thành nhiệm vụ!

- Thế nào là em đã hoàn thành nhiệm vụ, cách mạng còn chưa thành công, các đồng chí còn phải cố gắng hơn nữa!

Vừa nói Tôn Đại Thịnh vừa lấy đũa gấp một con tôm hùm đỏ lừ đặt vào chiếc đĩa để trước mặt Tạ Lan Anh, nói:

- Ăn một chút, rồi tiếp tục chiến đấu! Kia mọi người tất cả cùng ăn đi chứ!

*

* *

Sau ba kéo rượu, Tạ Lan Anh lão đảo đứng dậy nói:

- Một tý tẹo tèo tèo em cũng không uống nữa.

Tôn Đại Thịnh kéo cánh tay Tạ Lan Anh, hỏi:

- Em định chạy đi đâu đấy?

Tạ Lan Anh đáp:

- Em không uống nữa. Thật tình là không thể uống được nữa!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Không uống nữa cũng cứ phải ngồi nguyên đây.

- Được, được! Em ngồi, em ngồi!

Đồng Lương Khánh đi đến bên cạnh Tôn Đại Thịnh nói:

- Tôn trưởng ban, tôi xin chúc mừng trưởng ban một chén!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Ở bàn tiệc này chỉ có bạn học cũ, không có trưởng ban, cũng không có trưởng cục, ai phá cái lệ này, người đó bị phạt ba cốc.

Đồng Lương Khánh nói:

- Lần này không tính! Lần này không tính!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Cứ phải phạt trước!

- Tôn trưởng ban...

- Đấy! Lại thế rồi!

Đồng Lương Khánh nói:

- Thôi đành! Tôi xin nhận tội!

Đồng Lương Khánh uống liền một mạch hết ba cốc rượu, sau đó lại rót đầy cốc nói:

- Anh bạn học cũ, xin chúc mừng anh một cốc!

Mọi người lần lượt nâng rượu mừng lên Tôn Đại Thịnh.

Đến lượt "Nhà tiêu" anh ta uống liền ba cốc trước, rồi nói:

- Tôi xin nhận phạt trước! Tôn trưởng ban, người bạn học cũ, xin kính mừng ngài một cốc!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Thế này là không ổn rồi! Cố ý phạm quy, tội tăng thêm ba cốc!

Tạ Lan Anh cúi đầu, nói nhỏ:

- Thần kinh chập cheng!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Thương xót rồi hả?

Tạ Lan Anh đỏ mặt nói:

- Mặc xác!

"Nhà tiêu nhỏ" uống liền ba cốc, rồi nói:

- Hai lần ba là sáu, ba lần ba là chín, thưa trưởng ban Tôn, bây giờ có thể kính mừng ngài một cốc được chứ?

Tôn Đại Thịnh chạm cốc với "Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Thế là thuộc bảng cửu chương đấy!

"Nhà tiêu nhỏ" nói với giọng có chút bùi ngùi:

- Tôi làm kế toán mười năm ở hiệu sách, làm phó giám đốc tám năm kiêm luôn chức kế toán đấy!

Tạ Lan Anh nói:

- Nói thế mà cũng nói được! Anh giờ cái trò gì ra thế?

Trương Phát Triển nói:

- Tiêu huynh dắc ý trên tình trường, thì thất bại trên quan trường, nhưng cũng không thể gọi là thất bại được, người anh em này cũng đã chẳng phải bỏ ra bao nhiêu năm đấy ư? Nếu như Tạ Lan Anh là vợ ké này, thì dù có bảo đi gấp phân cũng xin cam tâm tình nguyện!

Tạ Lan Anh đỏ mặt nói:

- Nay anh đừng có đem tôi ra làm trò cười...

Đồng Lương Khánh nói:

- Khà khá! Tạ Lan Anh nổi tam bành rồi! Em nổi tam bành lên như thế trông lại càng xinh đẹp hơn!

- Không cho phép các anh bắt nạt Tạ Lan Anh!

Vừa nói Tôn Đại Thịnh vừa nhắc cốc rượu lên, nói tiếp:

- Tạ Lan Anh, nào, người bạn học cũ này chúc mừng em một cốc! .

- Em đã uống đến ba cốc rồi, uống nữa thì say chết!

- Còn nhớ được mình đã uống mấy cốc, như thế là chưa say, hơn nữa, có uống say thật cũng đã làm sao? Đời người liệu được mấy lần say?

"Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Đúng! Đời người liệu được mấy lần say! Tôn trưởng ban đã bảo em uống, thì em cứ uống mới phải!

- Em lại đành bằng mọi giá đây!

Tạ Lan Anh nhắc cốc rượu uống cạn.

Tôn Đại Thịnh nói:

- Cuối cùng thì các bộ mặt cũng đã bị phơi trần ra ở hội nghị Lô Sơn rồi. Thảo nào mà người ta bảo rằng, ở bàn tiệc có ba điều không được khinh xuất: Mặt đỏ này, uống thuốc viên này, tết đuôi sam này.

Tạ Lan Anh vỗ vỗ lên đầu nói:

- Lại còn tết đuôi sam nữa ư? Tóc bạc trắng cả ra rồi mà!

Tang Tử Lan nói:

- Cô vẫn còn phong độ ngời ngời. Chỉ có lũ chúng tôi mới thật sự là già.

Tạ Lan Anh nói:

- Em cũng già rồi chứ!

*Nam quá bốn chục vẫn là đóa hoa tươi
Nữ vừa bốn mươi đã thành bã đậu.*

Trương Phát Triển nói:

- Riêng em là bìa đậu tươi, còn bọn anh là bã đậu tất.

"Nhà tiêu nhỏ" ương ngạnh nói:

- Tất cả là bã đậu hết.

Đồng Lương Khánh nói:

- Là bởi vì cậu đã soi chán chê đậu phụ tươi rồi!

Tạ Lan Anh nói:

- Tất cả các anh đã đem tôi ra làm trò cười rồi đấy!

- Đậu dăm!

Tôn Đại Thịnh nói vậy, rồi nhấc cốc của mình chạm vào cốc của Tạ Lan Anh, nói tiếp:

- Cạn!

- Lại còn cạn nữa?

"Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Cạn! Cuộc đời là như vậy đấy! Cạn!

Tôn Đại Thịnh nói:

- Ai cũng có thể thắc mắc, trừ cậu, "Nhà tiêu nhỏ" ạ, không được phép thắc mắc.

"Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Tại sao? Tại sao tôi lại không được phép thắc mắc?

Tôn Đại Thịnh nói:

- Bởi vì cậu đã nhổ mất hoa của trường ta... Tất cả cứ nghĩ mà xem, Tạ Lan Anh ở đoàn văn nghệ tuyên truyền của nhà trường, khi đó, bảo hát là hát, bảo múa là múa, lại còn biết lộn đầu, trồng cây chuối ngược, đi mười tám vòng quanh sân khấu.

Trong đầu tôi, đã xuất hiện lại cái cảnh từ hơn hai mươi năm về trước, Tạ Lan Anh lộn đầu, trồng cây chuối ngược, cô ta tết hai chiếc đuôi sam nhỏ, đầu mút của mỗi chiếc đuôi sam buộc bằng hai sợi dây đỏ, hai tay chống xuống đất, đôi chân ngược lên trời, để lộ cả làn da bụng, đi từng vòng, từng vòng trên sân khấu, tiếng vỗ tay râm râm, râm râm...

Ánh mắt Tạ Lan Anh lấp lánh:

- Già rồi...

Ánh mắt Tôn Đại Thịnh cũng lấp lánh như thế nói:

- Em chưa già... Bây giờ sao nào? Biểu diễn lại cho anh em đồng môn thưởng thức một chút được không?

Tạ Lan Anh nói:

- Anh muốn em biến thành quỷ sứ à?

Mọi người đều phụ hoạ vào:

- Nào! Biểu diễn đi! Biểu diễn đi!

Tôn Đại Thịnh nhìn thẳng vào Tạ Lan Anh cố chấp thúc giục:

- Trở tài đi!

- Em đã bảo là không mà, em uống nhiều quá rồi....

Tôn Đại Thịnh nói:

- Mọi người hãy cho một tràng vỗ tay cổ vũ!

- Thực tình là không được mà!

Mọi người vỗ tay.

Tôn Đại Thịnh nói:

- Thì em cũng phải nể cái mặt anh một tý chứ!

Tạ Lan Anh nói:

- Tất cả các anh thật là...

"Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Bảo em biểu diễn thì em cứ biểu diễn đi nào!

Tạ Lan Anh nói:

- Em biểu diễn làm sao được cơ chứ?

"Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Anh mà biểu diễn được thì anh làm tức thì rồi!
Mấy khi chúng ta được tụ hội với trưởng ban Tôn, hơn hai chục năm mới có một lần này.

- Em đã bảo là không được mà!

"Nhà tiêu nhỏ" nói:

- Em đừng là ương bướng, không chịu ăn lời⁽¹⁾.

Tạ Lan Anh đứng phất dậy nói:

- Các anh bắt buộc tôi phải biểu diễn xiếc khỉ hử?

Tôn Đại Thịnh nói:

- Đâu dám?

Tạ Lan Anh đi về phía chiếc sân khấu nhỏ, vén vén tay, kéo kéo váy, nói:

- Bao nhiêu năm không luyện tập...

- Tôi tố cáo, - "Nhà tiêu nhỏ" nói. - Ngày nào cô ấy cũng trồng cây chuối trên giường đấy!

- Thối!

Tạ Lan Anh mắng chồng, rồi lấy tư thế, giơ cao hai tay, nhao người về phía trước, một chân giơ lên, rồi lại buông xuống đất:

- Không được thật mà!

Nhưng cô ta không dừng lại, mím chặt môi, lấy thế,

⁽¹⁾ (nguyên văn: là đầu chó không đội được mâm vàng).

hai cánh tay chống xuống đất, và cặp đùi nặng nề cuối cùng cũng được giơ lên. Chiếc váy trên cặp đùi cô ta cũng toẽ ra như vỏ quả chuối tiêu đã được bóc vỏ che hết người, để lộ ra cặp đùi béo tốt, và cả chiếc si líp màu đỏ. Mọi người rầm rầm vỗ tay tán thưởng. Tạ Lan Anh đã hiểu ngay ra tất cả, cô ta quàng quàng đứng dậy, hai tay ôm lấy mặt, xiêu xiêu vẹo vẹo chạy ra bên ngoài phòng.

Mọi người im lặng một lát, Tôn Đại Thịnh lại nhắc cốc nói với "Nhà tiêu nhỏ":

- Ông bạn đồng môn, tôi xin chúc mừng ông một cốc, mong sao ông giữ gìn bảo vệ Tạ Lan Anh thật tốt.

"Nhà tiêu nhỏ" trong mắt hình như ướt nước, nói:

- Thưa Tôn trưởng ban, Tạ Lan Anh sống với tôi, thật là tội nghiệp cho cô ta. Con người tôi đây, năng lực kém, tuy một lòng một dạ cố làm một số công việc cho Đảng, nhưng lúc nào cũng thấy cái lực mình yếu kém...

Tôn Đại Thịnh nói:

- Nên trích một câu nói của Mao chủ tịch ra đây: *"Chúng ta phải tin tưởng vào quần chúng, chúng ta phải tin tưởng vào Đảng đó là hai nguyên lý cơ bản. Nếu hoài nghi hai nguyên lý này, sẽ không làm được một việc gì hết"*.

(Trích dịch trong tập:
Truyện ngắn và truyện vừa hay nhất
Trung Quốc năm 2001.

CỦ CẢI ĐỎ TRONG SUỐT

1

Một sớm thu, vô cùng ẩm ướt, những hạt sương trong suốt đọng thành từng lớp trên những đám cỏ hoang, trên những lớp mái ngói. Lá cây hoè đã ngả sang màu vàng nhạt, quả chuông sắt lốm đốm đỏ, treo trên cây hoè cũng bị hơi sương làm cho ướt nhòen. Ông đội trưởng mặc một chiếc áo kếp, một tay cầm miếng bánh bột cao lương, một tay cầm củ hành tây đã bóc vỏ, chậm rề rề, đi về phía quả chuông. Tới nơi, mọi thứ trên tay ông đã hết nhãn, chỉ còn đôi má phồng to lên, giống như một con chuột đồng đang vào hồi thu hoạch vụ mùa no nê.

Ông kéo dây, vỗ chuông đập vào thành chuông, những tiếng "boong boong" dồn thành một giải. Mọi người, lớn bé già trẻ, từ trong các ngõ ngách ào ào chạy ra, tập hợp dưới chân quả chuông, mắt chong chong nhìn ông đội trưởng như nhìn một pho tượng, ông ta lấy sức nuốt trôi nốt miếng bánh, đưa ống tay áo lên lau cái miệng đã bị bộ râu vây quanh. Tất cả mọi người nhìn vào miệng ông đội trưởng, mà cái miệng ấy mà đã há ra là có lời chửi đổng:

- Mã mẹ nhà nó cái chân! Những thằng chó nuôi trong công xã, hôm nay nó đòi hai công thợ nề, ngày mai lại đòi điều hai công thợ mộc, ba cái sức lao động ấy đều bị bọn bام nát cả ra. Bây giờ lại đòi thợ đá, công xã muốn mở cái cống xả lũ bị tắc, nên mỗi đội sản xuất phải điều cho họ một người thợ đá với một người thợ phụ, đành phải đưa anh đi thôi.

Ông đội trưởng hướng về phía một chàng trai cao lớn, có đôi vai rộng nói vậy.

Anh thợ đá rất đẹp trai, lông mày đen nháy, răng trắng bong, một trắng, một đen, càng làm tôn cái vẻ keng trai của anh ta lên. Anh khẽ khàng hất đầu một cái, mở tóc loà xoà trước trán khẽ hất ngược lên, hơi lúng túng hỏi ông đội trưởng, người đi làm thợ phụ cho anh là ai. Đội trưởng như người bị lạnh đưa tay lên ôm vai, đôi mắt đảo đi đảo lại như một chiếc xe gió, miệng nói lào tháo:

- Cứ như theo cái nhẽ mà nói, thì một phụ nữ là tốt nhất, nhưng tất cả phụ nữ đang dồn vào việc hái bông, đưa một lao động thanh niên đi thì phí...

Cuối cùng mắt ông đội trưởng dừng lại ở chỗ góc tường, có một thằng con trai độ chừng mười tuổi đang đứng. Đứa bé chân đất, còi trần, thằng bé mặc một chiếc quần người lớn, vừa rộng vừa dài, nền trắng kẻ sọc xanh, trên đũng quần có một khoang bầm thật lớn, trông có vẻ như nhựa cỏ, lại có vẻ như máu cam, đũng quần dài tới đúng đầu gối. Trên chân đứa bé đầy những vết sọc bóng loáng.

- Thằng cu Đen, cái thằng chó nhép này, mày vẫn còn sống ư?

Ông đội trưởng nhìn thẳng vào khung ngực gầy nhô lên của nó, nói tiếp:

- Tao cứ nghĩ là mày đã về châu Diêm Vương rồi cơ đấy! Đã hết sốt rét chưa con?

Đứa bé không nói gì, chỉ đưa đôi mắt vừa đen vừa sáng chăm chăm nhìn. Cái đầu nó rất to, cái cổ ngẩng đội cái đầu ấy, rõ ràng là có nguy cơ không biết gãy lúc nào.

- Mày có muốn đi làm kiếm lấy mấy công điểm không? Cái bộ dạng của mày như thế, liệu làm nổi được công việc gì? Có khi người ta đánh cái rắm mày cũng đổ. Thôi cứ theo anh thợ đá đến chỗ cống xả lũ mà làm chân thợ phụ đi, mày thấy thế nào? Về nhà lấy chiếc búa, rồi ra chỗ đập đá mà đập lấy mấy hòn, cứ theo như kinh nghiệm đã có, việc của công xã đều chỉ là nhào nhào qua quýt cho xong chuyện thôi mà!

Thằng bé được đón lên làm thợ phụ cho anh thợ đá, khe khẽ giật giật vạt áo anh ta. Anh thợ đá thân thiện vỗ vỗ lên chiếc đầu trọc lóc của nó, dặn:

- Về nhà bảo bà dỉ ghẻ đưa cho một chiếc búa, rồi ra, anh đội em ở đầu cầu.

Thằng bé chạy vọt đi. Chỉ có động tác chứ không có tốc độ chạy, cặp chân bé nhỏ nhào nhào vung lên, trông chẳng khác nào thằng bù nhìn rơm bị gió thổi cho lay động. Ánh mắt của mọi người đều đưa theo nó, nhìn theo tấm lưng trần của nó mà thấy mình ớn lạnh.

Ông đội trưởng giật giật tấm áo kếp của mình, gọi theo thằng bé:

- Về mà bảo mẹ kể mày đưa cho chiếc áo mà mặc vào. Hừ! Cái thằng, đúng là một con bọ đáng thương.

Thằng bé rón rén bước vào nhà. Một đứa bé thò lò hai giải mũi xanh, đang ngồi ở sân nguấy bãi nước đá chơi, thấy thằng lớn tới, bèn ngẩng bộ mặt bần như ma lem lên, rồi giơ hai tay gọi:.

- Anh... anh... bé...

Thằng Cu Đen cúi xuống sân, nhặt một chiếc lá mạn màu đỏ nhạt, chùi mũi cho thằng em do mẹ kế sinh ra, rồi "bẹt" một tiếng, dán vào tường, như dán truyền đơn. Nó vỗ vỗ vào thằng em, bước hẳn vào trong nhà, tìm thấy ở góc nhà một chiếc búa tròn, mũi nhọn, cán bằng sắt, lạng lẽ đi ra ngoài. Thằng bé con nhao theo anh mà gọi, nó quay lại kiểm một cành cây, vẽ quanh thằng em một vòng trong thật to, rồi vội vàng lao về phía cuối làng, nơi có một con sông, không lớn, nhưng cũng không thể gọi là bé, trên sông có bắc chiếc cầu đá với chín lỗ vòm cầu. Trên bờ đê trồng đầy thùy liễu, về mùa hè, nước sông lên to, cành liễu đâm đầy những chùm hoa màu đỏ. Bây giờ nước đang cạn, những chùm hoa cũng đã khô cong, những chiếc lá vàng chậm chạp trôi theo dòng nước. Dăm con vịt bơi loăng quăng bên mép sông, thỉnh thoảng lại chìm những chiếc mỏ đỏ xuống những đám cỏ, và "cạc cạc" "cạc cạc" mò tìm, nhưng chẳng biết có mò được cái gì không.

Thằng bé chạy lên đến bờ đê đã một thở không ra hơi. Khuôn ngực gầy gò nhô lên như một con gà mái đẻ cục tác.

- Cu Đen!

Anh thợ đá đứng trên đầu cầu đá, lớn tiếng gọi nó:

- Mau lên!

Thằng bé vẫn trong tư thế chạy, lao tới trước mặt anh, anh thợ đá nhìn nó, hỏi:

- Em không rét à?

Thằng bé ngây ngây nhìn, anh thợ đá, mặc chiếc quần may bằng vải lao động, chiếc áo blu đông cũng may bằng vải lao động, bên trong còn mặc chiếc áo thể thao màu đỏ lửa, cổ áo bẻ ra ngoài, trông rất nổi, thằng bé nhìn vào chiếc cổ áo, như nhìn vào đồng lửa.

Anh thợ đá khe khẽ bóp vào đầu thằng bé một cái:

- Nhìn gì tao mà nhìn kỹ thế?

Chỉ cái bóp nhẹ mà đã làm cho đầu thằng bé lắc lư, lảo đảo như chiếc trống bỏi rao hàng của người đàn ông bán tạp hoá rong.

- Thằng em ơi! Mày đã bị bà dì ghẻ đánh đến mù mị người đi mất rồi.

Anh ta huýt sáo miệng, ngón tay nhẹ nhẹ gõ lên đầu Cu Đen lấy nhịp, rồi cùng bước lên cầu đá chín vòm.

Cu Đen thận trọng bước, cố gắng lựa chỗ cho khuỷu đốt ngón tay của anh thợ đá gõ xuống rất to, cứng như một chiếc chày con, gõ lên đầu rất đau, nhưng Cu Đen vẫn cố chịu, không kêu một tiếng, chỉ hơi hơi nhếch mép lên. Miệng anh thợ đá cũng rất dẻo, đôi môi đỏ tươi của anh khi khép khi mở, và từ đôi môi ấy lọt ra tiếng hót uyển chuyển của chim chiến chiến, bay tuốt lên đến tận mây xanh.

Qua cầu là sang đến bờ đê bên kia, đi quặt sang hướng tây độ nửa dặm đường, là đến cửa cống xả lũ.

Trên thực tế, cửa cống cũng là một chiếc cầu, nhưng so với những chiếc cầu nó khác ở chỗ có lắp thêm những

cánh cửa để ngăn nước, nhấc cửa lên là nước chảy. Bên triền đê trồng đầy những đám hoè bông tím, chân đê là đám đất cát tơi xốp của bãi sông, mọc đầy những cỏ cây hoang dại, bật ngay lên sau khi nước rút. Bên ngoài bãi sông là một khoảng đất mênh mang, năm nào đất phù sa cũng tích tụ vào đấy, thành một tầng dày trên lớp đất đen rắn chắc, làm cho đất đai trở thành màu mỡ phì nhiêu.

Năm nay nước lũ không lớn, nên không đe dọa gì đến đê sông, cống xả lũ không phải nâng cửa lên, trong vùng đất thoát lũ trông toàn một giống đay Bắnggan. Những ruộng đay tốt ngút ngàn như những khu rừng nguyên sinh. Lúc ấy trời còn sớm, nên trên những ngọn cây đay, vẫn còn phơ phất màn sương mỏng vờn quanh, ở những nơi thật xa, những cây đay ẩn dưới lớp khói sương, trông như một vùng biển cả.

Khi anh thợ đá và thằng Cu Đen đi tới chỗ cống xả lũ, thì trên bãi cát trước cửa cống đã đứng lố nhô hai tốp người. Một tốp nam, một tốp nữ, trông như hai trận tuyến đối địch nhau. Có một ông cán bộ công xã, tay cầm cuốn sổ nhỏ, đứng giữa hai đám nam nữ, đang nói cái gì đó, cánh tay của ông ta thỉnh thoảng lại vung lên, hạ xuống.

Anh thợ đá dắt Cu Đen đi men theo đầu cống, bước lên những bậc xi măng, tới trước mặt ông cán bộ công xã.

- Thưa phó chủ nhiệm Lưu, thôn chúng tôi có mặt.

Anh thợ đá thường được phân công đi làm những việc của công xã, phó chủ nhiệm Lưu lại là người thường dẫn đầu đoàn binh mã ấy đi làm việc ở các công trình, cho nên hai bên đều đã quen biết nhau.

Cu Đen nhìn chiếc miệng rộng của phó chủ nhiệm Lưu, cùng đôi môi tím lại đang lập bập vào nhau, phát ra những âm thanh liên tiếp:

- Anh thợ đá, lại vẫn là cái thằng anh hủ! Cái làng anh đúng là cái mả mẹ nó, rất biết cách chọn người, củ anh, cái hòn trứng trơn tuột, không làm sao mà vọt giữ được, luôn luôn làm người lộn tiết. Thế còn thợ phụ đâu?

Thằng bé thấy anh thợ đá lại lấy ngón tay gõ gõ lên đầu nhìn.

- Thế này mà tính là người à!

Phó chủ nhiệm Lưu tóm lấy cổ thằng bé lắc lắc liên mấy cái. Gót chân Cu Đen hình như bị nhấc bổng khỏi mặt đất:

- Đưa cái con khỉ còi này đến, liệu mày có cầm nổi cái búa không?

Phó chủ nhiệm Lưu hằm hằm nhìn Cu Đen.

Anh thợ đá lôi thằng bé từ tay phó chủ nhiệm Lưu ra, nói nửa thật nửa bỡn:

- Được chứ sao. Đồng chí Lưu Thái Dương, xã hội chủ nghĩa ưu việt mà, người nào cũng phải kiếm cơm ăn, thằng Cu Đen này đã ba đời là bần nông rồi đấy ạ, nếu xã hội chủ nghĩa không chăm sóc, thì ai chăm sóc? Hơn nữa nó phải sống với bà dì ghẻ, bố đẻ ra nó lại bị ma trêu quỷ ám làm sao đấy, bỏ làng đi xuống vùng Quan Đông, một đi, ba năm liền không thấy bóng, không biết bị con gấu mù nó liếm, hay bị con sói non nó đớp rồi. Tình thương yêu giai cấp của ông bỏ đi đâu?

Thằng Cu Đen bị co đi, kéo lại khiến đầu óc choáng váng. Vừa rồi khi nó bị lôi lại phía chủ nhiệm Lưu, nó

ngửi thấy từ miệng ông phà ra hơi rượu, mà khi ngửi thấy cái mùi đó là nó buồn nôn, trong miệng của bà dì ghẻ nó đúng cái mùi vị như thế. Kể từ khi bố nó đi khỏi nhà, dì ghẻ nó vẫn thường lấy bí ngô phơi khô, bảo nó ra quán đổi lấy rượu mang về, và cứ hễ uống say là nó phải ăn đòn, ăn cầu, ăn véo.

- Đồ khỉ còi!

Phó chủ nhiệm Lưu rửa thế, rồi không thèm đếm xỉa gì tới nó nữa.

Cu Đen xách chiếc bừa tròn đầu nhọn, lập cập bước lên mặt cống. Cống xả lũ trăm mét rộng, mấy chục mét cao, mặt bắc có một ô vuông lớn, một chiều đúng bằng thân cống, bên trong ô vuông này vẫn còn giữ được nước mưa mùa hè. Thằng bé đứng trên mặt cống, tay giữ lan can, nhìn xuống những viên đá xanh lát dưới đáy ô, có mấy con cá còm màu đen đang lừ đừ bơi giữa các khe đá. Hai đầu cống dính liền với hai thân đê cao, con đê cũng chính là con đường giao thông bên huyện lỵ. Thân cống rộng năm mét, hai bên mép đầu đều có hàng lan can cao nửa mét. Mấy năm trước, đã có mấy người đi xe đạp bị xe ngựa đâm, rơi xuống cống, có người bị gãy chân, có người bị gãy lưng, có người chết tươi. Khi ấy mặt cống so với bây giờ còn nhỏ hơn nhiều, nhưng riêng người nó khi đó, da thịt còn nhiều hơn bây giờ nhiều, hồi đó, bố nó còn chưa đi Quan Đông, dì ghẻ nó còn chưa uống rượu. Nó chạy lên mặt cống để xem việc xảy ra ở đấy, nhưng nó đến hơi chậm, nên người bị đâm ngã xuống cống đã được khiêng đi rồi, chỉ thấy dưới ô nước có chỗ loang loang màu hồng màu đỏ. Mũi nó rất tinh, ngửi thấy mùi tanh tanh của máu từ dưới nước bốc lên.

Tay nó nắm vào lan can đá lạnh buốt, nó gõ gõ chiếc búa lên đó, lắng nghe âm thanh của chiếc búa, và thanh âm của hàng lan can, trước mắt nó bỗng tiêu tan đi hết chuyện ngày xưa.

Ánh sáng mặt trời chiếu sáng trên bãi đay mênh mông bên ngoài cổng, nó nhìn thấy những dải khói sương mỏng luồn lách quần quanh trong bãi đay. Bãi đay dày đặc, chỉ bên dưới gốc còn loáng thoáng có kẽ hở, nửa trên, lá đay chen nhau kín đặc, ướt đầm đìa, bóng loáng. Nó quay nhìn về phía tây, là những ruộng khoai lang, lá khoai tím tím cũng sáng óng ánh. Cu Đen biết rằng loại này là khoai giống mới, dây ngắn, củ to, đậm ngọt, vỏ trắng, ruột hồng, đem luộc là bỏ tung. Phía bắc của những ruộng trồng khoai lang là ruộng rau, những đất phần trăm của xã viên trước kia nay đều tập trung về công xã, nên đội sản xuất để trồng rau. Cu Đen còn biết rằng, những ruộng rau, ruộng khoai lang này của một làng nằm cách xa đây những năm dặm đường, mà làng này lại là một làng vô cùng giàu có. Trong ruộng có rau cải thìa, hình như còn có cả cải củ nữa, lá củ cải xanh sẫm gần như đen lại, tốt um, ở giữa ruộng có hai gian nhà tranh, sống trong đó là một ông già độc thân, điều ấy thằng bé cũng biết. Phía bắc của vườn rau ấy, là những ruộng đay nhìn chẳng thấy bờ. Phía tây của ruộng rau lại là những bãi đay, cũng chẳng thấy bờ đâu. Ba bề đay với một con đê, khiến vườn rau và cả ruộng khoai lang trở thành một chiếc giếng vuông khổng lồ...

Thằng bé cứ nghĩ, rồi lại nghĩ, những chiếc lá tím tím ấy, những chiếc lá xanh sẫm ấy, trong nháy mắt đã biến thành nước trong chiếc giếng vuông, tiếp đó, ngay những

cây day đều biến thành nước, mấy con chim sẽ bay bay nhảy nhảy trên những ngọn cây day bỗng biến thành chim bói cá, bay lượn trên mặt nước rình bắt cá tôm...

Phó chủ nhiệm Lưu vẫn đang đưa ra những lời dạy dỗ, đại ý là: Muốn nông nghiệp học tập được Đại Trại, thì phải coi thủy lợi là nguồn động mạch, tám chữ hiến pháp thì "*thủy*" là một, nông nghiệp không có nước sẽ giống đứa bé không có mẹ, hoặc có, nhưng người mẹ lại không có sữa, mà vú lại bị tắc tia sữa, thì cũng coi như không có sữa, đứa bé sẽ không sống nổi, mà có sống được thì cũng thành con khỉ con còi cọc...

Ông phó chủ nhiệm Lưu lấy tay chỉ về phía thằng Cu Đen đang đứng trên mặt cống. Nó đứng quay lưng về phía mọi người, trên tấm lưng trần của nó có hai vết sẹo, lấp lánh dưới nắng...

- Vậy mà, cống này của ta lại vừa quá bé, vừa không an toàn, năm nào cũng có người chết, uỷ ban cách mạng công xã coi trọng việc này, sau khi đã nghiên cứu, cẩn thận, quyết định mở rộng thêm. Do đó, đã điều động từ các đội sản xuất tới đây hơn hai trăm nhân công... Nhiệm vụ của giai đoạn thứ nhất là như thế này: Đàn bà con gái cùng với các bà nạ dòng, thêm vào đó là cái con khỉ còi kia nữa...

Ông lại chỉ lên thằng bé đứng trên cống, có ánh mặt trời đang chiếu vào hai vết sẹo của nó giống như chiếu vào hai tấm gương nhỏ:

- ... có nhiệm vụ đập nhỏ năm trăm khối đá xanh thành những viên như viên như viên thuốc dưỡng tâm hoàn, hoặc to bằng lòng đỏ quả trứng gà... Còn thợ đá có nhiệm vụ đục gọt những hòn đá to theo kích thước

qui định cho gọn gàng, phẳng phiu... Còn đây nữa là hai người thợ rèn của chúng ta.

Ông ta chỉ vào hai người da bánh mật, trong hai người này một người cao, một người thấp, một người già, một người trẻ.

- Nhiệm vụ của họ là sửa chữa, tôi lại những choòng, những đục, những thố cho thợ đá... Còn về chuyện ăn uống, những người ở gần quanh đây, về nhà ăn cho tiện, còn người ở xa, thì về thôn trước mặt kia ăn, ở đấy chúng tôi có một bếp ăn tập thể... Còn việc ngủ nghỉ, những người ở gần, về nhà ngủ, những người ở xa, không về được, ngủ ở vòm cổng, nữ thì bắt đầu từ hướng đông kéo sang hướng tây, đàn ông thì từ hướng tây kéo sang hướng đông. Trong vòm cổng đã trải sẵn những chiếc ổ bằng rơm lúa mạch, mềm mại y như giường đệm lò xo, thoải mái đời sống đồ chó các người. - Vừa nói ông vừa chỉ vào mấy chục chiếc vòm cổng.

- Ông phó chủ nhiệm, ông cũng ngủ trong vòm cổng chứ?

- Tôi là lãnh đạo, tôi có xe đạp. Tôi thích ngủ đâu, tôi ngủ đấy, tôi không thích ngủ đâu, tôi không ngủ đấy, chớ có phải lo lắng mà thối ruột thối gan ra. Trưởng quan cưỡi ngựa, binh lính cũng đòi cưỡi ngựa sao? Đồ đều, hãy cứ biết làm ăn cho nó tử tế, công xá hàng ngày phát đủ, bồi dưỡng thêm nửa ký lương thực và hai hào công thủy lợi, ai không muốn làm thì rút xéo. Thằng khỉ còi kia nhận đủ tiền lương thực, mở rộng cổng xong, bảo đảm nó sẽ béo phì ra...

Những lời nói của ông phó chủ nhiệm, thằng bé không nghe được câu nào, hai cánh tay của nó móc vào

lan can đá, hai bàn tay nó nắm chắc chiếc búa. Nó nghe những tiếng hót của bầy chim trong bầy day mà nghe như hát, và cũng lại như nghe hát khi những con côn trùng mùa thu rí rả ngân nga. Những đám khói sương quanh quất vương vào đám lá day, hoặc những thân cây đã ngả màu mận chín, hoặc màu xanh lục, tiếng đập cánh bốc bay của những con châu chấu mà nghe như tiếng tàu hoả qua cầu sắt. Nó đã từng nằm mơ thấy tàu hoả, đó là con quái vật một mắt, bò xuống mà chạy, mà lại chạy nhanh hơn ngựa, nếu như nó đứng mà chạy thì sao nhỉ? Trong lần nằm mơ ấy, khi chiếc tàu hoả vừa đứng lên, nó đã bị chiếc cán chổi của bà dì ghẻ đập cho tỉnh mộng. Ấy là dì ghẻ gọi nó dậy để đi ra sông gánh nước. Chiếc cán chổi quất vào mông nó, không thấy đau, chỉ thấy nóng nóng. Tiếng quất giống như tiếng người ta lấy cây gậy đập vào bao tải bông từ nơi rất xa vọng lại. Nó đặt chiếc đòn gánh lên vai, thì đôi thùng vẫn sát là là mặt đất. Nhưng khi gánh đôi thùng đầy nước lên vai thì nó nghe thấy tiếng xương kêu "răng rắc", "răng rắc", những sợi gân cùng xương bả vai gắn liền lại với nhau. Con đường nhỏ leo lên dốc dè, bị những cây liễu cong làm cho thành ngoằn ngoèo đi. Có một cây liễu hình như chứa nam châm, nên nam châm hút mạnh thùng sắt, khiến đôi thùng dung đưa lảo đảo. Và cây liễu đã đập vào chiếc thùng, làm cho nước trong thùng sóng sánh, tràn xuống mặt đường nhỏ, rất trơn, chân nó dẫm lên đó, giống như dẫm vào một mảnh vỏ dưa hấu. Và nó cũng chẳng biết nó đã ngã xuống theo kiểu nào, còn nước thì như một dòng thác, ập vào nó, làm cho nó ướt ráo cả. Mặt nó bị toạc một miếng, chồm mũi gần như bị phẳng ra, những góc cổ

cứng sắc, làm mất nó thành lỗ chỗ. Mấy giọt máu mũi thấm xuống miệng, nó nhổ ra một bãi, nuốt vào một bãi. Những chiếc thùng sắt lăn lông lốc xuống ven sông. Nó vội vàng chồm dậy, đuổi theo. Một chiếc nằm nghiêng trên đám cỏ bờ sông, còn một chiếc lăn xuống nước bị nước kéo trôi đi. Nó chạy theo ven bờ nước đuổi theo chiếc thùng, dưới chân nó mọc đầy những củ ấu mà nó và bạn nó vẫn thường gọi là "chó đen bốn sừng". Mặc dù đã bám chân chặt vào những gốc cỏ, vậy mà nó vẫn bị rơi xuống nước. Nước sông rất ấm, ngập chưa tới rốn, chiếc quần bị ướt, nước làm cho nổi bênh lên, quần quanh lưng quanh bụng nó như một con sứa. Nó bị bồm trong nước đuổi theo chiếc thùng, và cuối cùng đã tóm được, lôi ngược về. Nó mở rộng hai cánh tay ra, một lôi chiếc thùng, một cào khoả nước, từng cái, từng cái một. Nước rất cứng khiến nó lão đảo. Người nó ngã về phía trước, chiếc cổ cũng ngã theo, dồn hết sức cho cánh tay. Hình như có cả một đàn cá đang bao vây nó, vì giữa hai đùi thỉnh thoảng lại có một chiếc miệng cá mềm mại, đớp rĩa. Nó đứng hẫ hẫ lại, như để thử xem thế nào, nhưng hề làm vậy thì mọi việc đớp rĩa lại im hết, và cái cảm giác đó cũng hoàn toàn biến mất. Trên mặt nước bỗng như tối lại, hình như đàn cá đã sợ hãi bơi đi. Nó lại bơi, thì cái cảm giác khoan khoái đó lại xuất hiện, đàn cá hình như lại bầu tối... Thế là nó không dừng lại làm gì nữa, nó nhắm mắt nó lại, cứ đi, cứ đi...

- Cu Đen!

- Cu Đen!

Nó bất chợt tỉnh lại, mở to đôi mắt, cả đàn cá đã hoàn toàn biến mất. Nhưng chiếc búa cũng từ tay nó tuột rơi, rơi thẳng xuống vuông nước xanh của cống.

tung lên những giọt bọt nước trắng, trông như một bông hoa cúc.

- Cái con khỉ còi này, đầu óc bị đập mất rồi!

Lưu Thái Dương đi lên mặt cổng, xoắn tai thằng bé nói to:

- Ra chỗ các mẹ, mày đang đợi cùng đi đập đá kia, thử tìm trong số đó ai làm mẹ nuôi không.

Anh thợ đá cũng lên đó xoa xoa cái đầu trọc, lạnh ngắt của nó nói:

- Đi đi! Đi mò lấy chiếc búa lên đã. Đập được hòn nào hay hòn ấy, chán đập thì chơi.

Lưu Thái Dương ngoác miệng nói:

- Anh mà chim chuột trai gái, tôi sẽ xẻo tai anh nhắm rượu!

Cu Đen run rẩy chui qua lỗ lan can, hai tay bám chặt thanh sắt dưới cùng, và cả người nó treo lủng lẳng bên ngoài giải lan can!

- Mày muốn chết hả?

Anh thợ đá kêu lên, cúi xuống nắm lấy tay thằng bé. Nó duỗi người một cái, lập tức dính chặt vào cái góc nhô ra của chân móng, rồi khéo léo tụt xuống. Người nó ép chặt vào vách móng cổng màu trắng, chẳng khác gì con thạch thùng bò trên mảng tường vôi. Nó nháy tôm xuống nước, mò được chiếc búa, rồi bò lên bờ cổng, chui vào trong vòm cổng, và biến mất.

- Cái thằng khỉ còi này...

Lưu Thái Dương sờ sờ cằm nói tiếp:

- Bố tiên sư cái con khỉ còi này!

Thằng Cu Đen từ trong vòm cổng chui ra, khép nép

đi về phía những người phụ nữ. Đám phụ nữ đang cười nói, văng bậy bằng những lời vô cùng tục tĩu, đám con gái choai choai kẹp vào đấy, nửa thích nghe, nửa sợ nghe, mặt mũi đỏ bừng bừng như chiếc mào gà. Khi thằng Cu Đen đuổi kịp họ, tất cả mồm miệng của cánh đàn bà im thin thít. Cũng chỉ im được một lát, lại có mấy người ghé vào tai nhau nói thầm, rồi nhìn xem thằng bé có thái độ gì không.

- Trông kìa, khốn khổ chưa cái bộ dạng thằng bé... có biết mùa này là mùa nào không mà để nó cởi trần như thế kia?

- Không phải từ trong mông mình bịch ra, thì chả có thương xót thì dâu!

- Nghe nói dì ghẻ nó làm cái việc ấy đấy!

Thằng Cu Đen quay người đi, mắt nhìn ra sông, không nhìn những người đàn bà đó nữa...

Nước sông loang loang khoảng hồng khoảng xanh, những chiếc lá liễu bên kia sông bay bay, trông giống như những con chuồn chuồn lượn.

Một cô gái đội chiếc khăn vuông đỏ trên đầu, đứng ngay sau lưng thằng bé, khẽ hỏi:

- Này! Em! Em ở làng nào vậy?

Thằng bé nghiêng đầu, liếc nhìn cô gái bằng góc mắt. Nó nhìn thấy trên mặt cô gái có lớp lông tơ vàng vàng, hai mắt cô thật to, nhưng do lông mày cô rất dày, rất tốt, nên khi đôi mắt cúp xuống lại có vẻ lèm nhèm.

- Em, em tên là gì?

Chính lúc đó, Cu Đen lại đang "đánh vật" với quả

tật lê trên mặt cát. nó lấy ngón chân bứt từng quả tật lê sáu gai hoặc tám gai xuống, rồi lại lấy chân mà dầm để tách bóc từng quả ra, bàn chân nó cứng như móng lừa, móng ngựa, khiến từng chiếc gai của quả tật lê gãy rời ra, và rồi từng quả, từng quả giập vỡ.

Cô gái cười khoan khoái:

- Giỏi đấy! Cậu bé đen nhẻm ạ! Chân của em như là bàn tay sắt vậy. Ô kìa! Làm sao em cứ chẳng nói gì thế?

Cô gái nhẹ nhẹ đập hai ngón tay lên vai Cu Đen, nói:

- Này! Em có nghe thấy gì không? Chị hỏi em đấy!

Cu Đen cảm thấy hai ngón tay ấm áp, thân mật từ vai mình tuột xuôi xuống, và dừng lại ở chỗ vắt sọc trên lưng.

- Ối giỏi! Cái này, cái này làm sao mà ra thế hử?

Hai vành tai Cu Đen hơi rung rung. Lúc này cô gái mới chú ý tới đôi vành tai rất lạ kỳ của nó:

- Ô! Vành tai lại còn biết rung nữa! Kìa! Trông nó cứ như đôi tai thỏ vậy.

Cu Đen cảm thấy hai ngón tay lại chuyển dần lên tai nó.

- Cho chị biết đi nào, thằng cu đen nhẻm, sao lại có những vết sọc này?

Cô gái nhẹ nhẹ kéo vành tai, làm cho nó quay người lại, mặt áp sát vào ngực cô. Nó ngẩng đầu lên, mắt vẫn nhìn thẳng, thấy những vạch đỏ, ngang dọc trông lên nhau tạo thành những ô vuông, và có một chiếc đuôi sam của những ngọn tóc vàng vàng, nằm trên những ô vuông đó:

- Chó cắn hả Hay là bị nhọt. Hay là tại trèo cây? Khổ chưa kìa, thật tội nghiệp...

Cu Đen cảm động ngẩng mặt nhìn lên, nhìn chiếc cằm tròn của cô gái, rồi mũi nó khịt lên một tiếng.

Một người đàn bà có khuôn mặt phèn phẹt nói vọng về phía cô gái:

- Cúc! Định nhận con nuôi hả?

Mắt thằng Cu Đen đưa đi đưa lại mấy cái, lòng trắng như con thiêu thân chao đảo.

Cô gái nói:

- Ủ! Đúng rồi, cứ gọi chị là chị Cúc, chị ở Tiền Điền, cách đây mười dặm, nếu em thích em cứ gọi chị là chị Cúc.

- Cúc ơi! Mê thằng bé rồi hả? Hay là định chọn anh rể chọi đấy? Thế thì cứ là còn khổ, cái con vẹt con này, ít ra còn phải dăm năm nữa mới cất tiết được.

Cô gái mắng lại người đàn bà ục ịch đó:

- Rõ thật là thối mồm! Cứ há miệng ra là cút bay tung toé!

Cô lôi thằng Cu Đen đến trước một đồng đá cao ngất ngêu như ngọn núi, chọn cho nó một hòn bằng phẳng, rồi nói:

- Ngồi đây, tựa vào chị, từ từ mà đập!

Cô kê cho mình một chỗ ngồi, ngay bên cạnh thằng bé.

Rất nhanh, chỉ trong nháy mắt, trên cả bãi cát bên cạnh cửa cống xả lũ đã vang lên những tiếng đập đá "bốp bốp", "bịch bịch"...

Những người đàn bà lấy ngay thằng Cu Đen làm đầu đề bàn về sự gian nan trên trần thế, cũng như những nguyên nhân gây ra sự gian nan khốn khổ đó.

Những thứ "triết học đàn bà", chứa đựng đầy trăn

lý vĩnh hằng qua những lời nói lôm côm, lằng nhằng, nhưng không lọt được vào tai cô Cúc, sự lưu tâm của cô là quan sát thằng bé con.

Lúc đầu, thằng bé còn thỉnh thoảng ngược đôi mắt to lên nhìn cô, như để trả lời sự quan tâm của cô đối với mình, nhưng rồi, nó rất nhanh, như chìm vào cõi thiền, đôi mắt mở to, chẳng biết nhìn vào cái gì. Tay trái nó mò mẫm, sờ nắn, nhặt những hòn đá, tay phải giơ búa lên đập, mỗi khi giơ tay lên gân cốt nó như rã rời ra hết nhưng khi hạ chiếc búa xuống, lại như ném một vật nặng mà không điều khiển được, có lúc đã khiến cô Cúc gần như phải kêu lên, nhưng rồi không xảy ra chuyện gì, chiếc búa vạch một vòng tròn trong không khí, đập trúng vào hòn đá.

Mắt thằng Cu Đen vốn rất chăm chú nhìn vào hòn đá, nhưng tai nó chợt nghe thấy một thanh âm rất kỳ lạ, từ ngoài sông vọng vào, nghe rào như tiếng đàn cá nhảy, những thanh âm rất nhỏ, lại lúc xa lúc gần, nó tập trung tinh thần cố nắm bắt lấy cái âm thanh đó, và rồi tai nó, mắt nó đều tập trung cả vào công việc ấy... nó nhìn thấy những đám hơi phát sáng bốc lên trên mặt sông, và những âm thanh kia, chừng như đang ẩn náu trong đám hơi ấy, chỉ cần nó nhìn cho rõ cái đám hơi thần kỳ đó, thì những âm thanh kỳ diệu kia khó có thể chạy thoát được. Khuôn mặt nó dần dần ửng đỏ lên, và trên mép nhếch một nụ cười hoan hỉ. Nó đã quên phút đi rằng mình đang ngồi ở đâu, còn cánh tay đang lần lượt giơ lên hạ xuống là cánh tay của một người nào khác rồi. Thế rồi nó cảm thấy ngón tay buốt nhói, và cánh tay trái bất chợt giật thót lên. Cúi đầu xuống

nhìn, ngón móng tay cái đã bị giập thành mấy mảnh, những dòng máu từ khe móng tay tứa ra.

Cô Cúc vụt đứng dậy:

- Cu Đen đập vào ngón tay rồi phải không?

Cô bước tới trước mặt thằng bé, cúi xuống nhìn rồi kêu lên:

- Cha mẹ ơi! Nát hết cả đầu ngón tay ra rồi! Mà có ai làm ăn như em không? Người ở đây, còn hồn vía lại ở tận nước nào nước nào ấy!

Cô Cúc trách móc thằng bé, còn nó chỉ vờ một vốc đất dịt vào chỗ ngón tay bị giập.

- Cu Đen, em lú lẫn rồi sao thế, trong đất là đủ các thứ bần thiêu đấy!

Nói, rồi cô lôi thằng Cu Đen ra bờ sông, bước chân thằng bé dẫm thành thịch thịch trên mặt đất trơn tuột. Cô ngồi xổm xuống bên bờ, nắm chắc tay thằng bé nhúng xuống nước. Một đầm nước lơ lơ màu vàng nổi lên bên trên bàn tay thằng bé, đám đất hoàng thổ đã được rửa sạch, nhưng những tia máu vẫn cứ toả ra, loay hoay trong nước giống như một sợi chỉ đỏ. Móng tay nó giống như những mảnh của viên ngọc bị đập vỡ.

- Đau không?

Thằng bé không nói gì.

Lúc này, ánh mắt nó lại đang chú ý tới những con tôm ở dưới đáy nước, người con tôm trong suốt, hai chiếc càng dài của nó khe khẽ khua khua, vô cùng đẹp mắt.

Cô Cúc rút tấm khăn tay có thêu hoa hồng ra buộc quanh ngón tay cho thằng bé. Dắt nó về bên đồng đá, cô nói:

Ngồi đây mà chơi, chẳng ai biết đâu, đúng là thảnh thơi!

Tất cả những người đàn bà đều dùng búa đưa cặp mắt ước ước ngoảnh lại nhìn, chỗ đồng đá bỗng yên ắng hẳn đi. Những đám mây trắng như từng đàn cừu, bay qua trên nền trời xanh, trùm xuống đất bóng râm, rồi lại biến đi mất, và tiếp tục, khi có khi không, thả bóng râm xuống bãi sông mênh mông, cùng dòng nước sông dùng dằng chảy. Trên mặt những người đàn bà đều xuất hiện vẻ hoang liêu, lạnh lẽo, như những đồng ruộng không mọc nổi ngọn cỏ. Phải một lúc lâu sau, họ mới như chợt tỉnh và tiếp tục công việc đập đá của mình, tiếng búa loac choac, đơn điệu, lộ rõ nỗi buồn chán trong lòng họ.

Thằng Cu Đen âm thầm ngồi đấy, dăm dăm nhìn bông hoa hồng trên chiếc khăn tay, bên cạnh bông hồng lại có thêm một bông hoa nữa xuất hiện, đó là máu từ ngón tay nó thấm ra...

Những người đàn nhanh chóng quên nó đi, bắt đầu nói cười, khanh khách, khùng khục, Cu Đen đưa ngón tay bị thương lên mép, lấy răng cời nút chiếc khăn tay, rồi bằng bàn tay phải nhón lấy một nhúm đất, dịt vào đó. Cô Cúc định nói thì thấy nó dùng răng và bàn tay phải buột vết thương lại xong rồi. Cô thở dài rồi giơ cao búa đập mạnh xuống một tảng đá, đỏ màu gỉ sắt. Tảng đá rất rắn, cạnh sắc như dao, khi chiếc búa đập mạnh đã bật ra mấy tia lửa lớn, ban ngày mà vẫn nhìn thấy rõ.

Giữa trưa phó chủ nhiệm Lưu cưỡi chiếc xe đạp đen xì, từ phía làng anh thợ đá và thằng Cu Đen nhô ra. Ông đứng trên cổng xà lủ, huyết sáo ra hiệu đã đến giờ

ngiht, tuyên bố nhà bếp đã bắt đầu nổi lửa, chỉ dân công nào cách đây từ năm dặm trở lên. mới được tới đó ăn uống. Mọi người vội vã thu dọn dụng cụ.

Cô Cúc đứng lên.

Thằng Cu Đen cũng đứng lên.

- Cu Đen, nhà em cách đây bao xa?

Cu Đen không đáp, đầu nó ngắc ngư, ngó nghiêng, như đang định tìm kiếm cái gì. Đầu cô Cúc cũng nghiêng ngả theo đầu thằng bé và khi đầu nó dừng lại, đầu cô cũng dừng lại, cô nhìn thẳng về phía trước, bắt gặp cặp mắt tinh nhanh, sắc sảo của anh thợ đá, hai người nhìn nhau có đến mấy chục giây đồng hồ.

Anh thợ đá nói:

- Cu Đen, đi thôi, về nhà ăn cơm, mày không nên trợn mắt lên như thế, chỉ là hoài công trợn mà thôi. Nhà mình cách đây không tới hai dặm đường, chẳng có phúc có phận được ăn ở bếp tập thể đâu.

Cô Cúc hỏi anh thợ đá:

- Hai người ở cùng làng à?

Anh thợ đá vui vẻ gạt đầu, chỉ chỉ về làng mình.

Cô gái và anh thợ đá bắt chuyện với nhau, chuyện bình thường thôi, nhưng rất thân mật. Anh biết cô gái ở Tiền Điền, có thể đến ăn ở bếp tập thể, ngủ lại ở vòm cổng. Cô gái nói: Ăn ở bếp tập thể thì được, nhưng ngủ ở vòm cổng thì không nên. trời mùa thu này, gió thổi hun hút, trong đó rất giá... Cô gái hỏi nhỏ anh có phải thằng bé bị câm không. Anh bảo, không phải, trái lại nó rất tinh khôn, hồi bốn năm tuổi, tiếng nói của nó rõ ràng như lác đổ trong ống, giòn giã, mạch lạc, nhưng rồi về

sau, càng lớn lên càng ít nói đi, động một cái là ngây ngô câm miệng như một pho tượng đá, đổ ai biết lúc đó nó nghĩ gì. Em nhìn cặp mắt nó xem, đen nhay nháy, không thấy dây mắt được. Cô gái nói, cô cũng nhận ra sự không ngoan của nó, cho nên chẳng hiểu sao rất yêu thích, quý mến nó, coi nó cứ như thằng em trai mình. Anh nói: đó là do sự tốt bụng, thương người của em.

Anh thợ đá, cô gái, thằng Cu Đen là những người đi tụt lại hàng cuối cùng, anh với chị nói chuyện rất sôi nổi, chỉ tiếc rằng không thể đi một bước, lùi hai bước được. Thằng Cu Đen leo đèo phía sau họ, nhấc cao chân, đặt nhẹ gót, cái tinh thần ấy, cái cung cách ấy, chẳng khác gì con mèo đục đi tuấn, men theo các chân tường.

Trên cây cầu đá chín vòm, Lưu Thái Dương, do vướng víu mất thời gian ở gốc cây hoè bông tím, đang vội vã đạp chiếc xe tới kịp bọn họ, mặt cầu rất hẹp, nên không thể không từ trên xe nhảy xuống:

- Anh à vẫn còn ở đây mà vẫn tán tỉnh nhau cơ đấy? Khỉ còi sáng nay làm ra làm sao? O! Cái vuốt của mày bị làm sao?

- Nó bị búa đập giập ngón tay.

- Mả mẹ nó! Này anh thợ đá, trưa nay đi tìm cái ông đội trưởng nhà anh nhá, bảo ông ta phải lập tức đổi người đi, nếu nó có chết là tôi không chịu trách nhiệm đâu.

Cô gái nói to:

- Đây là bị thương trong khi lao động, vậy mà ông nhân tâm đuổi nó đi sao?

Anh thợ đá nói:

- Chủ nhiệm Lưu, tôi với ông vốn quen biết nhau đã

lâu, ông thử nói xem, một công trường to lớn như thế này mà ông sợ thừa một thằng bé sao? Đuổi nó về đội, với cái tay đau thế, ông bảo nó làm được việc gì.

Lưu Thái Dương trầm ngâm suy nghĩ rồi nói:

- Thằng khỉ con kia, cái mả mẹ nhà mày ấy nhá, thôi, cho mày đi làm việc khác vậy, cho mày đi kéo bễ lò rèn. Thế nào? Có biết kéo bễ không?

Thằng bé nhìn cô gái, rồi nhìn anh thợ đá như có vẻ cầu cứu.

Anh thợ đá nói:

Sao không kéo được?

Cô gái cũng động viên nó bằng một cái gật đầu.

2

Cu Đen kéo bễ ở chỗ lò rèn được đến ngày thứ năm, thì cái tấm thân trần của nó đã đen nhẻm, bóng lên như một hòn than mỡ, toàn thân nó, từ đầu tới chân, chỉ còn có bộ răng và lòng trắng mắt là trắng mà thôi, thành ra, cặp mắt của nó lại càng thêm long lanh sắc sảo, khi nó mím môi nhìn vào ai đó, thì càng thêm nóng bỏng, da diết như có một thanh sắt nung đỏ dìm vào, hai bên khe của hai cánh mũi nó đóng đầy bụi than trông như một khe rãnh, tóc như mọc ra được thêm nửa tấc, giữa nửa tấc tóc mới mọc ra đó cũng bết những bụi than. Bây giờ dần ông, dần bà trên toàn bộ công trường đều chính thức gọi là "Cu Đen", nhưng nó chẳng thèm để ý đến ai hết, ngay một cái nhìn thẳng vào ai đó, cũng không. Chỉ khi nào cô Cúc hay anh thợ

đá tìm đến chơi, thăm nó. nó mới trả lời họ bằng những ánh mắt của mình.

Trưa hôm qua, khi mọi người đều đã đi ăn cơm, thì một chiếc búa với chiếc thúng mới, đựng nước tôi choòng đục của ông phó cá bị mất. Ông Lưu Thái Dương đứng trên mặt cống, móc máy, chửi bới một hồi thật lâu, rồi giao cho Cu Đen một nhiệm vụ mới: Hàng ngày, cứ đến giờ ăn cơm trưa thì nó phải ở lại công trường để trông nom dụng cụ, còn suất cơm trưa của nó sẽ do ông thợ cá lĩnh mang về.

Ông phó chủ nhiệm Lưu nói:

- Cúng không cho cái con chó mực ấy một suất cơm.

Khi mọi người đã đến nhà ăn, thì cái công trường nhốn nháo, âm ỉ suốt cả một buổi sáng, bỗng ắng lặng hẳn đi. Cu Đen chui ra khỏi vòm cống, loanh quanh đi lại. Nó đếm đi đếm lại số vòm cống, từ giữa hai lần môi của nó vang lên những tiếng "chóp chép, chóp chép" và phun ra những bong bóng nhỏ. Đến vòm cống thứ bảy, nó đứng dừng lại, rồi quặp hai chân vào cái góc chồi ra của chiếc cột đá vòm cống, nhấp nhóm từng bước, từng bước leo lên. Leo lên được đến lưng chừng, nó bị tuột xuống, và bị toạc một đường da bụng thật dài, lấm tẩm máu. Nó cúi xuống nhúm một nhúm đất dịt vào chỗ da bị rách. Sau đó nó lùi lại mấy bước, khum bàn tay lên trán, che ánh sáng, nhìn lên chỗ khe hở giữa chân móng và mặt cầu, nó yên tâm.

Nó bỏ đó, bước nhanh tới chỗ những người đàn bà đập đá. hòn đá nó đã từng ngồi không còn ở đấy nữa. Nó tìm được ra đúng chỗ chị Cúc ngồi, bởi nhận ra được chiếc búa sáu cạnh của chị. Nó ngồi lên chỗ đó, loay

hoay di chuyển người, thay đổi tư thế ngồi, cho đến khi nó nhìn thấy khe hở giữa móng cổng với mặt cầu chỉ như một sợi chỉ, nó mới ngồi yên lại, hai mắt gắn chặt vào vật gì đó trong cái khe hở ấy...

Sáng hôm sau, từ thật sớm, nó đã chạy tới chỗ cửa cổng, ngồi xổm xuống trong vòm cổng ở phía tây. Nó đưa mắt, nhìn khắp lượt từ chiếc bễ đến chiếc kìm gấp, cùng búa to, búa nhỏ, đến chiếc thùng sắt và than lò, có thể nói nó nhìn đến mỗi hòn than, mỗi hòn xỉ. Sắp đến giờ làm việc rồi, tay phải của nó cầm chiếc xẻng xúc than, bới bới cho thông cửa lò than bị tắc, tay trái cố đẩy ống bễ, khối than cùng với ngọn lửa bắt đầu bén vào than bốc lên, làm cay mắt nó, nó phải đưa tay lên dụi mắt, khiến khoé mắt nó đỏ lên những tia máu, tím lại. Ống bễ mới lắp nên kéo rất nặng. Ngón tay bên bàn tay phải nó bị va vào bễ. Nhìn ngón tay, nó mới chợt nhớ đến chiếc khăn tay buộc vết thương. Chiếc khăn không còn trắng nữa, nhưng bông hoa hồng lại vẫn đỏ tươi...

Nó bỗng nghĩ sang chuyện khác bèn chui ra khỏi vòm cổng, nhìn vào khắp bốn xung quanh. Đứng trước vòm cổng thứ bảy, nó cởi chiếc khăn tay, ngậm lên miệng, rồi ra sức leo lên, nhét khăn vào khe đá... Nhưng chiếc bễ bị bỏ không, lò đã tắt. Trên trán nó lấm tấm mồ hôi.

Lúc này bên ngoài vòm cổng có tiếng chân thình thịch bước, nó giật mình lùi lại, nó lùi cho đến khi lưng chạm vào vách móng cổng lạnh lạnh. Cu Đen nhìn thấy đôi chân ngắn của một thanh niên đang khom lưng chui vào vòm cổng. Anh ta thấy lò đã tắt, cần thợ đang

lủng lơ trên lưng chừng ống bễ, rồi lại thấy Cu Đen đang dán mình vào tường, liền quát mắng:

- Thằng chó con kia, mày đến đây làm cái quái gì thế, lò thì để tắt, bễ thì kéo xiêu vẹo cả đi, chỉ còn thiếu có ăn đòn nữa thôi đồ chó ạ!

Thằng Cu Đen nghe thấy bên tai mình như có luồng gió thổi và một bàn tay như có mấu gai bặt xuống da đầu mình, liền theo đó là nghe thấy một tiếng vang rất giòn, và nó nằm sóng soài trên đất như con ếch.

Người thanh niên quát tiếp:

- Cút mẹ mày đi mà đập đá, đồ toi cơm!

Cu Đen biết đó là anh thợ phụ. Trên mặt anh ta đầy đặc những trứng cá, cái mũi lại giống như một con bê, phẳng phẳng, bẹt bẹt, đầy mồ hôi. Anh ta lập tức sửa sang lại lò bễ, moi móc thông ống thông gió, nhóm lửa.

Một ông già vừa cao vừa gầy, chậm rề rề bước vào vòm cổng hỏi:

- Không ủ lò hay sao, mà bây giờ phải nhóm?

Anh ta chỉ vào thằng Cu Đen:

- Cái thằng khốn nạn này nó làm tắt.

Ông lão nói:

- Để nó kéo bễ...

Vừa nói ông vừa quán lên ngang bụng mình một miếng vải màu vàng lòng trứng, tráng nhựa, rồi lại lấy hai miếng vải màu vàng lòng trứng, tráng nhựa buộc lên cổ chân mình để bảo vệ hai bàn chân. Trên những miếng vải tráng nhựa ấy thủng lỗ chỗ do những tia sắt vụn bắn vào.

Cu Đen biết rằng ông này là thợ cả.

Ông lão nói:

- Để cho nó kéo bể, còn anh chuyên quai búa, như thế cũng thành thời được đôi chút.

Anh thợ phụ không vừa lòng, lâu bầu:

- Để cho cái thằng ôn con này kéo bể? Nó gây quất queo như con khỉ thế kia, đứng trên chiếc bể nóng rực, có mà bị sảy thành củi khô!

Lưu Thái Dương đột ngột bước vào, mắt trợn trạo, nói:

- Sao nào? Thì chính anh đã chẳng đòi cho một người kéo bể là gì?

- Cần người kéo bể chứ không phải cần nó! Ông thử nhìn cái bộ dạng nó xem, có khi cái xẻng xúc than, mà mẹ nó cũng không cầm nổi, ông cho nó đến đây làm gì? Bầy cả cái thói tha lên mâm cho nó gọi là đủ món hả?

- Tôi biết thừa cái bụng dạ của ông rồi. Ông đòi một cô gái to to đến kéo bể cho ông hả? Phải thật xinh đẹp nữa cơ, hay là cho cái cô đội khăn vương đồ ấy đến đây nhá? Đẹp! Đẹp như cái củ đạn thối của ông ấy! Thằng Cu Đen kéo bể!

Lưu Thái Dương quát anh thợ phụ:

- Anh! Mả mẹ nó! Dậy bảo nó tử tế!

Cu Đen co ro cúm rúm đi bên chiếc bể, đứng yên ở đó, đôi mắt ngược lên như chờ đợi một cái gì đó ở ông phó cả.

Ông lão bước tới, dạy cho thằng bé động dậy, tổng hết những lời dạy dỗ của ông vào đấy.

Khi bắt đầu kéo bể, chân tay nó rất luỳnh quỳnh, mồ hôi toát ra như tắm, ngọn lửa thiêu đốt da thịt nó đau như những mũi kim nhọn đâm vào. Mặt ông lão vẫn lạnh như

không, khô cứng như một viên ngói, không thèm nhìn nó lấy một cái. Thằng Cu Đen cắn chặt môi dưới, luôn luôn phải đưa cánh tay đen dài lên lau mồ hôi chảy xuống bên hai con mắt. Ngực nó nhô lên thụt xuống, miệng nó mũi nó, thở hắt ra "hù hù" chẳng khác gì chiếc bể.

Anh thợ đá mang đến một mũi đục cùn rên lại, thấy thế bèn nói:

- Cố gắng được thì cố, không cố được thì quay về đập đá cũng không sao.

Thằng bé vẫn lẳng lặng cúi đầu.

- Cái đồ ương ngạnh này!

Anh thợ đá quăng chiếc đục xuống đất, rồi đi. Nhưng rồi anh lại quay lại ngay sau đó, cùng với cô Cúc. Cô hạ chiếc khăn vuông trên đầu quấn xuống cổ, làm cho khuôn mặt cô hiện lên đầy đủ rõ ràng.

Anh thợ rèn trong vòm cổng như thấy mắt mình sáng lên, cố gắng nuốt xuôi miếng nước bọt, rồi đưa đầu lưỡi đẩy ra liếm vào cặp môi khô cong nứt nẻ. Hai con mắt của anh ta bỗng to hơn cả hai con mắt của Cu Đen, nhưng trong con mắt bên phải lại có cái vẩy, giống "bông hoa củ cải" lơ lơ lòng trắng trứng che lấp mất lỗ con ngươi. Con mắt ấy bị như thế đã từ lâu, cho nên anh ta chỉ dùng con mắt trái nhìn mọi vật, tạo cho cái đầu thói quen là nghiêng về một bên phải. Đầu anh ta như tỳ lên vai phải và con mắt trái của anh phóng ra một luồng sáng nóng bỏng xuyên thẳng vào khuôn mặt hồng hào của cô con gái. Đầu chiếc búa tạ của anh chấm đất nằm lặng giữa hai đùi, tay anh nắm chiếc cán búa như nắm chiếc ba toong.

Ngon lửa trong lò bốc bùng bùng, khói đen cùng những tia lửa bốc thẳng lên trên vòm cổng, rồi lại bùng bùng quật ngược trở lại. Khói than che kín mặt thẳng bé, nó ho, từ trong ngực nó vang lên những tiếng "khò khè".

Ông thợ cả lạnh lùng nhìn thẳng bé, rồi lôi chiếc túi từ trong chiếc túi da đã lên nước nhẵn bóng, chậm chạp nhồi thuốc, ghé vào cửa lò châm thuốc, ông nhả hai cụm khói trắng vào trong đám khói đen, hai túm lông đen trong lỗ mũi ông cựa quậy, qua đám khói mù ông bình thần nhìn anh thợ đá và cô Cúc ở bên ngoài vòm cổng, nói với Cu Đen:

- Giảm bớt than đi, giải cho đều một chút.

Thằng bé vẫn mãi miết kéo bễ, thân hình còm cõi của nó ngả trước, ngửa sau, ánh lửa lò chiếu sáng lớp mồ hôi đang làm ngực nó ướt đầm, mỗi sợi gân đều hiện lên rất rõ ràng. Giữa những sợi gân ở ngực bên trái nó, là trái tim bé nhỏ của nó, tội nghiệp như một con chuột hối hả xoa bóp.

Ông thợ cả nói:

- Kéo nó dài dài lên, nhát nào ra nhát ấy!

Cô Cúc nhìn thấy môi dưới nó tím bầm vết máu, thì nước mắt chảy giàn giụa, kêu lên:

- Cu Đen, bỏ việc đấy giả họ. Đi! Đi về chỗ đập đá.

Cô chạy tới chỗ chiếc bễ, túm lấy hai cánh tay khẳng kheo như hai que củi khô của nó. Thằng bé ra sức vùng vằng, giãy giụa, trong cổ họng nó u ú như tiếng còi, chẳng khác gì một con chó con định cắn người. Người thằng bé rất nhẹ, cô Cúc túm lấy hai cánh tay nó, rồi nhấc nó ra khỏi vòm cổng, đôi chân nó kéo lê trên đất.

- Cu Đen, bọn chị không cho em làm ở đây nữa, em

không chịu đựng nổi khỏi bụi với lửa nóng dẫu, em gầy gò thế này, tháo hết mồ hôi ra, rồi thành cái bánh, nướng áp chảo. Về đập đá với bọn chị còn nhẹ nhàng hơn...

Tay cô Cúc to và khỏe, bàn tay to nhưng lại rất mềm mại, nắm cổ tay nó mà như nắm cổ chân con dê núi. Cu Đen cứ dần mình xuống, gót chân cứ cày trên đám đá vụn lổn nhổn.

Cô gái dừng lại, ngoảnh đầu lại bảo nó:

- Đồ ngu ngốc, bướng bỉnh ả, cứ ngoan ngoãn đi theo, chị mà kéo mạnh, chắc chắn là bị sái cổ tay đấy. Công việc ấy nặng nhọc thế em kham làm sao nổi.

Thằng bé nhìn cô Cúc bằng ánh mắt đầy giận dữ, rồi nó cúi nhanh đầu xuống, cắn một miếng thật mạnh vào cổ tay béo tốt tròn lẳn của cô khiến cô kêu lên một tiếng "ối" rồi rời tay ra. Cu Đen quay người, chạy tọt vào vòm cổng.

Rằng thằng Cu Đen rất sắc, trên cổ tay cô Cúc in rành rành vết hai hàm răng sâu hoắm. Hai chiếc răng nanh của nó giống như hai chiếc dùi nhọn, và từ hai cái lỗ nhỏ sâu đó tứa ra hai giọt máu...

Anh thợ đá rất chú ý tới việc này nên đã chạy lại, rút ra chiếc khăn tay nhàu nhĩ, định buộc vết thương cho cô Cúc. Nhưng cô đẩy anh ra, rồi cũng chẳng thèm nhìn, cúi người xuống, vơ một nắm đất dịt vào chỗ đau.

Anh thợ đá kinh ngạc kêu lên:

- Có vi trùng đây!

Cô Cúc quay về chỗ đóng đá ngổn ngang, ngồi xuống chỗ của mình, lặng lẽ nhìn ra lớp sóng bao la ngoài mặt sông.

- Xem kia, lại có thêm một người ngó ngán nữa!

- Thằng Cu Đen có đến tám phần là ma!

Những người đàn bà nói nhỏ vào tai nhau như thế.

- Cu Đen ra đây! Thằng nhãi nhép, con chó nhãi cắn cả Lã Động Tân, không biết được người có lòng tốt nữa!

Anh thợ đá vừa mắng nhiếc vừa chui vào vòm cổng, nơi có đặt bể lò rèn.

Một đám nước bắn thiêu, nóng hôi hổi từ trong vòm cổng hắt ra làm tối tăm mặt mũi anh. Quả có thế, người từ trong vòm cổng đã nhằm rất đúng anh thợ đá, và nửa thùng nước đã không bị phí hoài, trên mái tóc mềm mại của anh, cổ chiếc áo thể thao màu đỏ sẫm của anh bẻ ra bên ngoài chiếc áo blu đông lao động dính đầy những hạt sắt với bụi than. Đám nước bắn chảy như suối từ đầu anh xuống.

- Đồ mù hủ?

Anh thợ đá vừa chửi vừa lao vào bên trong vòm cổng:

- Đứa nào hắt nước hủ? Nói! Đứa nào hắt?

Chẳng một ai trả lời.

Anh ta quát:

- Mả mẹ thằng nào hắt nước vào tao thế hủ?

Anh thợ phụ chỉ lộ nửa người ra ánh sáng, hai tay giữ cán chiếc búa tạ, điệu đà nghiêng đầu nói:

- Bố mày hắt đấy thì đã sao nào?

- Mày mù hủ?

- Bố mày hắt nước, mày đi trúng vào, coi như cái số!

- Mày có biết lý nhẽ là cái gì không?

- Trong thời buổi này ấy mà, quả đấm to là có lý nhẽ nhất!

Anh ta giờ nắm đấm lên, và những bắp thịt trên cánh tay anh ta cũng nổi lên.

- Ra đây, thằng chuột! Hôm bố mày cho mày mù nốt con mắt cho ấy đi...

Anh thợ đá vừa nói vừa xông tới, ông thợ cả như vô tình bước ngang qua và vào và anh thợ đá chợt như nhận ra trong đôi tròng mắt sâu của ông lão như phóng ra một sức mạnh vật chất, lại hình như có mang theo một ám hiệu gì đó, nên ngay lập tức cơ bắp của anh ta bỗng nhũn nhão cả ra. Ông lão hơi ngửa mặt lên thuận miệng tung ra một câu hát, không rõ lời của một vở tuồng hay lời của bài hát nào:

Yêu mến chàng thiếu niên tuấn tú,

Đã thành thạo kiếm cung xứng danh con nhà võ,

Lại thuộc lòng thông tỏ thi thư.

Gió bụi dọc đường ném đủ mùi tân khổ...

Ông đột ngột dừng lại, và cũng thấy rõ ràng, lời hát thấm thiết bị thương tiếp theo đã bị nuốt trôi vào bụng. Ông lại nhìn anh thợ đá thêm lần nữa, rồi mới cúi người xuống, tội chiếc đục vừa mới rời đe. Trước khi tới, ông còn vén ống tay áo bên phải lên, thực tay vào trong thùng nước tôi như để dò nhiệt độ nước. Trên cánh tay ông có một vết sẹo màu tím sẫm, tròn tròn, ở giữa có lồi lên một miếng thịt, mặc dù nom không giống con mắt, nhưng anh thợ đá vẫn cảm thấy vết sẹo màu tím sẫm đó như một con mắt cổ quái nhìn mình. Anh nhếch mép một cái, rồi bỗng như người bị ma làm, vụt đi khỏi vòm cổng, và ở bên bể lò rèn ấy suốt buổi sáng không còn thấy bóng dáng anh ta đâu nữa.

... Mắt thằng bé cay cay, da đầu nó như nóng lên. Nó từ chỗ ngồi của cô Cúc bên đồng đá, đứng dậy, bước trở lại bên lò rèn. Trong vòm cổng rất tối, nó mò mẫm ngồi lên chiếc ghế xếp của ông thợ cả và trong khi không muốn nghĩ ngợi gì nữa thì hai tay nó lại nóng lên, đau đốn vô cùng, nó áp hai tay vào tường vòm cổng lạnh băng, rồi nghĩ về những chuyện đã qua.

Ba hôm trước đây, ông thợ cả xin nghỉ việc, để về nhà lấy áo bông với chăn bông, ông bảo, bây giờ già rồi, chân đau, không thể ngày nào cũng về nhà được, ông sẽ trải một cái ổ rơm bên cạnh lò rèn, rất ấm.

(Thằng bé ngẩng lên nhìn cái ổ rơm của ông thợ cả. Khung vòm cổng phía bắc đã được bịt kín lại, đôi ba luồng ánh sáng lọt vào bên trong qua những kẽ ván hở, xiên chéo vào tấm đệm bằng da chó đã rụng hết lông, cùng chiếc áo bông cấu bẩn).

Ông thợ cả về nhà, anh thợ phụ bỗng thành ông chúa động... Hôm đó, sáng sớm khi bước vào trong vòm cổng, anh ta ưỡn ngực, ưỡn bụng, khuỳnh khoạng to vẻ tỏ vẻ nói:

- Cu Đen nổi lửa lên, lão khộm về nhà rồi, cánh ta hai người làm.

Cu Đen nhìn anh ta.

- Trở mắt lên cái gì hả, đồ nhãi nhép! Mày khinh thường thằng này đấy hả? Thằng này đã điếu đóm cho lão khộm ba năm nay rồi đấy nhá, còn cái trò gì của lão khộm mà tao không biết.

Cu Đen miễn cưỡng đi nhóm lò. Anh thợ phụ đắc ý, ư ử cái gì đó. Anh ta đưa nốt mấy chiếc đục hôm qua còn chưa kịp làm lại vào trong lò lửa. Thằng bé kéo bễ cho lò than thêm rực hồng, làm cho da mặt đen đui của nó cũng như đỏ lên.

Anh ta nói:

- Này Cu Đen, cứ nhận bừa mày là cựu Hồng Quân cũng được đấy! Xông pha trận mạc, đầy mình thương tích.

Thằng bé ra sức kéo bễ.

- Sao mấy hôm nay không thấy mẹ nuôi mày đến thăm? Mày cắn cô ta một miếng, làm cô ấy giận rồi đấy, đồ chó ă. Nhưng mà cánh tay cô ta nó mùi vị ra sao? Chua hay ngọt? Cái miệng mày thế mà có phúc đấy. Tao mà vớ được cái cánh tay trắng nõn nà như thế, tao sẽ nhai như nhai dưa chuột.

Cu Đen cầm kim gấp một mũi đục đã đỏ trong lò ra, đặt lên mặt đe.

- O! Thằng chọi con, nhanh thế hả?

Anh thợ phụ cầm lên chiếc búa, nhỏ hơn chiếc búa to, to hơn chiếc búa nhỏ, một tay cầm kim, một tay liên tục đập...

Cu Đen ngậy ra nhìn, anh thợ phụ rất khỏe, điều khiển chiếc búa cứ như mà như quý, chiếc đục cũ được rèn lại, đầu ra đấy, nhọn hoắt như đầu bút chì mới gọt. Anh thợ phụ cặp chiếc đục mới đánh lại, đi đến bên cạnh thùng nước tôi, cung cách chẳng khác gì ông.

Thằng bé cứ nghĩ mà thương chiếc búa giữ nhịp của ông thợ cả. Nó quay mặt đi, lại nhìn chiếc búa giữ nhịp nằm bên cạnh chiếc đe. Cán chiếc búa giữ nhịp chỉ

huy ấy bằng gỗ, đã lên nước bóng nhoáng nhẵn như sừng một con trâu già.

Anh thợ phụ đúng là loại gương tốt, ngựa hay, chỉ loáng một cái đã sửa xong mười mấy chiếc đục cùn. Anh ta đắc ý ngồi trên chiếc ghế xếp của ông thợ cả quán thuốc hút. Thuốc quán xong, anh ta ngậm lên miệng, rồi bảo thằng bé gấp một cục than hồng châm thuốc cho mình.

- Con ơi! Con đã nhìn thấy chưa, không có lão khom thì thằng này vẫn làm được mọi việc như thường!

Anh ta còn đang trong cơn đắc ý, thì những người thợ đá lấy đục đi, đã quay trở lại tìm anh ta:

- Này anh phó, anh tôi tiếc theo kiểu dẻo gì thế hả? Mũi đục phi cong thì gãy. Đây là béc đá hay gọt đậu phụ. Không có sợi rụt cong cong, thì đừng có nuốt câu liêm vào bụng. Thôi đợi ông thợ cả vậy, đừng có mang chiếc đục của tôi ra mà thử tay nghề.

Những người thợ đá quẳng mười mấy chiếc đục xuống đất, bỏ đi. Anh thợ phụ biến sắc mặt, bảo Cu Đen kéo bễ, nung lại những chiếc đục hỏng. Cũng chỉ một lát sau, anh ta đã rèn xong lại, và cũng đã tôi xong, rồi đích thân đem chúng vào chỗ công trường...

Anh ta quay về, khi chân trước anh ta vừa bước vào vòm cổng, thì chân sau anh ta đã là những người thợ đá. Họ ném những chiếc đục hỏng trên mặt đất, rồi trút những tiếng nói bắn thủ lên đầu anh thợ rèn:

- Quảng mẹ nó những quả trứng thối của con mẹ anh đi, đừng có đùa với những cái đầu to này nhé, xem xem nước tôi của nhà anh thế nào, đều gãy mẹ nó cái mũi mẹ anh rồi!

Cu Đen nhìn anh thợ phụ, trên góc miệng nó xuất hiện hai nếp nhăn, cũng chẳng ai hiểu được, nó thích thú hay buồn rầu nữa. Anh thợ phụ vút dụng cụ xuống đất, thở dài nảo ruột. Anh ta hút một điếu thuốc, con mắt sáng còn lại chiếu ra những tia sáng boi rồi, mê muội, những lớp lông trên cặp đùi mập như rung lên. Anh vút toẹt đầu mẫu thuốc lá, đứng dậy nói:

- Được rồi! Cứ không tin là dê không ăn được rau ngải đắng đi! Cu Đen, nổi lửa lên, làm lại!

Thằng Cu Đen uể oải kéo bễ, lần sau chậm hơn lần trước, anh có giục già có chửi bới nó cũng chẳng thêm ngăn dẫu lên.

Những chiếc đục đã lại làm xong.

Anh thợ phụ vẫn chỉ gõ mấy búa qua quýt, rồi vội vã nhúng vào nước sôi, nhúng cả chiếc đục vào. Nước trong thùng sôi lên xèo xèo, một làn hơi trắng cùng với bọt nước bốc lên, anh ta nhấc chiếc đục ra, giơ lên, nghiêng đầu nhìn màu sắc lớp hoa văn loang lổ trên chiếc đục, rồi lấy búa khê đập, chiếc đục gãy làm đôi. Anh ta chán nản vút chiếc kim xuống đất rồi chiếc đục gãy ra bên người vòm cổng, nhìn cách nào vẫn thấy nó xấu xí.

- Đi ra nhặt chiếc đục kia về!

Anh thợ phụ sai Cu Đen với vẻ khó chịu. Vành tai thằng bé rung động, nhưng chân nó lại chẳng động tý nào. Mông nó ấn liền với một cú đá, vai nó bị một nhát kim đập xuống, và bên tai nó vang lên một tiếng quát, to như tiếng sấm:

- Ra nhặt cái đục vào!

Thằng bé cúi đầu đi ra từ từ cúi lưng xuống, thò tay

ra nắm lấy chiếc đục, nghe thấy tay mình vang lên những tiếng xèo xèo, giống như nắm một con ve vậy. Mũi nó ngửi thấy mùi thịt cháy, giống như mùi thịt nướng xá xiu. Chiếc đục lại nặng nề rơi xuống đất.

Anh thợ phụ ngó người ra một lát, rồi bật cười to, nói:

- Cái thằng chọi con; bố mày quên đi mất rằng chiếc đục còn nóng, đốt cháy mất móng giò rồi hả. Đưa lên mà gặm vậy!

Thằng Cu Đen quay trở lại vòm cổng, lùi lùi đi, nhúng cả bàn tay vào trong thùng nước sôi, rồi lại chậm rì rì đi ra. Nó cúi người xuống, ngắm nhìn thật lâu, nửa chiếc đục. Mặt đất ẩm ướt, chỗ chiếc đục nằm bốc lên làn hơi nước màu trắng, nửa như có, nửa như không. Nó cúi người xuống thấp hơn, một tay vát lên lưng, một tay thông xuống, dần dần dí sát vào với chiếc đục, mồ hôi chảy theo mũi nhỏ xuống, chiếc đục lại xèo lên một tiếng. Giọt mồ hôi nhảy nhót trên chiếc đục, xèo xèo tiếp, và nhỏ dần lại, rồi biến thành một vệt tròn, mới đầu thì mở to, sau đó thu nhỏ dần, cuối cùng biến mất. Đầu ngón tay nó đã cảm thấy nóng nóng, rồi cái cảm giác nóng hổi đó chạy thẳng vào tim nó.

Anh thợ phụ từ trong vòm cổng nói vọng ra:

- Tiên sư bố khi, làm cái trò gì thế hả, cong lưng chống dít, định đi theo đường lối tư bản đấy hả?

Nó nắm chắc lấy chiếc đục, tay run rẩy, tay trái túm lấy móng, bình tĩnh đi trở lại vòm cổng.

Anh thợ phụ thấy trong tay nó bốc ra làn khói vàng, mắt lệch đi kêu lên như một người điên:

- Vút, vút ngay xuống!

Giọng anh ta đã lạc hẳn đi, gào lên như một con mèo:

- Vút ngay xuống, cái thằng thối thây này!

Thằng bé ngồi xồm xuống trước mặt anh thợ phụ, xoè bàn tay, tung tung hai cái, chiếc đục lặn tới trước chân anh ta. Sau đó nó vẫn ngồi xồm như thế, ngược mắt lên nhìn thẳng vào anh ta.

Anh ta run lên bần bật:

- Đừng nhìn tao! Thằng chó! Đừng có nhìn tao như thế.

Anh ta quay mặt đi!

Cu Đen đứng dậy đi ra khỏi vòm cổng...

Nó nghĩ ngợi đến mệt mỏi rồi, trong tai như có tiếng ong vo ve, nó đứng dậy khỏi chiếc ghế xếp, đi đến chỗ ổ rơm của ông thợ cả nằm xuống. Đầu nó gối lên chiếc áo bông, mi mắt bắt chợt nhắm lại mà nó không biết...

Nó cảm thấy có người đang xoa xoa mặt nó, bóp bóp tay nó. Có hai giọt nước mắt nặng nề nhỏ xuống, một giọt rơi xuống mép nó, nó hút lấy, một giọt rơi xuống mũi cay sè.

- Cu Đen! Cu Đen! Dậy thôi! Ăn cơm!

Nó thấy mũi nó cay lắm, vội vã bò dậy, và nhìn thấy cô Cúc. Có hai giọt nước mắt từ hốc mắt nó lăn ra, nó cố gắng giữ lại, cuối cùng hai giọt nước mắt ấy cũng chui xuống họng.

- Của em đấy!

Cô Cúc mở chiếc khăn vuông màu đỏ sẫm. Trong chiếc khăn có hai chiếc bánh mèn mèn.⁽¹⁾ Trong chỗ lõm ở giữa một chiếc bánh, có nhét thêm một miếng dưa

⁽¹⁾ Bánh ngô.

chuột muối, còn chiếc kia lại là một củ hành sống to, có sợi tóc vàng rất dài dính trên một chiếc bánh. Cô Cúc gấp nó ra bằng hai ngón tay mình, rồi bật tay phủ ra, tiếng sợi tóc rơi xuống đất rất rõ, thằng bé cũng nghe thấy.

Cô Cúc vuốt gáy nó:

- Ăn đi, cái con cún con này!

Thằng bé nhai hành, nhai dưa chuột muối, nhai bánh mèn mèn, vừa nhai vừa nhìn cô Cúc.

- Tay làm sao bỗng thế này? Có phải cái thằng chuột ấy nó hành? Còn cần chị không? Xem này chiếc răng nanh của em sắc lắm đấy.

Vành tai thằng bé lại vẩy vẩy, tay trái nó giơ chiếc bánh mèn mèn lên, tay phải nó giơ củ hành và miếng dưa chuột muối lên, tất cả che lấp hết mặt nó.

3

Trong đêm, bất chợt đổ xuống một trận mưa, kèm theo sấm sét. Sáng sớm mọi người đi làm thấy đồng đá vụn trên công trường đã được rửa thật sạch sẽ, những đồng cát đã được san bằng. Nước ở con mương trước cửa cổng đã dâng cao đến hai gang tay, làn nước trong xanh thấp thoáng những đám mây đen còn sót lại trên bầu trời. Thời tiết bỗng đột ngột đổ lạnh. Những làn gió thu xuyên qua các vòm cổng, hoà với tiếng ào xào của những ruộng đay mênh mông như biển cả, khiến người ta cảm thấy lạnh từ trong lạnh ra. Ông thợ cả mặc lên người chiếc áo bông trông như áo giáp, tất cả khuy cúc đều đã dứt hết, nên chỉ đành kéo hai vạt khép đè lên nhau, rồi thắt bằng một sợi dây điện bọc nhựa đỏ.

Thằng Cu Đen vẫn chỉ có chiếc quần người lớn rộng thùng thình, và cởi trần đi đất. Nhưng chẳng ai thấy nó co ro, cúm rúm. Sợi dây vải vẫn thấy nó thắt ngang lưng chẳng biết đã quẳng hay cắt đi đâu, nay cũng thay bằng sợi dây điện bọc nhựa đỏ. Tóc nó mấy hôm nay mọc nhanh như điên, đã dài đến hai tấc, sợi tóc dựng đứng hết cả lên, chẳng khác gì bộ lông cứng của con nhím. Những người dân công, nhìn nó đi chân đất, lội qua những đám nước mưa tồn đọng, với lổn nhổn đá vụn tới công trường mặt họ đều hiện lên vẻ vừa thương hại vừa khâm phục.

Ông thợ cả thấp giọng hỏi:

- Có rét không?

Cu Đen ngơ ngác như không hiểu gì.

Ông cất cao giọng:

- Hời mày đấy! Có rét không?

Sự ngơ ngác biến mất. Nó cúi xuống, bắt đầu nhóm lò. Tay trái nhẹ nhẹ kéo chiếc bể, tay phải nó cầm xẻng than, mắt đăm đăm nhìn vào ngọn lửa rơm làm nôm đang bốc cháy.

Ông thợ cả nhặt từ ổ rơm lên chiếc áo cẩu bản, khoác lên người nó. Cu Đen quay người lại, tỏ vẻ rất khó chịu với chiếc áo....

Ông thợ cả vừa bước đi, nó liền cởi phăng chiếc áo khoác ra, đặt trả về ổ rơm.

Ông thợ cả lắc lắc đầu, ngồi chồm hồm xuống hút thuốc.

Anh thợ phụ ngáp một cái rất vô nghĩa nói:

- Thảo nào Cu Đen sống chết cũng không chịu từ bỏ

cái lò rèn này, thì ra nó muốn gần lửa ấm áp, để chống rét. Mẹ kiếp, khôn vật nó vừa vừa chứ!

Trên công trường vang lên tiếng còi, phó chủ nhiệm Lưu nói:

- Tất cả tập hợp.

Họ ngồi trước cửa cống, phía mặt trời mọc. Đám đàn ông thì trêu chọc đàn bà, còn đám đàn bà thì tranh thủ khâu đế giày. Cu Đen len lén vụng trộm nhìn vào chỗ khe hở giữa mặt cầu với chân cống, lòng dạ nó bồi hồi, bút rút không yên...

Phó chủ nhiệm Lưu nói:

- Trời rét rồi, vì thế phải làm thêm giờ, cần tranh thủ đổ bê tông đáy móng trước khi nước đóng băng. Bắt đầu từ hôm nay, mỗi hôm làm thêm từ bảy giờ tối cho đến mười giờ đêm, được phát thêm nửa cân lương thực với hai hào...

Hơn hai trăm khuôn mặt đều có những phản ứng khác nhau. Thằng Cu Đen thấy khuôn mặt anh thợ đá, đỏ lên rồi tím lại, còn khuôn mặt cô Cúc lại tái đi rồi trắng ra.

Không ai có ý kiến gì.

Ngay tối hôm đó, trên công trường cống xả lũ có ba ngọn đèn măng xông được đốt lên, phát ra những làn ánh sáng trắng, cho những người thợ đá, và đám đàn bà đập đá. Những người đàn bà phần lớn còn có con nhỏ cùng những việc trong gia đình, nên nửa cân lương thực với hai hào cũng đành phải bỏ. Dưới ánh đèn chỉ còn lại mười mấy cô gái chưa chồng. Bọn họ lại ở trong những xóm làng xa, nên cũng đành chen chúc với nhau ngủ trong

những vòm cổng, hai mặt của vòm cổng đều bịt gỗ kín, chỉ để lại ở chính giữa một cái lỗ lấy chỗ chui ra chui vào. Cô Cúc khi ngủ ở vòm cổng, khi vào làng ngủ. Trong ấy cô có bà chị họ về đàng ngoài, chồng chị lên chợ người trên huyện kiếm việc làm thêm, có những đêm không về, chị lại hẹn Cúc đến ngủ cho có bạn.

Chỗ công trường đục đá, tiếng choòng, tiếng thó, tiếng đục, tiếng búa choang choang. Anh thợ đá cỡi phăng chiếc áo ngoài, áo thể thao màu đỏ như một ngọn đuốc đang cháy. Những cô gái ngồi vây quanh ngọn đèn, gây ra vô khối những ý nghĩ liên tưởng hay ho. Có cô khanh khách cười to, có cô lại thì thầm chuyện nhỏ, cùng với những tiếng đập đá rời rạc. Xen kẽ vào những tiếng cười tiếng nói ấy, là tiếng nước chảy của những con sông đầy nước...

Cô Cúc đặt chiếc búa xuống, lặng lẽ đứng dậy, đi ra phía bờ sông. Ánh đèn hắt chiếc bóng dài của cô xuống bờ cát.

- Cẩn thận, những thằng trai tơ nó bốc mày đi đấy!

Phía sau cô Cúc có ai nói thế.

Cô Cúc mau chóng vượt ra khỏi vùng ánh sáng đèn. Lúc này cô nhìn vùng ánh sáng chẳng khác gì một con nhím, con nhím vươn mình tới chỗ cô thì dừng lại, lông gai của nó đỏ mà mềm. Sau đó cô bỗng chợt nghĩ, phải đi xem Cu Đen đang làm gì, liền tránh ánh đèn đi lẩn vào trong bóng tối của những vòm cổng.

Cô nhìn thấy Cu Đen như một con ma ranh đang làm việc, làn ánh sáng trắng chiếu lóa tấm thân trần trụi, như trắng thêm cho nó một lớp dầu bóng. Làn da

của nó như được bọc một lớp cao su da gổm màu đồng mang tính đàn hồi và rất bền dai, xé không rách, đâm không thủng. Cu Đen chừng như béo hơn xưa một chút, những sợi gân đã kín trong làn da. Thì cũng đúng thôi, trưa nào cô chả mang từ nhà ăn cho nó một miếng ăn tử tế. Cu Đen rất ít khi về nhà ăn cơm, chỉ buổi tối nó về nhà ngủ, nhưng cũng có khi không. Có một sáng sớm cô đã thấy nó chui từ trong vòm cổng ra, trên đầu còn vương những sợi của ổ rơm. Cu Đen hai tay kéo bễ, động tác mềm mại, dẻo dai, nhưng nom cứ như không phải nó kéo bễ mà là cái bễ kéo nó. Người nó ngả về đằng trước, rồi lại ngửa ra đằng sau, đầu nó cứ ung dung bập bênh như quả dưa hấu trôi sông, trong đôi mắt đen của nó có hai chấm sáng cũng liên tục lên lên xuống xuống như con đom đóm chớp chớp bay.

Anh thợ phụ đứng bên chiếc đe vẫn với tư thế quen thuộc của anh ta, hai tay nắm lấy cán của chiếc búa tạ, nghiêng đầu, giống như một con gà trống tơ đang đứng trầm tư.

Ông thợ cả, gấp một chiếc đục đã được nung đỏ từ trong lò ra, thằng Cu Đen lại nhặt một chiếc đục hồng, nhét vào vị trí để trống của chiếc đục vừa được lôi ra khỏi đó. Chiếc đục được nung nóng, trắng dần ra, và trong màu trắng đó có pha chút màu xanh.

Ông thợ cả đặt chiếc đục mới gấp lên đe, rồi với chiếc búa nhỏ trong tay ông gõ gõ vào cạnh chiếc đe ấy, anh thợ phụ chậm rãi nhắc chiếc búa tạ trong tay mình lên, rồi giống như đảo rơm phơi, chiếc búa tạ nện xuống chiếc đục, những tia lửa hoa chói lọi lập tức bắn toé ra bốn xung quanh. Những tia lửa bắn vào vách vòm cổng,

chẻ ra thành nhiều mảnh rồi mới rơi xuống mặt đất. Tia lửa bắn cả vào lớp da bụng hơi lồi ra của thằng Cu Đen, nó mềm mại bật vòng trở lại, và sau khi vẽ lên không trung nửa vòng cung rất đẹp, rồi mới rơi xuống. Tia lửa va vào da bụng thằng Cu Đen sau đó bật trở ra, bay vòng trong không khí, bị không khí ma sát phát nhiệt và vang lên thành tiếng.

Anh thợ phụ sau khi nện búa thứ nhất, thì cơ bắp của anh ta như búng tỉnh sau cơn mộng mị, nên động tác quai búa càng ngày càng nhanh, càng dồn dập. Cô gái nhìn thấy một hình thù quái dị đang nhảy nhót trên vách vòm cống, còn tai lại nghe thấy những tiếng của sắt thép "cheng cheng". Động tác quai búa tạo hình thép của anh thợ phụ, đã lên tới mức thành thạo, cao siêu, khiến cho chiếc búa giữ nhịp chỉ huy của ông thợ cả cũng chỉ là gõ vào cạnh đe lấy lệ mà thôi. Ngay cả đến việc nện nện búa vào chỗ nào, thì anh thợ phụ cũng chỉ cần nhìn thoáng qua là đúng. Ông thợ cả lật lật chiếc đục đã được nung đỏ, mắt và ý nghĩ xác định nện đập búa vào chỗ nào của ông vừa được hình thành, thì anh thợ phụ đã nện đúng vào chỗ đó, có khi còn nhanh hơn cả ý nghĩ của ông thợ cả.

Cô Cúc kinh ngạc đến phải trợn mắt há miệng thưởng thức cái kỹ thuật thuần thục của anh thợ phụ, đến quên cả việc nhìn Cu Đen với ông thợ cả. Khi động tác của chiếc búa tạt đi đến chỗ hấp dẫn nhất, thì cũng là lúc Cu Đen lú lẫn đi nhất - nó nhắm tịt mắt lại, phì phò cùng nhịp với chiếc bễ, và cũng là lúc ông thợ cả buồn chán nhất, bởi vì chiếc búa của anh thợ phụ chừng như không đánh vào chiếc đục nữa, mà đánh vào uy tín tôn nghiêm của ông.

Chiếc đục đã rèn lại xong, ông thợ cả lom khom đi tới, âm thầm liếc nhìn anh thợ phụ một cái đầy ý nghĩa. Hai khoé mép của ông lão hơi nhếch lên rồi trở xuống với vẻ đầy khinh miệt. Anh thợ phụ chăm chăm nhìn động tác của sư phụ. Cô Cúc thấy ông lão nhúng tay vào thùng thử nước, rồi giơ cao chiếc đục lên ngắm nghía, sau đó ông cong người rồi như một con tôm, mắt nhìn vào thùng, đưa mũi nhọn của chiếc đục, từ từ, nhẹ nhẹ nhúng xuống nước, theo dõi xem việc tiếp xúc với mặt nước như thế nào, trong thùng tôi vang lên những tiếng "xèo xèo", một làn hơi nước rất mỏng bay lên, phủ kín chòm mũi đỏ của ông thợ cả...

Một lát sau, ông lại đưa chiếc đục lên tận mắt, nhìn sát vào mũi nhọn của chiếc đục như luôn chỉ vào lỗ chân kim, cứ như trên đó có một bức tranh đẹp đẽ nào đấy, sắc mặt ông lão rạng rỡ hẳn lên, chừng như từ mỗi nếp nhăn đều tỏa ra một niềm hân hoan. Ông gật đầu như tìm ra được đáp số của một bài toán khó, lúc ấy ông lão mới nhúng cả chiếc đục vào trong thùng nước, một làn hơi nóng bùng lên, lớp mây khói trông giống như những chiếc nấm toả ra tràn đầy trong vòm cống. ánh sáng chiếc đèn măng xông loang lổ những đám hồng hồng, tất cả mọi thứ đều như rung động và trở thành mờ ảo.

Lớp hơi nước tan đi, trong vòm cống, mọi thứ trở lại bình thường, lại vẫn là thằng Cu Đen kéo bể như một kẻ mộng du, lại vẫn là anh thợ phụ như một con gà trống tơ trầm tư, lại vẫn là ông lão thợ cả, khuôn mặt như một trái táo khô, đôi mắt đen ngòm như sơn và vết sẹo trên cánh tay giống như một cục phân khô.

Ông thợ cả gấp tiếp một chiếc đục hồng đã được nung chín lại trong lò, và sau đó mọi việc lại được lặp lại từ đầu, cho đến khi ông đem nó đi tôi, thì mọi sự đã bắt đầu có ít nhiều thay đổi...

Ông thợ cả nhúng tay vào thùng, thử nước. Ông pha thêm ít nước lạnh. Đẩy về hài lòng. Đúng vào lúc ông định nhúng chiếc đục vào tôi, thì anh thợ phụ đứng vụt lên, nhảy tới bên chiếc thùng, nhanh nhẹn, cướp thời gian, nhúng tay vào trong thùng nước. Ông thợ cả cũng không thêm nghĩ ngợi gì hơn, liền dí ngay chiếc đục nóng vào cánh tay phải của anh thợ phụ. Một mùi khét lẹt do da thịt bị cháy, toả ra khắp vòm cống, xộc luôn cả vào mũi cô Cúc.

Anh thợ phụ kêu "ối" lên một tiếng, rồi đứng thẳng người lên, nhìn thẳng vào mặt ông lão cười một cái cười đầy hung hãn và nham hiểm, nói thật to:

- Sư phụ, ba năm rồi đó!

Ông thợ cả quăng chiếc đục vào thùng nước tôi, nước réo lên ùng ục, tạo ra một lớp sóng nóng, hơi nước lại thêm một lần nữa toả ra khắp cả vòm cống...

Cô Cúc nhìn không rõ nét mặt của từng người, chỉ nghe thấy tiếng ông thợ cả:

- Nhớ kỹ đấy nhé!

Chẳng kịp đợi cho làn khói nước bay đi, cô Cúc đã rời khỏi đó, trong lòng cô như có dòng nước mặn đắng nhào nhào đảo lộn.

Cô ngồi trên đồng đá. Cạnh cô, một cô gái nghịch ngợm trêu chọc hỏi:

- Cúc! Đi lâu thế mới về, đã tranh thủ chui vào ruộng đay với anh chàng cao to rồi hả?

Cúc không trả lời, để mặc cho cô bạn tên tò, cắt hứng, đưa hai tay lên bóp chặt lấy cổ mình, để từ trong đó khối văng ra tiếng nấc.

Tiếng còi nghỉ việc vang lên. Những cô con gái chìm đắm suốt ba tiếng đồng hồ liền trong ảo mộng như chợt bừng tỉnh.

- Lại đang nhớ anh chàng ấy phải không? Cúc?

- Về thôi! Cúc!

Cánh con gái gọi cô, nhưng cô vẫn ngồi đó bất động, nhìn những bóng người thấp thoáng, đi lại dưới ánh đèn.

- Cúc!

Anh thợ đá đứng bên cô gọi. Anh nói tiếp:

- Cô chị họ của em nhấn anh rằng, đêm nay em về đây làm bạn ngủ với chị ấy. Chúng mình cùng đi nhé?

- Đi nhé? Anh hỏi ai vậy?

- Em làm sao vậy? Có phải là cảm lạnh rồi không?

- Anh bảo ai cảm lạnh?

- Bảo em!

- Đừng có nói đến em.

- Đi không?

- Đi.

Tiếng nước chảy nghe rất rõ dưới cống đá, Cúc đứng lên. Anh thợ đá đứng cách cô có một bước chân. Cô ngoảnh đầu nhìn về chiếc vòm cống đầu tiên ở hướng tây, trong vòm cống vẫn còn ánh đèn sáng choang, những chiếc măng xông khác đều đã tắt, cô bước về phía vòm cống.

- Em đến chỗ thằng Cu Đen à?

- Xem xem nó thế nào.

- Anh cùng đi với em, cái thằng nhóc này, lơ mơ có khi rơi xuống nước cũng nên.

Cô Cúc cảm thấy anh thợ đá đi rất sát mình, sát đến độ có thể nghe thấy tiếng tim anh "thình thịch" đập.

Họ đi, họ đi... Cô Cúc hơi nghiêng đầu, đã chạm phải bờ vai chắc nịch của anh thợ đá... Cô vội ngả đầu về phía sau, đã có một cánh tay to khỏe vươn ra đỡ lấy. Bàn tay kia của anh thợ đá đã đặt ngay lên bầu vú giống như chiếc bánh mèn mền của cô, xoa nhẹ nhẹ. Trái tim bên dưới bầu vú của cô nhảy nhót loạn xạ như một con chim cu, chân cô vẫn bước tiếp về phía vòm cổng vẫn còn ánh sáng đèn, đến nơi, cô nhấc tay anh ra khỏi ngực mình. Và anh đủ hiểu biết để rời tay mình khỏi đó.

Cô gọi:

- Cu Đen.

Anh thợ đá cũng cất tiếng gọi theo:

- Cu Đen.

Anh thợ phụ nhìn hai người bằng một con mắt còn lại, chiếc cầm của anh ta giật giật lên mấy cái liên...

Ông thợ cả ngồi trên ổ rơm của mình, hai bàn tay ôm lấy chiếc tẩu, như ôm chiếc bánh nóng. Ông ngắm nghía cô Cúc da bánh mật và anh thợ đá da vàng nhạt, nói giọng mệt nhọc nhưng cười mở:

- Ngồi chờ một lát, rồi nó về!

... Thằng Cu Đen xách một chiếc thùng rỗng, men theo bờ đê leo lên.

Đến giờ nghỉ, anh thợ phụ vươn vai, ngáp và nói:

- Cu Đen xách chiếc thùng đi ngược lên phía bắc bởi ít khoai lang, nhổ lấy mấy chiếc củ cải nữa, về ta làm bữa ăn đêm... Đói chết đi được.

Thằng Cu Đen cụp mắt ngơ ngác nhìn ông thợ cả.

Ông thợ cả ngồi trên ổ rơm, giống như một con gà trống bại trận lông lá rối bời bời.

Anh thợ phụ, đứng thẳng lưng, vươn vươn chiếc cổ nói:

- Nhìn gì hả, đồ chó con. Bối mầy bảo thì mầy cứ việc đi mà làm.

Con mắt lành của anh ta quét qua ổ rơm chỗ sư phụ đang ngồi. Cánh tay bị bỏng của anh ta đang rất đau, nhưng cảm giác khoan khoái trên bàn tay anh ta đã hoàn toàn làm khuây lấp nỗi đau trên cánh tay, cái mức độ khoan khoái ấy đang là tuyệt đối, đang vô cùng kỳ diệu.

Cu Đen xách chiếc thùng rỗng lên, loáng quáng bước ra ngoài. Ra khỏi vòm cổng, rồi như có tiếng "thụp", rồi như rơi xuống giếng, bốn bên mù mịt tối om, rồi trong mắt nó như bùng lên những thứ ánh sáng đom đóm, chao đảo, nó sợ hãi ngồi thụp xuống, nhắm tịt mắt lại một lúc. Khi mở mắt ra, trời đất đã mờ mờ sáng, trên bầu trời những ngôi sao ảm áp chiếu vào người nó, và chiếu lên cả vùng đất mệnh mang màu ngói xám...⁽¹⁾

Những cảnh hoè bông tím trên bờ đê vươn ra, đan chéo vào nhau, nó bẻ một cành hoè vách lên vai cho

⁽¹⁾ Nhà ở của người nông dân Trung Quốc hầu như đều lợp ngói màu xám.

"chắc dạ" rồi bước tiếp. Tay nó giữ cành cây ướt đầm đìa, và ở ngọn cành cây ấy núc nủ đầy những chùm hạt hoè căng mọng, mùi ngai ngái đặng đặng của cành hoè xộc vào mũi nó... Chân nó bỗng vấp vào vật gì đó mềm nhũn và nóng hôi hổi, dưới chân nó vang lên tiếng kêu "chíp chíp", nó còn chưa kịp nghĩ ra đó là một con chim cút hoa, thì con chim đã quay đầu chuyển hướng bay đi, giống như một hòn đá được ném vút ra tận bãi đay bên ngoài đê. Nó tiếc rẻ, lấy chân mò mẫm lần tìm cái tổ con chim cút hoa vừa nằm, ở đấy rất khô ráo, có một mớ rơm, trên đám rơm vẫn còn hơi ấm của con chim cút.

Nó đứng trên đê, nó nghe thấy tiếng cô Cúc và anh thợ đá gọi, nó vỗ vỗ vào chiếc thùng sắt tây mang theo, cô Cúc và anh thợ đá không gọi nó thêm nữa...

Lúc này nó đã nghe thấy rõ ràng tiếng nước của con sông chảy ở phía trước và từ trong làng, không biết trên ngọn cây nào có tiếng con chim cú mèo thê thảm rúc lên... Bà mẹ kế của nó, thứ nhất là sợ sét đánh, thứ hai là sợ cú rúc. Nó chỉ mong ngày nào cũng có sét, đêm nào cũng có cú rúc ngay bên cửa sổ bà mẹ...

Nó vượt qua con đường mòn trên mặt đê, đi xuống chân đê phía bên kia. Lúc này mắt nó đã quen với bóng tối của ban đêm, đã nhìn được mọi vật rất rõ ràng, ngay cả những đám đất màu cà phê nâu, ngay đến những chiếc lá khoai lang, màu tím khác nhau, nó cũng phân biệt được...

Nó ngồi thụp xuống, lấy tay bới bới luống khoai, rồi bứt lấy những củ khoai còn dính trên dây, ném tum tum những củ khoai vào trong thùng sắt. Nó bới khoai được một lúc, chợt thấy như có cái gì ngón tay nó tuột

ra, rơi vào lá khoai, vang lên thành tiếng. Nó lấy tay trái sờ sờ tay phải, lúc ấy nó mới biết rằng, chiếc móng tay bị giáp của nó đã hoàn toàn bị rụng ra. Chiếc thùng đã rất nặng rồi. Nó đeo chiếc thùng lên, và tiếp tục đi về phía trước. Đó là ruộng củ cải, nó lần lượt nhổ từng củ một, sáu củ tất cả, nó vặt những chiếc lá ném luôn xuống đất, nhét những chiếc củ cải vào trong thùng...

Anh thợ đá sốt ruột hỏi anh thợ phụ rên:

- Anh tổng thằng bé đi đâu rồi?

- Làm gì mà cứ nhắng nhít lên thế, nó là con anh đấy à?

Hai con mắt cô Cúc nhìn thẳng vào anh thợ mắt chột hỏi:

- Thằng Cu Đen đâu?

Anh thợ phụ rên nói một cách ôn hoà:

- Thì cứ chờ một chút, nó đi moi mấy củ khoai lang rồi về. Em đừng đi đâu vội, nán lại đây ăn khoai nướng đã!

- Anh sai nó đi ăn trộm hả!

Anh thợ phụ rên nói một cách dằn hoàng:

- Sao lại gọi là đi ăn trộm? Không mang về nhà mình làm của riêng, thì không tính là đi ăn trộm!

- Thế tại sao anh không đi mà moi móc?

- Tôi là sư phụ của nó!

- Sư phụ cái cút!

- Cút cũng được chứ sao!

Một mắt anh thợ phụ sáng lên, chửi đồng ra phía bên ngoài vòm cổng:

- Thằng Cu Đen mắt dạy kia! Mày đi moi móc cái

mả mẹ mày ở tận đâu thế hả? Hay là mày sang đến tận nước Anbani?

Cu Đen nghiêng vai, hai tay xách chiếc quai thùng, bậm bực, loạng choạng bước vào trong vòm cổng, người nó bê bết bùn đất, như vừa được moi từ dưới mồ lên.

Anh thợ phụ lên tiếng trách móc:

- Ôi! Thăng con giai của ta! Thật khôn khổ! Sai con đi moi mấy củ khoai mà con lại moi về một thùng!

Anh ta sai tiếp:

- Đi! Mang củ cải ra ngoài kia rửa sạch đi!

Cô Cúc nói:

- Đủ rồi đấy! Anh đừng có sai phái nó nữa!

Cô ra lệnh:

- Anh kéo bể nướng khoai đi, tôi đi rửa củ cải.

Anh thợ phụ lật lật những củ khoai trong lửa lò rên đồng thời nhẹ nhàng kéo bể.

Cô Cúc đã đi rửa củ cải trở về, đặt lên một hòn đá sạch. Một chiếc củ cải lăn xuống, lăn tới trước chân anh thợ đá, dính đầy mặt sắt, anh thợ đá cúi xuống nhặt lên.

- Đưa đây, em đi rửa lại.

- Rửa riếc gì! Năm cái củ cải to dùng thế này cũng thừa ăn rồi!

Vừa nói anh thợ đá vừa đặt chiếc củ cải rơi lên mặt đe.

Cu Đen chạy đến, tranh lấy việc kéo bể thay anh thợ phụ rên. Anh ta nhìn cô Cúc một cái rồi nói với Cu Đen:

- Cho mày nghỉ, đồ chó! Ngồi chơi thì ngứa tay hả? Thôi này, cho mày, cho mày khỏi trách tao, từ từ thôi, càng chậm càng tốt, nếu không lại bị bỏng họng đấy!

Cô Cúc với anh thợ đá ngồi kê vai nhau bên tường đá phía tây của vòm cổng. Anh thợ phụ rèn, ngồi sau lưng thằng Cu Đen. Ông thợ cả ngồi ở mạn bắc ổ rơm mặt quay về hướng nam, thuốc trong tẩu đã tàn hết, nhưng hai tay ông vẫn bưng lấy chiếc tẩu, hai khuỷu tay tỳ vào đầu gối.

Đêm khuya lắm rồi, Cu Đen vẫn nhẹ nhàng phì phò kéo bễ, gió từ trong chiếc bễ thổi ra giống như tiếng ngáy của một đứa trẻ ngủ. Tiếng nước chảy ngoài sông càng ngày càng rõ hơn, dường như nó vừa có cả âm thanh, lại vừa có cả màu sắc, không những có thể nghe thấy, mà còn có thể nhìn thấy. Trên bãi sông có những chiếc bóng lay động, có một con thú nhỏ đang săn mồi, móng vuốt nhỏ nhỏ của nó in hằn trên cát mịn, tiếng động nhỏ bé nhưng rõ ràng như những chiếc lông tơ trên những bức chạm tinh vi, tài hoa, có những sợi lông vừa nhỏ vừa dài như những sợi bạc, tiếng động như tiếng nhạc xuyên qua dòng sông trong veo bay tới. Trong những bãi đay ở phía bắc cổng xả lũ cũng có những tiếng "rì rào" vang lên, thân những cây đay va cọ vào nhau, lắc lư, rất lâu vẫn không bình lặng lại được...

Trên cả công trường chỉ còn lại mỗi một chiếc đèn măng xông này, lúc đầu ánh sáng của những chiếc đèn kia cũng lôi kéo được những con côn trùng có cánh lao tới, đèn tắt, những con côn trùng có cánh sau một lúc mất phương hướng, nay lại tìm ra "đường lối", nên đã cùng nhau kéo hết về chiếc đèn của những người thợ rèn. Chúng đi tìm ánh sáng, nên đã lao vào chiếc bóng đèn, vang lên "bồm bộp". Anh thợ đá đi đến bên chiếc đèn, vặn vòi bơm, thùn thụt bơm hơi cho nó. Chiếc bóng

thuỷ tinh đã vỡ một mảng, một con đế mèn chui tọt vào trong cái lỗ hồng ấy, nó đập vỡ luôn một mảng túi bắc làm bằng amiăng, chiếc đèn tối sầm lại. Phải đợi một lúc lâu mọi người mới lại nhìn thấy mặt nhau. Chiếc bể trong tay trong tay thẳng Cu Đen thổi chiếc lò đỏ lên những ngọn lửa như mấy vuông lụa đều mềm mại bay bay. Trong vòm cổng đầy ắp mùi khoai nướng. Anh thợ phụ cầm chiếc kim cặp lật lật những củ khoai nướng đang nằm sát bên nhau, mùi khoai cháy lại càng đậm đặc hơn. Cuối cùng thì bọn họ đã có những củ khoai chín trong tay. Những củ khoai bóc sạch vỏ bóc lên những làn hơi trắng, rồi miếng nóng miếng nguội, miếng chậm miếng nhanh, họ hì hục ăn đến toát mồ hôi mũi.

Anh thợ phụ rèn ăn nhiều hơn mọi người một chiếc củ cải với hai củ khoai lang. Ông lão thợ cả không ăn miếng nào, ngồi trơ ra đó như một pho tượng đá.

Cô Cúc hỏi:

- Cu Đen, về nhà không?

Nó thè đầu lưỡi liếm nốt vẩy khoai còn dính ở mép, và bụng đã phồng to lên.

Anh thợ đá nói:

- Liệu con mẹ dì ghẻ mày còn để cửa chờ mày không? Tốt nhất là chui vào chiếc ổ rơm kia kìa!

Thằng Cu Đen khúc khắc ho một tiếng, ném một miếng vỏ khoai vào trong lò lửa, kéo chiếc bể mấy cái, chiếc vỏ khoai quăn lại, toả ra khắp vòm cổng mùi hồ khô.

- Thằng oắt con, đốt cái gì thế hả?

Hỏi vậy rồi anh thợ phụ rèn nói tiếp:

- Khỏi phải về nhà, tao nhận mày làm con nuôi đấy!

Vừa là con nuôi vừa là đồ đệ, cùng với tao cất bước giang hồ, đảm bảo cho mày ăn ngon mặc đẹp.

Lời của anh thợ phụ rèn còn chưa nói hết, trong vòm cổng đã vang lên tiếng hát thê lương, não ruột. Người anh thợ đá như nổi hết da gà lên, nhưng đó lại là một cảm giác sung sướng, đó là lời một bài ca, hay lời một đoạn tuồng, mà anh đã được nghe trong một hôm nào đó:

Yêu mến chàng thiếu niên tuấn tú.

Đã thành thạo kiếm cung, xứng danh con nhà võ,

Lại thuộc lòng, thông tỏ thi thư.

Đi theo chàng cho trọn kiếp giang hồ,

Gió bụi dọc đường, nếm đủ mùi tân khổ...

Ông thợ cả lưng tựa vào vách vòm cổng, những ngọn gió từ ruộng đay lọt vào qua những khe gỗ hở, lướt qua đỉnh đầu ông lão. Những sợi tóc bạc trên đầu ông phất phơ nhảy múa, giống như những hòn than lách tách nhẹ nhẹ nhảy múa trong lò. Mặt ông mang đầy những nét cảm khái, trên cằm, hai lần môi như hai con giun nhẹ nhẹ mấp máy, đôi mắt khép hờ như hai hòn than đang bén lửa.

*... Chàng đã quên những tháng ngày chung gối
chung chăn,*

Như mưa như gió,

Một tấm ân tình,

Thành bùn vứt bỏ.

Giận năm canh nồng nực thức quạt cho chàng,

Giận đêm đông ủ ấm đôi chân.

Dưa ngon lành trong ngực áo,

Lửa ấm rực cháy trong lòng...

Ruộng tốt ngàn vuông

Chàng làm quan to, cuồi trên lưng tuấn mã.

Bỏ vợ nghèo nàn.

Đưa thân vào làm rể nhà quan.

Tôi, tôi, tôi, tôi, số kiếp gian nan...

Lòng dạ cô gái như láng láng bốc cao, miệng hé mở, lông mi không chớp, đắm đắm nhìn khuôn mặt ông thợ cả hơi nghênh nghênh lên đầy xúc động, biểu lộ xúc cảm của mình, cùng chiếc cổ dài với cục yết hầu đang nhấp nhô lên lên xuống xuống trông giống như những hạt thuỷ ngân. Làn hát thê lương, ai oán, giống như những giọt mưa thu va đập vào khu đất đai trịnh bạch trong trái tim cô, chính trong lúc cô đang định bật khóc, thì làn hát lại đột ngột chuyển sang giọng hiên ngang hùng tráng, mệnh mang cuốn cuộn, trái tim cô giống như một cành liễu lá lướt trong gió mạnh, đồng thời, lại có một dòng chảy tê tê lạnh lạnh chạy suốt từ sống lưng cô, lên tới đỉnh đầu và rồi cả thân thể cô rất tự nhiên ngả lên vai anh thợ đá, hai bàn tay cô xoa nắn bàn tay to lớn, nặng nề đầy chai của anh, mắt cô đắm lệ, và cả con người cô chìm đắm vào trong tiếng hát của ông thợ cả, trong ý nghĩ của những lời ca.

Trên gương mặt già nua của ông lão chột như biến đổi, nó phát ra ánh hào quang chói lọi, và từ ánh hào quang đó, dường như cô thấp thoáng phát hiện ra rằng, những lời ca đó, là những lời dự báo cho tương lai của mình...

Anh thợ đá thân thương đưa cánh tay mình quàng lên người cô, bàn tay to lớn ấy lại đặt lên cặp vú rắn chắc...

Anh thợ phụ rên, ngồi sau lưng Cu Đen, nhưng

chẳng bao lâu đã ngồi đứng không yên, nghe ông thợ cả hát mà như nghe ngựa hí, thật chói tai, khó nghe. Chỉ một lát sau, ngay đến cả tiếng ngựa hí anh ta cũng chẳng còn nghe thấy gì nữa. Anh ta ngồi khom dậy, nghiêng nghiêng đầu, con mắt trái chừng như dựng hẳn lên, ánh mắt anh ta biến thành chiếc vuốt nhọn, cào, cào lên mặt cô gái. Khi tay anh thợ đá âu yếm đặt lên bầu vú cô gái, thì trong lòng anh thợ phụ như có lửa đốt, ngọn lửa bốc lên đến cổ họng anh ta, rồi bốc tiếp lên hai lỗ mũi, miệng anh ta như khắc ra lửa. Anh ta có cảm giác như đang ngồi trên chiếc lò xo bị nén chặt chỉ hơi hơi lỏng tinh thần một chút là sẽ bị bắn lên không trung, và sẽ bị đập vào cái mặt cổng bê tông cốt thép dầy đến nửa mét kia, anh ta cố nhẫn nhịn, nghiêng chặt răng lại.

Hai tay thằng Cu Đen ôm lấy chiếc cán ống bễ, lửa trong lò đã gần tàn, một ánh lửa xanh, cùng với một ánh lửa vàng nhấp nháy dưới tầng xỉ, đôi khi ngọn lửa bị gió kéo lên, vượt khỏi mặt lò rất cao, và phật phờ trong không khí, làm cho bóng người lay động, rồi cả hai ngọn lửa đều rơi xuống. Trong mắt thằng Cu Đen không còn bóng người nữa, nó dùng mắt, thử nhìn ngọn lửa, một mắt nhìn ngọn lửa vàng, một mắt nhìn ngọn lửa xanh, nhưng không bao giờ nó làm được việc đó, nó tìm cách chia đôi tầm nhìn của mình ra. Cuối cùng, mắt nó phải buồn bã rời khỏi ngọn lửa, nhìn ngược ngó xuôi, bỗng nhiên nó nhìn thấy chiếc đe ngay trước lò lửa. Chiếc đe nằm phục ở đó, giống như một con thú khổng lồ. Miệng nó lần đầu tiên hé ra, buông một tiếng thở dài.

Tiếng thở dài của nó bị chìm chìm vào trong tiếng hát của ông thợ cả. Nguyên con mắt của thằng Cu Đen vừa đen vừa to, nhưng bây giờ nó lại bé như một sợi dây

điện. Nó nhìn thấy một bức tranh vô cùng tươi đẹp: Trên chiếc đe nhẵn bóng, đang nhấp nháy những tia sáng xanh xanh, xám xám. Trong những tia sáng xanh xanh xám xám nhấp nháy trên mặt đe lại có một chiếc củ cải đỏ óng ánh vàng. Hình dáng của chiếc củ cải đỏ lại giống như một trái lê to, và còn có thêm một cái đuôi thật dài, những sợi rẽ nhỏ trên chiếc đuôi ấy lại giống lông cừu màu vàng. Chiếc củ cải đỏ trong suốt, trong suốt lung linh. Trong suốt. Bao bọc bên ngoài màu vàng rậm rạp là một lớp nước trắng như bạc, đường cong của chiếc củ cải thanh thoát, từ cái vòng cung mỹ lệ đó, toả ra những vòng hào quang màu vàng. Những tia hào quang có ngắn có dài, dài như râu hạt lúa mạch, ngắn như lông my, tất cả màu vàng...

... Tiếng hát của ông thợ cả vang đi xa, rất xa. Thằng bé như một cái bóng bị gió thổi tới trước chiếc đe, và giờ nó đã đứng trước chiếc đe ấy, gơ lên bàn tay nhỏ bé dính đầy đất bùn cùng mặt sắt, bàn tay đã từng bị giáp nát, bị bỏng. Bàn tay nhỏ bé run rẩy... Khi bàn tay nhỏ bé của thằng bé định gơ ra quơ lấy chiếc củ cải, thì anh thợ phụ rên đứng vụt dậy, đá thùng nước đổ tung toé ra, nước ông ộc chảy, chảy ướt cả ổ rơm của ông thợ cả... Anh ta vội vã cướp lấy chiếc củ cải, quắc con mắt độc nhất dữ dằn đầy tia máu, quát:

- Đồ chó, đồ chó đực, đồ chó cái! Mày mà cũng đáng ăn của cải hay sao. Bớ mày đây, trong bụng đang bốc lửa, cổ họng đang bốc khói, đang cần đến nó để giải khát đây!

Anh ta mở miệng nhe ra hàm răng đen xỉ, định gặm chiếc củ cải...

Thằng Cu Đen, nhanh như chưa từng có, nhảy vọt lên, hai cánh tay gầy gộc của nó thúc mạnh vào mạng sườn anh thợ phụ, người nó như treo lơ lửng trên không, rồi rơi ục ục xuống đất, chiếc củ cải cũng rơi xuống đất. Anh thợ phụ rên, nhằm trúng mông thằng bé đá một cú, đầu thằng bé lao vào lòng cô Cúc, anh thợ đá ngửa ngay tay ra đỡ lấy thằng bé.

Ông thợ cả dừng ngay cái giọng khàn khàn của mình, từ từ đứng dậy. Cô gái và anh thợ đá cũng đứng dậy, sáu con mắt cũng nhìn thẳng vào anh thợ phụ rên. Thằng bé choáng váng, tất cả mọi thứ trước mắt đều đang chao đảo, nó lắc lắc mạnh đầu mình. Nó đã nhìn thấy anh thợ phụ nhặt chiếc củ cải lên đưa vào miệng nhai, nó liên bốt ngay một nắm xỉ than ném tới. Nắm xỉ than lướt qua tai anh ta, đập vào những thanh gỗ che vòm cống, rơi lả tả xuống chiếc ổ rơm của anh thợ cả.

Anh thợ phụ rên gào lên:

- Mả mẹ quân chó má. Ông nện chết mày!

Anh thợ đá bước lên một bước nói:

- Mày bắt nạt trẻ con hả?

Cô gái nói:

- Trả chiếc củ cải cho nó!

- Trả cho hả? Không đâu!

Vừa nói anh thợ phụ vừa lao ra khỏi vòm cống, vung thật mạnh cánh tay, chiếc củ cải bay về phía trước, tiếng nghe vù vù, rất lâu, mới nghe một tiếng tòm, làm mặt nước vỡ ra.

Trước mắt thằng Cu Đen như hiện ra một chiếc cầu vồng màu vàng, người nó mềm nhũn ra, ngã sấp xuống giữa cô gái và anh thợ đá.

Chiếc củ cải đỏ màu vàng kim đỏ đập xuống mặt sông, làm bắn tung lên những giọt nước. Nó lập lò nổi trôi một lát, rồi từ từ chìm xuống đáy, nhẹ nhẹ của quây, cuối cùng bị một lớp cát vàng chôn chặt. Chiếc củ cải làm vỡ tan mặt nước, thì trên mặt sông sẽ bốc lên một lớp sương mù nặng trĩu, cho đến sáng sớm, lớp sương mù đã tích tụ dày đặc bãi sông, nước dưới đám sương mù như than vãn rên rỉ. Mấy con vịt dây sớm đứng bên bờ sông, âu lo nhìn đám sương mù cuộn cuộn. Có một con to gan, không chịu đựng nổi nỗi buồn phiền, bậm bậm đi xuống nơi sông nước. Trước đám cỏ nước pháp phở, mây mù như một tấm màn ngăn cản, nó vươn chiếc cổ dài, đu đưa về bên trái, rồi lại về bên phải, mây mù như một thứ bọt biển, có tính đàn hồi rất tốt, nó chỉ đành quay trở lại, phát ra những tiếng làu nhàu "cạc cạc". Về sau, mặt trời cũng đã chui ra, bọn vịt mới trông thấy một ông lão dáng người cao cao gồng gánh một bên là chăn dệm, một bên là mấy thứ đồ sắt lĩnh kính, men theo bờ sông đi mãi về hướng tây. Lưng ông lão cong vồng xuống, cổ vươn ra như cổ thiên nga. Ông lão lúi lúi đi, rồi tiếp đó lại có một thằng bé đen nhẻm, mình ở trần, chân đi đất. Con vịt dực đưa mắt cho vịt cái như có ý ngầm hỏi rằng:

- Bà nó có nhớ không, chính nó, cái lần ấy đấy, cái thùng nước va vào gốc liễu, lặn xuống sông, còn người thì ngã sấp xuống chân dề, cuối cùng cái thùng bị nước kéo trôi đi, cái thùng ấy chỉ xuýt nữa đập vỡ cái khối hoi (phao câu) của con vịt đàn, mà vỡ là chết đấy...

Con vịt cái vội vã đỡ lời:

- Đúng rồi, đúng rồi! Cái thằng cha vịt đàn đáng ghét ngày nào chẳng nhằng nhặng theo tôi tán tỉnh vô vẩn, hần chết đi lại là cái hay... rảnh mắt...

Thằng Cu Đen chậm rãi đi bên bờ sông, mắt nó cố nhìn xuyên qua màn sương mù. Nó nghe thấy rõ tiếng vịt "khào khào", "cạc cạc" ở bờ sông bên kia đang kêu loạn xị bèn ngồi thụp xuống, chiếc đầu to gục trên đầu gối, hai tay ôm lấy cặp chân nhỏ lạnh băng. Nó cảm thấy mặt trời đã mọc, rọi vào lưng nó. Đêm qua nó không về nhà. Ngủ co quắp trên vòm cổng. Khi gà gáy nó nghe thấy ông thợ cả nói rất to mấy câu, không sao ngủ tiếp được nữa, nó liền bước trên những bãi cát lạnh lẽo đi ra bờ sông. Nó nhìn thấy tấm lưng gù gù của ông thợ cả, định cất bước đuổi theo, chẳng may bị trượt chân, ngã ngồi xuống đất, cho đến khi nó đứng dậy được, hình dạng ông lão đã chìm chìm vào trong sương mù...

Bây giờ nó đang ngồi xồm bên bờ sông, xem ánh mặt trời đang cắt rời đám sương mù như cắt những miếng đậu phụ, nó nhìn thấy những con vịt ở bờ sông bên kia, cũng đang nhìn nó. Mặt nước sông lộ ra khỏi đám sương mù, sáng óng ánh như bạc đến chói mắt, không nhìn xuống được tận đáy sông, nó vô cùng thất vọng. Nó nghe thấy ở công trường có những tiếng ồn ào ầm ĩ...

Ông phó chủ nhiệm Lưu Thái Dương đang bối mồm:

- Mả mẹ nó, cái lò rèn bị ma ám quý trâu rồi hay sao mà lão già thối tha ấy, bỏ đi mà không nói được một câu, thế thì còn gì là tính kỷ luật của tổ chức hả?

- Cu Đen!

- Cu Đen!

- Có phải thằng Cu Đen kia không? Xem kia, ông ấy đang ngồi chồm hồm ở bờ sông.

Cô Cúc và anh thợ đá cùng quay lại, mỗi người một cánh tay kéo thằng bé đứng dậy.

Cô Cúc nhặt bỏ những cọng rơm vương trên đầu nó:

- Khổ thân chưa, ngồi chồm hồm ở đây làm gì vậy? Đêm qua còn một ít khoai, thằng chột nó có nướng cho em ăn không?

Anh thợ đá nói:

- Sư phụ bỏ đi mất rồi!

- Biết làm thế nào bây giờ? Để nó ở trong tay thằng chột sao? Nó sẽ dày vò hành hạ thằng bé. Cô Cúc buồn bã.

- Cũng chẳng sao đâu, thằng bé quen chịu khổ rồi. Với lại còn có chúng mình ở đây, nó cũng không dám quá tay đâu.

Hai người đó dìu thằng bé trở về công trường, cứ mỗi bước đi nó lại ngoái cổ, nhìn lại phía sau một lần.

Anh thợ đá nói:

- Đồ ngốc ạ! Đi về! Đi về! Ở đấy có gì hay mà xem mới được chứ?

Lưu Thái Dương xô tới trước mặt thằng bé quát:

- Tao cứ tưởng con chó này bị con chó già tha đi luôn rồi cơ đấy.

Ông ta lại hỏi anh thợ phụ rèn:

- Thế nào? Anh ép cho lão già chuồn mất rồi đấy, nhưng công việc vẫn cứ phải chạy như cũ. Nước tôi mà không ra gì là tôi khoét nốt con mắt kia của anh đi.

Anh thợ phụ ngạo nghễ cười, rồi nói:

- Xin cứ đợi đấy! Ông trùm Lưu ạ, nhưng lương thực với tiền công là ông phải nhớ tăng lên cho tôi đấy! Nếu không tôi bỏ.

- Còn phải xem tài cán của anh thế nào đã chứ! Được thì được! Không được ấy à, anh cũng cút xéo luôn cái mả mẹ nhà anh đi!

Anh thợ phụ ra lệnh cho Cu Đen:

- Nổi lửa lên! Làm!

Mất suốt cả một buổi sáng, thằng Cu Đen cứ như người mất hồn, công việc nó làm, chẳng đâu vào đâu, khi thì đổ cả một xẻng than to vào lò, làm cho cả vòm cầu khói mù mịt, có khi đưa chiếc đục hồng vào lò, nhưng chỗ cần nung lại không đỏ, chỗ không cần lại đỏ cháy đi.

Anh thợ phụ giận dữ mắng nó:

- Đồ chó ngày, đầu óc bụng dạ mày chạy đi đâu hết cả rồi! Anh ta bận bịu rồi đến ướm đầm mồ hôi, tôi xong một chiếc đục, đích thân anh ta lại đem đến ông thợ cả của đám thợ đá xem xét, giám định...

Thằng Cu Đen cũng vứt bỏ mọi thứ dụng cụ trong tay, len lén bước ra khỏi vòm cống. Ánh sáng đột ngột cũng như bóng tối đột ngột đều làm nó hoa mắt, váng đầu. Nó trừ trừ một lát, rồi co giò chạy thật nhanh, chỉ trong vòng mười mấy giây đông hồ đã đứng bên bờ sông, những cây củ ấu chó bốn sừng nhìn nó hết sức hiếu kỳ, những cây củ súng hoa tím (còn gọi là kê đầu tử, trong sách thuốc và nguyên văn gọi là khiếm thảo) và những cây củ gấu (sách thuốc và nguyên văn gọi là

khương phụ) ngửa cái đầu trọc lóc màu cà phê ra tham lam ngốn ngấu hít hít cái mùi vị than trên người thằng bé. Trên mặt sông thoang thoảng hương thơm của những cây cỏ nước và mùi tanh tanh của cá mè. Những cánh mũi nó phập phồng, còn phổi nó hoạt bát như một con chim ngói xoè cánh bay liệng. Mặt nước sông trắng mênh mông, nhưng xen vào giữa vùng trắng đó là màu đen, màu tím. Mắt nó chói đau, nhưng nó vẫn nhìn không chớp, hình như nó muốn nhìn xuyên qua lớp màu sắc trắng như bạc đang trôi nổi trên đó. Sau đấy, nó vén ống quần lên, thư thả dò mực nước rồi nó nhảy cẫng về phía trước như người ta khiêu vũ. Ban đầu, nước sông chỉ ngập tới đầu gối nó, rồi lên đến đùi, nó cố gắng kéo quần gần như tốc lên, để lộ ra cặp mông bé nhỏ, tím ngắt màu nho chín. Lúc này nó ở ngoài giữa dòng sông, ánh sáng từ bốn bên đều hắt vào nó, xoa bóp trên mặt nó, chọc ngoáy vào mắt nó, làm cho đôi mắt đen của nó đổi thành màu xanh của những cây chuối tiêu trồng trên bờ đê. Nước sông chảy xiết, từng đợt nước chảy đập vào đùi nó. Nó đứng trên một mô cát cứng giữa dòng sông, nhưng chỉ một lát sau, mô cát dưới chân đã bị dòng nước chảy xiết cuốn trôi theo, chỗ nó đứng bỗng thành một hố cát, quần nó ướt hết. Một nửa cuốn vào đùi nó, còn một nửa nổi lên thành một cái bong bóng quần quanh mông nó. Bụi than trên chiếc lưng quần bị nước đánh thổi ra nhuộm đen cả vùng nước quanh người nó. Cát từ dưới chân nó cuộn lên, cọ sát vào bắp chân nó, có hai giọt nước màu hổ phách đọng trên má nó, môi mép nó ra sức run rẩy. Nó bước đi giữa dòng sông, lấy chân rờ rẫm, lần mò, và tìm kiếm.

- Cu Đen!

Nó nghe thấy tiếng anh thợ phụ gọi nó ở trước vòm cổng.

- Cu Đen! Muốn chết hả?

Nó biết anh ta đã đến bên bờ sông, nhưng không thêm ngoảnh đầu lại, nên anh ta chỉ có thể nhìn thấy tấm lưng xanh xanh của nó.

- Có lên ngay không?

Anh ta vốc một nắm bùn, nhằm vào Cu Đen nhắm tới, nắm bùn lướt qua trên đầu nó, rơi xuống sông, nổi lên lớp sóng hình bầu dục. Lại một nắm bùn nữa ném tới, đúng vào lưng xô, nó chúi người về trước, miệng vập xuống nước, nó quay người trở lại, "bì bõm, bì bõm" từ dưới sông lên bờ. Cu Đen đứng lại trước mặt anh thợ phụ. Chiếc quần dính sát vào người, "chiếc đầu gà" giống như một con nhộng, cứng quèo, cong cong nhô lên.

Anh thợ phụ vừa định cho nó một cái bạt tai, bỗng nhiên thấy tim mình nhói lên như bị mèo cào, ánh mắt của thằng bé đang nhìn thẳng vào anh ta.

Anh ta ngạo nghễ nói và vuốt vuốt vào gáy nó:

- Mau về thụt bể ngay! Chiếc đục sư phụ mày đây tôi ra, chẳng kém gì cái lão khom già ấy đây nhá!

Bể lò rèn tạm thời hết việc, anh ta lấy những củ khoai sống còn thừa đêm qua ra đặt lên lò lửa. Gió từ ngoài bãi day lại nhẹ nhẹ thổi vào, đúng lúc đó, mặt trời cũng chiếu thẳng vào đấy. anh ta lấy chiếc kim cặp, lật giở những củ khoai nướng có chỗ cháy, chảy nhựa, miệng ư ử ra vẻ đắc ý nói:

- Suốt từ Bắc Kinh cho tới Nam Kinh, chưa từng thấy

ai kéo đèn điện vào trong đũng quần. Này Cu Đen mày đã thấy ai kéo đèn điện vào trong đũng quần chưa? Thế mà con mẹ ghẻ của mày ấy, mụ ta làm vậy đấy...

Anh ta bỗng như chợt nhớ ra đã sai thằng Cu Đen:

- Mau đi nhỏ lấy hai củ cải về đây, tao sẽ thưởng cho mày hai củ khoai lang.

Mắt thằng bé chợt loé sáng, nó định nói cái gì đó, nhưng chưa kịp mở miệng thì đã chạy biến đi rồi.

Cu Đen bò trên mặt đê, tai nó nghe thấy tiếng cô Cúc từ chỗ rất xa, gọi nó một tiếng. Nó ngoảnh đầu lại, ánh mặt trời xộc vào mắt nó, nó tụt xuống chân đê bên kia, chui ngay vào bãi đay. Những cây đay ở đây được gieo bằng hạt, nên không thành hàng, cũng chẳng thành luống, chỗ nào hạt giống rắc dày thì cây đay chỉ nhỏ bằng ngón tay, chỗ nào hạt giống thưa, cây đay to bằng chuôi liềm, bằng cổ tay. Nhưng tất cả lại cao thấp bằng nhau. Khi nó đứng trên đê nhìn xuống, bãi đay chẳng khác nào một mặt nước phẳng đang gợn sóng. Nó lấy hai tay rẽ những cây đay, lấy lối đi về phía trước, những chiếc gai cứng cứng trên thân cây đay đâm chọc vào da thịt nó, những chiếc lá vàng rụng xuống đất. Nó đã đứng ở chỗ sát với mép ruộng củ cải, chuyển góc đi về hướng tây. Khi lại tới sát với ruộng củ cải, nó nằm xuống đất, toài dần, bò dần về phía trước. Ngay sau đó nó đã nhìn thấy những chiếc lá củ cải xanh rờn. Ở chỗ cuối những chiếc lá ánh sáng mặt trời chiếu vào đầu những chiếc củ cải đỏ hồng lên. Nó đang định chui ra khỏi bãi đay thì lại vội vàng thụt lại. Có một ông lão đang bò lom khom trong ruộng củ cải. Ánh mặt trời mùa thu kiêu kỳ chiếu trên lưng áo vải trắng, thắm

dầm mồ hôi. gió nhẹ thổi bụi đất bay lên, khiến những chỗ mồ hôi đã khô biến thành màu vàng đất.

Cu Đen lết đầu gối, hai tay nó đỡ lấy cằm, qua kẽ hở của những cây đay nhìn sang phía ruộng củ cải. Tròng ruộng củ cải có vô số con mắt đỏ nhìn nó, và cả những chiếc lá trên ngọn. chỉ trong nháy mắt, bỗng biến thành những mái tóc đen, giống như những chiếc lông đuôi chim xoè lên, cụp xuống không ngừng.

Một người đàn ông mặt đỏ, từ phía những ruộng khoai lang, bước tới đứng ngay đằng sau ông lão, to tiếng gặng hỏi:

- Này, ông lão, ông bảo đêm qua bị mất trộm hả?

Ông lão luống cuống đứng dậy, xuôi tay trả lời:

- Có trộm, trộm nhổ sáu cây củ cải, ngọn lá vặt vứt lại, khoai lang bị bới tám hốc, dây lá cũng bỏ lại.

- Có lẽ chỉ cái bọn chó đang tu sửa cống xả lũ ở kia đến trộm cắp thôi, phải tăng cường để ý, cơm trưa, về ăn một tý.

Ông lão đáp:

- Tôi đã rõ, thưa ông đội trưởng.

Cả ông lão và thằng Cu Đen cùng nhìn theo người đàn ông mặt đỏ đi lên đê, ông lão ngồi ở ruộng củ cải, đôi diện với thằng bé, nó sợ hãi lùi thêm một đoạn, lúc này, những cây đay xanh tốt đã che hết tầm nhìn của nó.

- Cu Đen!

- Cu Đen!

Cô Cúc và anh thợ đá đứng trên mặt đê, gọi vọng xuống bãi đay. Lưng họ quay về phía mặt trời nóng bỏng, nắng trời chiếu xuống đám dân công tản mạn nghỉ trưa.

Cô Cúc nói:

- Em rõ ràng trông thấy nó chui vào trong bãi đay.
Em lại cứ tưởng nó đi ỉa đi đại gì cơ!

Anh thợ đá nói:

- Lẽ nào thằng mất chột lại vẫn bắt ép nó?

- Cu Đen!

- Cu Đen!

Tiếng gọi của cô Cúc cùng với anh thợ đá, một giọng nam, một giọng nữ, lướt đi trên ngọn đay như đôi con chim én đang bay lượn.

Chính giữa lúc ấy một con chim én nhà đang bắt những con bướm cánh xám trên ngọn các cây đay bỗng giật mình bay bỗng lên cao, mãi lúc lâu sau mới lại thấy nó chao xuống.

Anh thợ phụ rên đứng ngoài cửa vòm cổng, con mắt độc nhất của anh ta nhìn đôi trai gái đứng tựa vai bên nhau mà thấy bụng mình càng lúc càng to trướng hẳn lên. Vừa rồi đây cô gái và chàng trai ấy đến đây tìm thằng Cu Đen, với ngôn ngữ cử chỉ cứ như là đi tìm con mình vậy.

Anh ta lầu bầu đáp:

- Cứ đợi đấy! Đồ thối tha chúng mày!

Cô gái gọi:

- Cu Đen! Cu Đen!

Cô nói tiếp:

- Có khi nó lại chui vào trong bãi đay ngủ rồi cũng nên.

Anh thợ đá nhìn cô gái nài nỉ nói:

- Đi xem xem nó thế nào không?

- Đi không á? Thì đi.

Hai người nắm tay nhau, đi xuống bờ đê, rồi chui vào trong bãi đay...

Anh thợ phụ rên theo đuôi, lao lên mặt đê, nhìn thấy những ngọn đay rung động, cuộn cuộn như sóng nước, thân những cây đay cọ vào nhau "rào rào". Tiếng một nữ một nam vẫn ối ối gọi thằng Cu Đen, âm thanh nghe như từ mặt sông vọng về...

Thằng Cu Đen bò đã mệt, nó lật ngửa người, nằm nhìn trời. Chỗ nó nằm là nơi khô ráo, mặt cát lại phủ một lớp lá đay mỏng, gáy nó gối vào đôi tay quàng lại với nhau, bụng nó lép kẹp lõm xuống, một chiếc lá đay điểm những chấm đo đỏ, bay, rơi xuống đây kín vào lỗ rốn cái bần của nó. Nó nhìn lên, thấy ánh sáng mặt trời xuyên qua kẽ lá đay, thành từng bó to nhỏ màu xanh rọi xuống, những chiếc lá đay giống như cả một đàn chim kim tước đang bay liệng.

- Cu Đen ơi!

- Oi Cu Đen!

Tiếng gọi quen thuộc làm nó chợt tỉnh khỏi cơn mơ mộng, ngồi dậy rung rung một cây đay to ở bên cạnh mình!

- Cái thằng cu này dám ngủ say rồi cũng nên.

- Không có chuyện đó, mình gọi to như thế cơ mà. Có khi anh cu chuẩn về nhà rồi.

- Cái thằng oắt này!

- Ở đây tốt quá rồi còn gì...

- Vâng, tốt!

Tiếng nói của họ càng ngày càng nhỏ, giống như hai con cá dưới sông thả bong bóng lên mặt nước. Trong

thằng bé như có một dòng điện yếu chạy qua, nó hơi cuống quýt, hai đầu gối quỳ xuống đất, vánh tai động dấy, chớp chớp mắt nhìn lại. ánh mắt nó đã xuyên qua được vô số những gốc cây dày che chắn, thấy bóng dáng những người bạn của nó đang bị những gốc cây chia thành nhiều mảnh. Bất chợt mọi thứ đều yên ắng hẳn đi, chỉ có một cơn gió nhẹ thoảng lướt trên ngọn những cây, chỉ làm cho đôi ba cành lá rì rào lay động.

Nó ngạc nhiên và cũng thấy vô cùng mới lạ khi nhìn chiếc khăn vuông bịt đầu màu tím đỏ bay bay rồi sà xuống những ngọn cây, những chiếc gai trên thân cây móc giữ lấy, như giương cao một lá cờ thâm lặng. Chiếc áo kẻ ô vuông đỏ cũng rơi xuống đất. Những lớp sóng của rừng cây như cùng xô về phía nó. Nó từ từ đứng dậy, quay lưng lại, bước mạnh về phía trước, một loạt cảm giác kỳ dị mãnh liệt bùng lên trong người.

Một mạch mười mấy ngày liền, cô Cúc và anh thợ đá gần như quên lửng mất nó, không còn cùng nhau đến vòm cổng thăm nó nữa. Cứ vào mỗi buổi trưa, buổi tối, Cu Đen lại nghe thấy con chim chiến chiến (bách linh diểu) vén von hót trong bãi cây, và mặt nó lại hiện lên cái cười lạnh lùng, hình như nó hiểu rằng con chim đã vì cái gì mà hót. Anh thợ phụ rèn thì hiểu tiếng hót ấy chậm hơn thằng Cu Đen mấy ngày. Anh ta ẩn mình trong vòm cổng theo dõi, cuối cùng đã phát hiện ra điều bí mật: Khi nào có tiếng chiến chiến hót thì đổ tìm thấy bóng dáng anh thợ đá, còn cô Cúc lại ngồi đứng không yên, cặp mắt ngơ ngơ ngác ngác nhìn ra tứ phía, rồi

ngay sau đó quảng búa biến mất. Cô nàng đi được một lát thì chiến chiến ngừng hót. Lúc này sắc mặt anh thợ phụ rên càng khó coi, tính nết bỗng hung dữ thô bạo. Anh ta bắt đầu uống rượu. Ngày nào Cu Đen cũng phải chạy từ vòm cổng vào làng mua cho anh ta chai rượu nấu bằng khoai lang.

Đêm hôm đó ánh trăng vàng vạc trong trẻo, chiến chiến lại cất tiếng hót. Từ bãi đay ngọn gió nồm nam ân ái như tình yêu thổi vào công trường. Anh thợ phụ rên, uống một hơi hết sạch nửa chai rượu đỏ con mắt còn lại bị đốt cháy đến đỏ lên. Mấy hôm nay, Lưu Thái Dương về làng cưới vợ cho con, nên mọi người trên công trường, đối với công việc đều rất uể oải, những anh thợ đá phần lớn làm thêm ca đêm phần lớn bỏ việc vào nằm hút thuốc khan trong vòm cổng, nên cũng chẳng lấy đâu ra đục hồng mà sửa chữa, lửa lò rên phập phều nhấp nháy nửa sống nửa chết.

Rượu như thiếu đốt trong lòng anh thợ phụ rên, anh ta thấy họng khát khô như có thể bốc cháy lên được.

Anh ta sai:

- Cu Đen... đi nhờ cho bố mày mấy chiếc củ cải...

Cu Đen đứng bên ống bể lò rên, nhìn anh ta.

- Mày! Còn đợi tao cho ăn đòn hả? Đi...

Cu Đen đi ở những chỗ sáng, quanh bãi đay với vẻ vô cùng thần bí dưới ánh trăng, qua những ruộng khoai lang với đủ các màu sắc, đến ruộng củ cải, dưới ánh trăng soi, cải rung rinh như một ảo ảnh trên sa mạc. Khi nó mang củ cải chạy về đến vòm cổng thì anh thợ phụ rên đã gáy khò khò trên ổ rơm.

Cu Đen đặt chiếc củ cải lên mặt đe, bàn tay run rẩy của nó hơ vào lò lửa còn sáng, nhưng chẳng thấy ngọn lửa xanh, lửa vàng nào bốc lên trong không khí, nó thay đổi góc ngồi, nhìn chiếc củ cải trông như một lớp vải đỏ rách tối màu, xấu xí vô cùng, rồi ngán ngẩm gục đầu xuống.

Đêm hôm đó, Cu Đen mất ngủ. Nó nằm trong vòm cổng, trần trọc trở mình. Phó chủ nhiệm Lưu vắng mặt, tất cả dân công đều biến về nhà. Trong vòm cổng tro troi mấy chiếc ổ rơm mỏng tèo. Ánh trăng chênh chếch chiếu vào một thứ ánh sáng lạnh lẽo, tiếng nước sông, tiếng bãi đay, tiếng ngáy của anh thợ phụ rên cùng với những thứ tiếng vớ vẩn khó hiểu khác, cùng một lúc chen chúc chui vào tai nó. Cu Đen chỉ muốn ra nhìn chiếc củ cải kia, nó thế nào ấy nhỉ, vàng vàng, trong suốt... Chỉ một lát sau nó đã đứng bên bờ sông, một lát sau nữa là bên ruộng củ cải, tìm kiếm lung tung, tìm kiếm lung tung...

Tảng sáng hôm sau, khi mặt trời chưa mọc, và ánh trăng hoàn toàn hết sáng, những con quạ tụ thành đàn, bàng hoàng kêu vang bay lướt qua khung trời của công trường, mặt cổng xả lũ cong lưu lại đầy những chiếc lông bắn thiu của chúng. Từ chân trời phía đông, đã dựng lên mười mấy đám mây xám, đám nào cũng to như cây cổ thụ, và trên những cành cây treo đầy những miếng vải rách tả tơi...

Thằng Cu Đen từ trong vòm cổng bước ra, cảm ngay thấy cái lạnh, giống y như những lần nó bị sốt rét. Phó chủ nhiệm Lưu trở về, kiểm tra tình hình giặt dũ vô kể chửi ráo rạo tất cả đám dân công. Vì thế nên hôm

nay mọi người đến làm việc rất sớm, và làm việc cũng ra làm, tiếng búa trên công trường mà cứ tiếng ếch ộp kêu dưới ao hồ.

Hôm nay đục hồng cần sửa rất nhiều, những chiếc đục được anh thợ phụ làm mới đã đầu vào đấy, những chiếc đục sửa lại vừa sắc vừa đẹp. Những người thợ đá đến đổi đục ai ai cũng khen ngợi anh ta, bảo rằng nước tôi của anh ta rất tuyệt, có khi còn hơn cả ông thợ già.

Khi mặt trời lên cao độ hai con sào, anh thợ đá đem tới hai chiếc đục hồng cần phải sửa, đó là hai chiếc mới, mỗi chiếc giá tới bốn, năm đồng. Anh thợ phụ lườm nguýt chán chê ra rồi mới làm. Con mắt "độc nhơn" của anh ta cứ như bắn ra tia sáng lạnh lùng, nhưng anh thợ đá lại chẳng nhận ra, bởi lẽ con mắt hạnh phúc, nhìn cái gì cũng thấy hạnh phúc cả...

Anh thợ phụ giúi hai chiếc đục vào lò lửa, nung cho thật đỏ, rồi rút ra đập vài cái lấy lệ, sau đó đem nhúng ngay vào nước.

Anh thợ đá cứ thế mang đục đi, trên mép anh thợ phụ thoáng nụ cười đắc ý, anh ta nháy mắt với Cu Đen nói:

- Con ạ, cái thằng mất mả ấy lại xứng đáng để ông đây tôi đục cho à! Mày thử nói xem có đáng không nào?

Cu Đen chui vào một góc ngồi run lên bần bần.

Chỉ một lát sau, anh thợ đá đã quay trở lại quảng hai chiếc đục xuống trước mặt anh thợ rèn chữa:

- Thằng chột, mày tôi với rèn kiểu gì thế hở?

Anh thợ rèn nói:

- Thằng chọi! Âm i cái gì nào?
- Mở to con mắt chột của mày ra mà nhìn cho kỹ.
- Đó là vì bản thân cái đục của mày nó kém!
- Cút! Đây là mày cố tình trêu ngươi bố mày!
- Trêu ngươi thì đã làm sao nào? Để ông mày xem
mày có dám giở trò gì ra không?

- A! Mày... mày...

Anh thợ đá tức giận khiến cho khuôn mặt trắng
bệnh ra nói:

- Con mẹ mày đẻ ra mày thế hả?
- Bố mày chấp mày đấy!

Vừa nói anh thợ rèn vừa cời chiếc cạp dề bằng vải
bạt ở ngang bụng ra, lưng để trần sấn tới như một con
gấu nâu.

Anh thợ đá đứng trên bãi cát trước cửa vòm cổng,
cời chiếc blu đông và chiếc áo thể thao ra, chỉ còn chiếc
may ô. Người anh cao lớn, nhưng nét mặt giống như
thư sinh, và gân guốc như một cây hoè. Trên đầu gối
anh thợ rèn vẫn còn nguyên hai miếng vải dầu chống
bong, hai bàn chân dẫm lên lớp đá vụn, khiến chúng
vang lên những tiếng lạo sạo. anh ta chân ngắn cánh
tay dài, cơ bắp rất to, rất nổi.

Anh ta ngạo nghễ nói:

- Đánh bằng võ hay bằng văn đây?

Anh thợ đá cũng ngạo nghễ không kém:

- Thích kiểu gì cũng chiều.

- Mày về bảo bố mày viết cho tờ giấy cam đoan,
đánh chết không phải đền bồi.

- Tốt nhất là mày nên về nhà đóng trước lấy một chiếc quan tài.

Họ nhieếc mắng nhau một hồi rồi xông vào nhau.

Cu Đen ngồi xổm nhìn từ xa, mà người vẫn run lên bần bật. Nó nhìn thấy hai anh lúc đầu đánh nhau mà cứ như trò chơi, trông rất nực cười. Anh thợ đá cuốn lưỡi nhỏ nước bọt vào mặt anh thợ rèn, anh thợ rèn nắm tay lại tung ra một cú đấm, anh thợ đá lùi lại, cú đấm bị trượt vào không khí. Lại vật nhau. Lại một cú đấm. Lại lùi. Lại trượt. Nhưng khi bãi nước bọt thứ ba của anh thợ đá còn chưa phụt ra khỏi miệng, thì vai anh đã bị một cú đấm giáng mạnh vào, anh thợ đá không giữ nổi mình, quay đi một vòng.

Mọi người kinh hãi kêu lên, rồi ùa cả lại, can gián:

- Đừng đánh nhau nữa! Đừng có đánh nhau nữa!

Nhưng chẳng có ai dám xông vào lôi họ riêng ra. Cuối cùng thì ngay đến cả lời can cũng không còn nữa, mọi người chỉ còn biết tròn xoe mắt, nín thở, đứng nhìn cuộc "tỷ thí".

Mặt cô Cúc bệch bạc, xám ngoét, tay bấu mạnh vào vai cô gái đứng bên. Khi người tình của cô bị dính một quả đấm, cô rên lên khe khẽ, cặp mắt giống như một bông cúc đen nở bung ra.

Cuộc đọ sức còn chưa phân thắng bại, người này cho người kia một đấm, người kia tặng người này một quả. Anh thợ đá cao người nên những cú đấm đầy phong vị và bay bướm nhưng cũng rất vô ích, bởi sức lực không đủ. Miếng quyền của anh thợ rèn hơi chậm, nhưng cú đấm lại có thực lực. Anh thợ rèn khom lưng,

luồn vào nách đối thủ hai cánh tay dài như con cá trên ôm chặt lấy lưng anh thợ đá, hai người quán lấy nhau, xô tới, đẩy lui, anh thợ đá yếu hơn đứng không vững, nên bị đẩy ngã chống bốn vó trên mặt cát, mặt ngựa lên nhìn trời.

Mọi người reo hò ầm ĩ.

Anh thợ rèn đứng dậy, nhổ những giọt máu từ trong miệng ứa ra, nghiêng nghoeo đầu giống như con gà trống vừa đá thắng.

Anh thợ đá chồm dậy lao về địch thủ, hai thân hình một trắng một đen lại quán riết lấy nhau, dính chặt. Lần này anh thợ đá cúi mình xuống rất thấp, bảo vệ lấy ngã ba hạ bộ của mình, không cho anh thợ rèn động tới, và bốn cánh tay quán chặt vào nhau, có khi anh thợ đá nhấc bổng được anh thợ rèn lên, quay hẵn đi một vòng nhưng vẫn không quăng được anh ta ra xa. Anh thợ đá thở hồng hộc, người đầm đìa mồ hôi. Anh thợ rèn lại chẳng có một giọt mồ hôi nào. Anh thợ đá bước chân chuệnh choạng, mắt đã nhìn mọi thứ thành hai, đã bị anh thợ rèn liên tục chặt lấy eo quật mạnh một cái, khiến lại chống bốn vó, ngựa mặt nhìn trời lần nữa.

Sang hiệp ba, sự thất bại của anh thợ đá còn bi thảm hơn, bị địch thủ chui vào háng vác lên, rồi ném xa đến hai mét.

Cô Cúc khóc thương ôm lấy anh thợ đá, qua tiếng khóc của cô, nét mặt anh thợ rèn đang rạng rỡ vì chiến thắng bỗng ỉu xiu hẵn đi, đổi thành sầu thảm. Anh thợ đá bò dậy, hất cô Cúc ra, vốc nắm cát, ném vào mặt anh thợ rèn. Anh ta gào thét như một con dã thú ra sức dụi

mắt. Nhân cơ hội đó, anh thợ đá sẵn tới, kẹp lấy cổ đèn xuống, rồi như sấm như sét đâm tới tấp xuống đầu anh thợ rèn...

Giữa lúc đó, có một bóng đen chui ra khỏi chân mọi người. Đó là Cu Đen. Nó như một con chim khổng lồ bay tới sau lưng anh thợ đá lấy hai bàn tay đen nhẻm giống như chiếc móng gà bầu lấy hai bên cằm anh, ra sức kéo anh ra, anh thợ đá nghiêng răng, méo miệng kêu lên những tiếng "ợ ợ", và rồi thêm một lần nữa ngã kênh ra cát.

Anh thợ rèn giãy giụa ngồi dậy, chửi vung tứ linh:

- Đồ chó! Đồ súc sinh!

Tiếng chửi cùng với tiếng đá ném tung ra xung quanh, những viên đá cứ như những cục băng ném bừa bãi vào đám người đứng xem. khiến họ cuống quýt tránh ra, và rồi cô Cúc kêu to lên một tiếng. Tay anh thợ rèn bỗng dừng lại, những hạt cát "độc nhôn" của anh đã được nước mắt đưa sang khoé mắt, đã lộ ra cái lỗ con người. Anh thợ rèn mờ mờ ảo ảo nhìn thấy trên mắt phải của cô Cúc có cắm một viên đá màu trắng, giống như con mắt mọc thêm một cái tai. Anh thợ rèn cũng hét lên một tiếng rồi nằm vật ra, đau khổ giãy giụa.

Thằng Cu Đen thấy cô Cúc kêu thét lên liền buông tay ra. Ngón tay của nó vạch ra trên cằm anh thợ đá hai vết xước toé máu nhuốm đầy bụi than đen.

Nhân lúc mọi người đang hỗn loạn, nó lảng lảng chui vào trong vòm cổng, ngồi xồm trong một góc tối tăm nhất, răng va vào nhau "cộc cộc", nhìn trộm ra đám dân công bồi rồi nhón nháo bên ngoài.

Sang ngày hôm sau, người ta thấy vắng bóng cô Cúc và anh thợ đá. Cả công trường bị một không khí trầm trầm nặng nề đè trĩu, mặt trời như bị gió hút, khe khẽ rung động, ngọn gió thu se se lạnh, thổi ngang qua bãi đay, làm dấy lên những lớp sóng như ngoài biển cả, từng đàn chim sê như bị dọa dẫm xua đuổi kêu chíp chíp trên những ngọn cây đay. Gió thu xuyên qua những vòm cổng, bốc theo bụi cát, nhuộm vàng cả bầu trời...

Mãi đến hơn chín giờ gió mới ngừng thổi và mặt trời mới dần dần trở lại được khuôn mặt bình thường.

Vừa đón được con dâu mới về đến nhà, ông Lưu Thái Dương lại vấp phải chuyện này, trong lòng như có lửa đốt, ông chửi anh thợ rèn tối mặt tối mũi, đồng thời ông còn đe sẽ khoét nốt con mắt "độc nhơn" của anh ta để vá mắt đền cho mắt cô Cúc.

Anh thợ rèn im thin thít, những nốt trứng cá nổi rõ mồn một trên khuôn mặt đen nhẻm, anh ta há to miệng mà thở, và uống từng ngụm rượu lớn.

Những người thợ đá chẳng biết do lực lượng nào thúc đẩy, mà họ làm việc thực mạng, đục cùn, thố hồng, quăng ra hàng đống, nằm vạ bên cạnh lò rèn để chờ sửa chữa. Anh thợ rèn lại như con tôm nằm co quắp bên ổ rơm, ùng ục uống nước, trong vòm cổng sặc hơi men.

Phó chủ nhiệm Lưu nổi tam bành lên, lấy chân vừa đá anh ta vừa chửi:

- Mày sợ hả? Mày làm ra bộ trẻ con hả? Mày vờ chết là xong hết mọi sự sao? Có dây mà sửa lại đồ nghề cho người ta không? Như vậy còn có thể gọi là lập công chuộc tội.

Anh thợ rèn ném tung chiếc chai trong tay lên, nó đập vào vòm cổng vỡ tan tành, những mảnh còn ướm rượu rơi vào đầu ông phó chủ nhiệm Lưu.

Anh thợ rèn lão đảo chạy ra ngoài gào lên:

- Thằng này sợ cái gì nào? Giời thằng này cũng không sợ đâu nhé! Chết cũng chẳng sợ, sợ cái cóc khô gì nào?

Anh ta bò lên cầu trên mặt cổng, tiếp tục kêu gào:

- Ta đây chẳng sợ thằng nào hết nhé!

Chân anh ta vấp vào lan can đá, người anh ta loạng choạng, ngã nghiêng, những người đứng bên dưới hét to lên:

- Cẩn thận không lộn cổ xuống đấy!

Anh ta cười khanh khách, vừa cười vừa trèo lên hắt mặt lan can, buông tay ra, người chao đảo, xiêu vẹo trên mặt lan can đá.

- Rơi xuống cổng hử?

Những người đứng bên dưới như bị ma ám, thở to cũng không dám.

Hai cánh tay anh ta lên xuống vẫy vẫy, giống như đôi cánh chim no gió. Anh ta bắt đầu đi trên mặt lan can đó, người cứ liên tiếp nghiêng bên nọ ngã bên kia. Anh ta đi chậm mà cũng hoá đi nhanh, đi nhanh thì thành chạy, mọi người ở dưới đất, đều lấy tay ôm mặt, rồi toé rộng ngón tay, chỉ để hở có con mắt.

Anh thợ rèn bước cao bước thấp, xiêu xiêu vẹo vẹo chạy trên mặt lan can đá, bên dưới là vùng nước xanh trong in rõ chiếc bóng đã biến dạng của mình. Anh ta chạy từ đầu đằng đông đến đầu đằng tây, rồi lại chạy từ đầu đằng tây đến đầu đằng đông, vừa chạy vừa hát âm ỉ:

*Từ Nam Kinh cho tới Bắc Kinh,
 Chưa bao giờ thấy chuyện:
 Kéo đèn điện vào trong đũng quần.
 Cắt từng từng là cắt từng từng...
 Cắt từng từng là cắt từng... xoành...
 Từ Nam Kinh cho tới Bắc Kinh,
 Chưa bao giờ thấy chuyện:
 Bắn tên vào trong đũng quần...*

Mấy người thợ đá chạy liều lên miệng cống, kéo anh thợ rên xuống.

Anh ta ra sức giãy giụa, chửi bới:

- Kệ mẹ cái thằng tôi nhá, bố mày đây là anh hùng làm xiếc, các bà các chị trong phim đi trên dây, bố mày đây đi trên lan can, thử hỏi đứa nào giỏi hơn đứa nào?...

Mấy người thợ đá thở hồng hộc mới lồi được anh ta xuống.

Anh ta nhũn nhão như một cục đất bùn nằm trên ổ rơm, sùi bọt mép, tay móc họng, vừa khóc vừa gào:

- Mẹ ơi! Khó chịu quá! Thằng Cu Đen đâu, tên đồ đệ ngoan ngoãn của ta, cứu sư phụ đi, ra nhổ củ cải về đây...

Mọi người bất chợt nhận ra rằng: Cu Đen đang mặc chiếc áo dài trùm mông, còn mới tinh, may bằng vải bạt, vừa dày vừa nặng. Loại vải này vô cùng bền chắc, cứ gọi là năm năm không rách. Chiếc quần rộng thùng thình, chỉ còn thò ra một đoạn ngắn ở bên dưới, giống như phần viền đăng ten hoa ở gấu áo. Dưới chân Cu Đen đi đôi giày thể thao nhãn hiệu Hồi Lực cũng mới tinh, có điều, đôi giày

hơi rộng, giấy giấy phải bó thật chặt, nên trông giống như một con cá xấu xí với chiếc đầu to dẹt.

Một ông thợ đã đã có tuổi chọc chọc đầu chiếc tàu vào lưng Cu Đen nhắc:

- Cu Đen, nghe rõ chưa nhỉ? Sư phụ cháu sai đi làm gì đó?

Thằng Cu Đen bước ra khỏi vòm cổng, leo lên mặt đê, chui vào bãi đay, trong đó, chỉ cần vén những cành nhỏ sang bên là đã có lối đi. Nó đi, cứ thế mà đi, rồi nó dừng bước ở một đám cây đay bị đổ, như đã từng có ai đó lẩn lộn ở đây. Nó lấy tay dụi dụi mắt, sụt sịt một tiếng khóc... nó đi tiếp. Rồi nó nằm xuống, bò vào ruộng củ cải, nó ngồi xồm dậy, ông lão gầy còm không có dấy, nó đứng thẳng dậy, đi vào tận giữa ruộng củ cải, rồi ngồi thụp xuống, thấy những hạt lúa mạch gieo kèm trên luống củ cải đã nảy ra những chiếc mầm màu tím hồng. Nó quỳ xuống, nhổ lấy một củ cải. Trên trời không một sợi mây, ánh sáng trong veo, óng ả của mùa thu toả xuống không bị bất cứ vật gì ngăn cản. Cu Đen cầm chiếc củ cải giờ cao lên soi trước ánh nắng, mong sao với chiếc củ cải soi dưới ánh mặt trời này, nó lại được thấy lại cái cảnh tượng kỳ dị của chiếc củ cải đặt trên chiếc đe vào cái buổi tối hôm trước đó, mong sao chiếc củ cải được soi dưới ánh mặt trời này, cũng giống như chiếc củ cải bập bênh trôi dưới sông, nó trong suốt, lung linh, và toả ra những vòng hào quang màu vàng kim. Nhưng chiếc củ cải này đã làm nó thất vọng bởi không trong suốt, và cũng chẳng lung linh, không có những vòng hào quang màu vàng kim, mà ngay đến cả

thứ nước óng ánh màu bạc, bao quanh bên ngoài lớp vỏ cũng không có nốt. Nó nhổ tiếp một cây củ cải khác, lại giơ lên soi, và lại bị thất vọng. Sau đó mọi việc trở thành giản đơn hơn, nó cứ lết đầu gối một bước, lại nhổ lên hai cây củ cải. Rồi giơ lên ngắm. Vứt. Rồi lại lết đi bằng đầu gối, nhổ, giơ lên ngắm nghía, vứt...

Cặp mắt của ông lão trông vườn rau như hai giọt nước đục, ông lão ngồi xổm bên vườn rau cải, lần bắt từng con sâu đục thân. Bắt được con nào, ông lấy tay bóp chết luôn con ấy...

Đến gần trưa, ông đứng dậy, định đi gọi ông đội trưởng ngủ ở vườn rau. Ông đội trưởng đêm mất ngủ, ban ngày ở trong làng lại âm ỉ, khó có thể ngủ bù cho yên ổn được, thấy ngoài vườn rau có tiếng côn trùng rì rả như ru ngủ, đúng là một chỗ ngủ bù lý tưởng. Ông lão coi vườn vừa đứng thẳng dậy đã nghe thấy những tiếng lục cục ở xương sống mình. Ông lại chợt nhìn thấy cả một đám củ cải đỏ hồng dưới ánh sáng mặt trời, khắp ruộng như được thắp sáng bằng những ngọn lửa... Ông lão giương to mắt, đi sang ruộng củ cải, và thấy rõ những ánh lửa đỏ tràn trên mặt đất, là những cây củ cải đỏ chưa đến lứa thu hái.

Ông lão kêu to lên:

- Nghiệp chương! Nghiệp chương!

Ông cũng nhìn thấy thằng bé đang quỳ nâng một chiếc củ cải lên soi dưới ánh mặt trời. Cặp mắt của thằng bé thật to, thật sáng, nhìn thẳng vào khiến mình thành bối rối, nhưng ông lão chẳng khách khí mà túm

ngay lấy nó, lôi thẳng vào túp lều trông vườn, gọi ông đội trưởng dậy.

- Ông đội trưởng, hỏng to rồi. củ cải, đã bị cái con gấu con này nhổ mất một nửa rồi.

Ông đội trưởng mắt ngái ngủ nhập nhèm đi ra xem sao. khi trở về, mặt đầy cau có, không nói không rằng đá ngay cho thằng bé một cú mà lúc lâu sau, nó mới lồm cồm bò dậy được. Trong khi hoàn hồn, ông đội trưởng lại cho luôn nó một bạt tai điếng người:

- Thằng oắt con, mày là người làng nào vậy?

Đôi mắt mờ mịt, ngơ ngác của thằng Cu Đen nhòa nước.

- Đứa nào xui mày đến đây phá hoại?

Đôi mắt thằng Cu Đen trong veo như nước.

- Tên mày là gì?

Đôi mắt Cu Đen khe khẽ chớp máy.

Ông lão gầy còm xen vào:

- Thôi ông đội trưởng, mở rộng lòng nhân nghĩa, tha cho nó.

- Tha cho nó?

Ông đội trưởng hỏi lại, rồi nói tiếp:

- Phải tha hả?

Ông đội trưởng lột sạch sẽ mọi thứ trên người nó: Chiếc áo mới, đôi giày mới, cả chiếc quần rộng thùng thình của nó nữa, vo viên thành một mớ, vút vào góc nhà nói:

- Về bảo thằng bố mày ấy nhá, đến đây mà lấy quần áo về cho mày. Cút!

Cu Đen quay người bước ra, ban đầu còn có vẻ

ngượng nghịu lấy tay che chiếc đầu gà, đi được mấy bước, nó liền buông tay ra...

Ông lão gầy còm nhìn thằng bé trần truồng bước đi, đưa tay lên ôm mặt khóc.

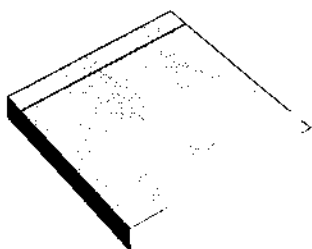
Thằng Cu Đen chui vào trong ruộng dáy, giống như con cá bơi trong biển cả. Lá dáy rì rào phát phát, ánh sáng mặt trời mùa thu óng ả long lanh.

- Cu Đen!

- Cu Đen!...

GIẢ BÌNH AO

1. ÔNG THỌ	125
2. ĐẤT CÁT	138
3. GIÓ XOÁY	182



ÔNG THỌ

Những người cao cao tuổi trong thôn đều đã chết. Riêng ông Lão Quán là vẫn chưa.

Trong "*quê hương tôi*", tập bản thảo cuối cùng của nhà văn Thạch Phu, đã dành quá nhiều trang viết về ông Thọ Lão Quán này:

Năm mươi năm trước, khi tôi còn là một nông dân làm ruộng ở Ngòi Nhà Hầm, cha tôi cũng còn sống. Sức khỏe của ông rất kém, về mùa đông, ông luôn luôn bị viêm họng, khạc không ra được cục đờm, cả người co rúm lại như trái bóng xẹp hơi. Tôi đã từng hỏi ông Lão Quán về con đường dưỡng sinh, ông đáp:

- Thứ nhất là cơm xong phải đi bách bộ, thứ hai là mỗi tối phải uống một ngụm rượu, thứ ba là trong lòng, trong dạ không buồn phiền, thứ tư là bà vợ phải xấu xí...

Cha tôi bảo, là vợ ông Lão Quán - đáng ra, tôi phải gọi bằng bà - quả là xấu xí thật, đôi mắt nhỏ như hạt đậu đen, chân bè như đôi rìu. Khi Lão Quán tự kể, ông tả rằng:

- Nước mũi của bà ấy bao giờ cũng chảy đến ngực, bít tắt bao giờ cũng tụt đến lòng bàn chân, cái đầu thì ngật ngưỡng, ngửa ra đến tận sau lưng, trông thấy là buồn nôn, mình được hoàn toàn yên tâm khi bà ấy đi ra ngoài...

Nhưng bà vợ xấu xí ấy lại sống đến năm mươi hai tuổi mới qua đời. Suốt trong ba năm liền, mỗi bữa, ông đều đặt cúng bà một bát cơm, còn đặt thêm cả đôi dưa tre rất ngay ngắn.

Cha tôi còn nói, khi người còn bé, thấy ông Lão Quán đã như thế, người sống tới già, ông Lão Quán cũng như thế. Năm mươi năm trôi qua, ông Lão Quán vẫn cứ giống y như năm mươi năm trước, giống y như cây hoè cổ thụ nằm ở chỗ khớp lại của cái hình bầu dục lớn chỗ đầu ngòi vậy, chẳng bao giờ thấy ông già đi cả! Cho nên khi ông Lão Quán gặp tôi ở đầu làng, lúc ông gọi đúng tên tôi, có lúc lại gọi bằng tên cha tôi, hầu như ông chẳng nhớ được rằng tôi là tôi, hay tôi là cha tôi nữa.

Ông Thọ không những không phân biệt được Thạch Phu với ông thân sinh ra Thạch Phu, mà ông còn lẫn lộn, đánh đồng giữa người sống với người chết. Ban đêm, khi đi ra đầu ngõ, nhìn thấy từ phía xa có người xách đèn lồng đi tới, ông hỏi:

- Có phải A Bảo đấy không?

A Bảo là con trai của Ngưu Cân, đáp:

- Cháu đây, ông ạ.

- Chỉ có một mình thôi à? Trời tối thế này, đi đâu đấy? Bố cháu đi sau phải không?

A Bảo hỏi:

- Bố cháu?

Ngưu Cân vốn chết từ lâu, A Bảo chợt thấy chợt dạ. Ông lại nói:

- Bố cháu thấy cháu nói chuyện với ông, nên đứng nấp ở đằng sau bức tường kia kìa. Này Ngưu Cẩn, tao là hùm hay sao mà không dám gặp hả?

A Bảo nghe vậy, hoảng quá. vội co giò chạy, vút cả đèn, chiếc đèn lồng bốc cháy gọn ghẽ.

Phải chăng gót chân ông đã đặt quá lâu trên con đường thú ỉ của cõi nhân sinh này, nên quan niệm về thời gian đã hoàn toàn mất đi trong ông.

Người trong làng nhiều khi tranh cãi với nhau về một việc nào đó, mãi không làm rõ được, bèn nói:

- Thôi cứ đi hỏi cái ông cụ sống thành già làng kia là biết.

Hỏi ông, ông đáp:

- Cái khe Vành Tranh kia kìa, trước đây đứng trong sân cũng thấy, bây giờ phải đứng trên bậc thềm dưới mái hiên mới nhìn được. Gió đã bào mòn cả cái khe ấy đi mất rồi.

Trước đó năm năm, một vị cán bộ của phòng văn hoá huyện đến sông Sơn Phấn để nghiên cứu sưu tầm cổ vật, kết quả là đến một cái lọ sứ đời nhà Thanh cũng không có, nhưng lại phát hiện ra ông, ngoài chương trình, bảo ông là đồ cổ sống, rồi viết ngay một bài, đăng trên báo tỉnh. Điều ấy đã làm vẻ vang cho cả một vùng sông Sơn Phấn, và cũng là sự tô điểm thêm màu sắc cho huyện, người của mặt trận huyện đã biếu tặng ông một chiếc đồng hồ. Đó là chiếc đồng hồ báo thức, ông Lão Quán lại không biết chữ, phải kéo lũ học trò con nít đến dạy ông đọc các con số trên đồng hồ. Nhưng học mãi mà vẫn không sao nhớ được, cuối cùng ông nói:

- Thôi chẳng học nữa, biết rồi, cái kim ngắn này, chạy một vòng tức là một ngày.

Lũ học trò bảo:

- Một ngày có hai mươi bốn giờ.

Ông đáp:

- Một vòng coi như một ngày ban ngày, một vòng nữa coi như một vòng ban đêm.

Lũ học trò lại nói:

- Cứ theo như cách nói của ông thì một năm có bảy trăm ba mươi vòng phải không ạ?

- Các cháu đã được học rồi, các cháu thử tính xem, cả đời ông được bao nhiêu cái vòng vòng?

Theo quan niệm của ông, đồng hồ là ngày cô đậm lại, là cái bản đồ của ngày, kim dài là mặt trăng, kim ngắn là mặt trời, mặt trăng và mặt trời cùng chuyển vùn, con người được sinh ra, rồi con người phải già đi.

Lũ học trò nhìn ông và nhớ đến mấy câu thơ cổ trong sách giáo khoa:

Đồng trung phương nhất nhật,

Thế thượng dĩ thiên niên.

(Đồng hồ trọn một ngày,

Cuộc đời đã nghìn năm).

Phải chăng ông lão đã thành tinh, ông là người đứng vào giữa ngày trắng và đêm đen, là người đứng giữa cái giới tuyến sống và chết, hoặc ông lão chẳng còn là người nữa.

Đối với việc học về đồng hồ, ông biến mọi sự thành vòng vòng tít. Ông Trị Ngũ qua đời, cháu ông ấy chào đời, ông nói:

- Dứa bé này còn to hơn ông nó.

Con trai Trĩ Ngũ chẳng hiểu được ý nghĩ ta trong câu nói đó, ông nói tiếp:

- Ông Trĩ Ngũ vừa mới chết xong, nói đến việc đầu thai làm kiếp khác e con sớm, nhưng biết đầu đến đời sau nữa, lại đầu thai vào đúng cái nhà này, cái dứa cháu này lại chính là ông nó!

Cho nên, chính ông cũng cảm thấy mình sống dai quá, nhưng cũng có lúc, ngược lại, ông thấy mình là người bé nhất làng này. Có một năm Thạch Phu đăng trên báo một bài thơ, dân làng truyền tay nhau đọc, ông bảo đọc ông nghe, trong bài thơ có câu:

Rời bỏ quê hương, tôi ngược lên phương Bắc.

Quê hương càng xa, theo bước chân đi,

Triều nặng trên vai một mối sầu quê...

Ông nói:

- Làm sao mà lại "càng xa theo bước chân đi"? Lũ trẻ học ở trường đã chẳng được dạy rằng trái đất tròn là gì. Thạch Phu càng đi ngược lên phương Bắc, hết một vòng, chẳng về đến làng là gì?

Dân làng ai cũng bảo ông quá già rồi nên nói năng khác người bình thường thường. Nhưng khi còn trẻ, ông cũng là một người tinh nhanh ra dáng. Ông là thợ vẽ, ông biết vẽ "vạn tự đồ", biết vẽ "lưu thủy văn", vẽ cá, vẽ chim, và những bức họa trong đền Thần Hĩm cứ mười năm lại được ông tô vẽ một lần, mãi đến những năm khoảng trên dưới tám mươi, ông vẫn còn leo cao, luồn thấp để. Nhưng kể từ khi cái nhà cô con dâu họ Trương

đến cầu tự, nói những điều tức cười, làm ông ngã gãy cẳng, ông mới gác bút.

Thôi nghề vẽ, ông đã từng nuôi một con lợn hạch, mọi người xa gần đều đến lấy giống cho lợn nái nhà mình. Phối giống một lần, ông thu năm thăng ngô, hai thăng để nuôi con lợn hạch, còn ông hưởng dụng ba thăng, (1 thăng bằng 1 lít), coi như là để kiếm sống. Phần đất được chia, ông chẳng cấy cấy gì hết, toàn trồng bí xanh, bí đỏ, rồi ông nấu bí với đỗ xanh, thành một loại "cơm lười", mỗi bữa đánh hai bát ô tô to, ăn đến đỏ mặt đỏ mũi. Những khi đang thổi nấu, mà có người đem lợn xê đến lấy giống, thế nào cũng bị ông mắng té tát rằng đến không đúng lúc, nhưng vẫn lại dắt ngay con lợn đực ra. Khi lợn đực tìm không đúng chỗ của con cái, phun bảy phun ba, ông liền lấy tay đỡ lấy cái gân ấy giúp nó, vì thế mà tay ông ướt nhè. Phối giống xong, lại đi tiếp tục làm cơm, tay cũng chẳng thêm rửa. Bát cơm đầu tiên bao giờ cũng dùng để "uý lạo" con lợn hạch. Kể từ khi có cái đồng hồ báo thức, trẻ con nhà hàng xóm có thể chạy sang xem giờ đi học, và nó còn có thêm một công dụng nữa là dùng cho con lợn hạch.

Ông nói:

- Đến lấy giống nhiều, con xê nhà nọ vừa lấy giống xong, lại con khác lấy ngay, thì lợn đực nhà tôi làm sao mà chịu đựng nổi? Bây giờ cứ phải chờ nửa vòng, mới được lấy giống một lần, tôi có đồng hồ đấy!

Nói gì thì nói, ông Lão Quán vẫn không chết. Ông vẫn nói kháy vị quan lớn kia, không phải chỉ một lần rằng: việc quái gì mà phải vận dụng khí công, và cũng làm nhục luôn cả Ngưu Cẩn: trong làng ai chết tôi đều

biết, mà lại biết toàn những người chẳng ra gì. Cái anh chàng Bính Bản làm nghiên cứu kia, bỏ đi kinh doanh bao nhiêu năm trời mà vẫn chẳng nên vương nên tướng gì, rồi lại bị tạm thời đình chỉ công tác, trở về làng nghiên cứu cái bí mật sống dai của ông Lão Quán này, hoài nghi trên thế giới. lại có người sống vĩnh hằng, không bao giờ chết? Lão Quán đối xử tử tế với anh ấy, đưa đi xem ngôi nhà mồ của mình, nhà mồ đã xây từ năm nào năm nào rồi ấy, đến bây giờ đã lở lóe ráo rạo cả. Xem cổ quan tài kê ở trên gác. Lão Quán bảo, đây là cổ quan tài thứ ba, cổ thứ nhất dùng vào cho ông của Triệu Mai, làm cổ thứ hai, để mục! Bính Bản chuyện trò rất thoải mái, say mê, đêm ngủ lại luôn ở nhà ông Lão Quán. Ngôi nhà này đã sửa chữa đến ba lần, trong nhà rất tối, vách bốn bên đều là một màu đen, cửa sổ lại cực nhỏ, mùa đông mùa hè đều không dán lại giấy, song cửa ra vào rất lớn, mà lại không có cánh. Bính Bản đã ngáy pho pho trên giường, trắng sáng vàng vạc, len qua các khe hở, luồn vào nhà ở chỗ cửa ra vào lại là một khoảng sáng hình ba cạnh, sáng đến náo nức. Trong một phút bất thành linh Bính Bản chợt thức giấc và như trông thấy một bóng người ngồi ở góc giường. Nhìn kỹ, thì ra đó là Lão Quán. Ông ngồi khoanh tay, xếp bằng tròn, ngủ rất ngon.

Bính Bản lay ông tỉnh dậy, nói:

- Ông ơi, thế là tại con chiếm mất giường của ông, làm ông mất ngủ, bây giờ thì ông ngủ đi, con ngồi một lát, trời cũng sắp sáng rồi.

Lão Quán nói:

- Tôi chẳng đã ngủ rất ngon là gì đấy.

- Ngủ ngồi không thoải mái.

- Tôi ngủ thế là đủ rồi. Nếu anh không muốn ngủ nữa, ta ngồi nói chuyện vậy.

Từ đó, Bính Bản mới biết rằng, ông Lão Quán từ xưa đến nay chỉ ngủ ngồi.

Hai người lại trò chuyện. Đến bữa cơm sáng, Lão Quán nhất định giữ Bính Bản ở lại ăn: theo lệ cũ trong nhà chỉ là bí đỏ, ông xào thêm một bát rau cải, rau ông không thái bằng dao, mà vụn bằng tay, để giữ nguyên chất nguyên dạng của nó.

Bính Bản vừa ăn vừa nói:

- Ông ạ, sống như thế này, mà sao ông vẫn khỏe mạnh, cường tráng?

Lão Quán nói:

- Nào tôi có biết, anh hãy nhìn mái tóc tôi đây này, bắt đầu từ năm nay, nó đen trở lại. Và cái hàm này, răng đã thay đến ba lần rồi.

Bính Bản kinh ngạc nói:

- Ông ạ, đúng là một sự diệu kỳ, ông sẽ không bao giờ chết ư?

Ông Lão Quán nói:

- Làm sao tôi biết được.

Bính Bản đột nhiên hỏi:

- Thế có bao giờ ông nghĩ tới cái chết không?

Lão Quán bất chợt cười ha hả:

- Nghĩ cũng không được, mà không nghĩ cũng không được! Ôi cái thằng nhóc này...!

Con lợn hạch ngoài chuồng đột nhiên học lên.

Ông Lão Quán nói:

- Nó cũng đói rồi đấy!

Khi dọn bát đĩa đi, ông bẻ luôn nôi bí thừa đổ cho lợn.

Bính Bản cũng đi theo.

Ông Lão Quán nói:

- Tôi thấy trong làng cứ từng tốp, từng tốp già đi, rồi chết. Đầu tiên tôi cũng nghĩ rằng, mình sống quá dai. Làm sao lại không để cho tôi chết đi. Người ta nói rằng vua Diêm Vương có một cuốn sổ hoa. Mỗi ngày ngài dỡ sổ ra một lần, lấy bút son, chấm vào ai, người ấy chết. Tôi nghĩ rằng vua Diêm Vương ghi tên tôi nắp vào đường dây đóng sách, nên không phát hiện ra được? Nhưng khi thấy quá nhiều người chết, tôi cũng chẳng thèm nghĩ chuyện tôi sống dài hay sống ngắn nữa. Đây, anh cứ thử nhìn mà xem, bên ngoài cổng kia là cây dương, cây liễu, cây bách, rồi những cây hoa, cây cỏ, lại cả cái mái nhà rêu phong kia nữa. Lại nhìn hòn đá, con lợn, con gà, và cái con kiến trên mặt đất kia, cả con rận trên người... chúng sinh ra trên cõi đời này, liệu có khác gì con người không? Giống nhau tất. Giời cho anh sống thế nào, anh được sống như thế, cho anh sống bao lâu, anh được sống bấy lâu, đúng vậy không? Về chuyện đó, tôi cũng đã suy ngẫm chán rồi, sống cũng chẳng thấy sướng, chết cũng chẳng thấy khổ. Như cái nhà ông quan lớn kia đấy, càng ham sống càng khổ, như cái con Triệu Mai kia đấy, muốn chết chứ không muốn sống cũng khổ. Có phải cái lý của nó là thế không, Bính Bản? Anh là người có học, anh lại đi hỏi tôi, tôi biết gì, mà cứ hỏi tôi mãi? Nếu anh muốn hỏi tôi là cái gì, thì

tôi xin hỏi ngược lại anh. anh có thể nói, cái cây này, ngọn cỏ này, cục đá này. ông mặt trăng, ông mặt trời ở trên trời kia là cái gì không?

Bính Bản là người có học, lại biết đường ăn nói, vậy mà cũng đành tịt mịt.

Nhưng cứ mỗi khi nghĩ rằng, sau này nhận được giải thưởng Nobel, sau này nhân loại sẽ tạc tượng bằng vàng cho nhà nghiên cứu Bính Bản, thì hình như anh lại rõ ra được cái gì đó, thì đột nhiên trong đầu óc anh nảy nở ra một ý tưởng rằng, khi trở lại thành phố, anh sẽ viết một bài luận văn đề đòi.

Giữa lúc ấy, có một người nào đó đến thắp hương cầu tự ở đền Thần Hăm, dùng chiếc vỏ gỗ đâm vào chiếc chuông sắt vang lên những tiếng u... u... nhịp nhàng...

Lại thêm một năm nữa qua đi. Ngòi Nhà Hăm hầu như hoàn toàn yên ổn, theo thường lệ, hàng ngày, mặt trời vẫn nhô lên khỏi núi từ phía Phong Hoả Đài, đến hoàng hôn lại lặn về phía khe Vành Trăng. Con người ban ngày làm công việc ruộng vườn, ban đêm, trên những chiếc giường đất, không đốt đèn, lặng lẽ, làm những động tác hưởng thụ cuộc sống. Đến tiết Thanh Minh, có đúng là lúc hoàng kim cho địa khí bùng lên, và xuân tình bông bột, công việc làm ăn của ông cụ Lão Quán cũng vô cùng suôn sẻ, những người đến lấy dục cho lợn cái phải xếp hàng, mỗi ngày ông Lão Quán phải nấu ba chảo ngô lớn, chia làm bảy lần cho lợn ăn. Cái giống lợn này càng cho nhảy nhiều nó lại càng hăng,

những con lợn cái được đem đến lấy giống, hoặc là những con năm ngoài đã từng đến lấy giống ở đây, hoặc là những con lợn cái, năm ngoài mẹ nó đã đến lấy giống đẻ ra, hoặc nữa là con của những con mà mẹ nó đã đến lấy giống ở đây... Bọn lợn ấy không bao giờ tính đến chuyện con lợn đực là cha nội hay ông nội hay cụ nội nó, cứ có cần, là vác cái bụng to bự, rồi đẻ ra sáu con, bảy con nhãi ranh, thậm chí có khi là mười, mười hai con. Ông Lão Quán nhìn con lợn đực của mình, ông lo lắng rằng nó không đảm đương nổi công việc, nhưng cứ nhìn những con lợn xề hừng hực lên như thế, hơn nữa những người chủ lợn lại ăn nói đầy vẻ cầu khẩn, van xin, nên ông không còn có thể dùng chiếc đồng hồ báo thức để bấm giờ được nữa, mà chỉ đành ngày nào cũng cho phối giống, và mỗi ngày phối giống liền mấy lần.

Một ngày mùa xuân tàn đi, con lợn hạch lăn cổ ra chết.

Con lợn hạch chết thật thảm, ngã vật từ lưng con lợn cái xuống, chết. Ông Lão Quán vẫn cứ tưởng nó nhằm không đúng vị trí chạy lại giúp, lúc ấy mới thấy miệng nó sùi đầy bọt trắng, và mắt đã nhắm lại.

Ngay lúc ấy, Lão Quán thấy như có một vật gì đó đánh mạnh vào đầu mình, ông thét lên một tiếng, rồi ngất đi. Lúc tỉnh lại, mặt ông đầy nước mắt, chửi bới con lợn cái, chửi bới người chủ của con lợn cái. Khi người chủ của con lợn cái để lại năm thăng ngô rồi tính nước chuồn, thì ông bưng cả năm thăng ngô đổ tung toé lên người chủ lợn, như đổ nước.

Ông không mổ thịt con lợn hạch của mình, mà đóng cho nó một cỗ quan tài, rồi tự mình công chiếc quan tài ra gốc cây du trước cổng, đào huyệt mai táng cho nó. Từ

đó về sau, ông Lão Quán ốm, mà cái bệnh của ông cũng rất kỳ lạ, muốn ngủ là ngủ, thích dậy là dậy, có khi ngủ liền nửa năm, thân thể cương cứng lại, vẫn thở đều đều, khi tỉnh lại, thì tỉnh luôn nửa năm không ngủ. Ngày ngày, ăn uống xong là ngồi lý, ngồi lý cho đến lúc đói lại thổi nấu ăn. Ban đầu, dân làng còn qua lại trông nom ông già độc thân, nhưng sau rồi cũng nhạt dần, bởi hầu như họ đều cảm thấy rằng, ông lão sống cũng là chết, mà chết cũng là sống, rồi dần dần quên hẳn ông đi.

Trong cùng thời gian đó, ở một thành phố lớn nhất thuộc phía Tây Trung Quốc, nhà nghiên cứu Bính Bản, suốt ngày trắng đêm đen, gần như đóng đinh trong phòng làm việc, lao tâm khổ tứ đánh giá, suy nghĩ, lựa chọn. Bản luận văn của anh ta chủ yếu là viết về bí mật trường thọ của ông Lão Quán, nhưng anh ta đã khinh thường, chê bai ông lão, anh ta cho rằng đây là một lối sống "trơ ỳ". *Con người là linh hồn, là chủ của muôn loài, con người là sáng tạo, con người có thể chinh phục thế giới và tất cả những gì có trên giới này.* Anh ta có một niềm tin vững chắc vào "tư tưởng" đó của mình. Nhưng cuối cùng lại chẳng hoàn thành được cái đề tài nghiên cứu sáng giá ấy, anh ta ra khỏi văn phòng làm việc, đi tới tất cả các cuộc hội họp, thậm chí đi tới tất cả các huyện trong toàn tỉnh và về cả đền Ngòi Nhà Hầm, để diễn giảng về những tư tưởng. Những cuộc diễn giảng, trình bày đó, ban đầu đều rất hấp dẫn người nghe, họ kéo đến rất đông, vô cùng rạo rờ, nhưng rồi về sau, người ta rầm rầm bỏ đi, bởi người ta nghĩ rằng, những lời diễn giảng đầy kích động đó, sẽ như một chiếc kim tiêm, rút hết tế bào não của họ đi mất.

Lần cuối cùng, những người ở Ngòi Nhà Hầm nhìn thấy Bính Bản là lúc anh ta đi một mình trên núi Tiên nằm sau sông Sơn Phấn.

Nhưng trong đền Thần Hầm của Ngòi Nhà Hầm vẫn hương khói nồng nàn, người trong làng bắt đầu dựng lên các quán trọ, quán ăn ở hai bên Đền Thần Hầm, để buôn bán kinh doanh, và đều rất phát tài.

*(Trích dịch trong tập
Truyện ngắn Giá Bình Ao)*

ĐẤT CÁT

1

Thương Châu núi rất cao nhưng sông lại không sâu. Dọc theo con đường sông Đan Giang thường có nhiều eo, nổi lên những bãi bồi. Ở phía tây cách Vũ Quan tám mươi dặm đường, có một dòng sông nhỏ chảy theo hướng Bắc Nam, đổ vào sông Đan Giang, vùng đất eo sông này hình ba cạnh. Bên bờ Tây con sông, là một loạt những xóm làng, nhà cửa cao thấp, nhấp nhô, tạo ra được một đường phố. Ôm lấy đường phố này, nhà cửa xóm thôn cứ kéo dài mãi ra, rất lộn xộn, chẳng theo một trật tự nào, chẳng hề có ngõ xóm, và đường ngang nào hết. Thôn này, có tên là thôn Eo Liệt (Liệt Loan), với mấy trăm hộ gia đình, thuộc đại đội sản xuất Trà Phường, một đại đội đông nhân khẩu nhất.

Bờ phía đông con sông là một bãi cát lớn, không trồng nổi một loại hoa màu nào chỉ có mấy cây liễu lơ thơ, nghiêng ngả. Cát trôi của con sông, gặp những khi mưa to gió lớn, bùn đất từ con ngòi phía sau đổ xuống theo. Trước hết là nó giải ra dọc hai bờ sông, những nhà

ở bên bờ phía Tây thường phải chịu mọi tai ách của nó, về sau đắp được một con đê bồi, lòng sông mỗi năm một cao dần lên, con đê bồi cũng ngày một nâng cao hơn, bây giờ đã cao hơn nóc nhà đến hai lần rồi. Trong khi bên bờ phía đông chẳng có đê đập gì hết, và trở thành thế giới hoang vu của cát vàng. Người ta đã từng thử trồng sậy ở đấy, nhưng cũng chỉ sống được có mỗi một vệt ven sông, còn vẫn là đất cát trần trụi, ban ngày có thể nhìn rõ vết chân của các loài chim, loài thú, ban đêm nghe tiếng sói gào, như trẻ con khóc dạ đề.

Về sau làm lại đường công bộ Trường Bình, tuyến đường chạy vòng ra phía sau thôn Eo Liệt, lại chạy đúng vào khu đất đỏ phù sa bên rìa bãi cát đó, và bên dưới gốc cây liễu già dựng lên một mái lều, ban đầu không lợp bằng cỏ, mà chỉ che bằng giấy dầu. Dân công làm đường đã đến ăn nghỉ khi một loạt lán dựng lên, phần lớn đều làm bằng gỗ, dựng tạm, tuy chỉ có một gian đặt bể lò rèn là được lấy đất đắp vây lại. Đường làm xong, dân công rút đi, những gỗ lạt giấy dầu đó, phần lớn do công trường dỡ mang theo, còn một phần nhỏ bị dân thôn Eo Liệt đến lấy, tất cả chỉ còn lại bốn bức tường đất. Bây giờ cây que đã được gác lên, lợp tranh, và đã có hộ sống tại đó.

Hộ này, thực ra chỉ có một người đàn ông.

2

Người này tên là Lưu Thành, dân Hà Nam, giờ này đang trần trụi trọc, nằm phục trên mặt cát, lên

xuống đôi tay, luyện tập. Nắng ngày Tam Phục⁽¹⁾ như đổ lửa, mặt cát nóng như rang, toàn thân ông toả ra một thứ mồ hôi dầu, đen bóng lên, khi chống tay bụng ông thót lại như một cái gáo làm bằng nứa, quả bầu nậm, khi ông dấn xuống, toàn thân nổi lên những bắp thịt đen nhánh. Ông luyện tập như thế đến nửa canh giờ, (một tiếng đồng hồ), cuối cùng nằm nguyên tại đó, giống như một con cá kinh phơi mình trên bãi cát, lơ đãng nhìn về phương xa vời. Trên bãi cát, một cơn gió không phương hướng, xoay một vòng, rồi biến mất, chỉ còn một làn khí mỏng mảnh, trắng trắng bốc lên, như những sợi tơ, mà người ta có cảm giác rằng đó là những sợi tơ của hạt cát sỏi kéo lên, quấn quanh, phơ phất mãi trên cao, làm cho cặp mắt không sao chịu đựng nổi. Bất chợt, ông dấn mạnh xuống mặt cát như người đánh trống, tựa như một con sư tử phát điên, tựa như đôi tay ấy không phải bằng xương bằng thịt, tựa như trước mặt dù là một khối sắt cũng bị đập vụn tan tành! Lát sau, ông bình tĩnh lại, mắt nhìn như đóng đinh vào đàn kiến dưới cỏ, đang xúm đen trên mình một con sâu, con sâu giãy giụa, vật vã, quăng quật, nhưng vẫn bị đàn kiến từ từ tha đi. Ông chồm tới, giết chết đàn kiến, và đặt con sâu bé nhỏ lên tay, thổi thổi cho nó rồi đặt nó vào chùm lá mao liễu, và bất chợt ông bật cười.

Ông cười thật sáng khoái, có đến năm phần là cái

⁽¹⁾ Những ngày nóng nhất trong năm. Tam Phục bao gồm Sơ phục, Trung phục và Mạt phục. Sơ phục gồm 10 ngày, tính từ ngày canh thứ ba sau Hạ Chí. Trung phục gồm 20 ngày, tính từ ngày canh thứ tư sau Hạ Chí. Mạt phục gồm 10 ngày tính từ ngày canh thứ nhất sau Lập Thu.

cười hồn nhiên của trẻ thơ, còn năm phần là cười cái tức cười của người lớn.

Cái tính chất phác dó của ông, người thôn Eo Liệt đã thấy nhiều, nhưng vẫn chẳng ai đoán thủng ra được. Trước đấy nửa năm, ông dắt theo cô con gái tên là Diệp Diệp, đến đây mãi vô kiểm ăn, chân tay ông lạnh lợi, lại ăn to nói lớn, còn kèm theo cái xinh xắn của cô con gái, nên làm ăn cũng khá. Cứ mỗi buổi, trừ ăn uống đi rồi cũng dành ra được một sáu tiền xu. Nhưng khi đến thôn Eo Liệt, Diệp Diệp bỗng ốm nặng và qua đời, một cái chết vô cùng đột ngột. Ông khóc một trận kịch liệt, chôn cất cho con, rồi biến thành một con người hoàn toàn khác trước. Ông không đi giang hồ mãi vô nữa, muốn dừng gót lang thang, trú ngụ lại hẳn ở nơi này, trông non quất quýt với mảnh hồn của Diệp Diệp.

3

Nhưng, người Eo Liệt lại không chấp nhận ông.

Eo Liệt có hai ông đội trưởng, một họ Lý, và một họ Tạ. Ông đi tìm ông Lý, ông ta nói: Đây là một việc lớn, bản thân ông cũng muốn làm một việc tốt, nhưng rất khó bàn bạc với ông đội trưởng họ Tạ.

Ông đến tìm gặp ông đội trưởng họ Tạ, ông ta lại bảo: Việc này, ông Lý là chính, chứ ông không dám quyết...

Ông làm một mâm rượu, mời luôn cả ông Lý lẫn ông Tạ cùng đến đánh chén. hai ông hết cách thoái thác, rượu vào, mặt đỏ bừng bừng, cười khà khà nói:

- Đây là việc lành mà, một mình ông, một cái lỗ

miệng, chẳng lẽ cái thôn to lớn thế này lại chẳng dung nổi ông sao? Huống hồ ông lại là con người tài ba, chúng tôi đồng ý thôi! Nhưng mà cái thôn này, nó lớn, bách nhân bách tính. để tôi về họp đại hội xã viên, lựa lời nói với họ trước.

Một tháng, rồi một tháng nữa trôi qua, đại hội xã viên vẫn chẳng thấy họp.

Ông ở lại đây đến gần nửa năm, chỉ dành, ngày ngày hì hụi đi làm thuê, kiếm sống. Hôm nay chẳng có ai đến thuê đi làm, ông luyện tập xong, bèn trở về cái lều tranh của mình ngồi. Gian lều quá tồi tàn, tường đất, không kèo cột, một bệ bếp lò đắp đất, một chiếc chảo, một vò nước, mấy cái âu đựng dầu mỡ, mắm muối. Một cái giường đắp bằng đất, một bộ chăn đệm, bên cạnh có chiếc hòm gỗ mộc, chứa quần áo thay đổi bốn mùa. Ngoài ra chẳng có gì khác, trừ những đao thương, giáo mác để mãi vô kiếm tiền.

Ông chợt thấy bụng đói, bèn đi làm cơm. Bát thứ nhất đặt lên trước tấm ảnh cúng con. Khi ông vừa bưng bát cơm lên định ăn, chợt ngoài cửa có tiếng gọi to tên ông:

- "Ghính Hà Nam"! "Ghính Hà Nam"!

Người ở đây toàn gọi ông bằng cái tên ấy. Khi mới tới đây, ông gánh một gánh đồ đạc, dụng cụ, nên người thôn Eo Liệt gọi ông là "Gánh xiếc Hà Nam", nhưng rồi về sau, người ta gọi ngắn lại và trọ đi thành "Ghính Hà Nam", rõ ràng trong đó có ý khinh thường. Ông chẳng lấy đó làm phiền và cũng chẳng cần đính chính lại tên thật họ thật của mình.

Khi ông chạy ra, thấy đó là Lai Cử, người trong thôn Eo Liệt, vốn là một cậu bé mồ côi, năm nay đã hai

mười hai tuổi rồi, chưa có vợ. Khi mới tới đây, ông trú trọ trong nhà Lai Cử. Cậu thanh niên trẻ tuổi ấy đối xử với ông rất tử tế, nhưng rồi dần dần, ông cũng biết được dụng ý của anh: Thứ nhất là muốn học võ, thứ hai là muốn gán gụi Diệp Diệp. Có một lần Diệp Diệp cán mỳ trong nhà ngang, Lai Cử đứng ở cửa trên liếc nhìn trộm. Khi vừa bước vào cổng, thấy được ông đang hắng, ho to. Lai Cử tụt vào trong trốn. Ông không nói lại chuyện đó cho gái biết, mà chỉ bảo con rằng, không thể ở đây được nữa. Từ đó hai bố con ra ở cái lều nát này, ông không cho Diệp Diệp tiếp xúc với Lai Cử, và cũng chẳng dạy võ cho anh ta nữa.

Sau khi Diệp Diệp qua đời, ông cảm thấy mình có lỗi với Lai Cử, nên mỗi khi anh ta tới ông đều niềm nở tiếp đón. Chàng thanh niên này cũng là người trong thôn Eo Liệt đi lại nói này nhiều nhất.

Lai Cử đứng ngoài cửa, không vào, trên người quần áo rách bươm, mặt nhoe nhoét máu, thở hổn hển nói:

- Ông đội trưởng cho gọi bác!

Ông phẩn khởi hỏi:

- Nhưng là ông Lý hay ông Tạ?

- Cả hai ông đều cho gọi. Bác nhanh nhanh lên

Ông buông dũa buông bát, khoác thêm chiếc áo rồi đi. Cửa bỏ ngõ không khoá, bọn trộm cắp đổ dấm vào nhà ông, vả lại ông cũng chẳng có gì mà sợ mất.

Vừa đi ông vừa hỏi:

- Có phải là việc xin ở lại đây không?

Lai Cử đáp:

- Gọi ông đi *oánh* nhau!

Ông sững người:

- Đánh nhau?

- Bọn thôn Nam lại đến bắt nạt ta, bọn họ đòi đắp thêm một con đê nữa, bên ta cãi lý, thế là hai bên xô xát.

Ông không đi nữa. Mâu thuẫn giữa thôn Eo Liệt và thôn Nam thì ông biết, nhưng ông không thể tham dự vào việc đánh nhau được. Hai thôn này nằm đối diện với nhau ở hai bên bờ sông, trước đây ít năm, người thôn Nam đắp thêm một con đê, đẩy dòng sông chảy về phía bên này, làm cho đất cát bên Eo Liệt bị xói lở rất nhiều. Khi ấy cũng đã kiện cáo lên trên, nhưng việc giải quyết không đến nơi đến chốn, nên người thôn Nam càng thêm to gan, cứ lấn rộng ra ngoài bãi, đắp thêm con đê thứ hai... Nay xảy ra chuyện đánh nhau, tuy đúng là ông có vô nghệ thật, hà cớ gì lại đi dính vào mới được chứ?

Lai Cử thấy ông dừng lại, liền nói:

- Đi thôi, đi thôi, đang lúc cần võ nghệ cao cường của bác.

Ông gào lên:

- Thế là gọi tao đi hành hung người ta à? Tao đâu có phải là người Eo Liệt, tao đánh nhau với người ta làm gì?

Lai Cử nói:

- Cái nhà ông "Ghính Hà Nam" này, bác có đánh thắng được họ, người Eo Liệt mới cho bác hộ khẩu chứ? Lẽ nào chỉ cho bác nhập hộ khẩu, giống giọt trên đất người ta, ăn lương thực của người ta không ư?

Ông bất chợt nổi hung tím ngay lấy cổ áo Lai Cử, nhấc bổng lên, quát to:

- Mày dám ăn nói thế hở? Mày thử nói lại tao nghe xem nào!

Lai Cử sợ đến tái xanh tái xám mặt mày.

Ông buông tay xuống, ngoắt đầu, đi thẳng. Đi được vài bước, ông quay đầu nhìn lại, vẫn thấy Lai Cử đứng trân trân ra đấy.

Ông quát to:

- Cái thằng thối thây kia! Mày vẫn còn ý xác ra đấy mà chờ người Eo Liệt bị đổ máu sao?

4

Ông đi tới bờ sông trước thôn, quả nhiên ở đây đầy dẫy những người, đang túm nắm, giằng xé, đánh đập lẫn nhau. Người thôn Nam rất hung dữ, ào ào xông tới. Người Eo Liệt lại chẳng đồng lòng đồng dạ, người đằng trước đánh nhau, người đằng sau bỏ chạy, thế là cuối cùng có hai người bị bao vây, bị đánh cho ngã sòng xoài trên mặt đất. Mặt trận bên này thành hỗn loạn, và tan vỡ, phía bên kia thừa thắng xông lên, lấy lại những thứ đã bị cướp đi như đòn gánh, xe cải tiến, lồng sọt...

Ông đi tới đó, nhìn tình cảnh, một nỗi giận chột bùng lên và ngay lập tức, ông co hai tay nắm đấm lên ngang hông, rồi những cú đấm gió vút tới. Người thôn Nam vẫn còn dưới sông, chưa kịp lên bờ, nhìn thấy ông, lập tức đầu đứng đó.

Người thôn Nam nói:

- Trong muối không có ông, trong dấm không có ông, dính gì đến ông nào?

Mặt ông đen sẫm lại:

- Tao đánh vì lẽ công bằng!
- Cái con mèo hoang kia, có cút ngay đi không?
- Nếu không cút thì sao?

Một thanh niên lao tới, ông chỉ giơ một tay ra đẩy anh chàng đã ngã chống vó xuống nước. Ông bật cười lớn. Người Eo Liệt nhân cơ hội đó lại ào tới. Ông ngăn họ lại, đợi cho người thôn Nam lên hết trên bờ đê. Người thôn Nam lên bờ, bắt đầu đứng vào thế, đột nhiên có một người ném thẳng nắm cát vào mắt ông, ông "ối" lên một tiếng, đưa hai tay lên dụi mắt, thế là cả đám người sấn tới, dè dặt ông xuống. Người Eo Liệt thấy vậy, liền ào ào bỏ chạy. Đột nhiên, chân tay ông dậm, đập tung ra bốn phía, và lập tức có bốn người bay tung ra xa, những người ấy còn chưa kịp bỏ dậy ông đã tung người lên, nhảy vọt ra tròn tròn mắt quát to:

- Nào! Thằng nào cò giỏi cứ lại tất cả đây!

Những người bị hất ngã vội vàng chạy tuốt xuống sông... Người Eo Liệt lại ào ào xông tới, duỗi qua sông, đập phá xe cộ, bẻ gãy đòn gánh, lồng sọt của phía bên kia.

Ông Lý, ông Tạ vội vã chạy tới, hân hoan nói:

- Đáng lẽ ông phải bẻ gãy mấy cánh tay chúng nó đi.

Ông buồn phiền nói:

- Các ông định đưa tôi đi tù chắc?

Ông đi về phía một người bị thương còn nằm rên rỉ tại trận. Ông dừng chân, lạnh lùng nhìn, nhìn xong, ông rút từ túi áo ra một chiếc lọ nhỏ, ném vào ngực anh ta nói:

- Cầm về mà xoa bóp, những vết bầm tím sẽ lặn ngay.

5

Người thôn Nam bị thua to, bắt đầu biết điều hơn, không còn đòi đắp con đê thứ hai nữa. Tiếng tăm của ông lừng lẫy khắp vùng, và ông nhanh chóng được nhập vào thôn Eo Liệt.

Lai Cử rất khoái chí, thường hay kể công với ông rằng, may mà có anh ta gọi ông đi đánh nhau. Ông chỉ cười, không ra tán thành, cũng không ra phản đối. Lai Cử mời ông về ở lại nhà mình, ông không về vẫn cứ sống trong ngôi nhà tranh rách nát ấy, có điều là ông vay của đội sản xuất mấy chục đồng, mua mấy cái cây trồng ở bờ đê, làm kèo, làm xà rồi lợp rơm trên mái.

Từ đó, ông không còn là kẻ lang thang cơ nhỡ nữa, mà đã có chỗ trú chân hẳn hoi. Ông cũng chẳng còn đi mãi vô làm xiếc kiếm sống nữa, bắt đầu tham gia sản xuất cây cây. Nhưng người trong làng vẫn chẳng có ai chịu gọi ông bằng cái tên thật, già trẻ lớn bé vẫn cứ gọi bằng cái tên "Ghính Hà Nam".

6

Ngày xưa, hồi còn sống ở Hà Nam quê nhà, ông đã từng kéo cối xay, lăn trục lúa, cày cấy, cũng là một lao động giỏi trong làng, một người có tiếng giỏi giang. Có điều rằng, nơi quê ông, không có ruộng nước, cũng không có gò đồi, còn ở Eo Liệt này lại một nửa nương khô, một nửa ruộng nước, nương cũng có một nửa là nương phẳng, một nửa là nương dốc, nên đối với ông cũng có thể là mới lạ, không quen. Đầu tiên ông không

biết cấy, hàng mạ ông cấy xuống cứ xiêu xiêu vẹo vẹo chẳng bao giờ thẳng. Dẫm chân trong nước cả buổi là điều cực khổ với ông. Mỗi khi thấy đĩa bám vào bắp chân, người đã nổi hết da gà lên. Ông bèn đi gánh mạ, người khác gánh ba mươi con, ông gánh hẳn đến năm chục, đứng trên đầu bờ, quàng mạ xuống ruộng, ông có thể ném từ đầu bờ ra đến giữa ruộng, chân dẫm trên gốc rạ đến bật máu, mọi người thấy thế đều phát sợ, nhưng đối với ông vẫn chẳng mùi gì, nên việc gánh mạ, một mình ông làm tất. Làm trên nương dốc, ông không quen dùng cào cào đá, ông đi vác đá đắp bờ, thông thường một hòn đá hai người khênh ông chỉ vác một mình. Vì thế mỗi khi phải làm việc đó, chỉ cần hai người khênh đá đặt lên vai ông, ông vác lên đến bờ vừa nhanh vừa chắc. Nên chỉ trong một thời gian ngắn, trên vai, trên lưng ông đã thành những cục chai.

- Dám ra mình có duyên với mảnh đất này!

Ông thường nằm bên bờ ruộng, gối đầu bằng đôi giày, chân gác lên một vật gì đó, rồi luyện công phụ theo thói quen, và miệng thì nói thế.

Ông nghĩ, trong bao nhiêu năm rông lang thang gót giang hồ đã đặt lên không biết bao nhiêu vùng đất, nhưng chẳng có nơi nào lại làm náy ra trong đầu ông cái ý định dừng chân ở lại, vậy mà ông, nay muốn định cư, lập nghiệp trên mảnh đất này. Đất hoàng thổ vùng này, ông đã chôn cất Diệp Diệp của ông, chỗ dựa, niềm hy vọng duy nhất của ông lúc tuổi già. Ông quyết dừng chân lại nơi đây, đợi hết những năm cuối đời của mình, rồi sang thế giới bên kia, lại ở cùng với con gái.

Những công việc nặng nhọc ngoài ruộng nương đã

thu nhập của ông ngày một tăng, ông đã trả hết nợ vay của đội sản xuất, lại trát tường trong nhà, thêm ít chậu gốm, vại gốm, trong vại đã có đủ loại mỳ, và mua thêm cả một bộ chăn đệm mới. Ngoài cái đó ra, tất cả số tiền còn lại ông mua rượu thịt nh chén.

Ai ai cũng bảo ông là người vui vẻ, thẳng thắn, m được bao nhiêu, chén bấy nhiêu, một bát thịt ra, ông chưa bảo cầm, dố ai dám cầm. mỗi khi ra nhà, ông vua bếp cũng đi theo. Nhưng mỗi khi từ ngoài ruộng về, cứ đến cửa túp lều ông lại n miệng hỏi to:

- Diệp ơi! Cơm nước xong chưa con?

Ngày xưa cứ mỗi lần về nhà, ông đều hỏi con gái thế, và bao giờ cũng vậy, Diệp Diệp đáp lời ông "rồi" và cô đi ra, bưng nước cho ông rửa tay rửa mặt. Ngày sau đó, cô dọn ra bữa cơm rau nóng hổi. Bây giờ khi cất tiếng gọi con, ông đứng sững ở đó một lát, cúi xuống và nước mắt ứa ra.

Vào trong nhà, ông chẳng còn lòng dạ nào mà đi một bữa ăn tử tế nữa, nên chỉ quấy quá nhét cái gì vào bụng, rồi ra bãi cát trước cửa tập võ.

7

Những khi đó dân làng thường chạy tới xem, trước là đám trẻ con, sau đến lượt các người già. Có một người, đã hơn sáu chục tuổi, trong chế độ cũ từng đi xa bán, ngược lên đến Tây An, xuôi xuống đến Hán

Trung, khá từng trải lịch duyệt. Đúng xem ông luyện tay rèn chân bền chạy tới nói:

- Chân tay thật tuyệt vời. Cũng may mà đất này được cái thế tốt, mới giữ nổi chân con người như ông. Chúng tôi, đúng là phải cảm ơn ông!

Ông khoanh tay, kéo ông lão ngồi xuống nói, chính ông mới là người phải cảm ơn mảnh đất này, bởi con gái ông đã được gửi gắm ở đây, và cũng nơi đây đã dung nạp một con người lưu lãng...

- Không, không, nếu không có ông, thôn này đã bị thôn Nam bắt nạt, chèn ép rồi...

Ông lão nhắc lại trận đánh nhau hồi nọ, rất thần phục bản lĩnh của ông, và nói quá lên rằng, chính ông đã được trời sai xuống, để giữ vững cái thôn Eo Liệt này.

- Võ nghệ của ông đúng là bậc thầy ở khắp vùng sông nước Thương Châu!

Ông lão đã coi trọng ông, ông cũng quý mến ông lão, họ trở thành bạn, và ông thường tới nhà ông lão chơi, cũng hay chạy quanh chạy quẩn thôn xóm hơn. Mọi người gặp ông, vẫn cứ thấy hơi sò sợ, ăn nói với ông cũng nhỏ nhẹ, và nếu phải tranh luận gì đấy thường họ là người im tiếng trước, bởi sợ ông nổi nóng, vung tay vung chân lên thì khôn. Mỗi khi trẻ con nhà nào quấy khóc, bà mẹ đã dọa ngay:

- "Ghính Hà Nam" kia kia...

Chúng lập tức nín ngay.

Đã có một thời, ông trở thành nhân vật huyền thoại, xa gần đồn đại về ông rất lắm chuyện, họ bảo rằng năm dăm của ông đã giáng chết một con trâu to;

bảo rằng chân ông đã đá gãy một cái cây to bằng miệng bát, và cũng còn nói rằng trên cột sống sau lưng ông có mọc ba sợi lông cứng, mỗi khi ông nổi hung lên, những sợi lông ấy dựng đứng như ba cây kim. Cho nên có khá nhiều thanh niên tìm đến nhà ông, xin tôn ông làm thầy, để học võ. Song ông không nhận một ai làm học trò. Những chàng thanh niên ấy đành chỉ rình rình xem trộm ông luyện tập, cũng học lỏm được mấy đường, rồi đi huênh hoang khắp nơi. Thỉnh thoảng gây gổ ở một chỗ nào đó, nếu đối phương định giở võ ra, là họ lập tức đe dọa:

- Xin mời! Tao theo học thầy "Ghính Hà Nam" hai năm rồi đấy, đang buồn chân buồn tay đây.

Thế là đối phương im re, không dám động cựa gì nữa.

Cũng đã có một thời gian, chẳng ai dám đến quấy nhiễu cái thôn Eo Liệt này. Bọn trộm cắp xa gần cũng không dám lặn mò tới mà xoáy cái này chôm cái kia nữa.

8

Uy tín của ông ngày càng cao xa, người trong thôn tới tấp lều của ông càng ngày càng nhiều, nhiều nhất, ngoài Lai Cử và ông lão bạn già trên sáu mươi kia là đội trưởng Lý và đội trưởng Tạ. Thôn Eo Liệt xưa kia vốn chỉ có một dòng họ Lý, vào đời cụ kỵ họ trước kia, trong thôn chỉ có ba anh em với ba nhà, sau đó sinh con đẻ cái ra, nên lên tới mấy chục nhà. Nhưng cho đến sau giải phóng, bắt đầu có những dòng họ khác đến cư trú tại đây, nào là họ Lưu, họ Tạ, họ Vương, sinh sôi nảy nở, tiếp tục phát triển tới mấy chục hộ nữa. Bao nhiêu

năm nay, làm mưa làm gió ở thôn Eo Liệt là họ Lý, cho nên cán bộ to, cán bộ nhỏ, tất tât đều là họ Lý. Đi làm lính, đi làm công nhân, cũng đều là họ Lý. Họ Lý ăn cơm Nhà nước và nắm quyền sinh quyền sát trong tay, những người khác, do bất mãn, do bức tức, đã dần dần liên kết với nhau, thêm vào đó là những tay thanh niên sừng sỏ trong họ Lý đều rời làng đi xa hết, trong khi thanh niên của các họ khác cứ phát triển lên, thế là hàng ngũ cán bộ bắt đầu có những đổi thay, những lực lượng lao động chính cũng thay đổi, họ bắt đầu ngăn chặn họ Lý lại, thế lực đối địch ngang bằng nhau. Trong mấy năm gần đây, đội trưởng Lý là người đại diện cho mấy hộ "cụu trào", đội trưởng Tạ đại diện cho những hộ "tân trào", hai người chống đối nhau một cách kịch liệt. Đến bây giờ, thấy ông "Ghính Hà Nam" cũng đã là một "nhân vật", nên ngay lập tức ai cũng đam nhiệt tình với ông, tốt với ông, để lôi kéo ông về với phe mình.

Đầu tiên, là đội trưởng Lý tới tìm ông. Ở thôn này đã thành lệ, bất cứ nhà nào có chuyện hiếu chuyện hỷ đều mời chào, lôi kéo ông tới. Trên bàn rượu, nhiều người, nhân có rượu của chủ nhà, đã chuốc cho ông bát lớn, bát bé, rồi sau đó đề nghị ông ra múa một bài quyền cước phục vụ bà con. Trước sau ông đều từ chối, song cũng chẳng ai phật lòng.

Một hôm có một người đàn bà ăn xin đến thôn này, với ba đứa con trong tay, đứa lớn là một cô bé mười lăm tuổi, hai đứa bé đều là con trai. Người đàn bà đau ốm, nằm ở miếu Quan Đế, ba đứa con dắt nhau đến từng cửa xin ăn, cô con gái đã biết xấu hổ, nên lần nào cũng chỉ sai hai đứa em đến mọi nhà, xin được cái gì, cô gái lại đem về miếu Quan Đế. Nhìn cảnh ấy, mắt ông bỗng

uớt nhờn, ông chạy về nhà, cầm năm chiếc bánh trong lồng hấp đem ra cho mẹ con nhà ấy. Đội trưởng Lý cười ông về cái trò tử thiện này. ông bảo, ông nhớ tới Diệp Diệp. Diệp Diệp của ông đã cùng ông đi lang thang suốt mấy năm trời, ông biểu diễn quyền cước, cô bé xin tiền, trong những ngày đầu, cô ngượng không chịu làm việc ấy, ông đã từng đánh cô, cô bé khóc liền ba ngày, từ đấy ông ân hận, giận mình. Bàn tay ông không còn bao giờ đập lên người con gái nữa, và cũng không sai cô đi quanh xin tiền nữa. Vừa nói, nước mắt ông vừa ứa ra.

Đội trưởng Lý cũng theo ông, buông một tiếng thở dài. Đến khi cùng trở lại túp lều, đội trưởng Lý bắt chợt chúc mừng ông.

Ông ngơ ngác hỏi:

- Chúc mừng cái gì mới được chứ?

Đội trưởng Lý đáp:

- Đây thật là cái duyên trời xe...Tôi bắt được rồi đấy nhé, ông rất có cảm tình với nhà bà ấy. Bà ấy tuy gọi là ốm, nhưng chẳng qua chỉ là cảm mạo thôi mà. Người cũng còn trẻ, trông cũng khá. Việc gì mà không giữ bà ta ở lại đây, còn ấm hơn chăn hơn đệm đấy!

Mặt ông bắt chợt đỏ bừng, ông chỉ thẳng vào mặt đội trưởng Lý nhếch mép:

- Đúng ông là cái thằng thối mồm! Người ta mẹ goá, con cô, đang trong cảnh hoạn nạn, đã không thương thì chớ, lại còn định ép buộc, bắt chẹt người ta nữa?!

Đội trưởng Lý vội vàng toét miệng ra cười, thanh minh rằng mình chẳng có ý xấu gì, chẳng qua chỉ là quan tâm tới ông thế thôi. Ông nhìn nét mặt của đội

trưởng Lý quả là đầy vẻ chân tình, cuối cùng cũng thôi, không nói thêm gì nữa, và đầu hơi cúi xuống.

Kể từ khi bà vợ hiền của ông qua đời, ông đã sống cảnh đơn côi đến hơn mười năm, ban đầu còn Diệp Diệp bên mình, nên cũng chẳng thấy cô đơn, nhưng khi Diệp Diệp mất đi ông cũng từng nghĩ tới một người bạn già nào đấy, nhưng đâu có dễ mà gặp được, ông nghĩ, mình vốn là một kẻ lang thang, ai người ta chịu lấy mình? Việc ấy đành gác lại. Đến nay, chợt đội trưởng Lý nhắc tới, ông lại thấy lòng mình rung động, nhưng khi nghĩ tới người đàn bà đang đau yếu nặng, lại một nách ba đứa con như thế, lòng ông thường băn khoăn.

Ông nói:

- Thôi, thôi... Hãy cứ để cho tôi yên chân ở nơi này cái đã, chuyện ấy tính sau, tuổi tác cũng đã trên năm mươi rồi còn gì?

- Thì chính vì đã ở vào cái tuổi ấy, mới cần người chăm sóc ông. - Đội trưởng Lý nói. - Rồi ra, có vợ, lại có con, thế là ông có cả một gia đình yên ổn! Vấn đề hộ khẩu của họ ấy mà, ông cứ trông vào tôi, tôi xin bảo đảm đấy. Cái lão họ Tạ ấy mà không đồng ý, thử hỏi làm gì được tôi tốt?

- Ông tính là chuyện này xong được chứ?

- Tất nhiên là thế rồi. Tôi xin đi làm ông mới giúp ông.

- Thế thì tôi biết cảm ơn ông thế nào đây?

- Xin đừng có cảm với ơn vội. Đợi khi ta trị xong cái lão họ Tạ ấy, rồi lại hoàn thành việc vui mừng của ông, lúc ấy ông cảm ơn cũng chưa muộn.

Ông nhìn mặt đội trưởng Lý, bật cười. Ông biết tổng

cái bụng cái dạ của ông đội trưởng này: Chẳng phải là thương ông cô đơn, mà là muốn lôi kéo ông vào chuyện tranh chấp với những dòng họ khác. Ông bảo, thôi chuyện đó để ngày mai bàn tiếp, đẩy đội trưởng Lý ra về...

Nhưng ngay đêm hôm đó, ông lên tới miếu Quan Đế, dúm cho người đàn bà ăn xin kia hai mươi đồng bạc, bảo mẹ con bà phải đi khỏi ngay cái thôn này ngay lập tức.

9

Về sau, Lai Cử đi lại với ông càng nhiều hơn, hôm nay bê đến một bó củi, ngày mai xách tới một làn rau, lần nào đến cũng báo là đội trưởng Tạ sai mang lại. Mùa đông năm ấy, đội trưởng Tạ cũng tới tấp lều tranh, đề nghị ông "đánh giá" về thôn Fô Liệt, ông cũng chỉ nói quấy quấy, tào lao cho xong chuyện. Độ trưởng Tạ nói cho biết về từng nhà của họ Lý, rồi lai lịch của từng người, ông ta cho biết, dòng họ Lý kèn cựa, chèn ép các dòng họ khác, ngày trước không cho ông họ khẩu chính là do cái lão Lý này phá thói. Cuối cùng, cũng lại nhắc tới việc nhân duyên của ông. Người đàn bà ông Tạ giới thiệu cho ông họ Nhiễm, là em vợ ông ta, năm nay bốn chục tuổi tròn, trước đây mắc bệnh tim, nên vẫn chưa lấy chồng lần nào, nay bệnh cũng đã đỡ, rất nhiều người đến hỏi nhưng rồi có người lo dì ấy không đẻ đái được, nên thôi, cũng có người chấp nhận, nhưng dì ấy lại không đồng ý.

Đội trưởng Tạ nói:

- Thôi, để tôi chấp mối cho hai người!

Ngay lúc ấy ông đã thoải thác, lấy có là tuổi tác cách nhau quá xa.

Đội trưởng Tạ liền đã thông cho ông một hồi:

- Xưa nay trên cõi đời này, chỉ có đàn bà chê đàn ông già, chứ chẳng có người đàn ông nào lại chê đàn bà quá trẻ. Con trâu àn cỏ cũng muốn tìm cái đám cỏ non!

Ông chẳng biết tính sao, nên cũng đành để ông Tạ lôi đi xem mặt. Người đàn bà quả cũng còn trẻ, nom người cũng ra đáng, lại đã từng được nghe nói ông là người rất vị tha, nên cũng tỏ vẻ đồng ý ngay... Song ông lại đánh bài chuẩn. Đội trưởng Tạ chạy theo ông ra ngoài, hỏi tính sao. Ông chỉ lắc đầu đáp:

- Không ổn!

- Không ổn?

- Không hợp!

- Không hợp?

- Người này, không phải là để dành cho những người như tôi.

- Cái nhà ông "Ghính Hà Nam" này thật là... Dễ thường mất ông để trên lông mày rồi chắc? Người ta không vướng víu, lôi thôi gì, không chồng mà cũng chẳng phải quả phụ, tuổi tác như thế, người ngòm như thế... Nói thật với ông một câu nhá: Người ta mà đi sánh vai với ông ấy, chỉ có làm đẹp mặt ông lên thôi... ấy thế mà ông lại còn không bằng lòng là sao?

Ông cười như mếu:

- Ồi giời! Tôi lão già như thế này, lại vừa đen vừa xấu, một đoá hoa nhài đem cắm bãi phân trâu sao?⁽¹⁾

⁽¹⁾ Nguyên văn: Một cây cải trắng mà đem cho lợn ăn sao? ND.

Tôi đã quen nét lang thang rồi, không đủ sức để chăm sóc người ta. Tôi muôn vàn lần không dám tạo ra cái nghiệp chướng này.

Những lời nói đó khiến ông đội trưởng Tạ chỉ còn biết há miệng, trợn mắt kinh ngạc. Việc nhân duyên thế là lại một phen thất bại, đã thành một câu chuyện đàm tiếu trong dân thôn. Ai cũng bảo là ông quá ngớ ngẩn.

10

Hai phen hôn nhân đều không đi đến đâu, nên người trong thôn chẳng còn ai muốn mối lái cho ông nữa. Ông cô đơn, lẻ loi trong túp lều tranh, ngày đi làm, sớm sớm, tối tối lại luyện tập võ nghệ trên bãi cát. Hai ông đội trưởng cứ chạy quanh ông như chiếc đèn kéo quân. Ông vẫn nhiệt tình tiếp đón họ, nhưng nói rất ít. Thế là bước chân của hai ông đội trưởng cũng xa dần.

Năm đó, cuộc đấu của các dòng họ ở thôn Eo Liệt càng trở nên kịch liệt hơn, trước hết là những cuộc công kích giữa dòng họ nọ với dòng họ kia, bên nào cũng ra sức che đậy sự sai trái của mình. Đội trưởng Lý và đội trưởng Tạ cũng đôi dẫu rõ rệt, anh định lật đổ tôi thì tôi phá thói anh, ý kiến chưa bao giờ thống nhất với nhau được. Chính vì sự tranh chấp âm ỉ đó, mà chẳng còn ai chú ý đến việc sản xuất nữa. Con người tệ bạc với ruộng nương, thì ruộng nương cũng tệ bạc với con người, vì thế đến mùa thu hoạch, tất cả các thôn xóm xa gần đều được mùa, bội thu, riêng ở Eo Liệt lúa mầu giảm đi đến ba phần. Xã viên xôn xao phản đối, bắt đầu không tán thành sự kèn cựa này, đồng thời tỏ ra rất khó chịu đối

với đội trưởng Tạ và đội trưởng Lý, cái mà họ cần là thóc lúa tống vào miệng.

Thu hoạch xong, toàn thôn lao vào việc cải tiến, họp liên tục suốt ba tối liền mà vẫn không sao bầu được đội trưởng mới. Dòng họ Lý định bầu Lý Lão Ngũ, những dòng họ khác kiên quyết không tán thành, họ đòi bầu Lưu Tịch Sơn, nhưng người họ Lý lại nhất định không thông qua. Có người đã đề nghị cứ bầu theo cách thức cũ, tức là mỗi dòng họ cử ra một người...

Ông "Ghính Hà Nam" từ lúc tới họp vẫn ngồi im lặng trong một xó hội trường, thấy như thế là không ổn, bèn đứng dậy xin có ý kiến. Ông nói:

- Phải hoà hợp lại với nhau thì mới được, cho nên vẫn cứ nên để ông Tạ và ông Lý cùng làm, đây là ta chọn đội trưởng chứ không phải chọn tộc trưởng. Làm sao cho ra được thóc lúa mà ăn mới là công việc chính, nếu cứ như thế này mãi, sang năm, cái mỏ của chúng ta đều bị gác lên hết.

Thế là chẳng ai còn nói thêm gì nữa, bởi đều thấy lời ông nói là có lý.

Chợt có người vỗ đùi nói lớn:

- Có rồi, có rồi! Cái ông đội trưởng ấy chẳng đang lù lù trước mặt ta đây là gì? Còn phải lựa chọn gì nữa chứ?

Mọi người xôn xao hỏi:

- Ai? Ai? Nói ra xem nào?

Người đó chỉ tay nói:

- Đó... " Ghính Hà Nam" đó! Ông đội trưởng Lý không lôi kéo nổi ông ấy, ông đội trưởng Tạ lôi kéo mà

cũng chẳng ăn thua gì. Ông ấy chẳng vướng víu, bè cánh với ai, chỉ một lòng một dạ nghĩ đến sản xuất...!

Mọi người đều ào lên tán thành. Đó là điều mà ông thật tình, chưa bao giờ nghĩ đến, vội từ chối ngay lập tức. Lý do là vì ông vừa chán uớt chân ráo tới đây, chưa nắm được mọi tình hình, lại không có kinh nghiệm sản xuất, nên, dứt khoát không nhận. Cả thôn ai cũng lấy làm tiếc, cuối cùng đành chỉ bầu cho Lai Cử. Lai Cử đối với đội trưởng Tạ cũng có những mối liên quan mật thiết, nên người họ Lý vẫn còn có ý kiến. Ông "Ghính Hà Nam" đề nghị bầu thêm hai người đội phó, đó là ông lão bạn ông hơn sáu mươi tuổi, và cả ông nữa. Ông lão phụ trách sản xuất, còn ông phụ trách về đường lối chung.

Mọi người đều tán thành.

11

Sau khi được bầu làm đội trưởng, Lai Cử rất hăng hái, mọi việc sản xuất đều tranh thủ hỏi han ý kiến của ông lão. Mọi chuyện phải trái đều dựa vào ông cả, cho nên công việc tiến vù vù. Song khắp nơi xa gần mỗi khi nói đến đội trưởng đội sản xuất thôn Eo Liệt, họ chỉ nhắc tới mỗi một mình ông. Chẳng việc gì ông không làm, và cũng chẳng việc gì ông không dám làm. Có khi lần này ông làm mất lòng dòng họ Lý, nhưng lần sau ông lại đứng ra kiên quyết bảo vệ những ý kiến hay của họ. Cho nên, rồi ngày dài tháng ngắn, cả hai dòng họ ấy đều rất thần phục ông. Tuy nhiên, vẫn có những người ghen ghét ông, song lại chẳng có cái lý nào, và cũng chẳng đánh đổ ông được, nên đành cắn răng chịu đựng.

Ban cán bộ mới làm việc được một năm, lòng dạ mọi người cũng đã sắp lại được gần nhau, nói chung là không còn sự phân biệt giữa dòng họ Lý, họ Tạ với các dòng họ khác. Đến khi đó, ông xin từ chức, một mình được thanh thoi hơn.

Ngồi một mình trong túp lều tranh chẳng có việc gì để làm, ông cũng thấy buồn, có người khuyên ông chơi cây cảnh, nuôi chim hoặc nuôi cá vàng, nhưng ông đâu có tha thiết gì với những thứ trò chơi ấy, ông chỉ thích nuôi lợn.

Ông không nuôi lợn thịt, cũng chẳng lợn xề, mà nuôi một con lợn hạch.

Nguyên con này là ông mua của người lái lợn, từ bên ngoài núi mang về, nó cũng đã qua tay nhiều chủ, tính tình rất hung hăng. Tường chuồng cao mấy nó cũng húc đổ, ba bốn thanh niên cũng không đè nổi nó, đã thế lại hay đớp người. Biết vậy nhưng ông vẫn cứ mua. Mọi chuyện lại thành kỳ lạ, kể từ khi về đến túp lều tranh với ông, nó bỗng hiền khô, như một chú mèo, bảo đi thì đi, bảo nằm thì nằm, ông quý mến và đối xử với nó y như với một con người.

Con lợn thực chóng lớn, chỉ nửa năm sau đã như một con nghé con, và đã bắt đầu cho lấy giống được. Vùng này trước đây không có lợn đực để phối giống, khi những con lợn cái của mọi nhà động hờn, phải đưa chúng lên tận trại chăn nuôi trên thị trấn, cách tới mười dặm đường. Nay có lợn hạch tại chỗ mọi người coi như vật báu hiếm có. Ông cũng lấy rất làm đắc ý, nên càng chăm sóc chu đáo hơn con vật không biết nói đó: Mỗi bữa cơm, ông nấu một chảo, mình ăn một nửa, còn nửa chảo đem nuôi lợn. Nhiều khi thấy lợn đã đánh sạch phần mình,

thương nó, ông lại xẻ thêm bát cơm đang ăn cho. Mỗi khi ông rồi rỗi, ông thả lợn ra khỏi chuồng, lấy tay gãi ngứa cho nó, cái con lợn cũng hiểu được tình người, nên mới chỉ khẽ chạm tay vào nó một cái nó đã xoạc bốn chân, nằm phục ngay xuống.

Người trong thôn nói trêu ông:

- Cái con lợn này là một nhân khẩu của ông "Ghính Hà Nam" đấy nhé!

- Bà vợ của ông ấy đấy!

- Thảo nào trước đây ai làm môi cho ông ta cũng không được!

Ông nghe thấy hết, nhưng chẳng trách móc lại ai, mà còn khen ngợi con lợn trước mặt mọi người. Ông bảo, đêm đêm nó còn canh nhà cho ông, cứ có người đến là nó hồng hộc lên ngay. Có một lần, ông bị ốm, con lợn đã nằm phục bên ông không chịu rời xa một bước.

Về sau, ông cho con lợn vào ở hẳn trong nhà với mình, nó cũng được cái tính sạch sẽ, không bao giờ ị bậy, tè bậy trong nhà, cứ lúc trời bắt đầu tối là đã chui vào ổ rơm ở góc nhà nằm ngủ. Mỗi khi đi làm về, cơm nước xong, ông thích kéo con lợn ra bãi cát, con lợn dũi cát bên bờ sông, còn ông luyện võ.

Người ở cả vùng xung quanh đem lợn cái đến lấy đực mỗi ngày một đồng, ông cũng giảm bớt công việc đi làm ngoài đồng. Một lần cho phối giống, ông thu một đồng, vừa nhanh vừa tiện, nếu không lấy được giống, ông tuyệt đối không thu tiền. Chẳng bao lâu sau, việc đó đã lan truyền khắp nơi. Trại chăn nuôi ở thị trấn cách đây mười lăm dặm phái người đến mời ông ra công

tác ngoài trại giống. ông từ chối, bảo rằng dẫu có phải là người chuyên môn làm công việc này. Ông chăn nuôi, chẳng qua là để cho có bạn, ông chăm sóc con lợn tử tế cũng chẳng qua vì nó mang lại lợi ích cho ông. ông ơn nó. Người của trại chăn nuôi bèn quay sang thương lượng mua con lợn giống này với giá cao, nét mặt ông bèn trở nên khó dăm dăm. không cho phép người đó nhắc lại việc này. cuối cùng, ông tổng khừ ra khỏi cửa.

Người trong thôn bắt đầu thấy hoảng, không còn dám lấy con lợn ra trêu trọc trước mặt ông nữa mà chỉ bàn tán khắp nơi ông là một ông chủ lắm tiền. Đúng, tiền ông không thiếu, ngoài việc gạo dẫu mắm muối, với mỗi ngày một vài ly rượu. và vào các phiên chợ, ngày 3, ngày 6, ngày 9 phải mua cám bã cho heo ra, thì số tiền còn lại, ông đem cuộn tròn, nhét vào một kẽ vách nào đấy, khi có người đến vay mượn, ông lại lôi từ trong đó ra cho vay. Ai trả được thì trả, chẳng trả được cũng chẳng có gì quan trọng, thậm chí có khi ông cũng quên khuấy đi mất.

Nhưng rồi, chính trong thời gian đó ông đã gặp một vận xui lớn: Con lợn hạch của ông lăn ra chết.

12

Đó là việc xảy ra vào mùa xuân, ông đã cho con lợn hạch phối giống mấy ngày liền, ông sợ nó ốm, nên cho nghỉ, và ông ở nhà chăm sóc nó. Buổi trưa, cho nó ăn xong, ông đem buộc nó ra gốc cây trước cửa, rồi chợp mắt đi mất. Bất chợt, ông như mơ hồ nghe thấy tiếng con lợn ở ngoài cửa hộc hộc lên, ông lắng nghe, ngoài đó

hình như còn có tiếng người. Ông ngẩng đầu lên nhìn, chợt giật mình, thì ra có mấy người trong thôn đã lòi một con lợn nái tới đó, và họ cho con lợn đực nhảy giống trộm. Ông đang định chạy ra mắng cho họ một trận, nhưng khi đó, con lợn đực cũng đã phối giống xong rồi, nên ông lại nhắm mắt lại, mặc cho họ lòi con lợn nái đi...

Ngày hôm sau, đúng vào lúc ông đang nằm nghỉ, con lợn đực lại học lên. ông bò dậy nhìn, lại đúng là mấy người hôm qua dắt một con lợn nái khác tới phối giống. Ông bực bội, lẳng lặng bước ra, mấy người kia đang mãi châu đầu lòi kéo con lợn, chẳng để ý gì đến ông. Ông túm ngay lấy vạt áo của một người. Người đó ngẩng đầu kêu "ối" một tiếng, còn những người khác đều co cẳng chạy, ông giơ tay ra, cái bạt tai được giáng xuống, nhưng nó lại biến thành một đầu ngón tay gì gì nhẹ vào trán người đó, rồi nói:

- Anh thật quá đáng, hôm qua đã cho lợn nhảy trộm rồi, hôm nay anh lại cho nhảy nữa, liệu con lợn giống này có chịu đựng nổi không?

Người đó "ối ối" lên mấy tiếng, ôm mặt chạy biến...

Ông gọi với theo:

- Từ từ thôi!

Người đó chợt đứng dừng lại, đôi chân như nhũn ra, rồi quỳ xuống van lạy xin tha tội.

Ông không thèm nhìn người đó, nhưng lại nói:

- Đem con lợn cái của anh lại đây!

Sau khi người đó trở về, ngay trong đêm đó, trên trán anh ta tấy đỏ, rồi nổi lên một cái u tím bầm, to như chiếc chén uống rượu, suốt nửa tháng giò, anh ta

xấu hổ, không dám bước ra khỏi cửa. Ông nghe biết chuyện cũng cảm thấy mình có điều gì đấy, bèn lên chợ mua một cân mỳ sợi định đem đến thăm anh ta. Nhưng khi đi đến đầu thôn, ông quay trở về, đem cả cân mỳ, nấu chín, đổ vào máng lợn.

Một tháng sau, ông dắt lợn ra bờ sông cho nó ăn cỏ, con lợn gặm phải thuốc độc, nôn ra một đồng bột trắng rồi lăn cổ chết. Ông biết những người ghen ghét ông đã đem thuốc độc đổ ra đó, nhưng cái khổ là chẳng có chứng cứ nào, nên đành im lặng không nói một câu, công con lợn về lều.

Suốt ba ngày liền ông không ra khỏi cửa. Trên cái mảnh đất này, ông lại mất đi thêm một bầu bạn. Ông khóc một trận thảm thiết. Những người có lòng tốt với ông đều chạy đến khuyên giải ông không nên quá đau thương như thế, tốt nhất là đem mỡ lợn, bán thịt, cô thu lại một phần vốn liếng. Nhưng ông chẳng nói năng gì, và con lợn chết, ông để nó ở nhà đúng năm ngày. Tới sáng sớm ngày thứ sáu, người ta thấy ông công nó lặng lẽ ra ngoài bãi cát trước cửa, đào một cái hố lớn, sâu hai trượng, mai táng cho nó.

13

Ông thay đổi hẳn tính nết. Từ đây không bao giờ ông mua lợn về nuôi, và cũng không bao giờ ăn thịt lợn nữa.

Ngoài những giờ phải đi làm ngoài ruộng trên nương, ông về ngồi lý trong túp lều tranh, một mình, hàng giờ đồng hồ. Trời tối, ông bò lên giường nằm. Thu nhập của ông càng ngày càng kém sút đi. Chiếc chăn

trên giường rách đến nỗi không còn đắp được nữa, ông bèn tháo đệm ra, vá chần, mùa đông, mùa hè, đều nằm trên chiếc chiếu trần. Chiếc gối đã thủng, ông đem vá chần, gối đầu bằng một hòn đá.

Ông bắt đầu đào những chiếc hố trên bãi cát, gánh từng gánh đất phù sa đổ quạch ở chân đê đổ vào đó, rồi trồng bầu dậu, bí đỏ, rau xanh, ớt... vào những chiếc hố ấy. Đến mùa thu, ông có được một mùa thu hoạch ngoài sức tưởng tượng. Bí đỏ ăn không hết, ông lấy dao xắt thành từng khoanh, xâu lại, treo từng dây, từng dây trên tường và cả trên xà ngang nhà.

Cứ như thế, lại một năm nữa trôi qua, ông thôi không làm việc đồng áng nữa. Không có công điểm, đội sản xuất có ý trợ cấp cho ông theo chính sách, ông kiên quyết không nhận, chỉ xin mua phần lương thực điều hoà, rồi bổ sung vào đó bằng bí rau ông trồng được, cũng gọi là từng tiem qua ngày đoạn tháng.

Còn môn võ nghệ, quyền cước của ông, xưa nay ông chưa bỏ không luyện tập bao giờ, bãi cát là trời đất riêng của ông, những ngày Tam cử rét mướt, ông chỉ phồng phanh chiếc áo mỏng nhảy nhót ở đó, những ngày Tam phục nóng bức, ông xoay trần dấm đá. Thường hay có những người đi trên quốc lộ Trường Bình đứng lại xem và vừa thưởng thức vừa thán phục võ nghệ của ông. Dần dần, có những thanh niên từ rất xa, tìm đến xin tôn ông làm thầy. Ban đầu, ông từ chối, nhưng về sau, không sao từ chối được sự níu kéo nữa, hơn nữa ông thấy tuổi mình cũng đã cao, không thể quảng bỏ, để mất không cái nghề cái nghiệp của mình, nên đã giữ ba chàng trai ở lại trong túp lều tranh. Về

sau, dòng họ Lý, và một dòng họ khác ở trong thôn đưa đến hai chàng trai nữa, và ông bỗng thành đại sư phụ, một lòng một dạ truyền thụ võ nghệ cho lớp đàn em.

Khi đã có đồ đệ trong nhà, ông cũng chẳng còn cái nếp sống cô độc nữa. Một tiếng hô, là các đồ đệ của ông lăn lộn, giao đấu trên mặt đất, khi ông chưa bảo dừng, chưa cho phép dừng, mà anh đồ đệ nào đã dừng lại, là ông quát cây roi làm bằng cành táo lên lưng. Trước sau đã có hai anh đồ đệ bị đánh khóc.

- Sao ông lại đánh người? Cha mẹ tôi cũng chưa bao giờ đánh tôi như thế.

Mặt ông sắt lại, như gào lên:

- Mẹ mày, bố mày không biết dạy dỗ mày!

Hai chàng trai đó, cuối cùng không chịu được khổ đã bỏ về nhà. Một chàng trai người phương xa, học tập cũng khá, ông đưa lên tỉnh dự thi, và được tiếp nhận vào đội võ thuật của tỉnh. Chỉ còn lại hai chàng ở thôn Eo Liệt, một là Lý Cường, con ông nguyên đội trưởng họ Lý, một người là Nhiễm Lục, con di con già với Lai Cử.

Lý Cường và Nhiễm Lục cũng theo học ông được ít nhiều võ nghệ, ban đầu cũng còn giữ được khiêm tốn, nhưng về sau, bắt đầu huyênh hoang khoác lác, rất muốn tỏ vẻ ta đây với thôn xóm. Ông bảo ban, uốn nắn mấy lần, nhưng tính xấu vẫn không thay đổi, nên ông giữ lại những ngón cao siêu hơn, không truyền dạy cho nữa.

Lý Cường và Nhiễm Lục dần cũng nhận ra cái ý ấy của ông, thế là họ cũng bỏ học và từ đấy càng ngông nghênh, diên cuồng chẳng khác gì những tên lưu manh. Vào mùa thu, nhô ở Bắc Sơn bội thu, sơn dân ngày đêm

vận chuyển nho tới xí nghiệp rượu của huyện, trong một đêm, Lý Cường và Nhiệm Lục đã chặn đường, cướp một gánh nho. Về sau sự việc vỡ lở ra, công an huyện mò tới, bắt cả hai tên giam đến nửa năm trời.

Chính trong nửa năm ấy, ông già sạm hẳn đi, cảm thấy chẳng còn mặt mũi nào mà gặp ai, ông đã có lỗi với mảnh đất này, đồng thời ông cũng thấy rằng, mảnh đất này chẳng còn phải là nơi ông yêu quý nữa. Đột nhiên ông vô cùng tưởng nhớ Hà Nam quê nhà. Trong một đêm tối trời, ông khoá cửa, lẳng lặng đi theo hướng đông, qua Vũ Quan về Hà Nam...

14

Mọi người xôn xao bàn tán rằng, ông sẽ chẳng bao giờ còn quay lại nơi này nữa, hơn thế lại còn có cả tin từ xa đưa tới, ông đã chết ở một nơi nào rồi. Nhưng nửa năm sau ông lại lù lù quay về.

Người thôn Eo Liệt đều rất kinh ngạc, bởi chỉ trong vòng nửa năm trời, mà ông đã gầy còm, tiểu tụy đến thế. Ông quần rách toét thành từng mảnh, áo mòn thủng khuỷu tay. Tóc mấy tháng không cắt, dựng ngược lên cao. Râu ria quện vào nhau, vừa bẩn vừa rối như mớ cỏ khô. Ông cơ hồ như chẳng còn nói năng gì được nữa, đi lại, đứng ngồi, con mắt cứ ngây ra như một hòn sành. Có đến một ngày, rồi hai ngày, không một nếp nhăn nào trên mặt ông động đậy, trên môi ông cũng không bao giờ có được một nét cười.

Một người, xưa nay vốn thuộc loại thông thạo tin tức, bây giờ có lặng lẽ rúc vào một góc trong túp lều

tranh của ông, hoặc ngồi xỏm ngoài ruộng rau của ông nghe ngóng mà cũng chẳng biết được gì. Mọi người hầu như quên bằng ông đi, quên hẳn mất một người đang ở trên bãi cát, bên phía đông con sông nhỏ trong đất đai của họ.

Tất cả đều vắng lặng, nhưng đó lại là điều ông mong muốn, và cũng chính là điều ông cảm thấy bình thường. Ông vẫn hay đi ra mộ con gái, nhổ bớt những cây cỏ mọc quá cao ở đó. Ông cũng thường ra mộ con lợn hạch, đắp điểm vào những chỗ chuột đào. Mùa hè nóng bỏng, ông vẫn cởi trần, rèn luyện gân cốt trên bãi cát, tình cờ trông thấy một con sâu nào đó, lập tức ông nghĩ ngay rằng đó chính là con sâu mà ngày xưa ông đã cứu nó từ miệng những con kiến ra, rồi ông cứ để cái bóng đen của mình đổ xuống dưới ánh mặt trời, trầm lặng suy nghĩ rất lâu và tự biết mình suy nghĩ những gì.

Một mùa đông qua đi, lại một mùa xuân qua đi... Rồi đến mùa hè năm đó, trên con đường Trường Bình chạy qua trước cửa túp lều tranh của ông, bắt đầu có những cậu bé học sinh ngày đêm lũ lượt đi qua. Những cậu bé đó đeo băng đỏ, đeo hành lý, hò hát. Có đêm chúng ngủ lại trong túp lều, ngủ cả ở ngoài hiên nhà ông. Có cậu hiếu kỳ, thấy ông có vẽ cổ quái, đã vẽ cho ông một bức chân dung, gọi ông là "người nguyên thủy"... Sau đó đưa cho ông một chiếc huy hiệu, viết khẩu hiệu lên tường rồi lại ra đi.

Ông bỏ ra mười ngày trời liền, dựng lên bên đường một nhà xí thật to, để cho những người qua đường, càng ngày càng nhiều, vào đó mà tiện tiện, đại tiện. Sau đó ông cứ gánh từng thùng, từng thùng nước phân tưới cho vườn rau của mình.

Nước mưa mùa hè, mùa thu cực tốt, bí, rau, của ông xanh tươi chưa từng thấy, bữa nào ông cũng nấu món cháo bí, rồi lại xắt đem phơi được đến mười mấy xâu bí khô. Ông thu nhặt tất cả các loại hạt bí, hạt rau, rồi ngày 3, ngày 6, ngày 9 phiên chợ, ông đem lên chợ bày ra bán.

15

Hôm đó, ông đang bày các loại hạt của ông ra chợ bán, đột nhiên tiếng trống, tiếng phèng phèng rộ lên rồi từ hai đầu phố ập tới hai đoàn người, ban đầu họ hò hét, nói những cái gì đó mà chẳng ai hiểu được cả. Cuối cùng, hai đoàn người quay ra cãi nhau, càng cãi càng kịch liệt, kết quả là họ xông vào đánh lộn. Ngay lập tức chợ vỡ, mọi người kéo nhau chạy trốn. Hàng họ của ông là thứ khó thu nhặt, nên đổ nháo nhào, vãi lung tung, chẳng làm sao bốc hót được nữa. Ông rất bức mình, lên tiếng chửi bới, nhưng ngay lập tức có ai bịt miệng ông lại, quay đầu nhìn, thì ra đó là Lai Cừ. Anh ta nói nhỏ:

- Đây là cách mạng văn hoá đấy, ông dám chửi bới lung tung hả?

Ông cóc cần đến cái thứ văn hoá văn hung đó, bởi vì các loại hạt giống của ông, đã mất bao công khó công nhọc, mới thu nhặt, gom góp lại được, thế mà bây giờ bỗng chốc mất toi mấy chục bạc! Ông càng nghĩ càng tức, thế là ngay tại chỗ, ông tung hê tất cả đám hạt giống lên trời rồi uốn ngược di thẳng về nhà.

Từ đó về sau, trên mặt đất này, bị cây đào lung tung hết cả lên, chẳng còn một chút an ninh trật tự nào cả. Từ đấy, hết nghe nói chỗ này đấu võ với nhau, đấu

đến chết người, lại nghe tới chỗ kia nổ cả súng, làm sập nhà sập cửa. Chợ búa không sao mà họp đúng phiên được nữa, các thứ dùng hàng ngày như dầu mỡ mắm muối, ông cũng phải đi ra cửa hàng năm lần bảy lượt mới mua nổi. Những bí đỏ với rau xanh của ông, ăn không hết cũng chẳng đem bán cho ai được, nên lại càng tốt càng bị bỏ giá. Những quả bí đỏ vàng ruộm lẫn lóc bên bãi sông, sợ có kẻ đến ăn trộm, ông lăn lộn suốt ngày đêm ngoài bãi cát, trên những quả bí thật to đó, ông lấy móng tay bấm lên một chữ "thập", để đánh dấu.

Hôm đó, khi đang đánh dấu bí, ông chợt có cảm giác như ai đó đang đi đến bên mình, ngẩng đầu lên nhìn, thì ra nhà Lý Cường. Anh chàng này, so với trước kia càng có vẻ tráng kiện hơn, lưng hùm eo gấu, mặc bên ngoài chiếc áo khoác, trong áo lót cộc tay, in một đám chữ đỏ, chiếc thắt lưng rộng bản quấn ngang lưng, có giắt một khẩu súng lục, rồi "phịch" một cái, quỳ một chân xuống, hai tay khoanh trước ngực, nói:

- Thưa sư phụ, đồ đệ đến thăm sư phụ đây!

Ông chẳng lấy điều đó làm kinh ngạc, vẫn ngồi chồm hóm trên mặt đất, nét mặt ông không động đậy, tiếp tục cúi xuống, cẩn thận khắc nốt chữ "thập" lên vỏ trái bí.

- Thưa sư phụ, đồ đệ thật không phải với sư phụ. Nhưng đây là những chuyện đã qua, bây giờ đồ đệ đem vinh quang đến với sư phụ đây, đồ đệ là đội trưởng đội tạo phản, trong tay có tới ba trăm con người.

Ông đứng dậy, ngắm nghía Lý Cường. Ông nói:

- Anh là thủ lĩnh, tôi xin chúc mừng anh. Nhưng tôi

không phải là sư phụ của anh, anh cũng chẳng phải là đồ đệ của tôi. Anh đến đây làm gì?

Lý Cường đáp:

- Đồ đệ đến động viên sư phụ tham gia đại cách mạng văn hoá.

- Đại cách mạng văn hoá?

Ông chợt nghĩ tới những mệt hạt giống của mình, những phiên chợ không họp được, những tin tức về người chết, về nhà cửa bị phá sập, nghiêng chật rãng lại, hai bắp thịt trên cánh tay ông nhô lên cuộn cuộn, rồi nó lại từ từ xẹp xuống, phẳng phiu...

Ông nói:

- Thế là thổ phỉ, biết không?

Lý Cường nói:

- Là tạo phản, thừa sư phụ! Sư phụ không thể không quan tâm tới quốc gia đại sự. Bây giờ toàn thôn Eo Liệt đã nổi dậy rồi, dòng họ Lý và những dòng họ khác đã chia thành hai phái, cái thằng Nhiêm Lục kia đã phản bội lại sư phụ, nó đánh bị thương khá nhiều người của bọn con, sư phụ hãy đến giúp chúng con đi. Chúng con sẽ tôn sư phụ làm tổng chỉ huy, và các dòng họ kia, coi như là đi đút.

Thế là ông đã hiểu mục đích Lý Cường đến bái vọng, ông bật cười ha hả, và mặt ông chợt sắt lạnh lại, giọng khô khốc, cứng nhắc:

- Anh là anh hùng, anh cứ việc đi mà đánh lấy, tôi già rồi, đừng có ai hòng lôi tôi ra khỏi ruộng bí này nhá!

Nói xong, ông đi thẳng, không quay đầu lại.

Từ hôm đó, ông thấy rằng, các trái bí của mình

ngày càng ít dần đi. mới đầu cứ tưởng lũ trẻ chăn trâu hái trộm mất, về sau mới phát hiện những trái bí đều bị dao chém làm đôi, vứt lung tung trên bãi cát. lúc ấy ông mới hiểu ra. Đã có kẻ cố ý làm hại ông. Ba ngày đêm liền ông canh giữ vườn bí, xem kẻ nào đã làm cái việc ma quỷ này. Nhưng trong ba ngày đêm liền, một bóng người hay một con chó cũng không có, trong khi đó Nhiễm Lục vẫn cứ thì thọt đến thăm ông. Mỗi lần đến anh ta đều đem theo một túi bột mỳ, ông thấy ngờ ngợ, nên kiên quyết không nhận. Nhiễm Lục cứ van vỉ mãi, rồi cũng làm ông mềm lòng mà nhận.

Bột mỳ của Nhiễm Lục còn chưa kịp ăn hết, ông đã nghe phong phanh rằng: Nhiễm Lục đi rêu rao khắp nơi, ông là chỉ huy của phái họ, và cảnh cáo phái của Lý Cường, nếu không biết điều, thì sẽ bị tống ra khỏi thôn. Đến lúc ấy ông mới rõ ra rằng ruộng bí của mình bị chính bè phái Nhiễm Lục phá hoại. Khi Nhiễm Lục lại tới, ông chửi cho một trận rồi tống ra khỏi nhà.

Những cuộc đánh đấm ở Eo Liệt diễn ra mấy trận liền, bè phái của Lý Cường quả nhiên bị tống ra khỏi thôn. Bọn họ liền liên hợp với bọn người trên thị trấn, trên huyện tấn công vào thôn xóm mấy lần, nhưng chẳng ăn thua gì. Cho đến ngày cuối cùng, chỗ này vang lên mấy tiếng súng, chỗ kia vang lên mấy tiếng súng, mọi người sợ hết hồn, kéo nhau bỏ chạy, hoặc đóng cửa ở tịt trong nhà, không dám lộ mặt ra, chỉ có ông vẫn bình thường ra chăm sóc vườn rau của mình, được tận mắt nhìn thấy, những quả bí nhỏ, những quả bí non, cứ lớn dần lên, rồi đều già cứng.

Vào một buổi hoàng hôn, ông vừa ăn cơm xong, trời

đất oi nồng, bèn ra gốc cây liễu, cởi áo trải trên mặt cát, ngã mình ngủ một giấc. Trong lúc mơ mơ màng màng ông chợt như nhìn thấy có những bóng đen, lướt qua sau túp lều tranh của ông. rồi biến mất, bèn dụi dụi mắt, quơ vôi đôi giày, định đứng dậy thì đột nhiên, có người ôm chặt lấy ông. Ông vô cùng kinh ngạc, vùng dậy, nhưng người kia cứ hết sức đè ông xuống, đồng thời còn có một tên tiếp sức. Ngay lúc đó, ông không sao giãy giụa được, giữa lúc cấp bách, từ dưới đất nhìn lên, ông nhằm đúng vào chân một tên, đạp mạnh, hấn kêu "ối" rồi ngã vật xuống, nhân đó, ông kẹp chặt lấy ngón tay của tên tiếp sức, thì ra đó là Lý Cường, còn tên bị ngã trên mặt đất, ông không biết là ai, hấn còn đang ngồi đó, ôm chân nhân nhó. Lý Cường cong lưng, quằn quại một cách vô hiệu, chỉ mong vùng thoát ra, mà không sao nổi nên đành cất tiếng van xin, tha tội.

Ông quát:

- Cái thằng mất dạy, ranh con này! Mày định hại tao hả?

Lý Cường vằn vằn vể:

- Dạ dạ, con đâu dám! Ý con là chỉ muốn sự phụ tham gia vào phái tạo phản của chúng con, nhưng sợ sự phụ không nghe, nên chúng con đến cưỡng sự phụ đi thôi...

Ông sằng sặc cười to, vằn tay Lý Cường třeo lại, sau đó đẩy mạnh ra, Lý Cường lảo đảo bật ngựa về phía sau, còng queo trên mặt cát.

Ông quát:

- Lý Cường, thằng nhóc con, đúng là tao mù nên mới dạy võ cho cái loại đồ đệ như mày!

Lý Cường không dám cãi một tiếng quay người đi...

Ông quát như sấm sét cuồng nộ:

- Đứng lại!

Lý Cường dừng lại.

Ông nói:

- Quả là tao đã dạy mày một vài miếng võ nên mày mới trở thành một tên tàn hại dân thôn, đó là cái tội của tao. Nay tao muốn cho mày trở lại làm người tử tế, nên trước hết là đánh gãy một cánh tay mày...

Ông cúi xuống nhặt hòn đá trên mặt cát, vừa định ném vào hần thì hần quay người, một tiếng nổ "đoàng", và viên đạn đã trúng vào đùi ông. Ông ngã xuống mặt cát, máu ông ộc tuôn chảy.

17

Lớp tuồng đại cách mạng văn hóa, cuối cùng rồi đến hồi kết thúc.

Đại cách mạng văn hoá là đem lại cho thôn Eo Liệt những khu ruộng hoang rộng lớn, là bắn chết mất ba nhân mạng, là sập đổ mất mười ngôi nhà ngói... là Lý Cường bị bắt theo luật pháp, là làm ông bị tàn phế một chân, đi lại cà nhót cà nhấc.

Ông sớm có dự cảm rằng đời mình sẽ có một kết thúc không hay, nhưng nay chỉ tàn phế một chân thôi, nên chính điều ấy đã làm ông bình tâm, tĩnh trí lại, ông tỉnh ngộ được ra rằng, đến lúc phải vĩnh biệt với quá khứ chiếm gần hết cuộc đời, đến lúc cần sống bình thường, yên ổn trong những ngày còn lại của mình.

Rằm tháng Giêng, chính là ngày sinh của Diệp Diệp, ban đêm trăng sáng vàng vạc, ông lê chiếc chân què lần lượt đi khắp thôn, ân cần mời mọc người già người trẻ. Ông chịu tốn kém, hâm rượu, làm món nộm bí khô, mời mọi người nâng chén. Sau ba tuần rượu tiếp khách, ông bưng lên một chiếc bát sứ màu đen, rót vào đó gần nửa bát rượu, rồi tuột bát tắt, nói với mọi người, thứ nhất là ông cảm ơn tất cả những ai đã chăm sóc, thăm hỏi khi ông bị bắn vào đùi, thứ hai, nhân trước mặt mọi người, ông sẽ biểu diễn toàn bộ môn võ thuật quyền cước của ông, để cùng xem...

Nói xong, ông bước ra sân, bắt đầu cử động tay chân dưới ánh trăng, chỉ một lát sau, ông vung đao múa kiếm, xử gậy dùi thương, ném đá bắn chim, chém tay vỡ gạch, từng môn từng bộ, miếng này thế nọ, khiến mọi người hoa cả mắt, cuối cùng, một tay ông xách một khối đá to như cái bu gà, nâng lên, đặt xuống, như chơi một trái bóng, mọi người vỗ tay rào rào, và hoan hô không dứt. Chính và lúc cao trào, đẹp mắt, ông đột nhiên "hự" lên một tiếng, quì xuống mặt cát, hướng về phía mọi người, rút về thế bái tổ. Họ xúm lại đỡ dậy, nước mắt ông đã giàn giụa đầy mặt.

Ông nói:

· Hôm nay nhân có cuộc rượu, tôi trình diễn võ nghệ để bà con xem, và cũng để mọi người biết được bản lĩnh của tôi, tôi nói thực tình, không khoa môi múa mép gì đâu, cả một vùng sông nước Thương Châu này, chưa có người nào dám tỉ thí cùng tôi. Lý Cường bắn gậy dùi, tôi vẫn còn chống đỡ được với bốn năm tên chúng nó. Nhưng hôm nay, đây là buổi diễn võ cuối cùng của tôi,

nhân có mặt đông đủ mọi người. lại trước nắm mồ của Diệp Diệp con gái tôi. tôi sẽ vĩnh viễn không còn là "Ghình Hà Nam" nữa!

Nói xong, ông nhấc hòn đá, đập bỏ những dao sắt, kiếm thép, bẻ gãy những côn trùy, đập vỡ những tạ đá, lao đá, đào một cái hố, đem tất cả những thứ gỗ đá sắt vụn ấy ném xuống, rồi lại bê một hòn đá xanh thật to, viết tên mình lên, ném theo xuống. Đột nhiên ông cất tiếng khóc thảm thiết, ai ngăn cũng không nổi, ai khuyên cũng không xong, và trong tiếng khóc thảm thiết ấy, ông lấy tay lấp nắm mồ vũ khí.

18

Ông trở thành một lão nông đến chân răng kẽ tóc. Ăn mặc nông dân, nói năng nông dân, tóc ông không buộc lên nữa, mà cạo trọc, chỉ để bộ râu ria thật rậm, thật dài, không mặc quần túm ống nữa, mà mặc quần rộng thùng thình, thoải mái cũng xốc xốc lại quần, cứ như là sắp tụt xuống vậy. Ông chú tâm đến từng mầm rau mới nhú, tới mỗi quả bí non vừa rụng rốn, ông chống gậy gánh phân, cuốc ruộng...

Đội sản xuất lại thêm lần nữa đề xuất việc cứu trợ cho ông, để mỗi khi thiếu ăn, cứ đến đội mà lĩnh, thiếu củi đun cứ ra sân phơi mà ôm.

Nhưng ông không nhận, vẫn cứ đun bằng củi phơi khô, vẫn cứ ăn hàng ngày nửa gạo nửa bí.

Thân thể ông, mỗi ngày một gầy gộc thêm đi, trên mặt đã xuất hiện những chấm tàn nhang đen, tóc tai,

râu ria đều đã ngả màu tro. Đến tháng Hai, tháng Ba giáp hạt, cơm nước, rau cỏ lại càng thiếu thốn hơn, mặt ông đã bắt đầu phù ra, lưng cũng đã còng về phía trước, đã thế, cái chân lại hay đau nhức mỗi khi thời tiết thay đổi, nó tê dại đi, mất hết cảm giác. Mất nhìn thấy cỏ hoang mọc đầy ruộng rau mà chẳng còn hơi còn sức đâu đi chăm.

Lai Cử đến thăm ông mấy lần, anh chàng này cũng đã bị bật bãi trong thời kỳ cách mạng văn hoá, nhưng vẫn quý trọng tấm lòng quý hoá của ông, nên vẫn thương ông, và muốn đón ông về sống ở nhà mình.

Ông đáp:

- Tôi không đi đâu cả.

Lai Cử nói:

- Đến thế này rồi mà ông vẫn khẳng khẳng không chịu, cứ nhìn lại cơm nước của ông mà xem, có phải của con người không?

- Đây là thứ mà tôi làm ra. Tôi ăn hèn uống kém, tôi đâu có cần ăn ngon.

Ông nghiện rượu nặng, cứ góp góp từng xu một, khi đủ tiền lại mò ra quán rượu, uống ực rồi quay người đi luôn.

Đã từ hơn nửa năm nay ông không được ăn thịt, thịt lợn ông kiêng, không ăn, thịt trâu thịt bò, thịt cừu, chẳng có tiền mua, ông bèn xấn quần, lội xuống ao mò ốc. Có người thấy thế, cũng xuống ao mò giúp, ông chẳng nói một lời, bỏ lên bờ đi ngay!

Ông đã biến thành một thứ cô hồn, ẩn hiện ra vào nơi bãi cát bên bờ con sông nhỏ, ai cũng bảo ông già này điên rồi, chẳng ai dám đến tìm ông chuyện trò, trêu đùa gì nữa. Mọi người muốn quên dứt ông đi, còn ông

cũng muốn quên hết cả cõi đời này. Cái bãi cát vốn hoang lạnh, càng trở nên âm thâm, u tịch, nặng nề đáng sợ hơn.

19

Nhưng không biết từ khi nào, người ta thường thấy ông già ấy hay vác trên vai chiếc cuốc, cứ đi loang quanh luẩn quẩn hết đường lớn lại đường nhỏ. Người trong thôn tin rằng ông đã bị điên thật, song người ta lại vẫn cứ thấy ông đi nhặt từng hòn đá lổn nhổn trên mặt đường, đem xếp sang bên rồi cuốc cuốc xới xới lấp lấp cho thật bằng những chỗ lồi lồi lõm lõm, lại còn xách hết giỏ đá này đến giỏ đã khác, đi kê những tấm ván cập kênh trên cầu cho chắc lại.

Cuối cùng, ông ngồi ý trước túp lều tranh của mình, kê trước mặt một tấm đá xanh thật lớn, đặt lên đó ba chiếc chậu sành đựng nước chè nguội. Thực ra đấy không phải là nước chè, mà là nước lạnh hoà với sữa đậu tương, cho người đi đường, ai khát rẽ vào mà uống. Ông không thu tiền. Khi có ai nói cảm ơn ông, cũng đáp lại một lời cảm ơn như thế. Ông nhờ người viết cho mấy chữ trên một tấm gỗ: **"Nước chè nhà tôi không lấy tiền"**.

Cũng chính vào thời gian đó, ông bắt đầu ốm. đau nhức khắp mình mẩy, ho liên tục. Ngoài một ngày ba bữa cơm ông bỏ xuống khỏi giường nấu nướng, còn mọi thời gian ông đều nằm trên giường. Riêng cái thứ nước chè nguội mà ông vẫn đặt bên ngoài cửa đó, thì mỗi khi dậy làm cơm, ông lại mang nước ra đổ đầy.

Ông ngủ liên ba ngày, rồi lại ngủ liên năm ngày,

người thôn Eo Liệt thỉnh thoảng không thấy bóng ông trên bãi cát ven sông, ai nấy đều chẳng lạ. Cho đến khi họ chạy đến túp lều, thấy ông nằm phục ở đấy, chỉ còn thở hắt ra mà không thấy hít vào.

Tin đó loan ra, mọi người bất chợt nhớ lại sự tốt đẹp của ông, đều cảm thấy rằng, ông lão này vốn chẳng phải là một ông già mà mọi người muốn chết đi cho mau cho chóng, nên nhiều người vội vã đi mua quà bánh đến thăm.

Ông nằm đó, đôi mắt trũng sâu xuống thành hốc, những cục dử đùn đầy hai bên khoé mắt, chẳng còn nhìn thấy môi miệng ông đâu, bên trong bộ râu xồm xoàm chỉ còn lại một cái lỗ đen ngòm. Ông nhìn mọi người, mặt giật giật, chỉ thấy giận dữ và đau khổ, ông chẳng thích gì mọi người đổ xô đến với ông như thế, ông muốn yên lặng, bình thản ra đi, vậy mà họ cứ xôn xao kéo đến, điều đó với ông là một sự xỉ nhục, đồng thời cũng là một sự trừng phạt!

Lai Cử và đội trưởng mới đứng trước giường ông, nói:

- Bác "Ghính Hà Nam" ơi, chúng cháu đã bàn rồi, mai sẽ đưa bác lên bệnh viện huyện.

Ông cố gắng thều thào:

- Dừng, dừng! Nếu có thương tôi, xin đừng bắt tôi phải dời khỏi mảnh đất này. Ở đây có Diệp Diệp của tôi, có lợn hạch của tôi, có nghề của tôi, có vườn bí của tôi...

- Bác cứ đi nằm viện ít ngày, rồi bệnh tật sẽ qua khỏi hết thôi mà!

- Tôi được thế này là quý lắm rồi. Tôi đến mảnh đất này với hai bàn tay trắng. Khi tôi đi, không để lại được

cái gì, và tôi cũng không muốn mang theo những lời trách móc, sỉ vả. Thôi các anh đi đi, đi hết đi!

Lại Cử và ông đội trưởng mới chẳng còn cách nào khác nữa, đành phải lui ra. Họ quyết định, dù thế nào đi nữa thì sáng sớm ngày mai phải đưa ông lên bệnh viện huyện.

20

Nhưng, ngay trong tối hôm đó, túp lều tranh bốc cháy.

Lửa cháy rất to, sáng rực hết cả khu bãi cát, người thôn Eo Liệt bật dậy giữa giấc ngủ, chạy đi chữa cháy, túp lều tranh cháy rực, không ai có thể đến gần được, cây xà sụp xuống rất nhanh. Đợi đến khi dập tắt được đám lửa, chạy tới xem, trong lều không còn sót lại một thứ gì, ngoài bốn bức tường đất ra, mọi thứ đều cháy hết. Ông "Ghính Hà Nam", ông già đáng thương ấy, nằm co quắp trên chiếc giường bằng đất, cũng đã bị cháy rụi, không phân biệt được hình hài gì nữa.

Mọi người đều đoán định nguyên nhân, mỗi người một cách.

Có người bảo ai đó đến đốt nhà ông lão, ông thật đáng thương, chết khổ chết sở như thế.

Có người bảo, tại ông lão bỏ dây đun nước, lửa từ trong bếp cháy lan ra ngoài, rồi bén vào rơm rạ, củi dóm, ông cố bỏ dây dập lửa, mới chết người cháy trong nhà.

Lại có người bảo rằng chính ông lão tự phóng hoả đốt nhà, vì ông sợ đội sản xuất đưa ông vào bệnh viện...

Mọi người có vẻ tán thành cái ý kiến cuối cùng này, nhưng cũng chẳng hiểu được tại sao ông lão lại làm như vậy.

Tất cả chỉ đành thở dài, rồi tiện tay đẩy đổ bốn bức tường, chôn luôn ông lão trong đó. Thật là một cái lễ tang đặc biệt, không có áo tang, không có tiếng khóc, tất nhiên là chẳng có con có cháu để chống gậy, lẫn đường. Có điều là chỉ khi "mai táng" đã xong, người ta mới thấy trên tấm đá xanh bên đường, vẫn còn nguyên ba chiếc chậu sành đầy ắp nước chè. Thế là mỗi người một chân một tay, đem quăng tất cả những thứ đó vào ngôi mộ.

Kể từ đó, bãi cát bên bờ sông con lại trở về với cảnh hoang vu, lạnh lẽo ngày xưa. Những cây sậy vẫn không mọc nổi thành bãi và trên những khoảnh đất vốn là vườn rau ruộng bí, mọc lên đầy cỏ gà. Con sông con vẫn có lần nước lên to, một lớp phù sa láng qua, rồi cát trôi lại lặng lẽ trào lên từng lớp mỏng. Đôi khi bên cạnh những bụi cây bụi cỏ, có một con sâu nào đó bị thương, lại bị ngay đàn kiến bâu quanh, cắn cho đến chết, rồi tha lôi về tổ. Vết chân của các loài chim, loài thú xuất hiện trở lại, ban đêm lại nghe thấy tiếng sói gào, như tiếng trẻ con khóc dề dề.

Nhưng cái chết của ông lão, và câu chuyện về bốn ngôi mộ trên bãi cát, lại được lan truyền đi, truyền đi rất xa, rất rộng, thời gian càng dài thì sự lan truyền càng rộng lớn hơn. Những người hiếu kỳ ở khắp các nơi xa gần, đều tìm về đây tham quan. Mỗi khi có ô tô khách chạy trên đường Trường Bình qua đây, lái xe đều dừng lại, để hành khách xuống nhìn ngó và bàn tán. Ai cũng bảo đây là một nhân vật truyền kỳ, một câu chuyện truyền kỳ...

Cứ như thế, thôn Eo Liệt cũng trở thành một địa danh có tiếng tăm, vô khối người biết rằng ở trong vùng sông nước Thương Châu có một nơi như thế.

GIÓ XOÁY

1. HỒ VÔ DANH

Nghe nói trong thành Bắc Kinh có cái hồ vô danh. Quanh bờ hồ lại toàn những học viện cao cấp, từ đó đã sản sinh ra rất nhiều nhân tài danh tiếng. Tương tự như thế, ở vùng Thiểm Nam cũng có một cái hồ vô danh. Trên bờ hồ có xóm thôn, trong thôn có mấy dòng họ: Triệu, Tiền, Tôn, Lý, Vũ, Trịnh, Vương, chỉ có điều là chẳng mấy ai biết chuyện sách đèn. Hồ ở Bắc Kinh vì vô danh mà nổi danh, đó là do cố ý. Còn ở đây rõ ràng là hồ không có tên, nên thành vô danh. Nếu như bây giờ còn có được cái "*Nan đắc hồ đồ*" (sự hồ đồ hiếm có) của thời Trịnh Nhiếp, chắc chắn nhà nào cũng treo một chiếc hoành phi như thế. Trịnh Nhiếp từ thông minh mà trở thành hồ đồ, vẫn được coi là sự khiêm tốn của bậc hiền tài. Có một số người vốn đã là người hồ đồ, mà tiếp tục hồ đồ, thì vĩnh viễn là kẻ hồ đồ.

Hồ này diện tích không lớn, nước rất sâu, mức lên trong veo. Nước ở giữa hồ trong xanh, giống như nước thủy tinh nói trong sách vở. Bờ phía Nam dưới chân núi Rong

(Long Sơn), nước lại có màu đen suốt quanh năm. Giữa nửa đêm nhìn ra thì trên sáng còn dưới lại tối om.

Người trong làng đều cảm thấy rằng Gió xoáy mặt trời và mặt trăng đều từ giữa hồ mọc lên, giống như việc xách hai quả bầu nậm, cứ chìm một quả xuống quả kia lại nổi. Việc mặt trời và mặt trăng mọc mọc lặn lặn như khơi dậy tác dụng tẩy rửa của mặt hồ, và thúc đẩy những người sống quanh ra hồ tắm táp. Điều đó làm cho khối người bị chết đuối, đồng thời cũng làm cho khá nhiều người biết cấp cứu người bị đuối nước, chìm hồ. Người giỏi nhất phải tính đến "Ông Quân Nhu". Ông có phương thuốc riêng của mình, đó là gói thuốc bột, chỉ cần bôi bôi lên chân mũi người bị đuối nước, là lập tức nước ở trong bụng ông ộc tháo ra. Nhưng điều làm cho "Ông Quân Nhu" đau đầu nhất là những người đàn bà cố tình chết, dọa sự rắc rối trong gia đình, họ không chết trên vách núi, không chết trên sợi dây thừng, mà "tùm" một cái, nhảy xuống hồ. Khi nhảy xuống lại buộc thêm vào người một tảng đá, nên đợi đến khi có ai phát hiện ra, thì chẳng còn phương thuốc nào có thể cứu nổi nữa.

Nghe nói khi cô Trọc về nhà chồng, mới sang năm thứ hai, chị em dâu bất hoà với nhau cô con dâu lớn nhà họ Trịnh bực mình, đâm đầu xuống hồ. Ban đầu người trong làng cứ tưởng cô ta vượt ra ngoài núi, về sau thấy trong hồ cá tập trung quá nhiều, và rồi có một hôm, xác nổi lên. Người chỉ còn có bộ xương, còn thịt thà đều đã làm mồi cho cá hết.

Từ đó người trong thôn chẳng còn ai muốn ăn cá hồ nữa. Mãi sau này người ta mới thành lập một ngư trường trên hồ, thành thế, làm ăn nổi như sóng cồn,

nhưng đó là chuyện sau này nên không nói ở đây vội. Song dù cá đánh bắt được thật nhiều, đều mang đi nơi khác bán. Trẻ con ở vùng hồ, bắt cá chỉ để chơi, một là nuôi mèo, hai là nhử chó. hoặc là mổ bụng cá ra, tách lấy chiếc bóng bóng như hình quả bầu nậm be bé, rồi "bụp" một cái lấy tay đập cho nó nổ chơi.

Trong sách cổ đã dạy: *"Mây theo rồng, gió theo hồ"*. Điều đó rất đúng. Núi Rồng ở bờ hồ bên kia luôn bị mây mù quán quanh, nên khi thấy núi to đùng, khi lại gầy guộc đến thảm hại, mà lại không có gốc, có rễ, cứ như là ở trên trời bay xuống vậy. có lúc lại như sắp bay vút đi mất. Nhưng khi màn mây ở trên đỉnh núi được vén đi, núi lại óng ả như tơ như sợi, khiến người ta muốn thành tiên mà cũng muốn chết đi, bởi khi ấy núi Hồ (Hồ Sơn) ở sau thôn lại sắp sửa quạt gió. Gió cực mạnh. Về mùa đông, chả nói làm gì, ngay trong mùa xuân, gió cũng mạnh như quạt. Nếu đàn chim bay từ hồ vào, gió thổi làm tốc ngược cả lông, tan vỡ đội hình. Trên núi Hồ có rất ít cây cối, nếu có cũng toàn là những thứ cây lùn tịt loãn xoăn. Có những người từ nơi khác đến, nhìn một bụi cây dại, tất nhiên đấy là những người văn minh, nhân rồi, giấu tướng tượng, bảo rằng đó là khu rừng nguyên thủy, vô cùng kỳ lạ, có người còn đào về, trồng vào chậu làm cảnh chơi ngắm.

Trong hồ có mấy lá thuyền, vô cùng giản đơn. Hai lá là những tấm ván mỏng, ghép lại bằng đinh, ba lá là những cây liễu khô cong queo, khoét ruột. Tất cả đều để chuẩn bị dùng vào ngày mùng năm tháng Tư hàng năm. Những người đàn ông sống trên bờ hồ, ai cũng biết bơi, nên chẳng cần đến thuyền để làm gì, đàn bà

con gái cũng là dân sông nước, nhưng ngày năm tháng Tư không thể cởi tuột quần áo mà bơi trong hồ được. Họ sẽ ngồi trên những lá thuyền đó rồi lấy những cái xẻng gỗ rêu thóc làm mái chèo mà bơi, tạo ra vô số những xoáy nước, và cứ thế mà cho thuyền ra đến giữa hồ.

Ngày mồng năm tháng Tư chính là ngày Tết Rồng.

Vùng núi ở Thiểm Nam có những quy định riêng của mình, trừ những ngày lễ chung, thông thường; các thôn làng còn có những ngày "hội làng" riêng. Và "hội làng" riêng của những người sống trên bờ hồ này là mồng năm tháng Tư. "Hội làng" của các thôn làng khác, thường chỉ có những người thân thích mới đến chúc mừng và dự hội với nhau, nhưng "hội làng" của thôn này, thì những người ở rất xa cũng tấp nập kéo về dự hội, xem hội. Bởi vì ngoài hồ có một hòn đảo đá, bên dưới đảo đá có mắt hồ, cứ đến ngày mồng năm tháng Tư lại có cá bơi từ mắt hồ này ra ngoài. Nhiều thì tám con, mười con, ít thì ba, bốn con. Điều kỳ lạ đó có phảng phất ít nhiều mê tín, nhưng sự thật nó là như thế, những người đến xem hội chẳng phải là chỉ để đến xem hội mà thôi.

Cá từ đâu bơi ra? Chẳng ai nói rõ được căn nguyên. Khi ông Triệu Âm Dương⁽¹⁾ còn sống, cũng đã có người từng hỏi và ông Triệu Âm Dương cũng đã trả lời:

- Thế người từ đâu ra?

Ông chỉ ú ớ nói thế.

Hòn đảo đá ở giữa hồ, mỗi chiều chỉ dài rộng chừng

⁽¹⁾ Âm Dương ở đây còn có nghĩa là thầy bói, thầy tướng

4,5 mét. Nó có hình trái tim gà, đỏ sẫm màu son, lớn nhón, khô khốc, chừng như xưa kia nó chỉ là đậu phụ bị bọc vào vải, rồi đem nắm vắt lại. Nước ăn mòn bốn xung quanh, tạo ra nhiều hình nhiều dạng khác nhau, như khắc như tạc. Rất có phong vị của một môn phái nghệ thuật hiện đại. Người trong thôn chẳng ai hiểu biết nghệ thuật, càng không biết môn phái nghệ thuật hiện đại là gì, nên cũng chẳng ai đến đục đẽo, và cũng chẳng ai vẽ vờ, lấy mẫu nó. Ở phía Bắc đảo có một cái khe, đá nước chen nhau, nước ào ào, nghe hay như tiếng vang trong hũ. Đó chính là mắt hồ, quanh năm suốt tháng bao nhiêu năm nay phun nước ra ngoài. Nghe nói cái mắt hồ này ăn thông với biển ngầm dưới đất, vậy thì cá mỏng 5 tháng Tư có phải là cá biển không?

Vòng sang phía Tây là những bậc đá. Tất cả có một trăm bốn mươi ba bậc, là lên tới ngôi thảo đình trên đảo. ở đó thờ Long Vương (vua Rồng), mặt người mình rắn, hai con mắt làm bằng gốm, lồi bật ra ngoài, trông đến phát khiếp.

Sáng sớm ngày mồng 5 tháng Tư, mọi người trong thôn đều trở dậy, đốt giấy tiền, đốt pháo, sau đó những người đàn ông chụp lên đầu chiếc khăn đỏ xếp hình chữ "thái", rồi bơi ra đảo. Đàn bà con gái tay bưng đồ tế lễ, ngồi thuyền bơi ra. Năm xưa, ông Triệu Âm Dương là người chủ tế. Đêm hôm trước, ông thức xem thiên văn, bảo, hôm nay núi sẽ không có gió, nước không có sóng, quả thật là sóng nặng, gió yên. Còn như ông bảo: Hôm nay có gió, thì quả là một cơn gió từ núi Hồ quét qua mặt hồ, làm nghiêng ngã những lá thuyền, những người đàn bà hết sức cheo chống cũng chẳng êm xuôi

được, khi ấy đám đàn ông phải bơi trước mũi thuyền, quàng dây, kéo thuyền đi. Trong lúc ấy, những người đàn bà trên thuyền vừa cười sằng sặc, vừa rắc giấy tiền, thả bánh bột mỳ xuống nước. Bánh bột mỳ là để dâng Long Vương, nhưng cá lại cứ quần quật bám theo đuôi thuyền, làm văng lên những tiếng tùm tùm gần như không dứt. Khi nhìn thấy đám sinh linh sống lưng đen kịt đó, nét mặt những người đàn bà bỗng trở nên nghiêm trang, liến nghi tới bộ xương của cô con dâu trưởng nhà họ Trịnh. Nhưng chẳng ai dám nói ra miệng.

Khi tới đảo đá, tất cả đều lần lượt leo lên thảo đình lễ bái, ai cũng có những tâm tư, nguyện vọng riêng của mình, lăm râm khẩn khứa, chỉ riêng mình mình nghe được, tất nhiên rằng Long Vương cũng nghe thấy được. Giữa trưa, mặt trời nóng rực; ngang dọc mặt hồ hiện lên những ô vuông. Giữa mỗi ô vuông có một ngôi sao nháy múa, khiến cho mọi người có cảm giác như đang vào thế giới cực lạc, có những người đàn bà, đột nhiên nghĩ đến cái chết của cô con dâu trưởng nhà họ Trịnh và cho rằng đó cũng chẳng phải là sự bi thảm. Sau đó tất cả đều phủ phục trên những bậc đá trước thảo đình, không nói, không động đậy. Họ yên lặng lắng nghe tiếng gió và tiếng sóng vỗ dưới chân đảo, và tiếng con chim nước thỉnh thoảng lại vang lên, và cuối cùng lắng nghe nhịp đập của con tim mình. Họ phủ phục, im lặng như thế một lúc lâu, với dáng vẻ trông rất buồn cười, chẳng khác gì những con rùa bò lên phơi nắng. Từ dưới chợt tung lên một màn sương nước màu xanh, người ta vội vàng chen chân nhau tới hai bên phải trái của khe

đá. Ở đó có hai người cầm sẵn những chiếc vợt dài, chờ đợi những con cá màu trắng bạc từ trong mắt hồ bơi ra.

Họ chờ đợi đầy vẻ căng thẳng, như đàn ông ngồi chờ vợ về. Chờ cho đến khi vợt được một con cá, họ nhảy căng lên, hoan hô. Điều họ quan tâm hơn cả là số lượng cá từ trong khe nước bơi ra, cá được rồi, mọi người ngấm nhìn một lát, rồi lại phóng sinh xuống hồ. Cái quy định ấy khiến những người từ xa tới xem hội đều lấy làm tiếc. Đàn ông, từng đám, từng nhóm, âm ỉ săn vợt cá trên hồ, đàn bà con gái đứng trên bờ hò reo, cổ vũ. Mỗi người một kiểu cách, một điệu bộ, đủ các dáng vẻ, và đó cũng là lúc đỡ hoang tịch nhất của cả vùng hồ.

Sau đó, ai về nhà nấy, đắm đầu vào bếp với tâm tình sảng khoái, làm cơm khoản đãi những người thân cùng khách khứa từ những thôn làng xa đến xem hội. Những người từ xa đến mà không có thân thích ở đây thì tiện đường rẽ vào nhà "ông Quân Nhu", khám bệnh, bốc thuốc. "Ông Quân Nhu" không còn theo đuổi nghề thuốc nữa, bây giờ người con rể đã thay ông, y đạo khá là cao thâm. Cũng có người xách rượu đi theo, tụ tập làm bữa cơm diễn dã. Rồi họ đập vỡ chai trên những bờ ruộng đất cứng, những mảnh thủy tinh lấp lánh dưới ánh mặt trời, cũng có người lén lút đến từng nhà, từng hộ, tìm mua "đồ vàng bạc". Đến nay, những người làm nghề vàng bạc trên bờ hồ còn rất ít, sau đó những người ấy kéo nhau vào một thung lũng khuất của núi Hổ, chơi "mười điểm rưỡi" ăn tiền, người thua kẻ được, được được thua thua.

Hồ vô danh lại rơi vào tịch mịch một thời gian.

Nhưng ở nơi, nằm chênh chếch bên trái cuối thôn,

dưới chân núi Hồ, lại ồn ào một góc trời riêng. Ở đấy mọc đầy tùng, bách, cỏ hoang ngút ngàn, là một bãi tha ma, đầy mồ mả. Dân thôn trên bờ hồ vô danh đã mấy lần tu sửa, nhưng rồi lại mấy lần đổ nát, nên vẫn chẳng có gì là mới mẻ, mười lăm năm nay, trong số nhân khẩu, cứ một người già chết đi, lại có một trẻ sơ sinh ra đời, vì thế, vẫn giữ được cân bằng. Các gia đình họ Triệu Tiên Tôn Lý Chu Vũ Trịnh Vương đều đã mất hết gia phả, nhưng ở ngoài bãi tha ma thì vẫn giữ được lịch sử từng dòng, từng họ. Giữa mồ mả và cỏ dại là nơi giao phối của lũ chó di hoang. Những chàng trai chưa bao giờ đi ra khỏi thôn xóm của mình, ra về đàn ông, nghịch ngợm, đùa dai với bọn đàn bà để mua vui, đuổi đánh những con chó đang giao phối, khiến cho con thú bốn chân ấy thành những con vật tám chân, giằng co, lôi kéo nhau mà chạy.

Cánh đàn bà đồ mật, chui hết cả vào rừng anh đào mọc sau bãi tha ma. Anh đào đang mùa kết trái, lúc liú quả, mắt nhìn miêng thêm. Anh chàng con cả nhà họ Trịnh ngồi trên cây, là người đầu tiên nhìn thấy có người đang câu cá trộm ngoài hồ, tức giận vô cùng. Câu cá là điều cấm kỵ với dân thôn trên bờ hồ, nhất là vào ngày mồng tháng Tư. Chàng Cả vốn là một thằng rồ dân dộn nhưng cũng biết rõ rằng, việc bọn đàn ông câu cá là có khác với bọn đàn bà con gái, và để được nhìn bọn đàn bà con gái lâu hơn, nên cũng mặc xác mấy thằng câu cá trộm.

Bọn đàn bà chạy hết cả vào rừng anh đào và cùng reo lên với nhau:

- Anh đào ngon quá!

Nhưng khi với tay lên hái, mới nhìn thấy Cả Trịnh mặt mũi hăm hăm, các nàng sợ quá vội hỏi:

- Có bán anh đào không?

- Không bán.

Chàng ta lại nói thêm:

- Muốn ăn, cho các người ăn

Những cô gái đứng lại, nhìn anh ta đây vẻ nghi ngờ, rồi như đàn châu chấu, các cô chạy ào tới hái quả đưa lên miệng chẳng khách khí gì, có cô đôi tay vịn cành cây, ngửa miệng lên dớp lấy từng quả một. Trong sách cổ cũng đã từng viết về cảnh các cô gái ăn anh đào. Sách viết rằng: *"Lúc ấy chẳng biết là anh đào hay là môi son, và cũng chẳng biết rằng đó là môi son hay anh đào"*. Nhưng chàng Cả mù chữ, chưa bao giờ đọc được những dòng văn hay trong sách, song cái cảm giác ấy đúng là chàng Cả cũng có được, bởi thấy chàng vui vẻ cười sảng sặc, khoái trí mãi không thôi.

Các cô gái ban đầu cũng sợ, vì cho rằng Cả Trịnh là một tên lưu manh, mất dạy, về sau chỉ thấy anh ta cười và chẳng có hành động bậy bạ nào, liền trêu trọc cho vui, họ lấy cành cây ngoáy ngoáy vào nách anh ta. Cả Trịnh cười như phát điên, lăn lộn trên mặt đất, và cái điệu bộ buồn cười nhất của anh ta là nằm sõng xoài như một con lợn đen bị người ta bắt trời, giang bốn cái chân mềm nhũn ra.

Kết quả là, sau khi đã ăn chạc được anh đào, bọn con gái biến mất. Trời cũng đã ngả về chiều, bốn xung quanh hồ vô danh chẳng còn người lạ nữa, Cả Trịnh chợt cảm thấy trống chệnh, tiu nghỉu, nên vội trở về ngôi nhà xiêu vẹo mà ngủ, nhưng vẫn nghĩ: Làm sao cái

lũ con gái này lại đẹp thế? Nhưng đẹp như thế nào, anh ta lại không nghĩ ra được. Và cái hình ảnh rõ nét nhất lại là cô Sửu Sửu!

"Ngày mai lại đến với chúng nó lần nữa"

Cũng như thường lệ, đêm hôm đó chàng Cả lại nằm mơ thấy hoa. Hoa là dương vật của thực vật. Theo như luận điểm của Freud thì người là có tiềm thức. Cả Trịnh chẳng hiểu gì về những điều đó, còn người trong thôn làng lại dè biu bảo rằng cái cổ dương vật của anh ta chẳng khác gì cái tai của người điếc, chỉ là cục thịt thừa. Nhưng có ai biết đâu rằng trong tiềm thức của Cả Trịnh lại còn có việc mộng mơ như thế?

2. ÂM DƯƠNG

Bốn chục năm trước Triệu Âm Dương chết. Tiếng khóc của người thân vang lên tới tận trời, thế là mất ông chớp chớp, rồi mở ra, và ông sống lại. Sống đấy nhưng chỉ là sống hờ, hơi thở mảnh như tờ, nước chẳng uống nổi, trên người sinh ra đầy rận. Thực ra đấy không phải là rận, mà là một loài bọ trắng trắng, bất mãi cũng chẳng hết. Những người hiểu biết bảo rằng đó là do còn mắc nợ trên dương trần, nên không xuống âm gian được, họ đã mách riêng cho con cái, lên mang quần áo móc lên cây gậy, gánh đến treo ở ngôi miếu Thành Hoàng của một thị trấn cách nơi này hơn hai chục dặm, đồng thời lấy một cây hoa quẩn vào ngón tay giữa của ông, đem sợi dây hoa ấy đến đặt trước tiền đường quan Án, rồi viết lên tường tiền đường mấy chữ bằng mực đen: *"Đã có mặt! Con cái xin thay mặt bố đến trình*

diện!" Vậy mà suốt hai ngày chẳng thấy ông Triệu Âm Dương nhắm mắt ra đi.

Triệu Âm Dương còn chờ đợi ai vậy?

Tất cả con cái đều qui xuống bên ông, nói:

- Cha ơi! Xin cha cứ yên tâm lên đường!

Sau đấy là trận khóc thảm, khóc thiết. Tiếng khóc thật to, thật bi ai. Có lẽ Triệu Âm Dương đã nghe thấy. Ông he hé mắt, mà lại còn lên tiếng hỏi nữa:

- Con Trọc đã về rồi đấy ư?

Cả nhà vô cùng kinh ngạc.

Cô Trọc là con gái nhà họ Tôn ở đầu làng, lúc nhỏ bị chốc đầu, nên tóc mọc rất thưa. Người nhà vội sai người đi tìm cô Trọc nhà họ Tôn. Người đi tìm vừa ra đến đầu ngõ xóm, đã nghe thấy tiếng chân lộc cộc của một con la, và cô Trọc đang ngồi trên lưng con la ấy. Cô Trọc mới lên bảy, nửa tháng trước đi thăm cậu ở làng khác, lúc ấy vừa về tới đó, người đó lấy làm kỳ lạ, vì ông Triệu Âm Dương làm sao lại biết cô Trọc đã về? Ông không nhắm mắt chết được là còn phải đợi cô bé gái mới lên bảy tuổi này sao?

Cô Trọc được cổng tới bên giường Triệu Âm Dương. Ông cầm lấy tay cô Trọc và nói bằng giọng rất vang:

- Con đừng đi đâu cả, con hãy chờ nhập quan, khâm liệm cho ta!

Nói xong một cục đờm kéo lên, khò khè trong cổ họng ông, một lát, đôi mắt nhắm lại, chân ông giãy một cái, tắt thở. Mọi người trong nhà vội coi cô Trọc là khách quý, không để cho cô rời khỏi linh đường, bắt ngay tay vào việc tắm rửa, chải đầu và thay quần áo,

mũ mào. Đến ngày thứ ba, tất cả họ hàng thân thích cũng đã khóc tang xong, liền bế cô Trọc đến bên, đặt những quả bách vào trong áo quan, và còn đặt thêm cả một túi tro nữa. Vào lúc ấy gia cảnh Triệu Âm Dương cũng gọi là khá giả nhưng cũng không lấy gì làm giàu sang lắm, ngay từ khi còn sống, ông đã dặn mọi người, không bỏ vào trong áo quan những đồ tùy táng bằng vàng bạc, quí vật gì. Vì thế người nhà chỉ đặt túi tro trước khi đặt nắp ván thiên.

Đó là một chuyện kỳ lạ. Tất cả dân thôn đều không ai biết lý do. Rất nhiều ngày về sau này, mỗi khi nhắc đến việc ấy mọi người đều cảm thấy một người như Triệu Âm Dương vốn khôn ngoan nhất mực một đời, mà lại bày ra cái trò cười như thế.

Chỉ riêng con gái Triệu Âm Dương là có sự hiểu ngầm trong dạ, cho rằng mọi sự đều đã được cha mình tính toán đầy đủ, nhưng cô chẳng nói ra. Vào một đêm từ bảy năm trước, thấy cha quan sát bầu trời, rồi trầm ngâm nói:

- Sang năm được mùa đậu đen.

Cô lắng lặng ghi nhớ, trong vụ mầu mùa hè năm ấy, cô không gieo ngô, mà gieo toàn đậu đen. Quả nhiên tất cả các thứ mầu gieo trong vụ ấy, không thứ nào thu hoạch nổi, chỉ riêng có đậu đen là được mùa lớn. Người trong thôn kinh ngạc, ngay cả Triệu Âm Dương cũng kinh ngạc. Hỏi con gái, sao biết năm ấy trúng mùa đậu đen? Cô con gái nói rằng đã nghe trộm lời cha nói. Triệu Âm Dương mắng con gái hết lời:

- Làm sao dám tiết lộ thiên cơ?

Bốn chục năm sau, thi thể của Triệu Âm Dương chừng như đã hoàn toàn biến thành bùn đất. Cỏ trên phần mộ ông thật tốt, đồng thời lại mọc thêm một loại cỏ bông có gai như răng cưa. Loại cỏ bông này hình tròn, về mùa thu nó đẩy những cánh hoa trắng, lũ trẻ con không dám hái chơi loại hoa ấy, hoa xếp thành hình tròn, giống như những vòng hoa mà người sống đem đến phúng viếng vậy. Cái năm con cái chôn cất cho ông đó, tiện tay cắm cây gậy liễu chống tiền cha xuống bên mộ, thật chẳng ngờ cây gậy liễu đó lại sống được, bây giờ đã trở thành cây liễu lớn, xanh tốt rườm rà. Trên cây liễu có một đôi chim ngói đến làm tổ, một trống, một mái, ríu rít suốt ngày đêm.

Cô Trọc bảy tuổi, năm ấy cũng đã vào thời vãn thu. Trên đầu không còn bị chốc lở nữa, nhưng tóc tai vẫn thưa thưa như cũ, để lộ ra những mảng da hồng. Quanh năm quấn một chiếc khăn trên đầu, cô chẳng lấy chồng người làng khác, mà lấy người họ Trịnh, cùng trong thôn, nằm trên bờ hồ ấy, cũng đã sinh được hai đứa con trai. Cả hai đều lông mày chữ nhật, hai lúm đồng tiền, tóc đen mà dày, lúc nào cũng rối bù như cỏ dại. Năm bốn mươi tuổi chồng cô Trọc chết vì bệnh lao. Hai cậu con nầy cũng đã lớn, sức khỏe và sức ăn đều thuộc loại hơn người, thích gây chuyện đánh nhau. Bà Trọc không quản nổi. Ban đầu chỉ còn biết khóc lóc, than vãn cái số mình nó khổ, rồi sau cũng nghĩ ra được một điều: Bây giờ thực thà quá cũng chẳng được cái ích gì, cứ lộn thừng lộn chảo có khi còn được việc. Từ đấy bà mặc chúng nó, thích làm gì tùy ý.

Bà Trọc ngoài công việc đồng áng, sáng thường dạy

rất sớm, cấp cái chổi ra hàng cây ven hồ quét lá rụng gom về làm cái đụn. Buổi chiều thì xách cái đi hái rau dại. Gia cảnh túng thiếu, bữa cơm bữa cháo cũng chẳng đều, hai đứa con, cứ đến bữa ăn lại lầu bầu vạ mẹ:

- Ngày ba bữa húp cháo, gọi là sống mà chẳng biết đến bát cơm là gì?

Bà đáp:

- Ăn mặc là còn tùy vào gia cảnh mình!

Con bà lại nói:

- Ăn, ăn xong bữa sáng hãy nói đến bữa tối, đi tối trời đất nào, thì nói tiếng của trời đất ấy.

Thế là tự tay chúng đi nhào bột, cán mỳ, nướng bánh. Ăn căng bụng ra, rồi ông ổng hát, nghe như sỏi gào:

Như ta đây đã sống tròn hai mươi tuổi

Quần rách toang vẫn chẳng có người khâu...

Nhưng cậu Hai cũng có tài, một tay chơi nhị hồ cực hay. Những người ở thôn bờ hồ đều không biết nhạc lý là gì, đánh đàn, tấu nhạc tất cả là do thầy truyền khẩu dạy cho. Sư phụ của Hai Trịnh là Lưu Tâm Tứ, người thô kệch, nhưng lại có cái tai tuyệt vời, chỉ nghe một lần là nhớ hết. Vở kịch hát "*Chém con trưộc nha môn*" ông có thể hát từ đầu tới cuối, biết thổi kèn, biết kéo nhị hồ, nhưng Hai Trịnh chỉ học được kéo nhị hồ. Kể từ khi Lưu Tâm Tứ qua đời, chỉ còn lại Hai Trịnh ngồi nhà chơi một mình. Nhưng Hai Trịnh chơi nhị hồ cũng có quy luật: khi chơi nhạc mọi người đều biết ngay rằng trong nhà anh ta chẳng còn gì để ăn, và tiếng cò cú ấy là để câu lũ trẻ con đến xem, chúng phải mang theo gạo, mỳ, khoai, hoặc củ cải.

Hoặc như nhà nào có đám hiếu, đám hỷ, mời anh ta đến góp phần, còn rượu đầy đủ, và anh ta chẳng bao giờ quên bà Trọc.

Anh ta giơ một ngón tay lên nói:

- Này, xâu mấy miếng thịt làm phần đem về cho mẹ tôi!

Hai đứa con ấy, không biết tự khi nào, chúng đi làm cái việc hại người, hại giới đời bại, là giữa nửa đêm đi đào trộm mồ mả. Mười lần đào thì cả mười lần kiếm được những vật đáng tiền. Nhờ thế mà trong nhà cũng dờ tưng thiếu còn nhà xí vứt cả đồng cả chai rượu rỗng, bà Trọc ban đầu chẳng biết là con mình lấy tiền ở đâu ra, nhưng chỉ thấy khi người la mò đến đưa con lại có tiền đưa cho bà. Những người ở cuối thôn thì xôn xao báo cho nhau biết, mộ tổ nhà ai đã bị đào trộm, họ nguyên rửa chửi bới, đem những hình nhân bằng giấy treo cổ lên cây hoè đầu làng, trên đầu trên mình xuyên đầy những kim găm. Bụng dạ người mẹ đã nghi ngờ rằng chính con mình đang làm chuyện tàn ác, đời bại.

Quả nhiên đúng vậy. Bà định lôi những đứa con đến những nhà bị đào mả trộm để xin chuộc tội. Nhưng chúng bà đã vênh mặt lên nói:

- Tiền chúng tôi làm ra, chính bà cũng ăn cũng uống, thì bà cũng là đồng phạm chứ còn là gì nữa hử?

- Tao phải vạch mặt chúng mày ! Làm sao tôi lại để ra cả một lũ lang lũ sói thế này?

Thằng con nói:

- Thì bà cứ đi mà khai báo. Chính phủ chặt đầu tôi, bà chết, thì ai chôn bà?

Bà Trọc không đi khai báo. Cặp mắt của bà, từ đấy tròn tròn, dẹt dẹt⁽¹⁾. Cuối cùng vẫn giữ được bí mật. Một hôm, Cả Trịnh nói:

- Nghe nói, ở thôn ta có một người tên là Triệu Âm Dương, là một người rất tài giỏi. Trong phần mộ của ông ta chắc hẳn là có nhiều đồ tùy táng quý giá?

Đứa con muốn dò hỏi xem, trong đám mồ mả nhà họ Triệu thì ngôi nào là của Triệu Âm Dương.

Bà Trọc thất sắc, chợt nghĩ đến chuyện cũ từ bốn mươi năm trước. Bà nói:

- Muốn đào trộm mả nhà ai thì đào, nhưng của Triệu Âm Dương là không được động tới. Khi ông ấy chết, chính tao có mặt lúc khâm liệm, trong quan tài không có bất cứ thứ gì đáng giá một xu, chỉ toàn là quả bách với tro than.

Từ đó, mới thấy được cái duyên cớ, tại sao khi sắp chết, Triệu Âm Dương lại cố chờ cô Trọc trở về. Hai đứa con bà tuy đầu bò đầu bươu, nhưng khi biết rằng ngay từ bốn mươi năm trước, ông Triệu Âm Dương đã bấm độn, dự tính ra được cái nghiệp chướng của chúng, nên cả hai bất chợt thấy hồn xiêu phách lạc, thót tim vỡ mật...

Ngày hôm sau, Hai Trịnh cặp chiếc nhị hồ vào nách, đi xa, một không hẹn về. Còn Cả Trịnh, ốm to một trận, khi khỏi bệnh, thành một thằng rồ, nhưng sức lực vẫn khỏe như vâm, và ăn uống vẫn thùng bất chi thành.

⁽¹⁾ nguyên văn: một mắt nhắm, một mắt mở

3. NHÂN DUYÊN

Lại nói về Tiên Nhất Nhân, một thanh mèn tri thức, người thành phố Châu Thành ở Hiệp Nam. Tham gia sản xuất ở thôn bờ hồ, tất cả có ba người. Hai người kia là con em cán bộ, nhưng thuộc loại du thủ du thực. Một đêm, hai người kia ru Nhất Nhân đi ăn trộm gà của nông dân. Nhất Nhân từ chối, hai thằng giặc rón rén áp sát một chuồng gà, lấy đèn pin chiếu thẳng vào mắt gà, rồi lấy một thanh gỗ ghếch lên cửa chuồng, gà bị ánh đèn pin làm cho quáng mắt, không kêu một tiếng, ngoan ngoãn theo thanh gỗ bước ra, hai tên ăn trộm được ba con gà một lúc. Ngày hôm sau, Nhất Nhân tố cáo chuyện đó với nông dân, hok nông dân làm toáng lên. Đội trưởng đội sản xuất phạt con em cán bộ 5 đồng bạc. Từ đó ba người nhìn nhau bằng con mắt thù hằn, chia ra ăn riêng ở riêng, không đi lại với nhau nữa. Năm sau con em cán bộ đều được tuyển làm công nhân, vào thành phố, riêng Tiên Nhất Nhân vẫn ở lại nông thôn, cứ ba tháng lại trở về thành phố thăm cha già một lần. Cha anh làm đầu bếp ở nhà ăn, hai cha con lại có một phen chửi đổng chuyện đời, và lau đi một đôi dòng nước mắt.

Nhất Nhân thuộc loại người nhu mì, sống nội tâm, lại xinh xắn, điểm trai, nên được thôn dân rất quý mến, ngày lễ, ngày tết, bao giờ cũng được dân mời đi đánh chén. Nhất Nhân gặp ai cũng cười nói vui vẻ, nhưng khi có một mình thì lại âm thầm, trầm lặng, khổ tâm vì không nghĩ ra được diệu kế nào để được trở về thành phố.

Có một hôm Nhất Nhân đến nhà "ông Quán Nhu" khám bệnh, trong lúc chuyện trò nhân nhả anh nói"

- Ôi dào! Những kẻ có quyền có thể đều được tuyển đi công nhân, vào thành phố hết, chỉ còn lại mỗi một mình cháu chịu tội ở nông thôn!

"Ông Quân Nhu" nói:

- Anh mới đến đây, có ngân ấy ngày mà đã than vãn *chịu tội ở nông thôn*. Vậy người nông dân biết nói thế nào, chẳng lẽ lại do trời sinh ra, rồi chịu tội đời đời kiếp kiếp sao?

Thoảng nghe, Tiền Nhất Nhân đã giật mình, thấy mình lỗ lòi. Từ đó về sau, chẳng nói thêm nửa câu.

Vào đông, hồ vô danh đóng băng, là cả một thế giới trắng phau như pha lê, trẻ con trong thôn đều rủ nhau ra đây chơi đùa, nghịch ngợm, chúng chỉ lấy một chiếc ghế gỗ, lật ngửa lên, ngồi vào đó, rồi vừa chạy vừa đẩy. Lũ chó cũng theo ra sân băng, ngày thường là chó trắng, nhưng khi ra đến sân băng bỗng trở thành chó giò. Tiền Nhất Nhân đứng xem ở trên bờ hồ, cũng thấy ít nhiều tạm quên được nỗi buồn trong dạ.

Suốt ba ngày liền, gió trên núi Hổ thổi dữ dội, băng lại dày thêm một tầng nữa, kéo dài ra đến tận đảo đá giữa hồ. Có rất nhiều trẻ con và cả những cô gái không biết bơi, kéo nhau ra đảo xem phong cảnh. Về sau, băng tan dần, ở chỗ chân đảo chỉ còn lại một lớp băng rất mỏng, mỏng lắm, cho nên đã có người lấy một tấm ván, ghế lên đảo làm cầu. Chiều hôm đó, chỉ một mình Tiền Nhất Nhân lần ra đảo đá, nhìn thấy tấm ván, chợt nghĩ ngay ra một chuyện, anh quay lại bên bờ hồ băng ngồi hút thuốc lá. Giữa lúc đó, có một đám trẻ kéo nhau ra hồ, chúng réo gọi rủ nhau lên đảo đá. Cô con gái choai choai, lớn nhất đám, là người đầu tiên bước lên

tấm ván làm cầu, khi đi đến đoạn giữa, tấm ván bị lật sập, cô con gái chỉ kịp kêu lên một tiếng "ối" rồi ngã nhào, và lớp băng dưới tấm ván lập tức vỡ ra, cô gái chìm nglim xuống hồ, chẳng còn nhìn thấy bóng dáng nữa. Bọn trẻ kêu cứu ầm ĩ. Nó thật đúng với cái cảnh của La Thịnh Giáo ngày xưa, và Tiên Nhất Nhân cũng học tập theo La Thịnh Giáo, chạy như bay tới, rồi nhảy ùm xuống hồ cứu cô gái.

Nước dưới băng như kim đâm vào da thịt, Tiên Nhất Nhân vừa xuống nước là người đã tê dại hẳn đi. Anh nhịn thở, lặn xuống và chạm ngay vào người cô gái, và cô ta bèn túm chặt lấy không chịu buông tay ra nữa. Tiên Nhất Nhân bị ghìm chặt dưới hồ và hiểu rằng, nếu cứ như thế, không những không cứu được người, mà mình cũng bị chết đuối luôn, nên anh đã đập mạnh vào cô gái. Cô ta không còn động cựa được nữa, anh liền túm lấy tóc cô, lôi lên trên mặt nước. Khi đó trên mặt băng đã đứng đầy người từ trong thôn chạy ra, họ lấy hai tấm chân bông, quấn chặt vào hai người, rồi vác chạy như bay về thôn.

Sau khi xoa rượu lên khắp người và uống từng ngụm gừng sống, cơ thể đã mềm trở lại, Tiên Nhất Nhân mới biết rằng mình đã cứu sống được cô con gái một của "ông Quân Nhu", tên là A Viên.

Những năm tháng đó là thời kỳ của các anh hùng tới tấp ra đời, những người ở thôn bờ hồ chưa bao giờ được chính mắt nhìn thấy một người anh hùng bằng da bằng thịt, nên vô cùng cảm phục Tiên Nhất Nhân, thậm chí còn vô cùng xúc động nữa. Họ không chịu để mang nợ ai nên đã đem việc đó báo cáo lên Công xã.

Ban cán sự thanh niên trí thức Công xã báo cáo lên Đoàn ủy Huyện. Từ đó Tiên Nhất Nhân trở thành người tiên tiến, thành một điển hình. Ba tháng sau, anh được kê khai đầy đủ vào một tờ biểu, chuẩn bị thi tuyển làm công nhân, vào thành phố.

Tiên Nhất Nhân có cái số không được vào thành phố, vì khi ấy cha anh uống rượu say, trước mặt mọi người bôi móc, chửi bôi, gọi việc đưa thanh niên trí thức xuống nông thôn là chính sách đen, chửi những người làm Quan công sản là lũ Quốc Dân đáng. Những người nghe đều sùng sờ, ngơ ngác, tiếp sau đó là mặt tối sầm lại khi một người nói:

- Hấn đang nói những lời phản cách mạng!...

Lập tức họ vả vào miệng ông, rồi kéo ghế, người kéo lôi ông lên đồn.

Khi tỉnh rượu, ông Tiên thấy mình đã ngồi trong phòng giam. Ông không còn được nấu cơm phục vụ người khác nữa, và người khác đã nấu phục vụ cho ông, mỗi ngày hai bữa, ông thè cái lưỡi dài, liếm chiếc bát không, đến một mảnh trấu cũng không sót.

Tiên Nhất Nhân lại trở thành Tiên Nhất Nhân ngày trước, và xem ra còn không còn được bằng ngày trước nữa kia. Lá đơn dự tuyển công nhân, trở thành một trò cười, nó bị Ban cán sự thanh niên trí thức Công xã xé làm giấy cuốn thuốc lá vụn hút. Anh và cha đoạn tuyệt mọi quan hệ, không bao giờ anh đến trại giam thăm ông. Và tất cả các thanh niên hàng xóm của anh cứ từng tốp, từng tốp được tuyển vào thành phố, và vĩnh viễn không có tên anh trong danh sách đó.

Nhỏ một cái, anh đã hai mươi ba tuổi, trên mép đã mọc những hàng râu tơ.

A Viện mười tám tuổi, thất đảy lưng ong. Cô rất hay dầu mỡ, mỗi khi mỡ dầu lên thế, mắt cô cũng lại xé theo, cười tít mắt, rất yêu kiều, xinh đẹp. Cô thường hay đến nhà bà dì chơi, trên đường về lại ghé vào phòng Nhất Nhân chốc lát, cô không quên anh là ân nhân của mình, thường giúp anh cơm nước, giặt giũ. Cuối cùng bao giờ cô cũng hỏi:

- Sao anh không đọc sách?

- Đọc sách?

Nhất Nhân cười buồn:

- Đọc sách gì cơ chứ?

- Nhà ông anh họ em rất nhiều sách. Em thấy anh ấy đọc những cuốn sách dày cứ như hòn gạch ấy.

Nhất Nhân nhìn A Viện, cô dường như đã thay đổi nhiều rồi, vòng ngực rất cao.

- Cha em có sách, anh cũng không thích đọc sao?

A Viện ôm đến một chồng sách của "ông Quân Nhu", toàn là "*Những phương thuốc hay cho đàn ông*", "*Những phương thuốc hay cho đàn bà*", "*Những phương thuốc hay cho trẻ con*", trên mỗi cuốn sách đều có ghi một dòng chữ: "*Sách lưu truyền của ông tổ năm đời nhà họ Vũ*".

Nhất Nhân nói:

- Trời đất ơi, những sách này mà cha em lại cho phép anh đọc sao?

A Viện đáp:

- Anh là ân nhân cứu mệnh của em mà! Đến ngay cả ông anh họ em cũng báo phải đến tạ ơn anh.

Nhất Nhân xếp đồng sách lại, bảo A Viện mang về.

A Viện nổi cáu lên. Lâu lắm không đến thăm Nhất Nhân nữa. Nhưng "ông Quán Nhu" lại cảm phục tấm lòng trung hậu của Nhất Nhân, nên đã chủ động tìm đến:

- Anh là con người có lòng dạ thẳng ngay, nên tôi thực bụng muốn truyền nghề thuốc cho anh, không biết anh có chịu theo học tôi không?

Nhất Nhân đã định nói:

- Hồi đi học, cháu là một học sinh giỏi toán, lý, hoá và cháu muốn trở thành một kỹ sư...

Nhưng anh biết rằng, dây quả là nằm mơ giữa ban ngày. Anh nhìn "ông Quán Nhu", rồi đột nhiên ứa nước mắt quì xuống:

Nhất Nhân đã tỉnh tâm lại, lao vào học. Vốn thông minh, anh đã chữa được bệnh liệt dương, bệnh xuất tinh sớm, bệnh chốc lở, bệnh hậu sản mất sữa, bệnh sốt buổi chiều ra mồ hôi trộm (chớm lao), bệnh khí hư, bệnh cảm gió, bệnh đau răng nhiệt, bệnh dái dất, bệnh lỵ ra mũi ra máu, bệnh lòi dom. Thậm chí còn nhớ cả đơn thuốc muốn đẻ con trai: *Bạch đàn: 20 gam, bạch khấu chân: 6 gam, thiên nam tinh: 10 gam, bạch phục linh: 9 gam, tử hà sa: 60 gam*. Nhưng còn cách phục thuốc như thế nào, thì "ông Quán Nhu" chưa truyền thụ cho. Tiền Nhất Nhân không vội vã, và không sẵn đón hỏi han, cũng không tự đặt mình nằm ra ngoài vòng thuốc men, anh từ tốn chờ đợi, ngoan ngoãn, cung cúc, như một con vật nuôi trong nhà.

A Viện có đến nửa năm ở tịt bên nhà bà di, đột nhiên về, khí sắc hăm hăm, đập bát đập đĩa trong nhà. Nhất Nhân nghĩ rằng A Viện không bằng lòng việc anh đi lại nhà cô quá nhiều nên mấy ngày liền, anh không bén mảng tới đó nữa. Hôm anh đến, "ông Quân Nhu" giữ anh lại ăn cơm, anh thấy khó xử, không biết nên ở hay nên về.

"Ông Quân Nhu" nói:

- Nhất Nhân, cứ ở lại ăn cơm đi, tôi đã bảo A Viện xào nấu vài món, ta uống rượu, tôi có chuyện muốn nói với anh.

Khi rượu đã ngà ngà, "ông Quân nhu" nói:

- Nhất Nhân! Gần đây có tin tức gì của ông cụ nhà không?

Nhất Nhân đáp:

- Cháu không có cha.

"Ông Quân Nhu" đáp:

- Cắt đứt quan hệ cũng phải thôi, nhưng anh còn trẻ phải nghĩ tới tiền đồ chứ. Sao anh không lên huyện đề nghị với người ta cho anh được dự tuyển vào công nhân?

Nhất Nhân đáp:

- Cháu chẳng có hy vọng gì!

"Ông Quân Nhu" lại nói:

- Không đi công nhân thì cũng chẳng sao. Anh là một người học trò khá của tôi, cũng đã có nghề, cho nên chẳng thể chết đói trong cõi đời này đâu.

Nhất Nhân ủ rũ cúi đầu, lau nước mắt nói:

- Bác thương cháu giúp đỡ cháu, cháu thật tình coi bác là ân nhân cứu mạng của cháu vậy!

"Ông Quân Nhu" nói:

- Chính anh mới là ân nhân cứu mạng của A Viện nhà tôi. Nếu như anh không xem thường tôi, tôi muốn gả con gái tôi cho anh đấy.

Nói xong, ông dăm dăm nhìn anh.

Lòng dạ Nhất Nhân vô cùng bình tĩnh. A Viện tuy không phải là con gái thành phố, nhưng cô có được cái khí chất diệu khiến nổi thần linh, dất mũi được ma quý. Việc về thành phố của Nhất Nhân đã trở thành vô vọng, lại thân cô thế cô ở cái thôn bờ hồ này, nay lại có được một cái tổ dựa dẫm mà sinh con đẻ cái, giữ lấy cái gốc của tổ tông, còn gì bằng nữa.

Tôi tôi, lui lui, cuối cùng Nhất Nhân bị "cuối" về.

"Ông Quân Nhu" đem toàn bộ sổ sách thuốc của mình giao cho Nhất Nhân, đem toàn bộ những phương thuốc dân gian, giao cho Nhất Nhân. Ông hành nghề nhưng chẳng theo học một lớp y khoa nào mà chỉ toàn dựa vào những cuốn sách đó, như vậy chẳng khác gì đem giao nộp toàn bộ niêu cơm của mình. Nhất Nhân theo đó mà hành nghề y, anh biết được cái cách phục dụng bài thuốc muốn sinh con trai, tức là đem thang thuốc đó sắc lên, rồi vợ chồng, mỗi người uống một nửa, và uống vào buổi sáng buổi tối mỗi ngày 6 gam. Cấm vợ chồng đi lại trong một tháng, và đợi đến khi sạch kinh của tháng sau ba ngày, vợ chồng mới giao hợp với nhau, như thế không những có mang mà còn sinh con trai nữa. Nếu vẫn thang thuốc ấy mà thêm vào 30 gam cỏ ích mẫu, thì sẽ sinh con gái.

Hai vợ chồng đã sinh được đứa con đầu lòng, là con trai, đặt tên là Mao Đán.

Hồi mới cưới nhau, họ hình như còn có một sự ngăn cách nào đó, nhưng sau hai năm, thì tình nghĩa lại vô cùng sâu nặng, và được coi như một cặp vợ chồng kiểu mẫu trong làng. Họ rất thích, khi hoàng hôn xuống, đi sóng đôi nhau vòng quanh hồ, rồi vào rừng anh đào, trên con đường đất nằm giữa ruộng ngô tốt ngập đầu. Ban đầu người trong thôn cũng thấy vương mắt, khó coi, nhưng về sau cho rằng Tiên Nhất Nhân vốn là người thành phố, còn A Viện cũng hay đi đi lại lại với người di, mà nhà người di lại toàn là cán bộ công nhân Nhà nước, nên người ta quen như thế rồi, cho nên cũng không ai xì xào bàn tán gì nữa. Ban đêm bọn Hai Trịnh thường tụ tập rượu chè, cờ bạc, rủ rê, lôi kéo Tiên Nhất Nhân. Chơi đến nửa đêm, Nhất Nhân đòi về :

- Thôi thôi, A Viện chờ tôi ở nhà! Tôi mà không về là cô ấy không chịu đi ngủ đâu.

Hai Trịnh chế giễu anh là con ngoan của vợ.

Một buổi chiều hè, hai người đi dạo trên con đường nhỏ nằm bên ngoài thôn, hai bên đường cũng vẫn là những ruộng ngô cao bằng người, rướm rả xanh tốt. Không thấy ai, hai người hôn nhau.

A Viện nói:

- Sao lưỡi anh ngắn thế?

Nhất Nhân hỏi:

- Thế lưỡi ai dài hơn lưỡi anh?

A Viện hơi sững lại một lát, rồi nói:

- Không dài bằng lưỡi em.

Giữa lúc ấy, từ một bãi trống đầu đường đằng kia,

có một người đang ngồi xỏm đi ngoài. A Viện thấy thế bèn hỏi:

- Em đố anh biết cái người đang ngồi chồm hồm ở kia là cán bộ công tác hay là nông dân?

Nhất Nhân đáp:

- Ai mà biết được?

A Viện nói:

- Cứ xem họ dùng cái gì để chùi thì biết ngay, nếu dùng giấy là cán bộ công tác, nếu dùng đất cục là nông dân.

Nửa năm trở lại đây, ở thôn bờ hồ, thường có người lạ mặt trông có vẻ cán bộ đi lại.

Hai người lặng lẽ đi qua, người ngồi đại tiện trông thấy, lập tức đứng lên, kéo quần bỏ chạy, người đó là Cả Trịnh.

4. CHỢ MA

Sau khi Hai Trịnh bỏ làng ra đi, tại một thị trấn cách hai chục dặm có loan truyền một tin đồn:

Ở một vùng đất phía sau hồ vô danh, tức là cái vùng đất từ bãi tha ma của thôn bờ hồ đi vào nơi đất trũng của núi Hồ bỗng một thời gian có rất nhiều người tới đó họp chợ. Trời mới nhập nhoạng tối là chợ đã bắt đầu họp, người ta đồn rằng ở đó đã từng có một gia đình cư trú, truyền có đến bốn đời, vậy mà số đình trong nhà cũng chẳng đông đúc gì, sang đời thứ năm, toàn chết trước tuổi lấy vợ. Từ đó chẳng có ai đến ở đấy nữa. Nhà xiêu, tường đổ, và tự nhiên mọc lên một cây bách có dáng hình kỳ lạ. Vậy mà bây giờ đột nhiên lại có rất

nhiều người đến. ồn ào ầm ĩ như một "xã hội" gì đó. Người đầu tiên của thôn bờ hồ phát hiện chuyện đó, chính là Cả Trinh, rồi một truyền mười, mười truyền trăm, mọi người đều tìm đến xem, quả đúng là thế. Những người ấy đều có hàng hoá, rồi mua mua, bán bán. Cứ nhìn dáng vẻ cung cách ăn mặc thì rõ ràng đó là những người thuộc vùng này, nhưng lại toàn là người lạ, hỏi họ tên, bán quán, chẳng ai trả lời, chỉ có biết bán hàng. Những thứ đồ đem bán như gương soi, chum, vại, chậu, vò sứ... tất cả đều có những kiểu cách rất lạ. Đồng thời cũng bán cả những đồ trang sức cho phụ nữ như trâm cài đầu, vòng tai, vòng tay, những thứ dùng cho đàn ông có tẩu hút thuốc, ấm chén, bát đĩa, lò than, nậm rượu. Giá cả rất rẻ. Tuy giá rẻ, nhưng những người ở bờ hồ lại chẳng sung túc gì, thóc gạo cũng chẳng đủ ăn, nên đồng tiền lại càng eo hẹp.

Người bán hàng bảo:

- Không có tiền thì có cái gì đem đổi cũng được. Bánh trái, hoa quả, gà luộc, vịt luộc và cá thịt thủ lợn... được hết.

Người trong thôn nghĩ rằng: Dưới hồ vô danh rất nhiều cá, mà người bờ hồ lại không ăn cá hồ, mới hỏi đổi cá có được không? Những người bán hàng đáp:

- Đồ ăn thức uống, gì cũng đổi được, nhưng riêng cá thì không. Cá tanh, lại có xương, chúng tôi đâu phải là mèo!

Tối hôm sau, cả thôn kéo nhau đi mua hàng, người mua bằng tiền rất ít, mà chỉ toàn đem gà vịt bánh trái đi đổi. Trao đổi sòng phẳng, ai ai cũng vui vẻ. Chuyện đó lan truyền tới mấy thôn bên cạnh, phiên chợ đêm lại càng đông, càng vui hơn.

Những thứ mua được ở chợ về đều cất vào hòm, trong tủ. Một ngày không làm sao, hai ngày không làm sao, nhưng đến ngày thứ mười, xem lại, tất cả các thứ hàng hoá ấy đều thành đồ cũ hết. Gương chẳng phải làm bằng thuỷ tinh mà là bằng đồng, lại đầy gỉ xanh. Chậu, bình... chẳng phải là làm bằng sứ mà bằng gốm. Cả thôn đều kinh ngạc, cứ tưởng những người bán biết làm trò ảo thuật đã đánh lừa được mình. Họ nói với anh em nhà họ Trịnh, để chúng đứng ra, cầm đầu, dạy cho bọn bán hàng một bài học.

Nhưng Hai Trịnh lại nói:

- Đây không phải là đồ mới, mà toàn là đồ cổ cả đấy!

Họ mang ra ngoài nhờ người xem xét, giám định hộ, quả đúng là đồ cổ hết, vô cùng quý giá, và được người ta mua ngay. Tiền lãi gấp mấy trăm lần.

Lúc ấy dân thôn ven hồ mới biết là họ đã đi chợ ma.

Có lợi là làm, ma quỷ cũng chẳng sợ, hơn nữa những người bán hàng ở chợ đều ăn nói nhỏ nhẹ, thái độ thân mật. Người trong thôn đổ xô đến chợ, mua tranh bán cướp, các loại mặt hàng chum vại bình vò, đồ dùng hàng ngày, cho đến đồ trang sức ngày một hiếm dần, nên bọn ma quỷ nâng giá. Cao gấp đôi lúc ban đầu, rồi dần dần lên tới gấp năm, người trong thôn thấy giá cả lên cao, bèn vận dụng sự thông minh của con người, họ nhét đá vào ruột bánh, chiếc bánh to dùng, pha thêm bột ngô vào với bột mỳ, rồi lại trộn thêm cả bột cây du, bột hạt cây cao su vào nữa, bọn ma quỷ cũng chẳng thấy làm sao, vẫn cứ hàng đổi lấy hàng, đã thế lại còn bán thêm khá nhiều đồ dùng sức vật khác như trâu

ngựa, lợn gà vẫn với giá rất rẻ. Người trong thôn mua về, chỉ về đến nhà là tất cả những thứ đó đều đổi khác, xẻng cuốc cày bừa toàn là những thứ tốt bằng cỏ, trâu dê lừa ngựa đều là thứ gấp bằng giấy. Lúc ấy, con người mới biết con quỷ nó lừa.

Anh em họ Trịnh cầm đầu một số người ra chợ đánh nhau, bọn ma quỷ không có phòng bị trước, kết quả là đại bại, người trong thôn tịch thu được hết mọi đồ vật. Chắc chắn là cái chợ ma ấy sẽ tan. Nào ngờ, đêm hôm sau, đông vẫn hoàn đông. Con người lại giữ thói cũ, anh em nhà họ Trịnh lại cầm đầu đi cướp phá. Một con ma, chắc là tên đầu sỏ cần lại nói:

- Có phải là các anh thật sự không sợ ma quỷ không?

Hai Trịnh đáp:

- Này, đến bọn người sống chúng ông còn không biết sợ, huống hồ là lũ quỷ chết chúng bay!

Thế là hai bên loạn đả. Bọn ma quỷ quyết không chịu lùi, cứ quần riết vào với nhau, đồng tâm hiệp lực, không dùng vũ khí, mà chỉ toàn bằng tay chân... Cuối cùng dân thôn thất bại.

Quay về đến nhà, tất cả những chỗ bị ma quỷ đá dẫm bắt đầu sưng tấy và mưng mủ, loét ra giống như sâu quăng. May mà "ông Quân Nhu" lại có bài thuốc chữa sâu quăng rất hiệu nghiệm, nên mới cứu được nỗi đau cho mọi người. Còn những chỗ bị ma quỷ cấu véo, thì thịt cứ thâm lại, đau nhức vô cùng, "ông Quân Nhu" cũng đành bó tay, từ đấy bị điên điên, dại dại, trở thành phế nhân.

Kể từ đêm hôm đó, chợ ma không họp nữa, Hai

Trịnh vốn là anh hùng nhất khoảnh, mà lại bị thất bại nhục nhã, lấy làm xấu hổ, nên đã bỏ nhà mà đi.

Từ đấy chuyện này loang ra.

Ở thị trấn cách đây hai chục dặm, chuyện này càng trở nên huyền bí, khiến cho rất nhiều người mò mẫm đến tận hồ vô danh này tìm kiếm chỗ hợp chợ. Nhưng tất cả chỉ là đám đất phẳng trong vùng khe núi, với một cây bách kỳ hình quái dạng. Họ dò hỏi người trong thôn, ai cũng bảo không biết, với nét mặt đầy giận dữ. Nhưng cũng có một số ít ỏi đã phát hiện ra Cả Trịnh ở trong rừng anh đào, đúng là một thằng rồ. cứ nhìn thấy đàn bà con gái là toét miệng ra cười cười.

Có người hỏi Cả Trịnh:

- Này, lớn thế rồi, làm sao vẫn chưa cưới vợ?

Cả Trịnh đáp:

- Cưới.

Người kia lại hỏi:

- Có phải người béo ị, chân ngắn, mặt đen, tai to không?

Cả Trịnh không hiểu người ta bảo mình cưới lợn, nghiêm túc cải chính lại:

- Không! Mặt trắng, vú to...

- Ở chợ ma à?

- Không! Ở trên thị trấn cơ!

Người mà Cả Trịnh nhắc tới là Sửu Sửu. Cô Sửu Sửu bán hàng bách hoá trong một cửa hàng trên thị trấn. Cô là cháu của Triệu Âm Dương, nhà họ Triệu đã hết đàn ông nối dõi tông đường, cô cháu gái này lấy

chồng trên thị trấn, ông bố chồng là cán bộ, đương nhiên Sửu Sửu cũng phải theo sau làm công nhân viên chức, cho nên nhà của cha mẹ ở quê khoá cửa để đấy, đã hai năm nay không về.

5. VUA CÁ

Đến cuối tháng Ba năm X, bà Trọc vừa lên giường đi ngủ, chợt có người gõ cửa. Tiếng gõ gấp gáp. Bà vội khoác áo, xuống giường, hỏi:

- Ai đấy?

Tiếng bên ngoài cửa đáp lại:

- Con! Mẹ ơi! Thằng Hai đấy!

Bà mẹ kêu lên một tiếng, rồi mêm nhũn người đi trên bậc cửa.

Trong vòng một hai năm nay, Hai Trịnh đi đâu, làm gì? Nó cứ câm như hến, nên mẹ cũng chẳng hỏi han thêm gì nữa. May mà khi Hai Trịnh bỏ nhà ra đi, người trong thôn cũng chẳng ai biết do nguyên cớ gì, việc cũng lại đã lâu rồi, nên cũng không nhắc lại chuyện cũ nữa. Hai Trịnh vẫn cứ là Hai Trịnh.

Vì chẳng phải là loại xênh xang áo gấm hồi hương, nên mọi người cũng chẳng phải vỗ vập, nịnh nọt gì, nhưng trong lúc riêng tư, ai nấy vẫn vênh tai lên nghe tiếng nhị hồ.

Hai Trịnh ăn cơm ở nhà, nói thật to:

- Xào, xào... cái món thịt ấy lên...

- Uống, uống... cho thật say vào...

Kỳ thực khi ấy, Hai Trịnh với mẹ đang chỉ có ăn củ cải và uống nước cháo loãng.

Mọi người bảo nhau:

- Thằng ôn này, chắc là đi ra ngoài cũng kiếm chác được?

Trên cổ tay Hai Trịnh có đeo một chiếc đồng hồ, trên miệng túi phía bên trái của chiếc áo Hồng vệ binh có cài tới ba chiếc bút máy, mỗi khi la cà tới nhà hàng xóm láng giềng.

Hàng xóm hỏi:

- Anh Hai, chắc phát tài hả? Anh về hồi nào vậy?

Hai Trịnh đáp:

- Tối qua.

- Ngồi bát⁽¹⁾.

Những người trong thôn chửi thảm trong bụng:

- Cái lũ văn minh này, làm sao ngồi bát ngồi đĩa mà về được?

Họ nhìn ba chiếc bút máy, nhưng vì không có văn hoá nên không dám hỏi về nó, nên hỏi:

- Anh Hai, mấy giờ rồi?

Hai Trịnh nhìn đồng hồ, nhưng đây là loại đồng hồ bánh xe làm bằng nhựa, không chạy được. Hai Trịnh đã từng bị dân thành phố đánh lừa, nay về nhà, lừa lại dân thôn.

⁽¹⁾ "Tối qua" và "Ngồi bát" là những đồng âm dị nghĩa. Vì anh này học mót giọng tỉnh thành, nên dân làng nghe nhầm nghĩa nó thành nghĩa kia. Lối chơi chữ này của tác giả không dịch nổi.

Hai Trịnh đáp:

- Sáu giờ!

Mọi người nhìn mặt trời còn đỏ, chẳng biết giờ giấc ra làm sao nữa. Họ ngoác miệng ra ngáp, hình như đang buồn ngủ thật:

- Ôi! Sáu giờ rồi, mà trời vẫn chưa tối nhỉ!

Nhưng Hai Trịnh không cho họ đi ngủ, anh ta khuyến khích hãy làm giúp mình một việc, có lãi cùng hưởng.

Việc ấy đã làm cho dân thôn cười đến vỡ bụng:

- Anh định bắt cá dưới hồ vô danh?

- Tôi tính có khi phải đến ba nghìn cân cá đấy!

- Bắt vào ngày mồng năm tháng Tư?

- Ngày ấy, người các nơi khác đến đông, nhất định là kiếm được.

- Chú mày điên chắc?

Thôn dân nhìn Hai Trịnh, không những thấy anh ta đã phát điên, mà còn thấy bộ mặt anh ta thật đáng ghét. Ý kiến chung, được mọi người đồng ý là: không ăn cá là phong tục truyền thống của tổ tiên. Không bắt cá trong hồ là quy định của toàn thôn. Thế mà nay lại định bắt cá, đã thế, lại đòi bắt cá vào đúng ngày mồng năm tháng Tư, đem cho người ta giết mổ sao? Bàn bạc tới tận cùng, với lòng dạ đau xót, họ quyết liên hiệp lại, cảnh cáo Hai Trịnh:

"Nếu bắt cá vào ngày mồng năm tháng Tư, tất cả dân thôn sẽ cùng ra đảo đá, nguyên rủa Hai Trịnh trước mặt Long Vương!".

Hai Trịnh về đến nhà, tức giận rút phất ba chiếc

bút máy vút toẹt lên giường, một chiếc dây đủ các bộ phận, còn hai chỉ là nắp. Rồi cởi sạch quần áo. bà mẹ hết cả hồn vía, nhảy dựng lên, vì nhìn thấy hai con rần quần quanh thân hình Hai Trinh. Đó chỉ là những vết xăm. nhưng bà mẹ hoa mắt tưởng rần thật.

Sớm ngày mồng năm tháng Tư, trong khi ngoài trời vẫn còn tối đen, chợt có một tiếng nổ, rồi tiếp theo là tiếng nổ thứ 7 thứ 8... thứ 12!

"Ông Quân Nhu" nghe tiếng nổ, mắt nhắm mắt mở nói:

- Không biết nhà nào dậy đốt pháo cúng Long Vương sớm thế?

Nói xong ông lại lơ mơ chìm ngay vào giấc ngủ. Cả thôn chưa ai tỉnh giấc.

Trời sáng hẳn, mọi người mới trở dậy, quét dọn nhà cửa sân vườn, đốt giấy tiền, đốt pháo, rồi lũ lượt kéo nhau ra bờ hồ. Trên hồ vô danh đã có đám người chèo những chiếc thuyền được chuẩn bị sẵn từ mấy hôm trước. Trên thuyền đầy ắp những sọt cá, những con cá dài một thước, ba thước⁽¹⁾, con vây lưng đỏ, con vây lưng đen. Mười người trên thuyền thì có đến chín người là lạ. Người quen thuộc duy nhất chính là Hai Trinh, vẻ mặt ngông nghênh. Người trong thôn chỉ còn biết há miệng trợn mắt chòng chọc nhìn hần.

Đầu tiên là Hai Trinh đi thuê mấy người ở thôn khác gói bọc phá ném xuống hồ. Lũ cá tưởng thức ăn, tập trung cả lại, bọc phá nổ, cá bị choáng, phoir bụng

⁽¹⁾ ba thước Trung Quốc bằng một mét

trắng hồ. Hai Trịnh chỉ còn việc đến vớt lên y như đi hái nấm sau mưa.

Dân thôn chỉ còn biết đứng ngáy mà nhìn từng gánh cá lần lượt được gánh đi.

Ngày mồng năm tháng Tư là ngày cúng tế Long Vương, và đã trở thành ngày hội thể của toàn thôn. Họ đã dùng những lời lẽ cay độc nhất, thô lỗ nhất để nguyên rủa Hai Trịnh. Họ cầu khẩn Long Vương làm cho mục Trọc càng trọc hơn, làm cho Cả Trịnh càng điên rồ hơn. Làm cho những người ăn cá vào miệng thành miệng thối, đi ỉa thì thối dít.

Nhưng thế giới vẫn bình yên vô sự.

Khi Hai Trịnh xách một túi tiền về nhà, hấn cũng đã học được cách ăn cá. Đưa cá vào phía bên trái miệng, nhè xương ra phía bên phải miệng. Hấn lại muốn bắt cá thêm nữa, đi rủ rê mấy nhà hàng xóm, nhưng chả nhà nào chịu nhập bọn với hấn. "Ông Quán Nhu" tuy không nhập bọn nhưng lại ủng hộ hấn. Khuyên hấn không nên dùng thuốc nổ, mà nên làm thuyền, đánh lưới, những con bé, thả ra cho lớn tiếp, những con lớn mang đi. Hai Trịnh tiếp nhận ý kiến đó, lại còn tổ chức một mạng lưới bán cá tươi. Hấn thả cá vào những thùng có nước, chỉ trong vòng một đêm, cá được vận chuyển tới thị trấn, sang tay cho người bán buôn, ngay hôm sau, đóng vào túi ni lông, đưa tiếp lên Châu Thành. Đến đây, cá được phân đến các cửa hàng ngay trong đêm, thế là sang đến ngày thứ ba, ngay từ sáng sớm, cá đã đến tay người tiêu dùng.

Người Châu Thành thích ăn đậu phụ, họ bảo đậu phụ là căn cốt của mình, nhưng bây giờ có cá họ cũng

chẳng cần đến cái cần cốt ấy nữa. Cá ở Châu Thành rất hiếm, cá tươi lại càng hiếm hơn. Loại hợp đồng phân phối cá ấy đã làm lưu thông suốt từ nông thôn tới thành thị, và khiến cho chợ búa tấp nập hẳn lên. Ủy ban thành phố Châu Thành liên quan tâm tới chuyện đó. Họ biểu dương khen ngợi dân hàng cá. Và gọi Hai Trịnh là "Vua cá" (Ngư Vương).

Người ở thôn bờ hồ đem việc này kiện lên xã nhưng chẳng ăn thua gì. Ban đầu họ còn coi khinh Hai Trịnh, nhưng sau lại cùng xô ra hồ bắt cá. Họ tuyên bố: Hồ là hồ chung, anh bắt, tôi bắt, tất cả đều bắt.

Mặt hồ bị chia ra, như chia ruộng đất vậy, mỗi nhà một khoảnh. Nhưng nước hồ lại sâu, không thể ngăn bằng lưới thép, đề sắt được, trong khi cá hoàn toàn được tự do, chúng bơi từ "lãnh hải" nhà anh sang "lãnh hải" nhà tôi. Cho nên, cá ở hồ vô danh, ai ai cũng có thể đánh bắt được.

Hai Trịnh Tuyên bố:

- Tôi bao thầu cả cái hồ này, ai muốn thì vào cổ phần, hàng tháng tôi sẽ chia tiền lãi cho từng cổ phần một.

Thôn dân tuy trong lòng vui mừng đến cực độ, nhưng bên ngoài lại làm ra vẻ bất cần, nói:

- Thế cũng được!

Đến đây, Hai Trịnh sướng đến phát điên lên, hẩn viết báo cáo gửi lên ủy ban xã trình bày kế hoạch của mình: Cần phải mở rộng mặt hồ. Xây dựng hàng rào. Đóng cọc xi măng, chằng dây thép gai để ngăn cách một số hồ nhỏ với hồ lớn. Thả thêm cá giống. Mua thức ăn chăn nuôi. Xây dựng mạng lưới bán cá. Tất cả của tất cả, cốt sao vay lấy 10 vạn đồng.

Nhà nước trả lời, ủng hộ, cho vay 7 vạn.

Hồ vô danh dùng dùng đổi mới, không còn một tý tạo gì bóng dáng ngày xưa nữa. Hai Trịnh cũng chẳng còn là Hai Trịnh hồi trước. Anh ta xây ngôi nhà mới ba gian, trong nhà có quạt điện, bình nước nóng tự động, đệm mút, tivi. Đúng như đời sống của người thành phố Châu Thành. Rồi bất chợt trong nhà lại vang lên tiếng nhị hồ, bọn trẻ kéo đến xem, mới biết rằng không phải Hai Trịnh kéo mà tiếng nhị, tiếng đàn được phát ra từ một chiếc máy ghi âm. Tiếng mở đến hết cỡ.

Cả thôn đều phát ghen lên với Hai Trịnh. Đồng thời cũng phát ghét lên với thằng này. Họ tính toán ngay trước mặt bà Trọc: 7 vạn đồng, một đồng vay một năm phải trả lãi 8 xu, 7 vạn đồng tức là 5 ngàn 6; 7 vạn cộng thêm 5 ngàn vị chỉ là 7 vạn 5 ngàn. Thử hỏi cá bán được bao nhiêu tiền? Nếu muốn trả hết nợ, Hai Trịnh phải trả trong ba chục năm, thế là trả nợ đến già chứ sao nữa. Nợ này rồi phải truyền cho con; con lại truyền cho cháu. Chuyện Ngu Công dời núi, cũng là họ đào núi hết đời nợ sang đời kia...

Bà Trọc sợ quá, đến ngay chàng Cả điên rồi cũng sợ, ở nhà, nói với Hai Trịnh: "Sợ sợ".

Một hôm, Hai Trịnh từ ngoài về, làm một mâm cỗ. Kính mẹ một chén, kính anh một chén. Cuối cùng mới nói:

- Thưa mẹ, thưa anh, việc tôi làm một mình tôi chịu, hoàn toàn không liên quan gì tới mẹ tới anh cả đâu. Tôi đã lên Ủy ban xã làm giấy chứng nhận rồi đây. Hai Trịnh không biết mẹ, biết anh: Anh tôi, mẹ tôi cũng không coi cái thằng tôi là con, là em. Hai Trịnh là người độc thân, một mình chịu trách nhiệm với Nhà nước!

Bà mẹ già và ông anh ngốc nghếch chẳng còn biết nói gì.

Hai Trịnh lại nói:

- Rồi đây, bằng bất cứ giá nào, hoặc là tôi sẽ lên Bắc Kinh oai vệ bước vào Đại Lễ Đường, hoặc là bị tống vào nhà lao ăn đạn!

Đến năm sau, cá nuôi trong hồ cực béo. Trong khi đào móng chôn hàng rào, lúc đào tới lớp đá chân, Hai Trịnh cây được một khối thạch bản. Trong khối thạch bản có mười ba con cá. Những con cá đều ở tư thế bơi rất tự do thoải mái, có con lao đầu lặn xuống, có con nghiêng mình nhao lên, có con há miệng bơi tới, có con quẫy đuôi bơi đi. Tất cả đều rất sinh động, rất có thần. Cá này thuộc loại cổ xưa, giữa lúc chúng đang sống bình thường, vỏ trái đất bỗng thay đổi, nên cứ nguyên như thế mà đông cứng lại và hóa thạch từ hàng ngàn hàng vạn năm. Hai Trịnh vui mừng khôn xiết báo rằng đây là điềm lành, dứt khoát sẽ trở thành "Vua cá".

Khối hoa thạch ấy được đặt ngay ở cửa ngôi nhà mới của Hai Trịnh.

Nhưng, ai có biết đâu, đấy lại là điềm dữ? Trước khi bắt cá ở hồ ba ngày, Hai Trịnh ra thăm thật sớm. Đầu tiên chỉ nhìn thấy mặt hồ trắng xoá, cứ tưởng rằng đấy là ánh trắng rọi xuống... hắt lên, khi ngẩng đầu nhìn trăng, trên trời lại tối sầm tối sì, đến một ngôi sao cũng không có. Hai Trịnh thấy ngờ ngợ, lên thuyền bơi ra hồ, mới thấy, cái màu trắng xoá ấy toàn là bụng cá chết phôi lên.

Toàn bộ cá trong hồ bị đầu độc, chết hết.

Sự việc thật rõ ràng, đúng là có người hạ độc thủ rồi. Hai Trịnh có vợ, nhưng đã bỏ nhau. Tuy cũng tăng tịu với mấy cô khác, nhưng chẳng làm thủ tục đăng ký với cô nào. Nếu như có con, việc này cũng ngang với việc đem con quảng xuống giếng vậy. Hai Trịnh mời công an đến điều tra. Nhưng điều tra đi, điều tra lại vẫn chẳng điều tra ra được tý cái gì. Mớ tóc lưa thưa của bà Trọc chỉ một đêm trắng phỏ cả ra.

Riêng Hai Trịnh vẫn là Hai Trịnh, thu thập hết tiền trong nhà, rồi cao chạy xa bay.

Hai Trịnh cò bạc ở một nơi thuộc vùng núi Nam Sơn. Lần đầu tiên thắng 3 ngàn. Lần thứ hai lại thắng 5 ngàn. Lần thứ ba cho rằng mình đang vào "cầu son", có Tử tinh chiếu mệnh (Tử có nghĩa là tía, như tía tô, tử tô), 8 ngàn bạc dốc sạch ra chiếu, thua trắng. Chiếu bạc là nơi phải bày tỏ khí phách, Hai Trịnh đồ ngẫu mất, không chịu, thế là rút phất dao ra. Hấn đã cả sức lại cả gan, một nhát đâm thẳng vào đùi kẻ địch, còn cánh tay cũng bị xoi gợn một hòn gạch. Máu đen ồng ộc tuôn ra. Hấn vùng dậy, nhằm vào kẻ địch chém tới, lực mạnh, tuốt tay, dao sắc, làm đứt phăng cả năm ngón tay hấn, còn người kia ngã vật xuống đất, không kịp kêu được tiếng nào. Sinh mạng con người ta thật kỳ lạ, bảo rằng mạnh mẽ thì thật mạnh mẽ, bảo rằng yếu đuối thì thật là yếu đuối. Hai Trịnh không ngờ được rằng hấn đã giết chết một con người.

Hai Trịnh quơ lấy đồng tiền trên chiếu rồi bỏ chạy. Năm ngón tay vẫn còn giải giải trên mặt đất.

Năm ngày sau, trên tầng gác của một tửu điểm nhỏ ở thành phố Châu Thành, nhiều người ra kẻ vào. Chợt

có một chiếc mô tô thuyền lao tới. hai người công an mang súng từ trên xe nhảy xuống, lao lên gác. Những người đi ngoài đường chẳng biết có chuyện gì, nên xúm đông lại xem. Một lát sau, một người bị bắt, bị trói quặt tay ra sau, được lôi xuống, ném thẳng vào thùng xe. Mọi người chen đến xem mặt tội phạm, nhưng nhân viên công an đã ấn đầu hắn vào chỗ để chân tối tăm của thùng xe, nên chỉ còn trông thấy cặp mông của hắn, và đôi tay bị trói quặt ra sau, trong đó có một bàn tay quần băng kín.

6. CHUYỆN "ÔNG QUÂN NHU"

Sau khi Tiên Nhất Nhân đi ở rể và có con trai, theo quy củ của thôn bờ hồ, đứa trẻ sẽ mang họ Vũ. Khi ấy ông bố trong tù đã chết được hai năm, anh âm thầm đau khổ bởi từ đây nhà họ Tiên coi như tuyệt tự, nên thường khóc thầm, khóc lặng một mình. Tâm sự của anh, A Viện báo cho bố biết, "ông Quân Nhu" đã rộng lượng cho đứa trẻ mang họ Tiên, khiến Tiên Nhất Nhân ơn sống ơn chết, trăm đường ngoan ngoãn, cố gắng hết mình. Cuối cùng đứa con thứ hai ra đời, không ngờ lại là con gái. Chính sách của Nhà nước chỉ được phép đẻ có một con. Đẻ đứa thứ hai sẽ bị phạt tiền, nộp phạt xong phải thắt ống dẫn tinh. Tiên Nhất Nhân đã có giấy phép hàng nghề y, lại mới học được phương pháp thắt ống dẫn trứng, anh "thiến" rất nhiều, rất nhiều phụ nữ, nên tiện thể, anh "thiến" luôn cả A Viện.

Đứa con trai được A Viện trông nom cho đến lớn. Khi đứa con gái sinh ra, "ông Quân Nhu" đã nghĩ, thôi không

bốc thuốc nữa, nên suốt ngày cõng đứa cháu la cà khắp thôn xóm. Đứa bé như ngọn cỏ gặp gió. Nửa tuổi biết bò, một tuổi biết đi, ba tuổi, leo trèo, chẳng khác gì lũ khỉ. "Ông Quân Nhu" chẳng còn việc gì để làm nữa.

Tục ngữ đã nói: Khi về già có ba điều: Thích tiền, sợ chết, và mất ngủ. Điều gay go nhất đối với "ông Quân Nhu" là mất ngủ. Đêm đêm nằm ở trong buồng, ông nghe sỏi gào, chó sủa và nghe cả tiếng con dế rí rả bên ngoài nhà. Nửa đêm, Nhất Nhân đi chữa bệnh trở về. A Viện không mặc quần áo ra mở cửa, ông nghe Nhất Nhân nói:

- Hai cái bánh bao nóng hổi...

Trong lòng ông bỗng thấy giận, nghĩ: Hừ, đi chữa bệnh mang thức ăn về, không thèm biếu người già lấy một cái, mà lại đem nịnh vợ.

Mấy ngày liền, mặt mũi ông lúc nào cũng sa sầm.

Lúc đi chơi, gặp bà Trọc, nói chuyện nhà cửa, ông than vãn về con người, và rồi ngẫu nhiên buột miệng nói ra chuyện ấy. Bà Trọc đi tìm Nhất Nhân và A Viện, có ý trách cả hai vợ chồng. A Viện mặt đỏ dừ lên giải thích: Cái lần mở cửa đêm hôm ấy, là chuyện Nhất Nhân nâng nâng bộ ngực cô lên, rồi nói chuyện riêng của hai vợ chồng thế thôi. Bà Trọc cười sằng sặc đến suýt tắt thở, rồi đi tìm "Ông Quân Nhu", mắng cho ông một trận rằng: Già mà còn dở...

Tuy "Ông Quân Nhu" đã giải được nỗi sầu trong dạ, nhưng đêm đêm vẫn không sao ngủ được. Nửa đêm nghe thấy tiếng chiếu giường cọt két, sột soạt, cùng tiếng cười rúc rích ở buồng bên kia, cũng không tránh khỏi việc tủi phận cô đơn một mình.

Nhất Nhân và A Viên đối xử với ông lão rất hiếu thuận. khi bước vào mùa hè, là may ngay cho ông chiếc áo lụa. Chớm đông là lại may ngay chiếc áo bông. Sáng sớm đun nước nóng cho ông rửa mặt, ban đêm đi đổ bô cho ông. Có miếng gì ngon, đều mời cha ăn trước, cha ăn không hết mới cho các con ăn. Ăn no, mặc ấm, trong túi lúc nào cũng rủng rỉnh tiền tiêu vật. "Ông Quân Nhu" là một ông già có phúc ở thôn bờ hồ. Nhưng ông già có phúc ấy cũng còn có điều chẳng muốn nói ra, khi thấy con gái và con rể nói cười trong bếp, rúc rích trong giường, rồi mỗi ngày, khi hoàng hôn xuống, lại sóng vai nhau đi dạo bên ngoài thôn và lại cảm thấy lòng mình trống rỗng, cô tịch, nơi khoé mắt lại ứa ra một giọt lệ to và mặn chát.

"Ông Quân Nhu" bắt đầu ký gửi tình cảm của mình cho chiếc hồ vô danh. Ông làm một chiếc cần câu thật dài, rồi suốt ngày ngồi xổm ở đó, yên lặng chờ đợi. Suốt ngày ông chẳng câu được một con cá nào, bởi vì lưỡi câu chỉ là một chiếc đinh ghim để thẳng, và cứ khoảng độ mười phút, ông lại thay mỗi một lần. Khương Thái Công câu cá là để cho người cắn câu. "Ông Quân Nhu" câu cá chẳng để cho người cắn câu, mà còn có ích cho ai đến với môi, rửa hết mối rồi đi, chẳng sao cả. Điều ông muốn hưởng thụ là rửa tay mà ngồi, để cho chiếc cần câu dài truyền sự tịch mịch vào trong nước, gợn lên trên mặt hồ một làn sóng nhẹ, và trên sóng một làn gió thoảng. Cho chiếc cần câu dài câu lên một niềm an ủi, câu lên được sự thanh nhàn, sao cho qua được cái thời gian dằng dặc tuổi xế chiều.

Nhưng ông câu được nhiều hơn là cả những hồi ức.

Một lần, thậm chí tới hai lần, trong khi ngồi buông câu, ông nghe thấy thoảng trong gió có những tiếng nấc nghẹn. Ngoảnh mặt lại nhìn, mặt nước đều hiu, lá khô xào xạc, bà Trọc đang cuộn mình trong một bụi cây ở xa, tức tưởi khóc. Đó là khi Hai Trịnh đã nói rõ ràng rằng mình đoạn tuyệt mọi quan hệ với mẹ già, anh ta bảo vệ mẹ, nhưng cũng chính là hãm hại mẹ, trong khi anh ta sống trong rượu chè, cờ bạc, trai gái, thì bà mẹ vẫn như xưa, trong thùng không một hạt gạo, trong bếp không một que củi. "Ông Quân Nhu" đã tìm đến an ủi bà, dẫn bà về nhà họ Vũ cơm nước một vài bữa.

Khi "Ông Quân Nhu" ra bờ hồ câu cá, bà Trọc cũng lững thững đến với ông, hai người đứng trước gió trò chuyện, rất tâm đầu ý hợp.

Có một hôm trong thôn có người xẻ gỗ, tiếng cưa xẻ rất vang. Hai người yên lặng lắng nghe một lúc.

"Ông Quân Nhu" nói:

- Bà nghe xem, cái tiếng ấy có phải nó kêu "xoẹt, xoẹt, xoẹt" không?

Bà Trọc đáp:

- Không phải, nó kêu "sà, sà, sà..."

"Ông Quân Nhu" lại nói:

- Nó kêu: Phạch, phạch, phạch...

Bà Trọc lại nói:

- Nó kêu: La, la, la...

Cứ như thế hai ông bà tranh luận với nhau đến tận chiều!

Cuối cùng đi đến kết luận: Ai bảo nó kêu thế nào, thì tức là nó kêu đúng như thế.

Thấy cha hay đến nhà bà Trọc, ban đầu Nhất Nhân và A Viện cũng chẳng để ý, nhưng về sau thì ngăn cản, không cho ông tới đó nữa.

Ông nói:

- Tao đi chơi cho đỡ buồn!

A Viện nói:

- Nếu vậy, cha đi hẳn ra ngoài mà chơi. Nhà họ Trịnh lụm thuộm, bữa bãi chết đi ấy, cha đến đấy làm gì?

Cha đáp:

- Thăng Hai Trịnh đi rồi, nhà mới, sạch sẽ, gọn gàng, với lại, tao đến để đánh bài nhàn thể.

A Viện nói:

- Cha thật là!

Thế rồi cũng đến một ngày, "Ông Quân Nhu" đã tự nói ra những điều mà A Viện lo ngại: Ông định kiếm cho mình một người bạn già.

Tuy ông không nói người bạn già mà ông định tìm kiếm là ai, nhưng cả hai cha con đều đã hiểu cả.

A Viện khóc, nước mắt rùng rùng nói:

- Cha đã bảy mươi rồi, các cháu đã lớn bằng ngón này. Rồi mọi người sẽ bàn ra tán vào ra sao? Có phải là tại con với anh Nhất Nhân bất hiếu bất mục hay không?

"Ông Quân Nhu" chẳng biết trả lời ra sao, nhìn con gái khóc lóc thảm thiết, cũng chảy nước mắt theo.

Từ đấy, chẳng bao giờ ông lão nhắc tới chuyện đó nữa. Nhưng A Viện thấy ông lão độ này ăn uống kém hẳn, nói năng càng ít hơn, thường chỉ ngồi ngáy trước sân nhìn mây. Con mèo nhảy lên đỉnh tường sân, làm

rơi xuống một hòn ngói, ông cũng chỉ lạng lẽ nhìn, rồi bất chợt quát lên:

- Mèo! Mèo!.. Vỡ rồi!

"Ông Quân Nhu" phản ứng rất chậm. Khi tiếng viên ngói rơi vỡ, ông cũng chẳng nghe thấy gì, mà chỉ nhìn thấy "vỡ rồi".

A Viện cũng cảm thấy tội nghiệp cho cha.

Nhất Nhân bàn, hay là cha lại tiếp tục xem bệnh bốc thuốc như xưa, có việc làm, cũng đỡ buồn, nhưng ông từ chối không chịu. Ông chỉ mong mỗi làm sao cho y đạo và danh y của con rể vượt qua được mình.

A Viện đi lên thị trấn tìm một người bạn học thiếu thời của cha. Ông ấy hiện đang là uỷ viên mặt trận, mỗi tháng được nhận 50 đồng tiền lương phụ cấp, và vẫn thường được lên họp trên huyện. A Viện nhờ ông khuyên can cha mình.

Ông uỷ viên nói:

- Mọi việc chú có thể làm giúp cháu được, nhưng việc này thì không, tính nết ông lão kỳ cục lắm!

Ông uỷ viên còn nói thêm:

- Sao không để cha cháu tham gia mặt trận? Trên huyện người ta hay tổ chức họp hành, đi đi về về cho vui.

Năm mươi năm trước, cha A Viện là một thanh niên rất tuấn tú, học trường tiểu học ở thị trấn rất giỏi, rồi đến một mùa thu, lưng đeo chăn đệm, lên huyện học trung học, giữa đường gặp một đám lính, đám lính này chẳng phải quân tử tế gì. Chúng chặn đường bắt đi mười tám người, một sợi thừng, trói tất cả thành dây dắt đi. Từ đấy cha A Viện trở thành người chuyên đi công lương thực.

Ông đến Sơn Tây, rồi tới Hà Bắc, lại đến Quan Trung. Cha A Viện chẳng phải là người trận mạc gì, ông thông minh, lại khá chu đáo, đầu tiên làm cấp dưỡng, sau làm cần vụ. Cuối cùng cũng được làm quan, đó là quan "Quân Nhu" vậy. Hai năm sau, đơn vị này gặp quân đội Cộng sản ở Hoàng Long, Thiểm Bắc, hai bên đánh nhau, cuộc ác chiến diễn ra ba ngày bốn đêm.

Nhưng chỉ sang đến ngày thứ hai, ông bỏ trốn. Ông đóng giả làm người ăn mày, tìm đường về quê cũ, bắt đầu đọc bó sách thuốc của tổ tông truyền lại. Đơn vị cũ của ông, sau ba ngày bốn đêm đã bị đại bại, bỏ chạy về Kiều Sơn, tuyên bố khởi nghĩa. Ông sư trưởng vốn biết ông, nên đã cho người về tận bờ hồ mời ông đi tiếp. Nhưng khi ấy, ông đã quá ham mê đóng sách thuốc, thết dãi rượu chè người đến tìm ba ngày liền, rồi tiễn người đó ra đi.

Những người chỉ huy sư đoàn quân đội Quốc Dân đảng năm đó, sau giải phóng, tất cả đều vào tù, bây giờ cũng là uỷ viên mặt trận huyện, luôn luôn họp hành, được ăn lương phụ cấp. Đơn vị bộ đội của "Ông Quân Nhu" đã từng tuyên bố khởi nghĩa, còn "Ông Quân Nhu" vẫn cứ là ông nông dân.

A Viện đem tất cả những chuyện đó nói lại với cha, trong lòng cũng thấy hay hay, nên ông đã tìm tới mặt trận huyện.

Mặt trận nói:

- Phải có người ở chính cái đơn vị ấy chứng nhận mới được. Nếu không, lấy gì chứng minh ông là "Quân Nhu"?

Ông lão đáp:

- Ai mà chẳng biết cơ chứ, trong thôn tôi, mấy chục năm nay mọi người đều gọi tôi như thế. Cái ông sư đoàn trưởng đã từng ngồi tù kia còn được, sao tôi lại không được? Chẳng lẽ tội ác càng lớn, lại càng được hưởng thụ lớn hay sao?

Mặt trận nói:

- Người ta đã được nhà nước đại xá, có đầy đủ giấy tờ công văn của cấp trên đấy!

Ông chỉ còn mỗi một cách là viết thư cho ông sư đoàn trưởng cũ, mà bây giờ đang làm tư lệnh trong một quân khu ở Giang Nam.

Nhưng ông tư lệnh không trả lời. Ông tư lệnh vẫn nhớ "Ông Quân Nhu" đấy, nhưng ông vẫn tức ở chỗ, khi lâm chiến thì "Ông Quân Nhu" bỏ chạy, quay lưng lại với ông. Điều đáng tức hơn là đã cử người đi mời, lại dứt khoát không chịu gia nhập quân đội nữa, nên ông tư lệnh đã đem lá thư vút vào thùng giấy lộn.

Cả thôn, ai cũng lấy làm tiếc cho "Ông Quân Nhu".

Riêng bà Trọc lại lấy làm mừng. Bà nói:

- Ông đã không dúi ăn, lại cũng không thiếu mặc, đi làm cái chân uỷ viên ấy để làm gì? Ở cái vùng hồ vô danh này sống biết bao nhiêu. Ông lên huyện họp hành, liệu phát biểu được mấy câu? Mà ai người ta đã chịu nghe mấy cái câu phát biểu ấy của ông cơ chứ?

"Ông Quân Nhu" nghĩ lại thấy phải, dần dần rồi cũng quên phắt những ý nghĩ về cái mặt trận đó.

Bà Trọc chính thức dọn về nhà mới của Hai Trịnh để ở, bởi đã có tin chắc chắn Hai Trịnh đã bị bắt giam. Địa phương chưa tịch thu tài sản của anh ta, tính ra

tiền nó cũng chỉ mới bằng một phần năm số tiền mà anh ta nợ. Cuối cùng thì Hai Trịnh cũng mắc một món nợ âm và dù kiếp sau có làm thân trâu ngựa cũng chẳng trả hết được món nợ ấy. Đây là chuyện sau này. Nhưng khi chính quyền địa phương tịch thu ngôi nhà mới của Hai Trịnh, lại thấy tình cảnh của bà Trọc thật đáng thương, nên đã bán cho bà ngôi nhà ấy với giá rẻ nhất. Trong ngôi nhà mới của mình, bà Trọc đã đắp thêm một cái giường đất, một cái bếp lò cho Cả Trịnh diên rồ, hai mẹ con tách ra ăn riêng.

Nhà bà Trọc trở thành nơi tụ tập đánh bài. Ai đến đánh bài, người đó tự mang đồ ăn thức uống tới, đến bữa, bà Trọc giúp mọi người sắp mâm cùng ăn. Hội đánh bài có khi kéo dài đến nửa đêm. Tan hội, mọi người ra về, nhưng "Ông Quân Nhu" thì ở lại, ông vui vẻ với bà Trọc cho tới sáng.

A Viện với cha cũng đã cãi lộn mấy trận to, to đến nỗi người ngoài biết hết, nên cũng chẳng cần giữ gìn gì nữa, cô cũng đã đến tận nhà mới của bà Trọc làm âm i mấy phen rồi. Năm đó vùng Thiểm Nam gặp đại hạn, ở sân ngôi nhà mới, có một cây lê nhỏ, quả ra lúc lỉu, nhưng lá lại quăn queo hết cả. A Viện bước vào sân, vốn đã định nói cho bà Trọc tan hoang một phen, nhưng vào rồi thì lại chẳng nói được câu nào. Bởi vì A Viện nhìn thấy cha mình cũng ở trong sân, đang múc nước giếng tưới cho cây lê nhỏ. Cây lê lay động, rụng xuống một quả nhỏ héo quắt, chát xít, lăn lông lốc tới trước mặt A Viện.

2. Ở TRÊN THỊ TRẤN.

Cháu gái ông Triệu Âm Dương làm nhân viên bán hàng trong một cửa hàng trên thị trấn. Điều đó cũng đã gây ra một trận xôn xao, không to, không nhỏ trong những người ở thôn bờ hồ, nơi hàng trăm năm nay chưa ai là người làm việc nhà nước, nên cô Sửu Sửu được coi là đầu tiên. "Ông Quân Nhu" tuy cũng đã từng đóng quan, nhưng lại là quan ngục, chẳng có gì gọi là vinh quang cả, hơn thế giữa đường lại quay về làm dân, còn ra cái thể thống gì nữa. Tiên Nhất Nhân là người xuất hiện từ thành phố, nhưng bây giờ cũng quê một cục, cũng chẳng có gì đáng gọi là vênh vang được. Triệu Sửu Sửu lại kinh doanh hàng bách hoá, ngồi trong phòng mát, ăn lương nhà nước, thế thì cô ta nhờ vào cái gì? Có người bảo đó là âm đức của Triệu Âm Dương. Ông ta biết xem phong thuỷ, biết tính toán được hậu vận, đã tìm được huyết chôn cất cho chính mình đúng vào chỗ đất tốt, cho nên đời sau mới được hưởng âm phúc. Chúng cứ về phần mộ này vẫn còn sờ sờ ra đó: Năm trước, mộ của người khác, phần lớn đều bị đào bới ăn trộm, nhưng của Triệu Âm Dương vẫn nguyên vẹn, chẳng sút mẻ gì. Có người nói: bảo rằng phần mộ nhà họ Triệu được đặt vào cái huyết tốt. Vậy tại sao sang đến đời thứ ba lại chẳng có con trai? Thế rồi đến đời đứa cháu gái mới được ăn lương nhà nước? Tất cả chỉ là trông vào cái mệnh, cái duyên, cái số của chính Triệu Sửu Sửu mà thôi.

Có người lại nói: Nếu bảo rằng cô ta tốt số, làm sao lại chỉ học hết có tiểu học. Đường kim chỉ vá may làm

sao bằng được A Viện, đường bấp bực làm sao bằng được Tú Nhung? Lời đáp là: Ông cứ trông cái hình dáng, cái dạng vẻ con người thì biết! Kiểu dáng của Sửu Sửu là thuộc dạng tiêu chuẩn đấy! Nếu như những người ở thôn bờ hồ, là những người đã đọc sách thánh hiền thì sẽ nói: Cao thêm một phân là quá cao, thấp bớt một phân là quá thấp, béo thêm một tý là quá béo, gầy bớt một tý lại là quá gầy. Thế là, mọi người đi đến một kết luận mới: Người đàn ông có phúc hay không có phúc không phải do xấu đẹp quyết định, mà là phải trông vào tài sức của mình. Đàn bà chủ yếu là cần phải đẹp. Xinh đẹp, những người đàn ông có tài mới lấy làm vợ, lấy nhau rồi, mới phụ quý phụ vinh, giả dụ như cô gái đó là con gái một lão ăn mày, cô con gái đó từ bé chỉ sống trong chuồng lợn, nếu không xinh đẹp thì chỉ có làm vợ nông dân, nếu xinh đẹp, thì sẽ là người yêu của những người làm công việc nhà nước, nếu thật xinh đẹp thì sẽ là vợ các quan.

Người yêu của Sửu Sửu là nhà giáo, ông bố chồng làm chủ tịch thị trấn, nên Sửu Sửu thuộc loại con gái nằm giữa khoảng xinh đẹp và thật xinh đẹp.

Người trong thôn hay lên thị trấn, cũng hay đi qua các cửa hàng bách hoá, thường ngó đầu vào xem. Trông thấy Sửu Sửu mặc áo khoác trắng, ngồi đằng sau quầy hàng cắn chặt hạt dưa. Cái dáng cô cắn hạt dưa thật đẹp. "Tách" một cái vỏ hạt dưa nứt ra, đầu lưỡi đỏ, nhọn hoắt đưa ra dính lấy cái nhân, đồng thời cái vỏ bay vèo ra ngoài..

Bốn năm trước, cái ngày Sửu Sửu đã đính hôn nhưng còn chưa cưới, khi mặt trời dọi vào những tấm kính trong cửa hàng, hắt lên mặt cô những vòng sáng

mờ mờ ảo ảo, vòng vòng cong cong như sừng, mà người trong thôn thường bảo là những vòng hào quang trên đầu Phật Bồ Tát, và được coi là rất thần bí và rất trang nghiêm. Vừa khéo rằng, hôm đó Cả Trịnh lên thị trấn, đang ăn thạch ở một hàng bán thạch, và đã có một người hỏi:

- Anh Cả ơi, thích lấy vợ không?

Cả Trịnh đáp:

- Thích! Vợ ủ ấm chân.

Người kia bảo:

- Gọi tôi bằng chú, tôi kiếm giúp cho một cô vợ.

Cả Trịnh gọi ngay:

- Chú.

Cả Trịnh vốn tính cảm hấp, liền bỏ không ăn thạch nữa, mà túm vạt áo người bắt gọi bằng chú kia nâng nặc đòi vợ. Người ấy bèn chỉ Sầu Sầu trong cửa hàng bách hoá nói:

- Cô Sầu Sầu kia là vợ anh đấy!

Cả Trịnh tưởng thật, cười toét miệng. Từ đó Cả Trịnh mắc thêm một thứ bệnh, hễ trông thấy đàn bà con gái là cứ ngẩn ngơ cười.

Sầu Sầu đã là vợ của Cả Trịnh, và coi đó là cả cuộc sống mới của mình, người trong thôn cũng có cái mới để trêu chọc anh ta. Nhưng Cả Trịnh đúng là "một ông tổ sư hấp", hấp một cách rất đúng đắn, đồng thời cũng hấp một cách rất lưu manh. Anh ta chẳng động chân động tay gì tới Sầu Sầu, nhưng cứ hễ gặp cô là anh cười ngất cười ngheo, cười đến ngất đi được.

Cả Trịnh cũng có những ngày cố định của mình,

mỗi tháng vào ngày rằm, anh ta sẽ đi bộ từ bờ hồ lên thị trấn. Đứng ở cửa hàng bách hoá, nhìn Sầu Sầu mấy cái, rồi rất thoả mãn mà về. Đủ sức hưng phấn trong cả tháng.

Có một hôm, người trong thôn nói trêu Cả Trịnh:

- Này, anh Cả, anh chẳng biết gì sao? Vợ anh đang ốm to đấy.

Cả Trịnh không tin, bảo họ nói dối, liền giáng một cú đấm mạnh vào mũi người ấy, toé cả máu tươi. Đánh người ta xong, anh ta vẫn tất tả đi bộ lên thị trấn. Nhìn thấy Sầu Sầu vẫn khỏe mạnh tươi roi rói, anh ta lại ngất ngư cười, bị bọn trẻ ở thị trấn tuột mất giày, ném lên trên nóc nhà. Chàng Cả cứ chân đất đi về, chân toé máu tươi.

Mùa hè năm ấy, khi anh đào chín, Cả Trịnh hái một làn to, xách lên thị trấn, trong lúc còn đang ngó nghiêng bên cạnh cửa hàng bách hoá, thì Sầu Sầu đã trông thấy anh ta trước. Sầu Sầu vẫn không biết rằng mình là vợ anh ta, nên chân tình thân mật theo kiểu đồng hương quen thuộc, vui vẻ nói:

- Ái dà! Anh Cả Trịnh, anh cũng lên thị trấn đấy ư?

Cả Trịnh cười sằng sặc, cười có thể ngắt đi được.

Các cô bán hàng liền hỏi Sầu Sầu:

- Anh ta là ai vậy? Sầu Sầu cũng quen biết anh ta sao?

Sầu Sầu đáp:

- Người cùng thôn! Hâm ấy mà!

Rồi cô hỏi Cả Trịnh:

- Anh Trịnh rồ, anh có cho em ăn anh đào của anh không đấy?

Hai tay Cả Trịnh ôm làn anh đào đỏ sạch ra mặt quây. Tất cả nhân viên bán hàng đều xô lại ăn.

Cả Trịnh đứng nhìn, mặt anh ta sa sầm lại. Cầm cái làn rỗng quật lấy quật để những người "tham ăn". Sầu Sầu vui quá nói:

- Ôi chao! Anh Trịnh rõ chỉ thích đồng hương thôi. Chỉ thích cho một mình em ăn thôi.

Cả Trịnh lại cười. Vừa cười vừa đi ra khỏi cửa hàng.

Sầu Sầu về nhà ăn cơm, ở bàn ăn đem chuyện đó ra nói cho ông bố chồng đã về hưu nghe.

Bố chồng cô nói:

- Cái thằng ngốc ấy cũng biết yêu Sầu Sầu của bố đấy! Thằng mù mà vẫn tỉnh.

Ông bố chồng đã sáu mươi lăm tuổi. Khi còn tại chức, vốn có rất nhiều quyền thế, nên những người kéo đến nhà có cả nam lẫn nữ. Ông vẫn thường phải hăm nước sâm uống. Sầu Sầu lại không biết rằng ông bố chồng uống nước nhân sâm, mà vẫn cứ gây yếu, thậm chí còn cả lưng. Có một hôm, ông bố chồng nói chuyện với người quen, mặt mày hớn hỏ, tươi rói, xoạc ngón tay ra đếm:

- Một, hai, ba... mười lăm, mười sáu...

Đếm đến số mười chín, không đếm tiếp nữa rồi nói:

- Không nhớ hết được nữa rồi. Có lẽ phải tính kỹ lại. Bây giờ... hỏng rồi, tâm có dư, mà lực bất túc!

Sầu Sầu bưng trà tới, nói:

- Bố về hưu rồi, Nhà nước cho bố nghỉ, bố cũng nên nghỉ thôi!

Người khách quen kia cười ha hả. Tự nhiên Sửu Sửu thấy luống cuống, không biết mình đã nói sai sót ở chỗ nào khiến người ta phải cười to như thế.

Bố chồng bây giờ cũng nghỉ hưu rồi, vẫn giữ nguyên lương. Ông là người có tiền.

Phong tục ở vùng Thiểm Nam là khi trong nhà có con dâu, cô con dâu, đêm đêm, phải đem chậu đựng nước tiểu vào phòng bố mẹ chồng, sáng ra, lại vào bưng đi đổ. Nông dân như thế, cán bộ cũng vậy. Khi bà mẹ chồng còn sống, sáng sáng cô vẫn đi đổ nước tiểu như vậy, đã ngẫu nhiên mấy lần nhìn thấy, hai ông bà chỉ gối có mỗi một chiếc gối. Khi nghe tiếng chân cô bước vào, bà giả vờ ngủ, còn ông thì liếc nhìn cô. Cô đỏ mặt đi ra ngoài, nghe thấy bà mẹ chồng trong buồng nói:

- Xấu chưa?

Ông đáp:

- Con dâu nhà mình ấy mà! Nhìn nó bưng chậu nước tiểu, không hiểu sao tôi cứ lại nghĩ tới cái hạnh phúc tuổi già của mình.

Về sau bà mẹ chồng chết, chồng phải đến trường, cái quy củ bưng nước tiểu vẫn không thay đổi. Sửu Sửu thấy khó nghĩ quá. Nhưng lại nghĩ ông là bố mình, nên vẫn cứ làm, chỉ không bao giờ dám ngó mắt lên giường nữa. Khi ra đến cửa, cô nghe thấy tiếng bố chồng nói theo:

- Khép cửa vào cho bố!

Thì ra ông bố chồng vẫn thức.

Bố chồng xuất thân từ cán bộ, hiểu biết nhiều; cơm nước, đều bảo Sửu Sửu ngồi chung bàn cùng ăn, và cũng cười cười nói nói với Sửu Sửu. Cô đã được chứng

kiến nhiều kiểu máu thuẫn giữa con dâu với bố chồng, nên tự mình được thế, cô cũng cảm thấy hạnh phúc.

Khi có con, đứa bé rất lười bú, cứ mỗi lần cho bú lại phải dỗ dành đến vài bọt mép. Ông bố chồng cũng ghé vào bên cạnh, cũng dỗ cháu, ông nói:

- Bú ngoan đi cháu, sữa ngọt đấy!

Sửu Sửu cảm thấy những lời đó nó thế nào ấy. Ông bố chồng không biết giữ ý, nhưng nghĩ thật, cũng chẳng làm sao. Một hôm đứa bé lại không chịu bú, ông nội lại đi đến, dỗ cháu:

- Cháu không bú, ông bú đấy.

Ông nội muốn dạy cháu, lại muốn làm mẫu cho cháu xem, và rất nhanh ông tọt luôn một miếng.

Mọi việc xảy ra rất nhanh, khi Sửu Sửu kịp phản ứng lại, mọi chuyện đã rồi. Cô đỏ mặt, bỏ vào phòng riêng, thấy ông bố chồng lảng nhãng. Song việc này không thể nói cho người ngoài biết được, chiều thứ bảy, đợt chồng từ trường học về nghỉ, cô nói lại với chồng nghe, anh chồng nổi máu điên lên, nói:

- Cả đời bố vẫn cứ là cái bệnh chết tiệt ấy!

Sửu Sửu giật thót người:

- Cái bệnh chết tiệt?

Anh chồng không nói thêm gì nữa, đứng bật dậy đi tìm bố. Sửu Sửu sợ quá, nằm co quắp trên giường, không dám động cựa. Một lúc sau, cô nghe thấy tiếng hai bố con cãi nhau ở trong phòng, ông bố chồng nói bằng giọng đầy giận dữ:

- ... thanh toán hả? Nếu vậy thì thanh toán đi. Mà bú vợ tao ba năm liền, thử hỏi, tao có nói gì không nào?

Tao mới bú vợ mày có mỗi một lần, thế mà mày đã nổi xung lên...

Anh chồng mắng:

- Bố chẳng phải là thằng bố! Mà là đồ súc vật!

Rồi không biết quật vờ một cái gì đó, thấy kêu loảng xoảng.

Về sau, Sửu Sửu mới biết rằng, chính vì cái bệnh chết tiệt ấy mà ông bố chồng đã khổ suốt đời, nếu không đã có thể thăng lên đến chức Chủ tịch huyện, chứ đâu chỉ làm đến chủ tịch thị trấn. Sửu Sửu theo chồng dọn nhà ra khỏi ngôi nhà ấy, đến ở nhờ một gian phòng trống của thị trấn.

Từ bỏ ông bố, điều khó khăn nhất của hai vợ chồng là thiếu tiền tiêu pha. Trong khi không có nhà ở, Sửu Sửu chợt nhớ tới ngôi nhà của gia đình mình ở thôn bờ hồ. Ở đấy bỏ không. Cô định về quê bán nhà, rồi làm một cái nhà mới ở thị trấn.

Ngày 28 tháng Chín, Sửu Sửu về tới quê.

Ngôi nhà họ Triệu tuy đã cũ nát, nhưng cái sân vẫn nguyên vẹn đẹp dễ, rất rộng. Sửu Sửu mở cổng, khoá đã rỉ cả, cuối cùng phải phá khoá mà vào. Sân vốn được lát gạch, cỏ mọc đầy trong các kẽ gạch, cũng thành những ô vuông, ô vuông một, nhưng trông cứ thấy đẹp như một tấm thảm. Trong nhà đã phủ một lớp bụi dày, bài vị của ông, bà vẫn còn nguyên vẹn, bài vị của cha, mẹ vẫn còn. Nhưng tất nhiên chẳng có ai hương khói gì. Có vết chân của chim sẻ ra vào, với rất nhiều hình chữ "cá" (chữ "cá" giống như hình chân chim). Sửu Sửu mượn của nhà hàng xóm một tấm đệm, sau khi quét dọn

giường, cô ra ngồi ngoài sân, một mình suy nghĩ đến sự biến đổi của cuộc đời này, thế sự tang thương, dâu bể. Khi ấy đêm đã khuya, vạn vật đều chìm trong tĩnh mịch. Cô mơ hồ nghe thấy tiếng dế rí rả kêu bên ngoài cổng, bất chợt rung mình, rợn tóc gáy. Tiếp theo cô nghe thấy những tiếng sần sạt nho nhỏ, một lát sau, lại chẳng nghe thấy gì nữa. Sầu Sầu hãi quá, nhìn ra bốn xung quanh, tất cả vẫn yên tĩnh. Cô nghĩ, chắc là do chuột bọ gì đó, rồi tự mình động viên mình hãy mạnh bạo lên. Khi đứng dậy đi kiểm tra xem cổng ngõ đã cài cẩn thận chưa, đột nhiên cô thấy cánh cổng "két" lên một tiếng, rồi hé ra một kẽ hở. Cũng may mà khi đóng cổng, tuy cánh bị hỏng, nhưng bên trong đã quàng bằng một sợi xích sắt nên cánh cổng cũng chỉ bị đẩy ra thành một kẽ hở mà thôi. Một tiếng cười từ đó vang lên, rồi kéo thành cả một chuỗi cười. Sau đó như có một cái gì đồ ạch xuống, chuỗi cười cũng nhỏ dần đi. Sầu Sầu quá ư sợ hãi! Kêu thét lên. Hàng xóm bốn bên khoác áo chạy ra. Thấy Cả Trịnh đang ngã sượt bên ngoài cổng nhà Sầu Sầu.

Mọi người dìu Cả Trịnh đi. Cả Trịnh vẫn cười, hớn hớn nói:

- Sầu Sầu đã về! Vợ tôi đã về!

8. BÁN NHÀ

Khu nhà đất của Triệu Âm Dương, người cả thôn bờ hồ ai cũng bảo đẹp, giá cả lại vừa phải. Nhưng khi Sầu Sầu tìm người mua nhà, ai cũng rất khó nghĩ. Thôn bờ hồ là một thôn nghèo, ai dám ngay một lúc, mua cả một

dinh cơ? Hơn nữa, hiện nay nhà cửa khó khăn, đúng là khó khăn thật, nhưng chắt chội một tý cũng chẳng làm sao, chui vào nhà, một chiếc giường đất to đùng, lớn bé già trẻ rúc vào đấy cũng tiện. Sủu Sủu cũng là người chẳng gặp may. Tiếc rằng Hai Trinh đã bị bắt, nếu như còn tại ngoại, nhất định, anh ta là người đầu tiên chạy đến hỏi mua nhà:

Sủu Sủu đếm trên đầu ngón tay, tính những nhà khá giả trong thôn. Tất nhiên là tính theo hiểu biết cũ của mình nên đã nghĩ ngay đến nhà "ông Quân Nhu". Buổi chiều xẩm xẩm, khi gặp Tiên Nhất Nhân ở đầu thôn, cô thấy anh đi chậm rãi như đếm từng bước một.

Sủu Sủu bèn hỏi:

- Thầy lang, thầy lại đi dạo đấy à? Thế còn thím cháu đâu?

Tiên Nhất Nhân cười buồn:

- Vừa mới về, nhà tôi về nấu cơm.

Sủu Sủu nói:

- Vợ chồng chú thật hạnh phúc!

Tiên Nhất Nhân đáp:

- Khổ hạnh thì có!

Anh nói với giọng đầy đau buồn.

Giọng Sủu Sủu cũng lắng xuống, cô thấy độ này Tiên Nhất Nhân gầy rộc cả đi, chẳng còn đẹp trai như ngày xưa nữa. Lại thấy trên tay phải anh xách một cái chai. Đó không phải là chai rượu, vì trên nóc chai có một ống nhựa, chọc thẳng vào bên trong vạt áo:

Sủu Sủu hỏi:

- Anh bị bệnh đấy à?

Nhất Nhân đáp:

- Sao không?

Sửu Sửu nói:

- Thầy thuốc cũng mắc bệnh?

Nhất Nhân nói:

- Cô Sửu giấu tôi rồi.

Trong chiếc ống nhựa có tiếng kêu ùng ục, và có một thứ nước đen đen vàng vàng, dâng đặc xuất hiện. Tiên Nhất Nhân ngồi thụp ngay xuống, nét mặt đầy vẻ mệt mỏi, bối rối.

Sửu Sửu biết ngay rằng anh đang mắc chứng bệnh gì. Cô tỏ vẻ hết sức thông cảm, hai tay nâng Nhất Nhân đứng dậy.

- Sao anh lại mắc bệnh này. Mà bị từ bao giờ thế?

- Đã hai tháng nay rồi. Đầu tiên là đi ngoài ra máu, vẫn cứ tưởng là bị trĩ. Sau máu ra như tươi, lên huyện khám, thế là hồng huyết. Cũng còn may là cứu được cái mạng.

Tiên Nhất Nhân sống hoà thuận, như keo như sơn với A Viện, người trong thôn đã từng hâm mộ, ngợi khen, nhưng cũng không khỏi có những bàn bạc xôn xao. Nội dung của sự bàn bạc của họ là thế này: Hai người này ríu rít với nhau chẳng ra vẻ vợ chồng mà cứ như là: ở kiếp trước, họ có ân đức với nhau, nên kiếp này lại lên trần để cùng báo đáp. Trong kinh nghiệm của người dân bờ hồ, vợ chồng bao giờ cũng phải là đối đầu, thù oán nhau, mà bỏ thì vương thương thì tội. Đánh đập, chửi bới nhau là chuyện thường tình, vả lại một cặp vợ chồng bình thường, không bao giờ được

trường cữu với nhau suốt đời. Cuối cùng họ đoán định: Nhất Nhân và A Viên cũng chẳng được lâu bền.

Quả nhiên Nhất Nhân ngã bệnh, chẳng phải thứ cảm cúm, đau đầu, mà là ung thư, đến nỗi phải phong bế hậu môn. Thấy thuốc đi chữa bệnh cho người, vậy mà thấy thuốc lại mắc phải cái thứ bệnh chết người này, chẳng phải nghiệp chướng thì là cái gì?

Việc Sữu Sữu định bán nhà, hoàn toàn chẳng có tia hy vọng nào. Cô chỉ có cách nhờ người đến dỡ nhà xuống mà thôi, cô định, gạch ngói sẽ bán rẻ bán đất ở đây, gỗ lát vận chuyển lên thị trấn làm nhà mới. Cái hôm dỡ nhà, cả thôn đến làm giúp. Làm một ngôi nhà thật khó nhưng dỡ một ngôi nhà lại nhanh vô cùng. Mọi người dỡ ngói trước, đầu tiên là dỡ rui, mè rồi đến xà ngang xà dọc, lần lượt buộc dây hạ xuống. Khói bếp, bụi bậm như đã làm biến dạng tất cả. Không thể thiếu được vai trò của Cả Trịnh. Anh đứng ở chỗ nguy hiểm nhất, giữ công việc nặng nhọc nhất, nên sau khi một cây hoành bị gãy, rơi xuống, đập vào vai anh, máu lập tức toé ra. Cả Trịnh vội vã nhảy xuống, tay ôm lấy vai, lăn lộn, còng queo dưới đất.

Mọi người nói:

- Chàng Cả ơi, chẳng có làm sao đâu, việc này là làm cho vợ anh cơ mà!

Quả nhiên Cả Trịnh không cho Sữu Sữu ngó vào chỗ đau của mình, và nói:

- Không đau, không đau, tôi không sợ đau!

Rồi anh cười sảng sặc, và lại leo lên trên ngọn tường.

Sữu Sữu nói:

- Này các bác đừng có đùa dai như thế mà chết cả đấy!

Mọi người đáp:

- Chết cả á? Cả Trịnh chẳng chết đâu, Cả Trịnh mới là người biết rõ tất cả!

Mọi người làm cho đến tận chiều, ngồi nghỉ luôn trên đầu những bức tường. Từ núi Hồ bỗng ào về một trận gió. Gió xoáy trong sân, rồi sau đó vượt qua tường nhà, xoáy thẳng ra con đường đất ở đầu thôn. Mọi người nhìn thấy trong trận lốc xoáy đang đi xa dần đó, có Tiền Nhất Nhân và A Viện lẫn trong đám bụi bặm. Cặp vợ chồng trẻ ấy lại đi dạo. Bây giờ họ không vai kề vai sánh bước nữa mà là A Viện dìu Nhất Nhân đi, và bên tay trái cô còn cầm giúp anh cái chai đựng nước phân.

Mọi người trong thôn đều rất xúc động, và họ muốn nhắc lại câu chuyện ngày xưa, khi hai vợ chồng đi dạo, A Viện cứ đi một bước, lại hôn Nhất Nhân đánh "chụt" một cái. Nhưng bây giờ, câu chuyện cười dĩ dõm đó chẳng sao nói ra được cả, mà ai cũng chỉ thở than rằng cuộc sống thật bất trắc, khen ngợi A Viện là cô vợ đảm hiên. Và cũng không tránh khỏi sự bới móc vợ mình. Họ chửi bới tằm bậy, rồi lại nói:

- Họ sống với nhau hoà thuận như vậy thực cũng chẳng phải là cái điềm tốt, điềm lành gì, vợ chồng là phải chửi bới, đấm đá nhau, suốt từ lúc trẻ tới khi về già cơ. Cái chàng Cả nhà ta có yêu Sửu Sửu không? Yêu quá đi chứ! Nhưng chàng Cả và Sửu Sửu có thể thành vợ thành chồng được không? Thật không may là trong lòng Sửu Sửu lại chẳng có bóng dáng của chàng Cả. Chính cái anh chàng Cả này vì ngốc nghếch, điên rồ như thế mới là chết. "Ông Quân nhu" với bà mẹ chàng Cả, cũng

được đấy chứ? Nhưng rồi cũng chẳng thành được đâu. Nếu mà thành ấy mà, cứ để ý mà xem, một trong hai người sớm sẽ trở về với đất.

Sửu Sửu đang vội cùng với mấy người nữa làm cơm trong bếp, chẳng được nghe những đạo lý này. Cô đứng bên lửa, bầu sữa căng lên, đau nhói nhói, chợt nghĩ tới đứa con bỏ lại ở thị trấn. Mấy ngày hôm nay nó không được bú tý nào, cặp vú căng mọng sữa của cô tứa ra, ướt đầm cả vùng áo trước ngực. Cô vội vã đi vào nhà xí, vắt bớt sữa đi, bất chợt nghĩ tới cái bệnh chết tiết của ông bố chồng, và thấy tất cả những người dân thôn bờ hồ này đều là những người trung hậu, quý hoá. Từ trong nhà xí bước ra, cô thấy Tiền Nhất Nhân và A Viện cũng đã đi tới trước cổng.

A Viện nói:

- Chị Sửu ơi, chúng em thật có lỗi với chị. chúng em chẳng giúp chị được việc gì?

Sửu Sửu đáp:

- Thím nói gì thế nhỉ. Tôi đâu còn dám làm một nhọc thêm tới chú thím!

Nhất Nhân nói:

- Sửu Sửu dỡ nhà đi, e rằng sẽ chẳng còn bao giờ về đến cái thôn bờ hồ này nữa.

Sửu Sửu đáp:

- Đâu có! Tiết Thanh Minh phải về viếng mộ tổ tiên chứ!

A Viện chợt nhớ tới sự kỳ lạ về bói toán cúng lễ của Triệu Âm Dương xưa, bèn nói:

- Giá như ông cụ nhà chị còn sống, nhất định ông sẽ

giải hạn được cho Nhất Nhân. và bệnh tật của anh nhà tôi có khi qua khỏi được.

Sửu Sửu nói:

- Bệnh tật của anh Nhất Nhân nhất định là sẽ qua khỏi thôi, vợ chồng chú thím thân thiết, đậm đà như thế, đến thần phật, ma quỷ cũng phải cảm động.

Sửu Sửu nói xong, đưa mắt tiễn vợ chồng A Viên về nhà. Sang đến hôm sau, ngôi nhà đã dỡ xong toàn bộ, gạch ngói còn chưa bán được cho ai, đem xếp thành đống ở giữa sân. Sau đó lại nhờ vả dân thôn ba ngày nữa, vận chuyển hết gỗ lạt lên thị trấn.

Trong suốt bốn ngày ấy, hầu như Sửu Sửu không được chợp mắt lúc nào, sau khi thu xếp xong mọi việc trên thị trấn, cô mang rất nhiều bánh kẹo, hoa quả, đi từng nhà nói lời từ biệt. Cuối cùng cô đi ra mộ, cô tưới rượu, đốt giấy tiền, châm thuốc, cũng lễ ông bà tiên tổ. Cuối cùng cô cũng không quên đến mộ Triệu Âm Dương khấn khứa:

- Cha ơi, nếu cha có linh thiêng, thì hãy âm trị âm giải cho anh Tiễn Nhất Nhân. Con xin cha nhận lời cầu khẩn của con.

Lời cầu khẩn của Sửu Sửu cũng chẳng hiểu nghiệm gì, hoặc có thể là ông Triệu Âm Dương không nghe thấu. Bệnh của Tiễn Nhất Nhân bỗng đột ngột nặng hơn, trong cái chai ấy bắt đầu có thêm máu. Chỉ trong vòng hai ngày anh đã nằm liệt.

Người trong thôn buộc vội một cái cáng mềm, khiêng anh lên huyện. Bệnh viện huyện không trị nổi, chuyển tiếp lên bệnh viện thành phố Châu Thành. Khi

mổ bụng ra kiểm tra, khối ung thư đã bắt đầu khuếch tán. Các bác sĩ cũng chẳng cắt bỏ đi bộ phận nào, cứ để nguyên như thế khâu lại. Tiên Nhất Nhân lại được khiêng về thôn bờ hồ.

Hôm đó lại đúng vào ngày mồng năm tháng Tư, hồ vô danh tế thần Long Vương. Người thì vẫn rất đông, nhưng xem ra, mọi sự không còn được rầm rộ như trước, song cũng chẳng ai chê cười. Tiên Nhất Nhân được khiêng ra ngoài đảo đá, những con cá sống bơi ra, Nhất Nhân là người nhìn thấy đầu tiên.

9. NỖI LÒNG

Tiên Nhất Nhân làm việc trên giường, anh không khóc, khi đau đớn, anh cũng chẳng rên rầm. Anh uống thêm nhiều thuốc chỉ thống, nhưng thực vẫn khó mà chịu đựng nổi.

Anh cười nói:

- A Viện, em và các con hãy đi đâu đấy, anh muốn yên tĩnh ngủ một lát.

A Viện cùng con trai là Mao Đán và con gái là Nhung Hoa dắt nhau đi, anh liền căn lấy một góc chăn, giấy giụa và tóc anh xoà xuống thành từng đám, từng đám.

A Viện sống ngày mà như năm, nhìn Nhất Nhân đau đớn, từ sáng sớm đã chỉ mong trời chóng tối, tối đến, cô vạch một vạch lên tường, bức tường đã đen kịt lại.

"Anh ấy chỉ còn có hai mươi ngày"

Điều đó các bác sĩ đã nói cho A Viện biết.

A Viện cũng hận rằng một ngày cô không kéo được thành một năm.

Đến ngày thứ 17, cả ngày, hầu như Nhất Nhân không bị đau đớn gì, rồi lại mơ màng ngủ suốt đêm, trời sáng mới trở dậy, đòi A Viện bế ra ngoài sân. A Viện nghĩ bụng, biết đâu lại chẳng có chuyện lạ lùng xảy ra với Nhất Nhân, và sẽ qua khỏi cũng chưa biết chừng. Bế Nhất Nhân ra ngồi ở sân, cô chỉ những đám phù vân trên núi Rồng. Khi ấy mặt trời cũng đã bắt đầu mọc, những đám phù vân được ánh mặt trời chiếu nhuộm trở nên đẹp lung linh.

A Viện nói:

- Ngày mai, em sẽ bế anh ra bờ hồ, ngoài hồ cá lại rất nhiều rồi, những con cò trắng lại bay về rất đông.

Nhất Nhân nói:

- Cá nhiều mà Hai Trịnh lại vắng nhà.

A Viện đáp:

- Nghe nói Hai Trịnh đã bị bắn chết rồi. Của ấy cũng thực đáng chết.

A Viện chợt hối hận vì nhắc tới chữ chết, nên vội vàng nói chữa:

- Anh có biết chuyện của anh chàng Cả Trịnh điên rồ với Sửu Sửu không?

Nhất Nhân hỏi:

- Có chuyện gì vậy? Có phải là cái thằng Trịnh rồ lại giở chuyện lung tung với Sửu Sửu rồi không?

A Viện nói:

- Trịnh rồ yêu Sửu Sửu đến khắc xương khắc cốt, lúc nào cũng bảo Sửu Sửu là vợ mình.

Nhất Nhân cười:

- Cái thằng rồ!

A Viện nói:

- Rồ nhưng yêu thật, chỉ đáng tiếc là rồ.

Nhất Nhân lại nói:

- Nó rồ nó mới yêu thật.

Nhất Nhân nói xong, liền nhìn A Viện cười cười. A Viện cảm thấy cái gì đó khác lạ trong cái cười của Nhất Nhân.

Rồi lại một ngày nữa qua đi, A Viện cũng chẳng bế Nhất Nhân ra bờ hồ. Hôm đó trên mặt hồ, cò trắng về rất đông, trông như tấm khăn ngọc trắng phủ trên mặt nước xanh. Nhưng Nhất Nhân không được xem cảnh đó, vì ngay trong đêm, bệnh anh càng trở nặng hơn, đã không ăn uống gì được nữa. Những ngày khắc nghiệt đáng sợ chỉ còn lại có hai. Trái tim A Viện thất lại, như bị treo lên cổ. Cô không cần nhần tâm nói dối chồng việc anh sắp ra đi, nên đem những lời của bác sĩ nói lại với anh.

- Anh Nhất Nhân. Con cái đang ở bên cạnh anh đây. Anh còn muốn dặn dò gì nữa thì hãy nói hết ra đi.

Nhất Nhân nhìn hai đứa con, nhìn rất lâu, rồi anh cười, và anh phẩy tay bảo chúng ra ngoài.

Cử chỉ của anh khiến A Viện rất kinh ngạc. Bọn trẻ ra ngoài, cảm thấy buồn buồn, không biết có phải cha chúng đã yên tâm vì chúng đã lớn, cũng hiểu biết chút ít việc đời? Hay là cha chúng cho chúng còn bé bỏng, không nhất thiết phải nghe những lời dặn dò cuối cùng? Cô bé con còn ngây thơ, chạy đi tìm ông, khóc. Cậu con trai lại ngồi xõm bên ngoài cửa sổ, để nghe cha nói những gì.

Tiền Nhất Nhân chợt vươn tay ra khỏi giường cầm lấy tay A Viện nói:

- A Viện, anh biết rằng anh chẳng còn sống được nữa. Anh bảo các con ra ngoài, là muốn được riêng tư với em một lúc. Em đừng khóc nữa, A Viện! Khi anh chết, em không nên khóc. Thật thế đấy.

Anh rất bình tĩnh.

A Viện đáp:

- Nhất Nhân, sao anh lại nói như thế?

Nhất Nhân nói:

- A Viện em nói cho anh biết, anh sống có tử tế với em không?

A Viện đáp:

- Cả thôn này, ai cũng bảo mình sống tử tế với nhau.

Nhất Nhân gặng hỏi:

- Là anh muốn chính em nói cơ.

A Viện đáp:

- Tử tế, anh sống rất tử tế với em.

Nhưng Nhất Nhân lại nói:

- Không đâu, A Viện ạ. Thực ra anh cũng rất muốn đối xử tử tế với em. Nhưng anh sắp chết rồi. Anh cần phải nói với em một câu. Câu này anh đã giấu giếm hơn mười năm nay rồi. Anh giấu giếm không dám nói với em, bây giờ anh sắp chết. Anh không thể không nói nó ra.

Tim A Viện đập thình thịch, chẳng biết anh định nói gì?

- Ai cũng bảo rằng vợ chồng mình sống tử tế với nhau. Nhưng anh đâu có tử tế gì. Anh hiểu được rất rõ

ý nghĩa của câu nói như thế này: Người vợ là người không hiểu chồng mình nhất. Em có biết không? Cái năm mà anh bị hạ phóng xuống cái thôn bờ hồ này ấy. Vì cha anh là người chẳng có quyền có thế gì. Anh không được tuyển vào làm công nhân để về thành phố. Anh muốn làm một người anh hùng, lập công, để được tuyển làm công nhân. Nên anh bắc một tấm ván làm cầu trên đảo đá. Cố ý kê vào đấy một hòn đá, nên đã làm em ngã xuống hồ. Anh không phải là ân nhân cứu mạng cho em, mà chỉ là người hại em, đẩy em xuống nước.

Đột nhiên sắc mặt của A Viện bệch bạc hẳn ra, cô ngồi chết dí ở đầu giường như bị điện giật.

Nhất Nhân từ từ nhắm mắt lại. Nét mặt anh đã bình tĩnh hơn trước rất nhiều. Thân anh đã được nhẹ nhàng vì sự việc trọng yếu nhất trong cuộc đời anh, anh đã làm xong trọn vẹn.

A Viện ngoảnh đầu lại, nhìn như đóng đinh vào chồng mình. Bất chợt nước mắt cô ào ra, phục trên người Nhất Nhân cô nói:

- Nhất Nhân, em chẳng trách móc gì anh hết. Dù sao anh cũng là người cứu sống em! Không phải anh là người có lỗi với em, mà chính em mới là người có lỗi với anh, em xin nói để anh nghe... Anh còn nhớ người anh họ của em không? Trước khi anh với em cưới nhau, người anh họ ấy đang học đại học, anh ta đã đồng ý yêu em, lấy em làm vợ, em đã đem cái thứ quý giá nhất của em đem tặng cho anh ta. Nhưng anh ta chơi xong, là thắng tay vứt bỏ em... khi cưới anh, em chẳng còn phải là gái trinh nữa... Trước nay em không dám nói với anh, mà em chỉ đối xử

với anh thật tử tế, để đền bù lại tội lỗi của mình... Nhất Nhân... Nhất Nhân...

Nhưng Nhất Nhân chẳng còn nghe thấy gì nữa, anh vĩnh viễn không còn nghe được những lời sám hối của A Viện. Anh chết đi, mà khuôn mặt không bị biến dạng do phải chiến đấu với tử thần, mặt anh tươi, môi anh vẫn đỏ, y như trước khi bị bệnh.

A Viện biết rằng Nhất Nhân đã chết. Anh đã lên đường sớm một ngày, và anh đã ra đi thanh thản nhẹ nhàng. Anh nhàn nhã mà đi, song lại để lại một cái gánh đời quá nặng nề, A Viện cảm thấy mình quá nhục nhã xấu xa. Cô gào khóc như xé tim xé phổi.

Cùng lúc ấy, bên ngoài cửa sổ cũng có một tiếng thét đến vỡ họng. Nhưng đôi tai của A Viện đã ù đi, nên cô chẳng nghe thấy gì hết.

Người dân thôn bờ hồ, ai cũng đau buồn trước cái chết của Tiên Nhất Nhân, họ lao vào giúp đỡ người quả phụ trẻ tuổi, hiền thực A Viện. Họ mua về cỗ quan tài bằng gỗ bách, mua về vải vóc để cắt may quần áo, mua về ngói mới gạch mới để xây mộ phần, mua về vải trắng vải đen để thiết lập bàn thờ. A Viện ba ngày ba đêm khóc lóc phục vị trên đám rơm lúa mạch bên linh cữu. Cô khóc thấm thiết, ai nghe cũng phải mủi lòng, nhưng hoàn toàn không phải khóc cho cái kiếp sống quả phụ của chính mình, mà mỗi tiếng khóc là một lời trách móc, sỉ vả mình, mong sao linh hồn của Nhất Nhân ở trên Thiên đường tha thứ cho cô.

Người dân thôn bờ hồ càng thấy rằng thật khó có thể kiếm được người đàn bà nào tốt đẹp hơn A Viện.

Nhưng suốt trong ba ngày, thằng con trai của Nhất

Nhân chẳng ai trông thấy mặt mũi nó đâu. Mọi người đều bận túi bụi vào việc chuẩn bị chôn cất nên chẳng ai để tâm đến chuyện này. Khi bàn thờ sắp đặt xong mới nhận ra liền nháo nhác đi tìm kiếm khắp nơi, cũng chẳng thấy. Cho đúng đến ngày chôn cất, con trai phải mặc áo xô gai, bưng chậu hiếu, lặn đường đưa ma. vậy mà vẫn chẳng thấy Mao Đán trở về. Mọi người phát hoảng lên, tất cả đổ xô đi tìm, tìm khắp nơi, trong làng, trên núi, ngoài bờ hồ "ông Quân Nhu" và bà Trọc cũng đi tìm. Cuối cùng thì khi bà Trọc đi rút rơm (lúa mạch), trên cây rơm đánh đồng sau nhà, mới thấy thằng bé đang ở trong đó.

Không ai có thể ngờ rằng thằng bé đã phát điên.

Thằng bé bảy tuổi, trần như nhộng, quần áo đã bị nó xé thành từng sợi, quần tất cả lên đầu. Mọi người bắt nó bưng chậu hiếu đi đưa đám, nó đập vỡ chậu, cười sằng sặc, cười y như người lớn.

Có một vị bề trên tát tai cho nó một cái thật mạnh. Việc ấy vốn chỉ nhằm mục đích xua đuổi ma tà đang âm nhập trong con người nó mà thôi, nhưng cái tát quá mạnh, nên thằng bé ngã lăn quay ra đất, ộc máu mũi. Ấy vậy mà nó vẫn cười. Mọi người nhận ngay ra rằng không có thuốc nào có thể cứu chữa được cho nó, nên đã túm chặt lấy, lôi nó ra huyết, để gọi là có mặt con, trong lúc hạ huyết cho bố.

10. VÒI RỒNG

Hồ vô danh lại lúc nhúc, đầy ắp cá như xưa, lại khôi phục lại cái cảnh nước cá béo thuở trước. Hai

Trịnh tuy đã bị bắt, ngồi chịu tội trong khám tử hình, nhưng những quy củ cũ của thôn bờ hồ từ đó hoàn toàn bị phá bỏ. Ngày Tế Rồng vào mồng năm tháng Tư vẫn không còn được trang nghiêm trọng thể như trước. Cá cũng chẳng phải là thần vật hay ác vật gì, người ta coi nó như một đại danh từ của đồng tiền. Các gia đình quay về quản lý khoảng mặt hồ đã được chia cho gia đình mình.

Chẳng còn có nhân vật Hai Trịnh số hai xuất hiện nữa, cả khu hồ không còn là thứ bao trùm toàn bộ nữa, các gia đình phải dựa vào nhau, ai cũng có thể là người tới đó đánh bắt được. Nhưng cái kiểu nhìn nhau, dựa vào nhau đó cuối cùng cũng không ngăn cản được nhà họ Vương ở ngay ngã tư đường thôn. Họ ỷ vào thế đông người và sức mạnh hùng hậu trong nhà, nên vào một buổi sáng sớm, họ tự tiện lôi nhau ra hồ đánh bắt cá.

Nhà họ Vương đánh lên được mười hai sọt cá, con nào con nấy đẹp như những nén bạc. Những người xung quanh vô cùng bức tức, bắt đầu tranh cãi, đấu lý với nhà họ Vương.

Nhà họ Vương cũng đưa ra lý lẽ rất thuyết phục của mình:

- Khoảng mặt hồ này đã chia cho gia đình tôi, sao lại cấm tôi đánh bắt. Tôi đâu có đánh cá trên khoảng mặt hồ đã chia cho gia đình nhà các ông.

Đúng là trên mặt hồ có chia danh giới cho từng nhà. Nhưng lại không đóng cọc, chỉ có cắm một cái móc đá trên bờ hồ. Móc đá nhà họ Vương lại là một tấm bia, được khiêng từ sân sâu nhà ra trồng ở đó, trên bia khắc những chữ đại tự như kiểu Hán Lệ: *"Đá Thái Sơn chặn đấy"*.

Một người đứng bên nói:

- Cá nó biết bơi, cá nhà tôi bơi sang bên nhà ông!

Người nhà họ Vương nói:

- Ông có dám bảo rằng cá nhà tôi nó không bơi sang bên nhà ông không?

Cái lý là khó nói, vì nói lý chính là do cái lưỡi mềm. Kết quả là cả thôn cùng nhau kéo ra hồ, nhà nào đánh bắt tại khu vực đã được chia của nhà nấy. Cá nhảy lung tung, nháo nhào, anh nào vớ được con nào, thì con cá đó là của mình. Con lớn mười cân, con nhỏ hai lạng, thả lưới vét tất. Nhà nào cũng có thu hoạch, nhà nào cũng có một khoản tiền kha khá do số cá bắt được.

Có tiền rồi, gia đình nhà họ Vương đem chia theo đầu người. Mấy anh em nhà ấy có tiền, liền đưa vợ con lên huyện, lên thành phố Châu Thành du lịch. Tuy nhiên chuyến đi du lịch ấy cũng chẳng được vui vẻ gì, cô con dâu thứ hai vào ở trong khách sạn trên thành phố Châu Thành, của ra vào khách sạn là cửa quay, cô ta bị kẹt dùi, thành thương. Đây là chuyện về sau, chưa nói vội. Còn những nhà khác có tiền thì bị cánh dân ông quản hết, và họ bắt đầu hối hận rằng đã không mua dinh cơ của ông Triệu Âm Dương. Họ có tiền, chỉ để mua nhà, mua đất, nhưng bây giờ đất đai thuộc sở hữu Nhà nước, không thể tùy tiện bán mua, nên có tiền họ chỉ để làm nhà. Tuy ngôi nhà của ông Triệu Âm Dương đã bị dỡ bỏ đi rồi, nhưng đồng gạch ngói xếp đấy, vẫn còn chờ bán, mọi người bắt đầu tính toán.

Trên thị trấn Sủ Sủ nghe tin đó, liền chuẩn bị trở về thôn bờ hồ để tổng táng cái đồng gạch ngói ấy đi.

Nhưng ngay hôm đó, "ông Quân Nhu" đã cùng thằng cháu Mao Đán đến tìm cô.

Sửu Sửu xoa đầu thằng bé, nói một cách thông cảm:

- Thật đáng tiếc. Thằng bé như thế này mà lại mắc phải chứng bệnh ấy.

Bệnh điên của Mao Đán là có từng cơn, khi đó lại đang rất tỉnh, nhưng cặp mắt lại vẫn dài dài ngờ ngạch, nó sợ, đứng nép vào bên ông ngoại như một chú mèo con.

"Ông Quân Nhu" hỏi:

- Cô Sửu, ông cụ khỏe chứ?

Sửu Sửu đáp:

- Dạ khỏe.

- Thế còn cháu và anh ấy?

- Khỏe cả.

- Gần đây có ai lên Châu Thành không?

- Chỉ có ai đi. Bác có việc ở trên Châu Thành ạ?

"Ông Quân Nhu" đáp:

- Ấy là tôi muốn đến tìm cô, vì công tác này của cô quen thuộc nhiều người, hoặc biết ai đó sắp lên Châu Thành... Tôi muốn nhờ đưa cháu Mao Đán lên đó, đến nhà một người quen chữa bệnh cho cháu!

Sửu Sửu nói:

- Bác là thầy thuốc, bác chữa lấy cho cháu cũng được chứ ạ.

"Ông Quân Nhu" đáp:

- Quả là tôi cũng có phương thuốc trị cái bệnh này, nhưng ở đây không có thuốc.

Sửu Sửu đáp:

- Ô! Thế bác chờ vài ba hôm nữa có được không ạ? Nghe nói mấy ngày nữa, ông bố chồng cháu cũng đi Châu Thành.

"Ông Quân Nhu" tính ngày, nói với vẻ khó khăn:

- Đợi mấy ngày nữa thì hỏng mất, tôi tính phải càng nhanh càng tốt. Tôi già rồi, cái chân tôi cũng hỏng rồi, nếu không, đích thân tôi sẽ đưa cháu đi.

Sửu Sửu liền đến đơn vị công tác của cô. Một lúc sau, cô trở về nói:

- Thế là xong rồi. Lệnh đạo của cơ quan cháu đi họp, các ông ấy đầu tiên còn từ chối, nhưng sau cháu nói khó mãi, cuối cùng các ông ấy cũng đồng ý. Sáng sớm mai là đi. Bác cứ để Mao Đán ở tạm lại nhà cháu.

"Ông Quân Nhu" cảm ơn khôn xiết. Ông bảo đã viết thư lên cho người quen đó ở Châu Thành rồi, đưa được người tới đó là xong. Sau đó ông hỏi thăm xem nhà mới của Sửu Sửu bao giờ bắt đầu xây dựng? Sửu Sửu cũng hỏi đến việc người ở thôn bờ hồ định mua gạch ngói, và nhờ ông nghe trước, rồi đánh tiếng hộ cho chắc chắn, rồi ba hôm nữa cô sẽ về.

Ba hôm sau, Sửu Sửu về quê. Nhưng điều làm "ông Quân Nhu" hết sức kinh hoàng là ngay trong đêm đầu tiên, đồng gạch ngói to lù lù của nhà Sửu Sửu đã bị người ta ăn trộm sạch. Sửu Sửu hỏi nhà này, nhà này bảo không biết. Hỏi nhà kia, nhà kia cũng chẳng hay. Nhưng nhà nào cũng có gạch ngói. Sửu Sửu chẳng có chứng cứ gì, nên không thể đổ cho người ta là quân ăn trộm được. Còn như bảo, cả thôn là quân ăn trộm, thì chẳng hoá ra Sửu Sửu cũng là người không tốt sao?

Sửu Sửu khóc lóc nói:

- Chẳng hiểu cái thôn bờ hồ này nó ra làm sao nữa? Làm sao mà lại toàn những người xấu, mới có tiền một cái mà đã hỏng rồi ư?

Cô quý trước mộ ông Triệu Âm Dương, nắm tay tự đâm vào đầu mình, tự trách mình là không ra cái thứ gì, không giữ nổi tài sản của nhà họ Triệu. Rồi cô lại oán trách nhà họ Triệu là không có đàn ông nổi đời tất cả đổ lên đầu một người con gái yếu đuối. Cô lại trách cả cha mình là ông Triệu Âm Dương khôn ngoan sắc sảo một đời, mà không tính toán để phòng tội ác của cái thời đại này.

Cũng chính trong ngày hôm đó, trên một bãi cát sông Nam Châu cách thành phố Châu Thành hơn 300 dặm, có một tiếng súng vang lên. Hai Trịnh đã bị xử tử chết. Người thi hành án thấy Hai Trịnh ngã vật xuống một hố cát, liền lên xe đi ngay. Những người đến xem xử bắn ào đến như một con nước lũ. Một đứa bé, bé tý tẹo, giống như một mũi tên bắn, lao đến gần đầu tiên, vội vã vô lấy chiếc bánh mì hấp vẫn để ở đó, rồi lại lập tức lao trở ra, vừa chạy nó vừa ăn chiếc bánh mì hấp ấy. Những người đến xem xử bắn ào ào chạy tới bên hố cát, nhìn thấy đầu Hai Trịnh bị bắn vỡ toác, giống như một quả bầu nậm bị bổ đôi, như là một quả bầu nậm rỗng, không có ruột.

Mùa đông năm đó, hồ vô danh đã thay đổi rất nhiều, dưới đáy nước sâu người ta đã bắt đầu trồng những cột xi măng, và dùng lưới sắt căng dài, thành những khu vực dài dài ngăn cách nhau. Trong thôn bờ hồ đã có những nhà mới xây và những nhà mới sửa chữa. Ai cũng bảo rằng vài năm nay làm ăn khá khả, nhưng mọi người vẫn có những điều ra tiếng vào. Họ thấy trong

lòng dễ chịu, nhưng cũng lại cảm thấy băn khoăn. Gọi là dễ chịu nhưng cũng chẳng nói ra được là dễ chịu như thế nào? Còn băn khoăn cũng chẳng nói ra được sự băn khoăn ấy nó ra làm sao?

Bà Trọc ở trong ngôi nhà ba gian do Hai Trinh xây dựng, bà ho hắng suốt đêm. "Ông Quân Nhu" cũng chẳng lấy điều đó làm khó chịu, ông vẫn ngủ ngon giấc. Cứ buổi sáng, ông lại dẫn đứa cháu gái đi loang quanh, bảo rằng đi như thế cho giãn gân giãn cốt, thở hít không khí trong lành, ông gọi bà Trọc cùng đi, bà Trọc bảo không. Bà thích giấc ngủ sớm mai hơn, và bà ngủ cho tới bữa cơm sáng. Trong những giấc ngủ như thế, bà thường mơ những giấc mơ kỳ quái: Bà luôn thấy tay mình cầm một con rắn. Tiềm ý thức của Freud nói: Đàn bà nằm mơ thấy rắn là biểu hiện của tình dục. Nhưng thực tế bà Trọc chẳng có yêu cầu đó, còn cứ theo cách nói của dân quê, là nằm mơ thấy rắn tức là sẽ bắt được tiền. Cho đến khi tỉnh mộng, bà thường rất vui.

A Viện làm được một món ăn ngon, nhớ đến cha, bèn sai thằng con đã được chữa khỏi bệnh hoàn toàn, đi mời "Ông Quân Nhu", khi ấy vẫn còn đi dạo ngoài bờ hồ với cô cháu gái. Tuy hồ vô danh đã bị chia cắt thành vô số ô, nhưng nước hồ vẫn rất trong xanh. Sáng tinh mơ, mặt trời và mặt trăng vẫn cùng có mặt tại đó, cá vẫn bơi lội loang quaoanh hoặc nhảy tung lên khỏi mặt nước, nhiều những con chim lớn bay lượn trên mặt hồ. "Ông Quân Nhu" nhìn thấy những con chim ưng bụng trắng, to như cái sàng bay lượn trên bầu trời, và cũng nhìn thấy những con chim mỏ đỏ chỉ bằng cái chén rượu dừa rớt trên mặt sóng. Vật lớn có cái vui của vật lớn, vật nhỏ cũng có cái thích thú riêng của vật nhỏ, các con chim

đều làm những công việc riêng của mình, tấp nập mặt hồ. "Ông Quân Nhu" xúc cảnh sinh tình không tránh khỏi đôi lời cảm khái, mà đứa cháu gái ông chẳng hiểu nổi tý gì.

Đứa cháu gái ông, khi ấy lại đang bị một hiện tượng kỳ dị lôi kéo mọi sự chú ý. Nó nhìn thấy ở nơi đất trũng có mọc cây bách và đã từng là chợ ma kia, có một cái cây lớn bốc lên cùng bụi đất. Nhưng rồi nó lại chẳng phải là cái cây nữa, mà giống như một ngọn tháp.

Cô hỏi:

- Ông ơi, kia là cái gì? Sao nó dài thế?

- Đó là vòi rồng.

- Trên núi Rồng có rồng, có phải rồng nó đang xuống núi không?

- Không phải. Đó là hai ngọn gió mạnh (1), nó từ núi tuyết bay xuống.

- Hai ngọn gió mạnh sao lại cứ quần dạt lên cao?

- Hai ngọn gió ấy, vốn là thổi theo hai hướng khác nhau. Gặp nhau, chúng chống lại nhau. Và hai sức mạnh ấy cứ vọt mãi lên cao, lên cao, chúng quần chặt lại với nhau mà quay xoáy, càng quay xoáy chúng càng vọt lên cao hơn, thế là thành ra vòi rồng.

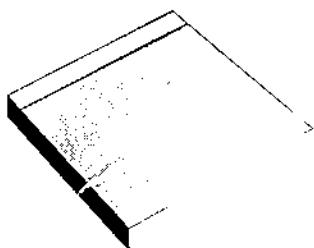
"Ông Quân Nhu" vốn đã từng làm quản gia nên ông hiểu biết được nhiều.

Nói xong, ông cùng đứa cháu gái nhón vôi vữa xoáy qua vùng đất trũng. Kéo qua thôn bờ hồ (2) cũng ra đến mặt hồ, nó biến thành một ngọn tháp nước.

¹ Nguyên văn là "Ngạnh phong", một từ trong "Thiên nhiên địa lý" có giải thích cho trẻ con nên tạm dịch là "gió mạnh".

CAO HÀNH KIỆN

1. ÔNG THỢ GIẤY VÀ CON GÁI	261
2. BẠN	270
3. TAI NẠN	285



ÔNG THỢ GIẤY VÀ CON GÁI

Chúng tôi dậy sớm, ra bờ sông thì nhìn thấy cô Kinh, cô ấy đã chết. Tôi ra sông gánh nước, sáng sớm nước sông trong hơn, sạch hơn, không có người tắm tấp, giặt giũ. Thím Trương đi vo gạo, nhà thím ấy ở trên một gò cao ngay tại bờ sông. Tôi đứng trên ván cầu, vừa mới vục thùng xuống lấy nước, lúc ngẩng lên, tôi nhìn thấy, ở chỗ đám rễ cong queo của cây hồng liễu phía dưới, nổi lều bều một đám quần áo, tôi cứ nghĩ rằng có ai đó vừa giặt đã để nước cuốn trôi đi mà không biết. Tôi ngoảnh đầu nhìn lại, chỉ thấy có mỗi một thím Thương ở đó, tôi gọi:

- Thím Trương ơi, quần áo của thím bị nước cuốn đi kia kìa:

Thím ấy bảo:

- Đâu có, em vo gạo cơ mà.

Tôi liền đặt gánh nước xuống bờ sông, chạy lại xem:

- Ôi chao! Chết tôi rồi!

Tôi kêu lên như vậy, và thím Trương cũng chạy ngay tới. Chả người là gì? Đâu phải là đám quần áo? Mặt ngửa lên, đầu vẫn chìm trong nước, mà là một cô gái. Ôi, đúng là con gái ông thợ chữa giấy dếp rồi, đúng là cô Kim ư? Chân tay chúng tôi bủn rủn hết cả ra.

Giữa lúc sáng sớm, trên bờ sông chỉ có tôi và thím Trương.

Chúng tôi gào to lên:

- Có ai ở đây không? Có ai ở đây không? Có người chết đuối này!

Đầu tiên là cô Trần từ trên bờ dè cao lao xuống, trên tay ôm một đồng tử lút. Sau này cô ấy khai rằng: Nếu như thằng hai Mao nhà cô ấy không dúi dìm, cô ấy chẳng mò ra sông sớm thế làm gì. Sau đó là ông Lý nhà làm đậu phụ, ông ấy cũng nghe thấy tiếng chúng tôi.

- Lại còn đứng đấy mà nhìn hả? Xuống kéo người ta lên chứ!

Nghe ông Lý quát lên vậy, chúng tôi vội lội xuống nước kéo lên, đến giây cũng không kịp cời.

Nhưng dẫu có kéo nổi, tóc đã bị quăn chặt vào rễ cây liễu, hai chiếc đuôi sam của cô ấy, hàng ngày chải đến mượt óng, đen như mun, giờ thì rối bù...

- Tất thở rồi!

Ông Lý nói vậy!

Cho đến khi lôi được cái xác lên bờ thì lúc đó cũng đã đông người rồi. Mọi người đều nhìn thấy tất cả, đúng như vậy đấy, lúc ấy đã vào hơn năm giờ sáng, nhiều nhất cũng chưa quá sáu giờ. Trời đã sáng, nhưng mặt trời còn chưa mọc, ở phía rừng táo bên kia sông ánh trời mới ràng rạng đỏ.

Sau đó, chợt có người nói to:

- Làm hô hấp nhân tạo đi!

Mấy người đàn bà chúng tôi chẳng ai biết cách ấn

ấn như vậy, còn cánh đàn ông chẳng ai dám thò tay vào, con nhà người ta là con gái chưa chồng.

Còn cứu làm sao nổi nữa, sắc mặt đã bạc trắng như giấy, miệng tím tái ngấn ngát, chẳng còn một chút sắc máu nào. Bụng đã trướng phình lên, ôi... thương lắm. Một cô gái hờ hớ ra như thế, vừa chột dậy thì, đúng vào lứa tuổi lấy chồng đang đẹp, mười bảy mười tám mà, một cô gái nét na ngoan ngoan, thấy người lạ nói chuyện là mặt đã đỏ nhừ lên. Ở những đám cưới họ nhón nháo cảm có bao giờ thấy mặt cô ấy, cũng chẳng thấy cô ấy "diên" bao giờ. Mọi việc cơm nước, giặt giũ trong nhà đều do một tay, mà còn phải trông nom thêm thằng em Tiểu Bảo nữa chứ.

Mẹ cô đã ốm chết từ năm kia. Trên cô còn có một cô chị, đi lấy chồng rồi, cho nên chỉ còn hai chị em sống với ông bố trong nhà.

Cái ông lão ấy cũng chẳng ra giống người, động một tý là đánh! Chẳng phải con ông ấy đẻ ra hay sao? Mẹ cô ấy mới thật là người tử tế, đều coi bọn tôi là chị em cả. Bà ấy bán rau trong cửa hàng hợp tác, nuôi được đến ba đứa con đâu phải chuyện dễ dàng gì. Ông chồng đóng đinh chữa gãy, liệu kiếm được bao nhiêu. Những năm ấy mọi người đều phải sống trong tổ chức, không cho phép làm ăn riêng lẻ, bảo như vậy là đi theo chủ nghĩa tư bản. Cái nhà ông lão ấy lại còn uống rượu nữa chứ. Đổ rượu vào bụng rồi, chỉ mở miệng ra là chửi, vung tay là đánh. Làm âm ỉ cả lối xóm chỉ vì cái tội, lôi vợ lôi con ra mà đánh chửi. Bà mẹ cô Kinh mới chưa qua tuổi năm mươi đã phải chịu trăm đường khổ. Bà lão qua đời rồi, lão ta quay ra đánh con, mà con cái xưa nay

chưa hề bị động tới bao giờ. Chẳng qua chỉ tại cái số cô Kinh nó khổ, ai bảo đi đầu thai làm kiếp đàn bà. Ông lão cứ coi con gái như một thứ vật bồi thường, cả thị trấn ai ai cũng nói như thế. Nhà người ta ở thành thị thì không thể như thế được, cô con gái trẻ nào cũng thích điểm trang, phấn son, như hoa như ngọc, còn cô này chỉ biết ăn chắc mặc bền. Chưa bao giờ người ta nhìn thấy cô Kinh được mặc một chiếc váy hoa. Nói thực lòng, có cô gái nào lại không thích đẹp chứ? Một cô gái thanh tú, nhẹ nhõm, một đôi đuôi sam đen bóng, mượt mà. Ôi chao! Nhắc tới những cái đó làm gì nhỉ? Ai xui cô ta đi đầu thai vào cái nhà này?

Tại sao cô ta bị ăn đòn? Cơm nấu nát một tý, buổi tối lượm sang chơi với mấy nhà hàng xóm, đứng tểu ngoài cửa lâu lâu một chút, cậu thanh niên nào đó nói dăm ba câu bông đùa với cô, đều là những lý do để ăn đòn. Sao lại có cái kiểu dây dỗi như thế nhỉ? Mẹ cô vừa chết, đang học lớp sáu thì cô bị bắt thôi học ở nhà. Thầy Tôn giáo viên trung học đến nhà làm công tác tư tưởng, nói ngược nói xuôi, ông lão cũng chẳng thêm trả lời cho một câu. Ngay lúc thầy Tôn bước chân vào cửa, là ông lão đã quát lên ngay:

- Thằng già này bỏ tiền ra cho các anh làm trò điên hả?

Đám học sinh bày trò nhảy múa với nhau, ông lão cũng gọi chúng là lũ điên, còn nói, học cho lắm sách vở liệu có ích gì? Sớm muộn gì thì cũng gả bán cho người ta là xong chuyện! Như vậy thì các anh còn nói gì được với ông ta nữa nào?

Con gái nhà tôi vốn ngồi chung bàn chung ghế với

cô Kinh, hai chị em rất yêu quý nhau. Một hôm nó đến bảo cô Kinh:

- Ngày mai hợp tác xã cung tiêu có ô tô lên huyện chở lợn, mình được đi theo để xem chiếu bóng. Mẹ mình bảo gọi chị Kinh đi, mua vé cho ấy cùng xem.

Ông lão liền gạt phất:

- Chiếu bóng với chiếu bánh gì? Xem chỉ thêm hỏng người...

Ông bảo rằng trong phim toàn những chuyện ôm ôm ấp ấp, cả cái lũ trên phim ấy chẳng đứa nào ra cái của gì đâu. Xem chiếu bóng cũng là bị dạy dỗ, các anh thấy sao?

Trước khi xảy ra chuyện này, thím Trương đã từng nói với ông lão:

- Chỉ còn thiếu nước đánh lấy cái xích sắt thôi.

Vườn rau nhà cậu Ngô cắt tóc lại ăn thông với vườn ông lão chữa giày. Có một hôm cậu Ngô tưới rau, còn cô Kinh lại ra vườn hái rau, anh chị vừa làm vừa chuyện trò với nhau, ông lão chẳng biết đi đâu về túm được, thế là một trận chửi bới bắt đầu, bao nhiêu những lời khó nghe đều được xổ, được tuôn ra hết. Ông lão không thấy bản miệng, nhưng người khác lại thấy bản tai! Con gái thì lớn gộc lớn ghêch ra như thế rồi, biết giấu cái mặt vào đâu?

Cô Kinh có ghé vào nhà tôi, thì cũng là hàng xóm láng giềng với nhau cả ý mà, tôi cũng có hỏi han đôi câu, bố cô làm sao lại cứ chửi mắng cô? Cô khóc, thế là chúng tôi chẳng ai tiện hỏi nữa.

Đến sách cũng không cho đọc, có cuốn sách mà cứ lén lút như là đi ăn trộm, giắt vào cặp quần lén mang đi, rồi lại

giấu giấu giếm giếm mang về. Một lần, có một cuốn, chẳng biết tên là gì ấy nhỉ? À à... tên nó là "*Thanh niên Trung Quốc*", cuốn sách thật to, đúng, nó là tạp chí mà lại, làm thế nào để ông lão trông thấy, lập tức dút vào bếp, thiêu biến. Đây là cuốn sách cô con gái nhà tôi mượn của thư viện trường về, thế là phải đền mất mấy hào chỉ. Mà cuốn sách ấy chuyên để cho thanh niên học tập! Ông lão cũng biết được vài chữ làm vốn, thấy trên bìa sách in ảnh một cô học trò tập thể dục, bảo rằng cô ta không mặc quần, để hở cả đùi. Cô con gái tôi đến bắt ông lão đền sách, ông ta trả lời vậy, lại còn nói thêm:

- Mày còn đem những sách nhảm nhí cho nói xem, thì đừng có vác mặt đến nhà tao nữa!

Cái nhà ông lão quỉ quái ấy đã chửi chúng tôi như thế đấy, thật đáng đời, bức tử con gái, thì đời mình cũng chẳng hay ho gì!

Các anh hỏi rằng, ông lão thợ giày có tới hiện trường không chứ gì? Tất nhiên là phải đến chứ! Nói gì thì nói, đây vẫn là con ruột của mình. Tất nhiên là phải có người đi gọi rồi, ông lão kéo lê đôi giày mà chạy tới, lão đảo xiêu vẹo, tập tễnh, đôi chân một bên bị thọt, vì đã có lần mắc bệnh bại liệt, chỉ tại cái tội nốc rượu. Thấy ông lão đến, chẳng ai dám nói năng câu nào, dạt cả ra để xem.

Ông lão khuyu chân rồi quỳ phục xuống bãi cỏ bờ sông, không bò đi nổi nữa. Ông không khóc sao? Con gái rút ruột ra kia mà. Ông lão run lập cập, bò tới trước xác con, nắm chặt lấy tay con rồi khóc rống lên. Những sợi gân xanh nổi chằng chịt trên đầu. Ai chẳng là xương là thịt. Thật đáng đời ông lão, nhưng cũng thật đáng thương.

Sau đó mọi người liền tìm thấy một mảnh ván, khiêng cô Kinh về, đặt cô vào giữa nhà xong, chúng tôi cũng chỉ nói dăm ba câu, mà có biết nói gì nhiều, rồi ai về nhà nấy.

Từ nhà ông lão đi ra, người ta bắt đầu xôn xao những điều khó nghe. Cả phố quay ra bàn luận... Lúc ấy cái ông kế toán rở của phường Dầu mới mở miệng ra nói cho chúng tôi biết.

Chuyện đó ra sao?

Vào cái tối hôm đó, vừa lúc có điện, là đã nghe thấy tiếng ông lão đập bàn, sau đó là những tiếng chửi. Nhà cửa toàn ghép bằng ván gỗ, lại ở liền vách, nói gì nhà bên chẳng nghe thấy hết, ông lão chẳng biết nghe đồn đại ở đâu, bảo rằng cô Kinh đã tâm sự chuyện trò với một anh thanh niên trong rừng hồng liễu ở bờ sông. Ông đập bàn là để hỏi cung cô Kinh. Đầu tiên mắng cô là đồ đi, bắt cô khai hết ra, hôm đó, từ giờ nào đến giờ nào, đi những đâu, gặp những ai? Về sau là đánh, lại chửi là đi thaõ, đi chim giai, còn có những lời quá bẩn thỉu, nghe đến bẩn cả tai, bây giờ mà nói lại vẫn sợ bẩn miệng.

Một cô con gái mới lớn làm sao mà chịu nổi? Cuối cùng cô Kinh chỉ còn biết khóc, ông lão vẫn đánh. Cả nhà ông Rõ, rồi hàng xóm bốn bên chẳng ai là chẳng biết, các anh cứ hỏi lại mà xem. Nhưng, ai đến khuyên can á? Chẳng ai dại gì để giầy bẩn vào người. Và cũng chẳng biết cái kẻ thất đức nào đi rót vào tai ông lão những chuyện nhảm nhí ấy. Thực ra, cô Kinh này, chúng tôi đã chứng kiến cô ấy từ bé lớn lên. Khi còn chưa xảy ra chuyện này, Tám Tông cũng đã từng bảo:

- Con gái lớn bằng sào bằng gậy rồi, chẳng dậy dỗ

kín đáo một tý được sao? Ối dào, đầu thai vào kiếp đàn bà cũng là một cái tội.

Chết là sao hử? Chết như thế chứ còn làm sao nữa? Tôi và thím Trương, cả hai người ở bờ sông đều trông thấy như thế cả! Kề xấu ư? Chưa nghe thấy nói bao giờ! Ô, các anh hỏi ông thợ chữa giày á? Cái ông lão ấy á? Không là người xấu, lão đã chẳng làm những việc như thế. Chúng tôi chẳng nói mò gì đâu, dù sao thì người ta cũng đã chết rồi. Ông lão chết vào đúng cái buổi chiều hôm ấy...

Khi mọi người đã về cả, và thi thể cô gái đã được đặt ở giữa nhà, ông lão ngồi canh xác con, ngáy người trên một chiếc ghế con. Cửa ngôi nhà ấy lại trông thẳng ra đường, những người đi qua ngoài phố đều nhìn thấy. Còn phía đường bên kia là một cửa hàng bách hoá. Anh chàng họ Điền người to lớn vẫn đứng bên quầy hàng, từ đó nhìn rõ mọi việc bên nhà ông lão thợ giày. Ông lão cứ ngồi ngáy ra đó, trước còn lắc lư cái đầu, như người đang ngủ gật vậy, về sau, thấy giạt người một cái, ngã xuống đất, rồi không dậy được nữa. Đầu tiên anh chàng to lớn mặc, anh ta cũng chẳng thích thú gì cái ông lão ấy. Nhưng mãi chẳng thấy ông lão bò dậy, lúc ấy anh ta mới đi qua phố, bước vào nhà. Vực được ông lão dậy, nhìn kỹ, mặt đã tím như miếng gan lợn, miệng cũng méo xệch, mới hô hoán gọi mọi người tới. Lôi được ông lão tới trạm xá ở phố Hàng Gõ thì chẳng còn cứu được nữa. Việc này chính mắt anh chàng to lớn nhìn thấy tại chỗ, nên các anh phải đi hỏi anh ta là chắc nhất. Chuyện chỉ có thế.

Ồi! Tiểu Bảo, còn Tiểu Bảo á? Thì cô chị lớn đã đi lấy chồng đó, về làm ma chay. Sau khi dọn dẹp nhà cửa

là đi ngay trong ngày hôm ấy. Nhà ông lão thợ giấy trống không ấy mà, khoá tạch cái cửa là xong.

Các anh ạ, các anh có đến điều tra gì đi nữa cũng vậy cả thôi, các anh đều là cán bộ của huyện, là những người có trình độ văn hoá, lại đã chứng kiến nhiều chuyện trên đời. Ở thành phố làm sao mà xảy ra chuyện này. Có phải thế không các anh?

BẠN

Tôi cứ tưởng sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại được nhau nữa, bây giờ mười ba năm sau, ta lại trùng phùng, 13 là con số xúi quẩy, vậy mà mười ba năm sau, anh vẫn là anh, vẫn cứ bất chợt lại cười lên hô hố, vẫn là cái kiểu nói sắc cạnh, thông minh và châm biếm, chẳng khác gì ngày xưa, có điều tiếng cười của anh đã mang chất giọng trầm đục của lồng ngực. Còn tôi, cũng không thay đổi gì chứ?

- Ngoài phôi, chỉ thoáng nhìn là đã nhận được ra, vẫn như thế, đến một sợi tóc bạc cũng chưa có.

- Nói thế, nói thế, già rồi, đánh mất chẳng cả hơn mười năm thời gian, thời gian quý nhất của một đời người, tuổi tráng niên, tuổi làm ăn lập nghiệp.

Anh lại cười, nhưng rồi nụ cười vụt tắt. Đúng vậy, anh đã có một mái tóc bạc, hai cùm tóc mai, và trước trán rõ ràng là có những sợi bạc len vào. Anh chỉ hơn tôi có hai tuổi, con người, đến tuổi trung niên thì thôi mọi việc, mà anh cũng đã bước vào tuổi trung niên rồi.

- Không, không. - Anh đoán được suy nghĩ của tôi. - Những người trong tầng lớp lãnh đạo, đến tuổi sáu mươi, vẫn coi là trẻ, anh và tôi vẫn còn có thể tính vào loại choai choai: - Anh lại cười khanh khách. - Còn làm ăn được.

- Đúng, còn có thể làm ản lại từ đầu, Mao Mao vừa thi đỗ nghiên cứu sinh, là quan Nghè rồi.

Anh lại khanh khách cười, tôi theo anh, cũng cười ha ha.

Tôi rất thán phục anh, cuộc đời anh đã từng chìm nổi như thế, mà vẫn giữ được niềm lạc quan đến vậy.

- Nào, bây giờ anh hãy nói đi, có đúng là anh đã từng bị bán thật không? Tôi nghe Mao Mao nói vậy - Tôi hỏi.

- Đã từng bị bán, chỉ xuýt xoát nữa là đến nhà ông cụ Mác nhận công tác.

Anh nói rất thành thực, không hề mang một ý cười cợt nào.

- Nói, nói mau, mùi vị của cái chết nó thế nào?

Anh trầm ngâm một lát rồi mới nói:

- Bán vờ ấy mà.

- Anh biết là bán vờ từ trước sao?

- Thì có nghĩa gì nào. Lúc đầu tôi cứ tưởng rằng, thế này là toi rồi. Cái chết, chẳng có mùi vị gì hết, cái chết chẳng có gì đáng sợ, vấn đề là ở chỗ chết đi mà vẫn chưa làm được việc gì, tay trắng. - Anh lại cười ha ha. - Thực ra, hồn ma bóng quỷ rất nhiều tôi thấm vào đâu.

Anh im lặng.

- Hút thuốc đi! - Tôi đưa thuốc mời anh. Mười lăm năm trước, chúng tôi tốt nghiệp đại học, đều chưa hút thuốc, bây giờ tôi mỗi ngày hai bao, còn anh vẫn như xưa.

Điếu thuốc đã cháy, khói toả mờ mờ. Anh dựa vào chiếc ghế bành mà thằng em trai tôi đã mang gỗ gụ đi nhờ người đóng giúp, tôi cũng ngả mình vào ghế như thế.

- Giữa nửa đêm tôi bị người ta lôi ra khỏi chuồng trâu. Người ta bảo tôi cút, tôi mặc quần áo, cút khỏi đó. Tôi đi theo họ, bởi vì, bị đi đưa thẩm vấn ban đêm, đây đâu phải lần thứ nhất. Đây là một loại đòn tâm lý, làm cho sợ một cái là phải phọt cung ra, cũng có nhiều đêm liên tục không được ngủ, cũng phải chịu thôi. Tôi nghĩ tới việc họ sẽ bắn chết tôi, đánh đập là chuyện cơm bữa rồi, nên cũng đã có đối phó, tôi mặc thêm áo len, quần len, để giảm nhẹ nỗi đau dớn cho thịt da. - Anh lại ngoác miệng cười. - Bọn họ đưa đến đội địa chất của chúng tôi, đó là "Đông phương hồng cách mạng tạo phản tư lệnh bộ", nó cũng giống y như bộ chỉ huy mặt trận thời chiến tranh vậy. Nhưng không phải là ở tiền tuyến, mà là một gian phòng, vốn là phòng kế toán ngay bên cạnh nhà ăn, để thẩm vấn xong, ăn đêm cho tiện. Tiền "bồi dưỡng, ăn đêm, dã ngoại" của lũ người bị giam ở chuồng trâu chúng tôi đều bị bọn họ ăn chặn hết, chỉ vào bữa ăn đêm này.

Chà, chà! Anh vẫn giống như thời học trung học, cái gì cũng có thể thành chuyện đem ra kể cả. Bất kể chuyện gì do anh bốc lên đều trở thành khôi hài đến tức cười. Anh hãy kể lại cái cảm giác đích thực của anh vào hồi đó đi. Ý ấy của tôi còn chưa kịp nói ra, anh đã hiểu tất cả bác lại tôi:

- Anh không thấy rằng chuyện này là rất khôi hài sao?

- Nếu như dùng con mắt bây giờ mà nhìn lại, thì đúng là như vậy.

- Nhưng lúc bấy giờ, tôi lại cảm thấy đó là một đại hài kịch. Họ chất lên đầu tôi mọi thứ tội danh, đều không có gì là lạ, nhưng tôi có một ông chú ở Mỹ, thì tôi

trở thành gián điệp được sao? Chỉ vì tôi có chiếc máy thu "Gấu Mèo" ⁽¹⁾ với ba băng tần, thì tôi trở thành người nghe đài dịch BBC của nước Anh được sao? – Anh lại nhếch mép, nhưng không cười. – Bước vào đó, tôi không bị đánh, nhưng bị treo ngược lên như treo một con lợn, cái mùi vị ấy thực khó lòng nhắm nháp được, dom đóm nổ ra tung toé, tôi chỉ đành nhắm tịt mắt lại. Toàn thân là mồ hôi, lúc ấy mới hồi hận là mặc thêm quần len áo len, đó là cái cảm thụ đích thực lúc bấy giờ.

Anh chờ một phản ứng nào đó ở tôi. Nhưng tôi nín lặng nghe anh kể tiếp.

- Sau đó mới là hỏi cung, rồi tuyên bố tội trạng của tôi, phán quyết tử hình, thi hành ngay lập tức. Tôi còn nghe thấy cả tiếng khẩu súng kéo cò. Bọn họ hạ tôi xuống, túm chặt lấy tóc tôi, dí vào mắt tôi cho tôi đọc tờ thông cáo xử tử. Hỏi tôi có đọc ra được tên mình không? Tất nhiên là tôi đọc được. Một cái chấm đỏ, một cái móc đỏ, gạch vào tên tôi hết như tờ thông báo dán ở cửa toà án mỗi khi có một phạm nhân bị xử bắn. Nhưng tôi vẫn không tin, tôi bị bắn chết chỉ vì có vậy thôi sao? Đều là những người làm khoa học với nhau cả, mà lại đối xử với nhau như thế, anh thử nói xem đó là bị kịch hay hài kịch.

- Đó là một thời đại phi lô gíc.

- Đời sống phi lô gíc như vậy, nhưng lại rất chân thực, chân thực tới mức độ làm anh không tin.

⁽¹⁾ Máy thu Gấu Mèo là loại máy của Trung Quốc sản xuất, đã từng nhập vào nước ta, dưới tên gọi "Xengmao". Nhưng đọc theo âm Trung Quốc như vậy cũng là đọc sai.

- Họ không đem anh ra bắn chết, coi như số mệnh anh còn lớn.

Cả anh, cả tôi đều trầm lặng. Cảm thấy trong phòng lạnh lẽo, tôi mở cánh cửa lò sưởi ra.

- Rất có thể họ đã bắn chết tôi, bởi không thiếu người đã bị chết như thế. Cũng may là tôi chẳng có thù hằn với riêng ai, bình thường, tôi suốt ngày chỉ biết lang thang, ngoài dã ngoại đo đạc thăm dò lấy số liệu cho công việc của mình, chưa hề cãi cọ gây mâu thuẫn với ai trong đội. Còn mọi người, cũng toàn là người tử tế cả, nhưng người sợ lửa bén vào mình, người lại muốn lập đại công, động cơ vẫn chỉ là muốn làm cách mạng...

Anh lại nhếch mép, cái kiểu cười không thành tiếng này, trước kia anh chưa từng có, nhưng rồi nó lại biến thành sự sâu sắc của anh. Số đen ập đến chính là do cái hoạt bát, dí dỏm của anh đem lại. Hoạt bát, dí dỏm vào cái thời ấy, là một tội danh.

Tôi nghĩ tới lá thư cuối cùng anh viết cho tôi cách đây mười ba năm:

"Ông Mác đã biết được rằng, kinh nghiệm của những người bán rau được người ta nâng lên thành một thứ triết học, hẳn phải tức khí đến phát run lên".

Tôi không trả lời bức thư ấy của anh ngay, chỉ vì tôi muốn khéo léo nhắc nhở anh rằng, trong thư tín cũng vậy, trong lời nói cũng thế, chẳng nên pha trộn cái dí dỏm ấy vào làm gì, bởi không khí chính trị lúc đó đã vô cùng rối rắm, căng thẳng rồi, tránh rước họa vào người. Hai tháng sau, cuộc cách mạng văn hoá nghiêng trời lệch đất đã bùng nổ, chẳng còn ai biết được số phận của

mình sẽ ra làm sao nữa, nên tôi cũng chẳng dám viết thư cho anh. Hơn nữa tôi cũng dự cảm thấy những điều tai hoạ của anh, quả nhiên từ đó về sau, tin tức về anh bất hẳn.

- Chết không đáng sợ, mà chỉ là một điều đáng tiếc. – Anh nói. – Bọn họ trói tay tôi quặt về sau, tôi bị lôi lên một chiếc xe tải, chạy xe lòng vòng một chút, rồi bị kéo xuống, hỏi lại tôi đã chịu nhận mình là gián điệp chưa, cho tôi một chút suy nghĩ cuối cùng. Tôi nghe thấy tiếng nước suối róc rách ở đâu đó không xa lắm và cả tiếng cò súng nữa. Lần này thì thật rồi đây, tôi nghĩ như vậy. Nói là thật, nhưng tôi vẫn không thấy sợ, mà chỉ thấy ớn lạnh ở xương sống và tim đau nhói. Tôi nghe một tiếng "đoạch", tôi ngã vật xuống. Trong óc vang lên một tiếng ong ong. Tôi cứ ngỡ rằng, họ đã bắn trúng vào đầu mình. Vào cái giây phút mặt tôi ập xuống mặt đất giá lạnh, anh đoán xem tôi nghĩ đến cái gì? – Anh nhìn tôi.

- Nếu là tôi, khi phải đối diện với cái chết, tôi chẳng bình tĩnh được đến thế, tôi phải gào thét, tôi phải phản đối cái chết ngu xuẩn hoang đường như vậy, tôi sẽ kêu to thét lớn, anh lại cười rồi!

- Anh còn nhớ không? Vào cái mùa hè năm ta ôn tập để thi vào đại học đó, có lẽ anh học cũng đã mệt, nên đặt một chiếc đĩa hát vào máy, tôi ở chân tường sân bên kia, gọi bảo anh bê máy ra chân tường bên ấy, cho tôi nghe ghé với...

Hình như anh muốn là thức giấc những ký ức trong tôi.

Tôi tiếc nuối thành thực nói:

- Thì anh chả có cái đĩa bài "*Concerto cung mi thứ*" cho violon của Mendelson đấy thôi.

- Cái đó sao tôi không nhớ? Đó là đĩa hát tôi vô cùng thích thú! Nhưng hồi đại phá "bốn cái cũ", hai anh em tôi đều ở xa nhà, người nhà sợ quá đều đem đập vụn hết.

- Khi tưởng mình bị bắn trúng, chết đi, trong lòng tôi cứ nghĩ rằng, thế là chẳng còn bao giờ được gọi anh bê chiếc máy hát ra sân mở nhạc, để nghe nhờ cách tường nữa, sẽ chẳng bao giờ còn được nghe những tiểu khúc của Mendelson...

Tôi ư ử đóng lên tiểu khúc ấy, sau một hồi khốn khổ suy nghĩ nhớ lại, tôi hăm hở bám theo chủ đề của khúc nhạc, anh luôn luôn gặt đầu. Đó là khúc nhạc mà nhịp điệu cứ gấp gáp vút lên, rồi dứt đoạn, rồi lại gấp gáp vút lên theo sự vận động hài hoà của âm thanh. Đó là sự vẫy gọi đối với tương lai, đối với lý tưởng, đối với sự xúc động trước một cuộc sống huy hoàng. Đúng vậy, đúng thế, nó đã bùng cháy lên trong tôi. Đó là sự cách biệt mười ba năm rông, tôi và anh đã lênh dênh trong cuộc sinh ly tử biệt, song tinh thần giữa hai ta vẫn một mạch nối liền, không tắt.

- Tôi đã nằm mơ thấy anh hai lần. - Tôi nói. -- Một lần trong khi, sắp xếp lại đội ngũ giai cấp. Tôi nhớ không rõ, đó là vào năm sáu bảy, hay sáu tám. Trong cái không khí khùng bố đó, ngày hôm nay chưa biết được ngày mai sẽ ra sao. Trong đại hội đấu tố người khác, khi đọc tài liệu, căng thẳng, cuống lên chỉ sai một chữ, là ngay lập tức bị lôi từ hội trường ra ngoài, và lộn thành phản cách mạng, trong những ngày như thế,

tôi đã nằm mơ thấy anh. Chà chà, anh đang chỉ huy một dàn nhạc giao hưởng.

- Hay! Đây ý nghĩa.

- Nhưng anh lại quay lưng về phía tôi, nằm ngửa trên một chiếc ghế tựa, cánh tay vung vẩy, đầu thì lão đảo lắc lư.

- Tuyệt vời!

Anh ngã người ra mà cười, nói vậy, bàn tay to lớn vỗ lên thành ghế.

- Tuyệt diệu là ở chỗ anh chỉ huy trình diễn khúc nhạc ấy, nó nhiều tầng thú như vậy, giữa những tiếng nổ bùng đoàng của những thanh âm chập chững, không hoà nhịp, nên khó mà có thể phân biệt được nửa âm giai thăng giáng, nên anh đã phải rất khó khăn, vừa kịp thời nắm bắt được sự hình thành của nó, đã lại thất bại. Nhưng đúng lúc tiếng bùng đoàng vừa bất chợt nổ ra, anh đã phân biệt ngay được thật rõ ràng, rồi tiến hành một cách ổn định, vậy mà rồi lại bị cái âm hưởng bùng đoàng tạp nham kia lao vào phá phách với sức mạnh dồi non lấp biển. Nhưng cái thứ âm điệu nhịp nhàng đó, lại bò ra từ cái đồng hồ tạp đồ nát ngoan cường thực hiện, triển khai giẫm đạp tạo lấy con đường ra chắc chắn vững vàng.

Anh nói giọng đầy cảm khái:

- Ôi chao! Đây là một bài thơ!

- Chỉ có thể nói đó là một khổ thơ trữ tình, nhưng chẳng có cách gì mà viết nó ra cho chính xác được.

- Nó giống như một thời chìm nổi lênh đênh của lớp người chúng ta vậy.

Anh nói đúng.

Ấm nước đặt trên lò nước đã lục đục sôi, cuộn cuộn bốc hơi. Lại châm thêm thiếu thuốc.

Anh nói:

- Đã hơn mười năm, tôi chưa được nghe một bản giao hưởng nào!

Tôi chợt nhớ tới chiếc máy thu thanh đã đem đến tai hoạ cho anh:

- Sau đó, sao anh không mua lấy một chiếc đài bán dẫn?

- Sau cái đợt đại lâm lần đó, có lẽ chẳng còn ai nghi ngờ tôi là gián điệp nữa. Tôi cũng định mua một chiếc để học tiếng Anh, công việc sau này cũng không thể không đọc những liệu bằng ngoại ngữ. – Anh nói tiếp vào câu chuyện tôi vừa nói ra. – Anh hãy mua giúp tôi cuốn *"Anh Hoa đại từ điển"* của Trịnh Dị biên soạn ấy, các từ điển khác nói chung, loại nào cũng được, sách của tôi đều mất sạch sẽ cả. Sau khi về nhà, tôi sẽ gửi tới anh năm chục đồng, anh mua giúp tôi một ít sách công cụ.

Chà chà, cái chết cũng chẳng làm anh đổ ngã nổi, mà còn là chiến thắng cái chết.

- Còn ác mộng nữa thì sao? Anh chẳng nói anh nằm mơ thấy tôi hai lần là gì?

- Giấc mộng đầu tiên, tôi còn ghi nhớ được rất rõ ràng. Khi tỉnh lại tôi mở to đôi mắt, nhớ lại những ấn tượng đã gặp trong mộng, thậm chí tôi còn lấy bút, ghi đại khái lại những giai điệu cùng tiết tấu của nó. Nhưng có điều đáng tiếc rằng những âm phù của nó, tôi

không nắm bắt hết được, nhưng ấn tượng lại vẫn rất rõ ràng. Tôi vẫn cứ nghĩ, nếu gặp lại anh được, nhất định phải kể cho anh nghe về giấc mộng này. Còn giấc mộng thứ hai, nó rối rắm, lung tung lắm, chẳng hiểu vì sao, tôi lại đến nhà anh, đến ngôi nhà ở cạnh sân nhà tôi mà trước khi cả hai gia đình bị đuổi cút đi ấy, nhưng trên đường tới nhà anh, chẳng biết những con hẻm ngoằn ngoèo cùng với những ngõ ngách nó bò từ đâu ra mà lắm thế, lại còn cả một khoảnh sân giống gần như khoảnh sân trước nhà tôi khi tôi còn bé tí tẹo nữa. Nhưng dù sao cũng đã tới được nhà anh, gặp được anh, mừng vô kể, có biết bao nhiêu chuyện muốn kể với anh, nhưng trong nhà anh ngồi đầy những người. Hai đứa chẳng nói được gì, liền kéo nhau ra ngoài. Sau đó cùng ra sân sau, cùng đi bắt dế trong đồng gạch vỡ ở chân tường. Sau trận mưa, trời âm u, tối sầm, trong sân đầy những vũng nước đọng. Tôi cứ đào mãi, bới mãi trong một khe tường nứt, và anh biến mất, tôi chẳng còn cách gì mà tìm lại anh, bởi vì chẳng còn nhận ra được đường lối nào mà đi trong những ngõ ngách ngoằn ngoèo nằm dưới hiên nhà nữa.

Anh trào lộng giải thích:

- Đây là một mộng triệu bi thương, đen đui.

- Cũng là một giấc mộng rất xưa. – Tôi nói. – Nhưng trong lòng lại luôn luôn cảm thấy một hoài niệm ấm áp.

Trong phòng đã ấm lên, trên kính cửa sổ phủ một làn hơi nước mờ mờ, ngoài kia chắc trời lạnh lắm.

- Mùa thu năm bảy mươi ba, tôi có mò về qua đây một lần, đi đi lại lại trước cửa nhà anh mấy bận, không

dám vào, một là e nhà anh đã dọn đi chỗ khác, hai là sợ người ta nhận ra tôi, mà gây phiền toái cho gia đình anh. Bởi vì lúc ấy tôi vẫn còn chưa được tự do, mọi việc được treo lại đã là sướng lắm rồi, ít ra cũng được ban ơn cho phép về thăm nhà.

- Khi đó tôi cũng đang còn bị tổng về lao động ở một hẻm núi xa xôi hẻo lánh. Đến mãi năm bảy mươi nhăm mới được trở về Bắc Kinh. Trong một lần được phép về thăm nhà, có nghe cha tôi nói đã gặp ông thân sinh ra anh quét đường ở phía Nam thành phố, nên tôi cũng chẳng biết gia đình anh đã trôi dạt về đâu sau khi bị đánh đòn, còn sao mà dám đến uỷ ban Cách mạng đường phố mà để hỏi thăm địa chỉ.

- Cha tôi ốm qua đời từ năm kia rồi.

Coi như đã sống trong một cuộc chiến tranh kéo dài hơn mười năm, và đó cũng chính là cả một thời trai trẻ của chúng tôi.

- Anh còn nhớ "*Con đường đau khổ*" của Tônxtôi không? - Tôi hỏi. - Trước khi nộp đơn dự thi đại học, tôi với anh còn bàn tính với nhau nên thi vào khoa nào trường nào. Tôi đã cố gắng thuyết phục anh cùng học văn với tôi, anh bác lại tôi nói: "*Con đường tiến trình của xã hội không cần tới chúng ta đi tìm kiếm nữa rồi. Thời kỳ đại cách mạng đã hoàn thành, khi không có sự biến hoá to lớn của xã hội, cũng sẽ không có được một nền văn học sâu sắc, con đường trước mặt chúng ta quá ư bằng phẳng, xã hội chỉ còn dành cho ta một lối đi là lao động sáng tạo mà thôi*". Anh còn nhớ không?

- Chúng ta không tranh luận nữa. - Anh vung tay cắt ngang. - Hãy nói về tình hình của anh bây giờ.

- Tôi chẳng có gì để nói cả, chưa từng bị bắn, cũng chưa từng bị đấu tố, chỉ có một hồi bị túm vào phong trào mang tính bè phái, theo lớp học tập một tháng, ngay đến đi ra nhà xí cũng có cái đuôi bám theo. Họ sợ mình bắt rẽ râu chuôi, chỉ có vậy mà thôi.

- Đúng vậy! Khi xảy ra sự kiện Thiên An Môn, anh có mặt ở Bắc Kinh không?

- Có.

- Năm sáu chín, khi mang đi bắn, tôi lại chẳng thấy đau khổ gì, chỉ là về sau này, khi các biến động chính trị cứ chồi lên, thụt xuống liên tục, không ngừng không nghỉ, không còn làm được bất cứ một việc gì, điều đó mới chính là điều chịu đựng không nổi, khi qua đài phát thanh nghe tin về "Vụ bạo loạn ở Bắc Kinh" tôi đã như chợt nhìn thấy hi vọng. Khi đó tôi đã nghĩ, lúc nào gặp được anh, tôi nhất định phải hỏi rõ ràng mọi sự lúc bấy giờ.

- Ngày nào tôi cũng mò tới đó, lại còn chụp được khối ảnh.

- Với trực giác của mình, tôi đã nghĩ ngay rằng, nếu có mặt ở Bắc Kinh, dứt khoát anh phải mò tới đó! Anh là người làm văn học, làm sao lại có thể bỏ qua được sự kiện ấy?

Tôi cười xoa nói:

- Có khi cần chọn góc độ cho ống kính, tôi không thể không trèo lên cao, nào đứng trên lan can, nào trèo lên cột đèn và bị theo dõi đấy.

- Nhưng làm sao anh biết được?

- Tôi ngày ngày đến đấy, họ cũng ngày ngày có mặt

tại đó. Hơn nữa họ mặc áo paođosuy màu xanh Nhà nước phát, hai bên đều thuộc mặt nhau.

- Về sau, họ có bắt anh để thẩm vấn không?

- Dù sao tôi cũng chẳng phải trẻ con, tôi tháo biển đăng ký xe đạp giấu biệt đi.

Anh cười khanh khách.

- Nhưng một tháng liền sau đó, tôi không bao giờ cười xe đạp ra phố nữa. Sang tháng thứ hai, tôi xin phép đi thăm gia đình, lánh mặt ở nhà gần hai tháng, mới trở lại Bắc Kinh.

- Những tấm ảnh ấy của anh còn giữ được không?

- Phim thì còn, nhưng đã bắt đầu mốc rôi. Ngay từ lúc đầu, tôi đã bọc chúng lại bằng giấy thiếc bỏ trong túi nilông, chôn xuống đáy chậu hoa.

Anh gật gật đầu: Đó là sự từng trải của thời đại chúng ta. Tôi hiểu rõ ý anh.

- Trong ngần ấy năm, anh còn viết lách gì không?

Nói thế nào bây giờ nhỉ?

Tôi tự nguyện xin đi định cư ở miền núi là vì không muốn để mất trắng cả cuộc đời mình trong những trường cải tạo cán bộ. Tôi muốn tìm góc yên tĩnh viết ra những cảnh ngộ và cảm nhận của thời đại chúng ta. Nhưng rồi không viết ra được, mà chỉ là một đồng giấy lộn, chẳng thú vị gì!

- Sao anh không kiên trì viết tiếp?

- Bởi vì ngay lúc đó đã không nhìn thấy cái kết cục...- Điều đó tôi hiểu, cô độc là điều khó chịu đựng nổi, bị bắn chết chỉ là chóc lát, còn cô độc là sự tích cốp cả năm cả tháng. Muốn chiến thắng được cô độc chẳng

dễ dàng gì. Sau này cũng đã nơi nói ra. Có được cơ hội là chuồn thẳng về một thị trấn nhỏ cách xa chỗ ở mười dặm, nhảy vào bể tắm⁽¹⁾ nghe mọi người nói chuyện tào lao, bởi vì tôi chẳng có ai để mà trò chuyện cả. Chà! Anh phải viết tiếp quyển sách đó đi, bởi nó là cảnh ngộ của cả một thời đại, một lớp người.

- Sau sự kiện Thiên An Môn, trong một buổi tối, tôi đem mọi thứ đốt sạch sẽ. - Tôi nói.

- Thật là đáng tiếc. Cuốn truyện đó anh viết được bao nhiêu chữ rồi?

- Gần bốn chục vạn chữ. Cái kết của chương cuối cùng là: Nhân vật chính đi mãi trong vùng núi mênh mang, mệt mỏi cùng cực, nằm xuống một mái lán cỏ tranh của người miền núi dựng lên. Vọng nhìn ra bên ngoài lán cỏ, không có tiếng chim hót, cũng chẳng có tiếng côn trùng rí rả, bốn bề vô cùng tĩnh mịch, chỉ có một vùng trời rất trong sáng kệt giữa hai ngọn núi cao. Bên dưới đỉnh núi là những bụi gai góc bùng nhùng, không có chỗ đặt chân. Nhưng anh ta nghĩ, hãy cố gắng thêm đi leo lên cái mỏm đá trần trụi kia, đứng trên đó mà nhìn ra, trời nhất định sẽ sáng hơn, thanh sạch hơn.

- Thật là tuyệt diệu, tưởng tượng được ra thế, đúng là tuyệt diệu. Anh phải viết lại nó đi thôi...

Anh xúc động đi đi lại lại mãi trong nhà, sau đó đứng dừng lại bên cửa sổ, lấy tay xoa xoa lớp hơi nước bám trên khung kính, đắm đắm nhìn ra ngoài.

⁽¹⁾ Loại nhà tắm tập thể nhỏ, tắm trong bể nước, rồi nằm nghỉ, uống trà, đọc báo... coi như một sự nghỉ ngơi.

- Tất nhiên là phải viết rồi. - Tôi nói. - Bấy giờ cái kết của thiên tiểu thuyết này đã có rồi.

- Tuyệt rồi rồi!

Chùng như không nghe thấy những lời tôi nói, nên anh mở cửa sổ ra và bảo vậy. Lớp khói sương từ ngoài cửa sổ ập vào bay quanh quất trong nhà, không chịu ra ngoài nữa.

Anh nói:

- Ra ngoài, đi lảng quăng đi!

Ngoài đường phố không có gió, những cánh tuyết bay im lìm, lặng lẽ, rơi vào cổ áo. Đôi giày da lộn nặng nề của anh giẫm lên mặt đường vừa được phủ một lớp tuyết thanh khiết trắng bong, vết giày ở phía sau lập tức bị ướt sũng. Tôi đã đuổi kịp anh, cùng sánh vai nhau bước trên con đường thời đi học tiểu học chúng tôi vẫn cùng đi, sau đó lại cùng đến trường trung học. Hầu như không một ngày nào chúng tôi không cùng sánh bước trên con đường này.

- Sống vẫn là hơn? Hử?

Anh đột nhiên đứng dừng lại, chăm chăm nhìn tôi, không cười.

Tôi nói:

- Tất nhiên rồi! Cái mdạng này, là anh nhạt lại được đấy!

- Dù...

Câu chữ của anh chưa bật ra, chúng ta đã cười, cười lớn, cười, khiến những người đi đường phải đứng lại nhìn mà chẳng hiểu ra làm sao cả.

Bắc Kinh ngày 31 tháng Ba năm 1980.

TAI NẠN

Sự việc là thế này...

Năm giờ chiều, từ một cửa hàng sửa chữa radiô bên này đại lộ Đức Thắng vừa vang lên mấy tiếng "tút TUT" báo giờ của đài phát thanh, thì bên ngoài đường chợt bùng lên một trận gió làm cho cát ở đồng cát bên kia đường, chỗ hiệu sách Tân Hoa đang sửa chữa, bốc lên theo, bụi đất quẩn nửa vòng dưới mặt đường nhựa, rồi lắng xuống, tan đi. Bây giờ chưa phải là mùa gió cát, khí trời mới chợt chuyển sang ấm áp, những người đi xe đạp vẫn còn mặc những chiếc áo bông ngắn màu ghi, những người đàn bà trẻ đi trên lối qua đường cũng đã có người mặc quần áo mùa xuân màu xanh nhạt. Người đi xe đạp cùng những người qua đường cứ nối tiếp nhau không dứt, những lúc ấy chưa phải là giờ cao điểm của thành phố lúc tan tầm. Nói chung là có người về sớm, hoặc như bao giờ cũng có người không đi làm, nghỉ việc, trên con đường này, những người đi chơi và những người đi làm luôn luôn đông đúc. Hàng ngày, vào giờ này, con phố này đều thế, trong những chiếc xe buýt không đông khách lắm và cũng chẳng vắng khách lắm, khách ngồi hết ghế, có người phải đứng, mặt quay ra phía cửa sổ, bám vào tay

vịn. Một chiếc xe đạp, còn kèm theo chiếc xe nôl, chiếc xe nôl, có khung xe bằng vài ca rô xanh đỏ. Chiếc xe đạp kéo theo chiếc xe nôl ấy đi chéo từ phía bên kia sang bên này đường, đạp xe đạp là một người đàn ông, đi ngược lại với người đàn ông là một chiếc xe buýt hai toa, đang phóng nhanh, song cũng chẳng thể gọi là quá nhanh, nếu so sánh tốc độ của chiếc xe con màu xanh nhạt từ phía sau vượt lên, thì tốc độ của nó còn chậm hơn, chưa chắc đã vượt quá tốc độ qui định của giao thông thành phố. Người đàn ông gò lưng đạp bàn đạp, chiếc xe con màu xanh lướt qua bên người đạp xe, chiếc xe buýt lại lao thẳng tới người đó. Người đạp xe trù trù một lát, nhưng lại không bóp phanh, chiếc xe đạp kèm theo xe nôl vẫn không nhanh không chậm đâm chéo sang đường. Chiếc xe buýt bấm còi, nhưng vẫn không giảm tốc độ. Chính lúc người đạp xe vừa vượt qua vạch vôi trắng giữa đường, trận gió cát cũng đã lắng xuống, không hề che mất tầm nhìn của người đạp xe, anh ta cũng không hề chớp mắt, đầu hơi ngẩng lên, đó là một người trung niên tầm trên dưới bốn mươi tuổi, đội chiếc mũ hơi lênh về phía sau, để lộ vàng trán hói. Lý ra ông ta phải trông thấy chiếc xe buýt đang chạy về phía mình, và phải nghe tiếng còi xe, thì lại có vẻ chần chừ, và hình như đã bóp phanh, nhưng chỉ bóp mớm, nên chiếc xe đạp kèm theo xe nôl ấy có chậm lại một chút, song vẫn từ từ đi chéo sang bên kia đường theo quán tính, trong xe nôl là một đứa trẻ chừng hai, ba tuổi, khuôn mặt hồng hào. Tiếng phanh xe rít lên giữa tiếng còi gấp gấp chói tai, chiếc ô tô càng lao tới gần hơn thì tiếng còi cùng tiếng phanh càng rít lên mạnh hơn.

Bánh trước của chiếc xe đạp vẫn đi chéo về phía trước của chiếc xe buýt, chậm chạp, và tiếng còi xe ô tô càng to, càng rít lên mạnh hơn. Chiếc xe buýt tuy đã có giảm tốc độ, nhưng chiếc đầu phẳng như một bức tường vẫn lừng lững tiến tới. Hầu như chiếc ô tô và chiếc xe đạp đã chạm vào nhau. Một người đàn bà đang sang đường từ phía bên này hét lên, tất cả những người sang đường hay những người đi xe đạp, đều như chết đứng, họ đã nhìn thấy bánh trước của xe đạp đã vượt qua được mũi ô tô, chính lúc này người đạp xe nếu ra sức đạp xuống bàn đạp của xe mình, có lẽ hãy còn kịp, nhưng ông ta lại buông tay, vươn về phía chiếc nôi, có mũi bằng vải ca rô xanh đỏ, chùng như muốn đẩy chiếc xe nôi ra xa chiếc bánh xe đang nhảy chồm chồm trên đường. Bàn tay ông ta vừa với tới nó thì chiếc xe nôi đã bay ra, ông ta giơ cao cả hai tay, từ trên yên xe ngã ngửa về đằng sau, nhưng một chân đã bị kẹt lại. Giữa tiếng còi, tiếng phanh rít, và tiếng kêu thất thanh của người đàn bà cũng những tiếng kêu kinh hoàng của những người được chứng kiến tận mắt, thì người đi xe đạp đã bị bánh xe ô tô đè lên. Chiếc xe đạp của ông ta cong veo lại, lết đi trên mặt đường nhựa, băng ra xa đến hơn chục mét.

Mọi người hai bên đường phố đều đứng sững lại. Những người đi xe đạp cũng xuống xe. Bốn bên yên lặng như tờ, chỉ còn tiếng hát ẻo lả suốt suốt vang lên từ cửa hàng sửa chữa radiô phía sau.

*Em còn nhớ chăng,
Ta đã gặp nhau trong sương mù,
dưới chân cầu Gây.*

Có lẽ đó là bằng nhạc của một ngôi sao ca nhạc nào đó, ăn theo Đặng Lê Quân. Bánh xe trước của ô tô đã dừng lại trên vũng máu nhộp nháp, máu bắn toé lên đầu xe đang nhỏ xuống, từng giọt, từng giọt, xuống xác nạn nhân. Người tiếp xúc với các xác nạn nhân đầu tiên là người lái xe, anh ta mở cửa ô tô nhảy xuống, sau đó người hai bên đường đều đổ xô tới, còn một số khác lại bu quanh lấy chiếc xe nôi lúc đó đã đổ keng bên miệng cống. Một bà trung niên ôm lấy đứa trẻ từ xe nôi lên đu đưa và xem xét.

- Chết chưa?

- Chết rồi!

- Chết rồi ư?

Xung quanh xôn xao ồn ã. Đứa bé nhắm nghiền mắt, trên lớp da trắng nhợt nhạt của nó nổi lên từng sợi gân xanh, không có một sắc máu. Còn bên ngoài chẳng thấy có vết thương nào.

- Đừng để cho hắn chạy!

- Gọi cảnh sát mau lên!

- Mọi người hãy giữ nguyên lấy hiện trường! Đừng có bước qua. Hãy bảo vệ lấy hiện trường. Người đi đường bọc kín lấy đầu xe ô tô, chỉ có một người ở vòng ngoài khom lưng nhấc lên chiếc xe đạp đã cong queo, nát bét. Khi đặt nó xuống tiếng chuông vẫn còn vang lên một tiếng kêu.

- Rõ ràng là tôi đã bấm còi và dậm phanh. Mọi người đều thấy rõ cả đấy thôi! Ông ta cứ đâm choàng vào đầu xe, như vậy, đâu phải lỗi của tôi?

Giọng khàn khàn của người lái xe giải thích như thế. Nhưng chẳng có ai đáp lại lời anh ta.

- Xin mọi người hãy làm chứng cho tôi, bởi ai cũng thấy rõ cả.

Một người công an đội một chiếc mũ sắt lớn xuất hiện và nói:

- Nào lui ra, lui ra... Lui hết cả ra.

Có tiếng nói của người đàn ông:

- Cái quan trọng là phải cứu lấy đứa bé. Nhờ vị nào đó chặn ngay một chiếc xe lại để đưa nó tới bệnh viện.

Một thanh niên mặc áo jacket bằng da màu cà phê giờ một cánh tay, chạy về phía vạch kẻ giữa trung tâm đường. Chiếc Tôyôta nhỏ không dừng lại mà liên tiếp bấm còi, vượt qua giữa những người đang từ trên hè đường đổ xuống. Rồi cũng có một chiếc xe tải nhỏ dừng lại. Bên trong cửa sổ chiếc xe buýt gây tai nạn, hành khách đang tranh cãi gì đó với cô gái bán vé. Một chiếc xe điện bánh hơi trở tới. Cánh cửa chiếc xe buýt mở ra, hành khách ào xuống.

"Tôi không quên, không bao giờ quên..."

Âm thanh nổi trong băng của chiếc cát xét chìm ngấm đi.

Máu vẫn nhỏ từng giọt. Trong không khí nồng nặc mùi tanh tưởi của máu.

Một tiếng khóc "oe" cất lên trong bầu không khí ngột ngạt, cuối cùng, tiếng của đứa bé đã cất lên...

- Thế là may rồi!

- Đứa bé vẫn còn sống!

Đó là những tiếng reo mừng. Tiếng khóc "oe oe" của đứa bé càng như to hơn. Mọi người vừa thấy hồ hởi thêm như vừa được giải thoát. Sau đấy, những người ở

phía đó lại ào ào quay trở về với cái vòng tròn người đang vây quanh thi thể nạn nhân.

Tuyệt tu, tuyệt tu, tuyệt tu...

Một chiếc xe cảnh sát trên nóc có chup đèn xanh lao tới. Mọi người giãn ra nhường lối, bốn người công an từ trên xe nhảy xuống. Có hai người cầm dùi cui trong tay, lập tức đuổi những người đang vây quanh ra.

Giao thông đã bị tắc nghẽn. Trên dọc đường, cả hai phía, các loại ô tô xếp thành hàng rất dài. Cả một rừng còi ô tô đã thay thế cho tiếng ồn ã của đám người. Sau đó có một người công an đứng ra giữa đường, vung cánh tay đeo găng màu trắng chỉ huy giao thông.

Cô bán vé trên xe buýt bị cảnh sát gọi xuống. Cô vừa giải thích, vừa miễn cưỡng đón nhận đứa trẻ vẫn được người đàn bà trung niên bế ẵm, bước lên chiếc xe tải nhỏ. Chiếc xe cùng với tiếng khóc ngằn ngặt của đứa trẻ bắt đầu nổ máy dưới sự chỉ huy của đôi tay đi găng trắng.

Đám người vây quanh người bị nạn đã lùi cả về phía sau giữa tiếng quát thét của cây dùi cui chỉ huy, tạo thành một vòng vây hình chữ nhật, chiếc xe đạp cong queo cũng nằm trong vòng vây đó.

Khi đó, ở phía bên này đường, đã có thể nhìn rõ dáng dấp của người lái xe buýt đang lấy chiếc mũ mềm lau mồ hôi. Một người công an hỏi han gì đó, anh ta rút giấy chứng nhận lái xe, bìa bằng ni lông đỏ, người công an giữ lấy. Anh ta vội vã giải thích với người công an.

- Còn giải thích gì nữa, chệt chệt người ta là chệt chệt người rồi...

Đó là tiếng nói to của một thanh niên đang dắt xe đạp.

- Chính ông ta tự tìm lấy cái chết đấy chứ. Đã chẳng vừa bấm còi vừa phanh xe là gì, vậy mà ông ta vẫn chẳng chịu nhường đường, cứ chúi vào gầm ô tô.

Một phụ nữ bán vé khác, tay còn lỏng đôi ống tay giả, từ trên xe buýt bước xuống, đáp lại lời thanh niên kia...

Trong đám đông, có người nói bằng giọng phẫn nộ:

- Ngay giữa đường, giữa thanh thiên bạch nhật, lại còn kèm theo cả một đứa trẻ nữa, làm sao mà không nhìn thấy được.

Có người nói mỉa mai châm biếm:

- Cánh lái xe ấy, chệch chết người cũng có làm sao đâu? Họ không phải đền mạng mà!

- Thật tội nghiệp, nếu không vướng đứa bé, ông ta đã qua đường được rồi.

- Liệu còn cứu được không?

- Phụt cả óc ra còn gì nữa?

- Tôi còn nghe thấy phụt một tiếng.

- Còn nghe thấy nữa ư?

- Nghe thấy chứ sao! Rõ ràng là phụt một tiếng.

- Thôi đừng nói nữa!

- Ôi chao! Con người thật là, nói hết là hết.

- Hấn lại còn khóc nữa!

- Ai khóc?

- Tay tài xế ấy!

Người tài xế ngồi xổm trên mặt đất, lấy chiếc mũ mềm chụp lên đôi mắt.

- Đúng thế! Chẳng ai là người cố ý cả...

- Nó rơi trúng đầu ai, người ấy chịu...

Có một người mới tới xen vào hỏi:

- Lại còn kèm theo cả đứa bé nữa à? Đứa bé đâu? Đứa bé đâu?

- Nó chẳng hề hấn gì sất, thế mới lạ chứ!

- Có điều, may là sót lại được một mạng người.

- Cái ông người lớn đi đứt rồi!

- Có phải là hai cha con không?

- Làm sao mà lại còn kéo theo chiếc xe nôi như thế chứ? Cứ một mình một xe, có khi cũng còn có chuyện nữa là.

- Chắc là vừa mới đi đón con ở vườn trẻ về!

- Mà cái nhà trẻ cũng rách việc, sao không cho nội trú hẳn đi?

- Gửi được con vào đấy cũng là may lắm rồi.

Một đứa bé len vào qua những khe người, bị một người lớn giữ lại:

- Có gì hay mà xem nào! Từ nay về sau, qua đường mà cứ chạy lung tung thì...

Ngôi sao nhạc Hồng Kông cũng thôi không hát nữa. Trên bậc thềm của cửa hàng sửa chữa radiô cũng đã đứng chật ních những người.

Ánh đèn đỏ nhấp nháy của xe cấp cứu đã tới.

Những nhân viên y tế mặc áo blu trắng khênh xác nạn nhân lên xe. Những người đứng trên bậc thềm của các cửa hàng đều kiễng cả chân lên.

Một ông đầu bếp béo tốt của quán ăn nhỏ cạnh đấy, trên người còn quần tạp dề, cũng thò ra xem.

- Có chuyện gì vậy? Tai nạn giao thông à? Chết chết một người à?

- Hai cha con, chết một!
 - Ai chết?
 - Ông bố!
 - Thế còn đứa con?
 - Không hề gì cả!
 - Thật chẳng ra sao cả! Sao không kéo ông ta ra?
 - Ông bố còn phải đẩy đứa con ra xa...
 - Thật đúng là mỗi đời một tệ hại hơn... Coi như toi công nuôi dưỡng đứa bé!
 - Không biết chuyện đừng có ăn nói lung tung.
 - Ai ăn nói lung tung hả?
 - Tôi không tranh cãi với anh.
 - Đứa bé được mang đi rồi!
 - Lại còn có cả một đứa bé nữa?
- Lại thêm người mới tới.
- Đừng có chen lấn.
 - Tôi chen lấn gì anh?
 - Xem xem cái gì? Giải tán! Giải tán cả đi!

Có người đứng từ vòng ngoài lôi mọi người ra, đó là những người chuyên trách tuyên truyền an toàn giao thông, trên cánh tay đeo băng đỏ, họ còn hung hăng hơn cả công an.

Người lái xe bị lôi lên xe cảnh sát, anh ta còn níu lại vùng vằng, nhưng xe đã sập cửa. Theo đó mọi người giải tán. Có người nhảy lên xe đạp, đạp đi. Những người đứng xem cũng đã thưa hơn, nhưng vẫn còn người dừng xe đạp, hoặc từ trên vỉa hè bước xuống. Phía đường bên này, đoàn ô tô, dẫn đầu là chiếc xe điện

bánh hơi, rồi tiếp theo là một dãy xe con, xe du lịch cỡ trung, xe jep, xe du lịch cỡ lớn, từ từ bò qua bên cạnh chiếc xe nôl với chiếc mũ bằng vải ca rô xanh đỏ rách nát nằm bên miệng cống. Những người đứng trên bậc thềm của các cửa hiệu hoặc đã tản đi, hoặc đã vào nhà.

Cho đến khi đội xe dài dặc đó đi qua hết, cái vòng người ở giữa đường cũng đã thưa đi nhiều, một người cảnh sát mới rút chiếc thước dây ra đo đạc, một người cảnh sát khác mới hý húi ghi chép trên cuốn sổ tay. Vũng máu dưới bánh xe ô tô đã bắt đầu đông, và sắc máu cũng đã đen tím lại. Chỉ còn lại người đàn bà bán vé đang ngồi chỗ gần cánh cửa ô tô hé mở, lặng lẽ nhìn người qua lại trên đường. Từ phía đường bên kia, một chiếc xe điện bánh hơi đi ngược chiều tới, tất cả những người trên xe đều quay mặt nhìn ra đường, cũng có người thò hẳn đầu ra bên ngoài cửa sổ xe. Lúc này đã đến giờ tan tầm, giao thông thành phố bắt đầu rầm rập bước vào giờ cao điểm, người đi bộ và người đi xe đạp đông đúc hơn, nhưng đều bị công an và những nhân viên tuyên truyền an toàn giao thông quát tháo không cho vượt ra giữa đường.

- Đâm xe hả?

- Chết người chứ?

- Làm sao mà thoát chết được, những ngân kia máu.

- Hôm kia ở đường Kiện Khang cũng xảy ra một vụ, mới mười sáu tuổi đầu, đưa được đến bệnh viện thì chết rồi, nghe đâu là con một?

- Thời buổi này, nhà nào chẳng là con một?

- Như vậy thì cha mẹ biết sống ra sao? Ôi chao!

- Nếu vấn đề giao thông không giải quyết được, thì còn có chuyện xảy ra.

- Nhiều ấy chứ lại.

- Cứ mỗi lần tan học, thằng Chí Minh nhà tôi chưa về đến nhà, là tôi lại lo đến thất ruột thất gan...

- Con ông là con trai còn đỡ, chứ là con gái thì người lớn phải lo lắng gồm hơn.

- Kìa! Kìa! Chụp ảnh.

- Có chụp nữa cũng bằng thừa.

- Cố ý đâm xe à?

- Ai biết.

- Hình như không phải va quệt gì đâu, nếu không sao lại tông thẳng vào nhau như thế?

- Thì tôi cũng vừa chợt đi đến đây.

- Cánh lái xe bây giờ bật mạng tranh hơn thua, rất ngổ ngáo ngang tàng, mình không tránh, họ chẳng chịu nhường mình đâu.

- Cũng có những tên, giận dữ không có chỗ dổ, đã giết người loạn sạ, ai vướng vào chúng, chỉ có nước toi.

- Cái này, thì có tránh cũng chẳng tránh nổi, có số cả rồi. Ở quê tôi có một người thợ mộc, tay nghề giỏi, nhưng lại quá nghiện rượu, có một lần đi làm nhà cho người ta, đêm về, uống say bết nhè chẳng may trượt chân, đầu đập vào một hòn đá nhọn...

- Mấy ngày hôm nay, chẳng hiểu làm sao em toàn thấy máy mắt...

- Kìa, con mắt em kìa?

- Người ta đi đường, đừng có nghĩ lung tung, đã mấy lần em thấy anh...

- Chẳng sao đâu!

- Anh có làm sao thì em chẳng chịu đựng nổi đâu!

- Kìa em, người ta đang nhìn mình kìa kìa.

Đôi bạn tình đang nồng nàn trong yêu đương đó, đưa mắt nhìn nhau, nắm tay nhau càng chặt hơn, cũng đi.

Chụp ảnh nơi hiện trường cũng đã chụp xong. Người cảnh sát do dặc, đi xúc về một ít cát, trải trên những vết máu. Gió đã hoàn toàn ngừng thổi, trời cũng càng lúc càng tối. Người đàn bà bán vé ngồi trên cửa sổ xe, bật một ngọn đèn, đếm tiền. Người cảnh sát xách chiếc xe đạp chỉ còn là sắt vụn lên ô tô, hai nhân viên tuyến truyền giao thông đeo băng đỏ cũng dinh chiếc xe nô lên ô tô, rồi cũng với người cảnh sát rút lui.

Giờ ấy chừng đã vào độ cơn tối. Chỉ còn người đàn bà bán vé, đứng bên cạnh cửa ô tô lơ đãng nhìn ra ngoài, chờ đợi trạm xe cuối cùng gửi tài xế đến lái chiếc xe đi. Những khách bộ hành cũng chỉ có đôi người ngẫu nhiên đưa mắt nhìn ô tô buýt trống rỗng, chẳng rõ vì cơn cố gì lại nằm ở giữa đường. Sắc trời đã tối thêm, chẳng còn người nào chú ý tới cái vũng máu đã được trải cát trước mũi xe.

Rồi đèn phố cũng bật sáng, chiếc xe buýt trống rỗng đó cũng chẳng biết chạy đi tự lúc nào. Trên đường lại tấp nập xe cộ chạy đi chạy về không ngừng không nghỉ, chừng như chưa có chuyện gì xảy ra ở đây. Chỉ đến lúc gần nửa đêm, khi trên đường gần như không còn bóng người qua lại, mới có thể nhìn thấy từ phía xa xa, chỗ ngã tư đường phố có cột tín hiệu giao thông nhấp nháy đèn xanh đỏ, cùng tấm biển treo trên hàng rào sắt viết một khẩu hiệu chữ trắng nền xanh: "*Vì hạnh phúc của*

nhanh hơn một tý hay chậm hơn một tý. Hoặc như những cô giữu trẻ nói thêm một vài câu về đứa con của ông ta. Hoặc như trên đường gặp một người quen nào đó, hỏi han nhau một đôi câu, thì sẽ chẳng dẫn tới cái tai hoạ này. Cái tai hoạ ấy không phải là không tránh khỏi. Ông ta mắc bệnh nan y mà cái chết đang chờ đợi ông ta. Cái chết chẳng ai né tránh được, nhưng cái chết non chết yếu thì có thể tránh được. Vậy ông ta không chết vì ô tô chệt, thì rồi ông ta sẽ chết ở đâu? Trong cái thành phố này, tai nạn xe cộ là không tránh khỏi, và không có thành phố nào diệt trừ được tai nạn xe cộ. Người chết vì tai nạn xe cộ trong mỗi thành phố đều là những con số đáng kể. Dù rằng tính bình quân mỗi ngày là một phần triệu, thì trong một thành phố lớn như thế này, hàng ngày vẫn có vài người rơi vào nỗi bất hạnh đó. Ông ta chính là con người bất hạnh đó vậy! Liệu trước đó ông ta có dự cảm gì không? Cuối cùng, khi nỗi bất hạnh đó rơi xuống đầu mình, thì ông ta nghĩ ngợi những gì? E rằng chẳng còn kịp nghĩ, chẳng còn biết bất hạnh to lớn đang giáng xuống đầu mình, đối với ông ta mà nói, thật chẳng còn nỗi bất hạnh nào to lớn hơn. Dù rằng ông ta chỉ là một phần triệu, giống như một hạt cát. Nhưng trước khi chết rõ ràng ông ta đã nghĩ tới đứa con, cứ tính nó là con của ông ta, thì sự hy sinh như thế không phải là điều cao cả sao? Điều này có lẽ không chỉ cao cả, mà còn mang theo tính bản năng nào đó chẳng? Bản năng của người cha. Người ta chỉ thường nhắc tới bản năng của người mẹ, nhưng cũng đã có những người mẹ vứt bỏ con đi. Hy sinh thân mình cho con, thực sự là cao cả. Loại hy sinh này có thể

bạn và người khác, xin chú ý tới an toàn giao thông", từ từ chậm chạp tiến đến một chiếc ô tô tưới nước rửa đường, khi ngang qua chỗ xảy ra tai nạn nó đi chậm hơn và phun mạnh vòi xối. tẩy sạch hoàn toàn những vết tích của vụ tai nạn còn lưu lại.

Người công nhân tưới nước rửa đường ấy, chưa chắc đã biết, vào mấy tiếng đồng hồ trước đó, ở nơi này đã từng xảy ra một vụ tai nạn giao thông, và đã có một con người chết tại đây. Mà con người đã qua đời đó là ai? Chỉ có mấy thân nhân, cùng bạn bè quen thuộc trong số hàng mấy triệu dân của thành phố mới biết, nhưng vào giờ này họ vẫn còn chưa hay tin, nếu như trên người kẻ xấu số không mang theo giấy tờ tùy thân. Đứa con của ông ta, ông ta có lẽ là cha của đứa bé, tỉnh lại được, và nếu như nói ra được họ tên của cha mình, vậy thì, ông ta hẳn có một người vợ. Ông ta đã làm trọn phận sự của người mẹ đối với con, ông ta đã là một người cha tốt, hẳn cũng phải là một người chồng tử tế. Ông ta đã yêu con, hẳn cũng phải yêu vợ, nhưng vợ ông ta liệu có yêu ông ta không? Nếu yêu ông ta, tại sao lại không đảm đương trách nhiệm của một người vợ? Có thể cuộc sống của ông ta cũng chẳng hạnh phúc gì, nếu không làm sao ông ta lại loáng quáng như vậy? Có thể đó cũng là nhược điểm trong tính cách của ông ta, gặp sự lại trừ trừ, thiếu quyết đoán. Có lẽ ông ta có chuyện gì mắc mứu trong lòng mà không giải trừ đi được. Hay là số phận đã định ra như thế khiến ông ta không sao tránh khỏi được nỗi bất hạnh to lớn cùng cực này. Giá như ông ta bước ra khỏi nhà chậm thêm một bước, hoặc sớm hơn một bước. Hoặc sau khi đón con ông ta đạp xe

được bãi bỏ hoàn toàn, nếu như ông ta sớm bước ra khỏi nhà một bước, hoặc chậm hơn một bước. Nếu như lúc đó tinh thần ông ta không loáng quáng lơ đãng đến thế, giá như trong lòng ông ta chẳng vương một tý mắc mứu nào, lại giá như ông ta là người mạnh mẽ cương nghị, thậm chí chỉ cần có một chút linh hoạt trong hành động, tất cả những nhân tố kia, đem gộp lại làm một, đã tạo thành cái chết của ông ta, và nỗi bất hạnh ấy đã trở thành tất yếu. Thế là lại nói đến triết học rồi, nhưng đời sống lại chẳng phải là triết học, tuy nhiên triết học lại có thể rút ra từ tri thức đời sống. Cũng chẳng nên đưa một người bị tai nạn xe cộ vào trong thống kê học, đó là công việc của ngành giao thông hoặc ngành công an. Đương nhiên điều này có thể là một tin vụn trên báo chí. Nó cũng có thể là một tư liệu văn học, rồi thông qua tưởng tượng, nhào nặn thêm vào nữa, viết thành một áng văn chương làm cảm động lòng người. Điều này lại thuộc về sáng tác. Nhưng ở đây, chỉ là kể lại quá trình một tai nạn giao thông, một tai nạn giao thông ngẫu nhiên xảy ra vào năm giờ chiều, ở quãng giữa phố lớn Đức Thắng, trước cửa một cửa hàng sửa chữa radiô.

Bắc Kinh năm 1983

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Hà Nội * Tel: 8 294684 - 8 294685

TẬP TRUYỆN

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN VĂN LƯU

Chịu trách nhiệm bản thảo

NGUYỄN KỪ

Biên tập

NGÔ THANH TÂM

Sửa bản in

Y PHƯƠNG

Bìa của:

TRẦN ĐẠI THẮNG

In 800 cuốn, khổ 13x19cm tại 34 Nguyễn Khoái, Hà Nội - Xi nghiệp in 15. Giấy phép: 1511/63-CXB, ngày 30-10-2003.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2004.

TẬP TRUYỆN

**MẠC NGÔN
GIẢ BÌNH AƠ
CAO HÀNH KIÊN**

S. TẬP TRUYỆN MẠC
NGON-GIAB AƠ

30.000 đồng/CUON

GIÁ: 30.000